

LỜI NÓI ĐẦU

Cầu Phước cầu Tài đó là lẽ thường tình của con người, cũng là mục tiêu cuộc sống của rất nhiều người. Vì muốn đạt đến mục đích này, thật sự có thể gọi là: “*Tám Tiên vượt biển, đều hiện thần thông*”. Có người treo mình trên xà nhà dùng vật nhọn đâm vào đùi, học để có việc dùng cho ngày sau, dựa vào năng lực của chính mình phục vụ cho xã hội, thực hiện lý tưởng của chính mình.

Có người mộng tưởng chẳng cần khó nhọc mà đạt được, thậm chí dựa vào thủ đoạn phi pháp để nhận được tiền của bất nghĩa.

Lại có người dựa vào sự thành tâm và điềm đạm không đua đòi, dùng sự không ham muốn để sinh đầy đủ, dùng sự biết đầy đủ để cầu vui vẻ, gọi là *biết đầy đủ thường an vui*, tùy theo cảnh ngộ mà chấp nhận, “*buổi tối ăn thịt thà, không bệnh sẽ giàu có*”. Chính là hạnh phúc mà mọi người mong cầu, Phước thường luôn luôn có, nơi nơi đều hạnh phúc, chỉ khác là cảm nhận.

Vì nhu cầu của người đời, Phật Giáo đặc biệt lập ra rất nhiều Bản Tôn Tài Thần và Tài Bảo để mãn túc những nguyện vọng của tín chúng thành kính cầu lấy Phước Đức Tài Bảo đó. Cũng chính vì có những Bản Tôn Tài Thần và Tài Bảo này, rất nhiều cự ly kéo gần giữa Phật Giáo và dân chúng bình thường, nhiều người cũng không phải là Phật Giáo Đồ, nhưng trong nhà lại thờ Tài Thần, bởi vì Tài Bảo và Phước Đức mọi người đều vui thích “*Tin thì linh*” vậy!

Nhưng Bản Tôn Tài Thần và Tài Bảo trong Phật Giáo rốt cuộc có bao nhiêu? Trong Hiến Giáo và Mật Giáo có những gì khác nhau? Họ như thế nào hấp dẫn Tín Chúng? Rất nhiều người chẳng hiểu rõ, hoặc chỉ biết một không biết hai.

Sách này giới thiệu kỹ càng tỉ mỉ các phương diện về Bản Tôn Tài Thần và Tài Bảo trong Phật Giáo, có liên quan đến nhận thức về Bản Tôn Tài Thần và Tài Bảo trong Phật Giáo cho mọi người rất hoàn chỉnh.

Với tâm nguyện muốn góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam. Tôi nương theo sự hướng dẫn của Cư Sĩ **Huyền Thanh**, cố gắng phiên dịch quyển “**Tài Thần Dữ Tài Bảo Bản Tôn**” là quyển 12 trong Bộ **Phật Giáo Tiểu Bách Khoa** ra tiếng Việt nhằm giúp cho người nghiên cứu Phật Giáo có thêm tài liệu để tu tập.

Do tài hèn sức kém nên bản dịch này vẫn còn nhiều sự thiếu sót. Ngưỡng mong các bậc Tôn Đức vui lòng sửa chữa và chỉ dạy thêm.

Mọi Công Đức có được trong bản dịch này, con xin kính dâng lên Thân Phụ và Thân Mẫu là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Kinh Mật Giáo: kinhmatgiao.wordpress.com

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình Cư Sĩ **Huyền Thanh** đã bỏ nhiều thời gian để sửa chữa chỗ sai lầm, chèn phần chữ Siddham, phiên dịch âm Chú Tây Tạng (chữ Uchen), phục hồi một số Phạn Chú và scan các hình ảnh ... giúp cho hoàn thành bản dịch này.

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Thu năm Canh Dần (2010)
Võ Thanh Tâm kính ghi

THIÊN THỨ NHẤT TÀI BẢO TRONG PHẬT PHÁP

CHƯƠNG THỨ NHẤT THÂN ĐỨC PHẬT TƯỢNG TRUNG CHO PHƯỚC ĐỨC VIÊN MÃN

Trong Phật Giáo, thường dùng **Bảo** để hình dung sự tôn sùng cao quý của Chư Phật, Bồ Tát và Pháp Môn. Như xưng hô Đức Phật Đà Chí Cao Vô Thượng là **Bảo Vương**, Pháp Tướng trang nghiêm của Chư Phật Bồ Tát là **Bảo Tướng**; Phật Tính Chân Như thanh tịnh là **Bảo Tính**. Xưng hô Phật, Pháp, Tăng trong Phật Giáo là **Tam Bảo**. Xưng hô Quốc Thổ thanh tịnh của Chư Phật là **Bảo Thổ, Bảo Địa**.... Nhưng việc dùng **Bảo** để xưng niệm Đức Phật, Bồ Tát và Pháp Môn, bởi vì ngoài biểu trưng của họ ra đều là thứ quý báu vô thượng, ở bên trong cái ý nghĩa đó, quả thực đồng dạng với ý nghĩa Phước Tuệ viên mãn của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Đức Phật Đà là **Lưỡng Túc Tôn** của Phước Tuệ đồng thời viên mãn, ở vô lượng sinh tử trong biển lớn, do Tâm Bồ Đề phát khởi vô thượng, tu tập Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn, Tinh Tiến, Thiên Định, Trí Tuệ.... Vạn hạnh của sáu Độ mà viên mãn thành tựu Đại Từ Bi, Đại Trí Tuệ, trở thành **Lưỡng Túc Chí Tôn** đầy đủ cả Phước lẫn Tuệ (Phước Tuệ song túc).

Đức Phật Đà có đầy đủ vô lượng Phước Đức. Phước Đức của Ngài cũng đồng thời có đầy đủ Phước Đức của Thế Gian và Xuất Thế Gian, cùng với 32 Tướng, 80 loại tốt để trở thành biểu trưng của viên mãn Phước Đức. Nhưng thành tựu Phước Đức trong Phật Pháp, chủ yếu là dùng Tâm Đại Bi làm căn bản, Bồ Thí....Hạnh màu nhiệm (Diệu Hạnh) để viên mãn. Nhân đây, nếu như muốn có đầy đủ Phước Đức của Thế Gian và Xuất Thế Gian, ắt phải phát khởi Tâm Bồ Đề của Từ Bi và thực hành Bồ Thí Ba La Mật.... Hạnh Bồ Tát để viên mãn, mà đó cũng là Tâm Yếu Căn Bản cần phải chuẩn bị đầy đủ để Tu Chứng tất cả Phước Đức của Thế gian và Xuất Thế Gian trong Phật Pháp.

Thân Đức Phật là tất cả Thân Tướng viên mãn nhất trong Sinh Mạng, đại biểu tượng trưng cho Phước Đức, Trí Tuệ viên mãn đầy đủ. Vi Tướng của Vi Diệu Tướng của Thân Đức Phật, xưng là **Tam Thập Nhị Tướng** (Tên Phạn là: Dvātriṃśan mahā-puruṣa-lakṣaṇāni) lại tên là **Tam Thập Nhị Đại Tướng Phu Tướng, Tam Thập Nhị Đại Nhân Tướng**. Sự hình thành 32 Tướng này là Đức

Phật Đà đã trải qua sự Tu Chứng lâu dài mà có được, đó là kết quả viên mãn của Phước Đức, Trí Tuệ, Tâm Bi, sức nguyện. Trong sự hình thành của 32 Tướng này, vốn liếng Phước Đức là nguyên nhân căn bản quan trọng nhất.

Ví như trên thân Đức Phật đều là Tướng màu vàng Tử Ma của sự mềm mại nhỏ nhiệm linh hoạt, ánh sáng vi diệu trong sạch giống như Đài vàng màu nhiệm của mọi báu trang nghiêm. Sự hình thành Tướng màu vàng này (Tên Phạn là: Surarna-varṇa), đó là vì Đức Phật Đà ở thời quá khứ lúc tu hành thời bố thí ban cho vật phẩm của chính mình như :thức ăn uống, xe cộ, quần áo, khí cụ trang nghiêm.... khiến mọi người vui thích, và xa lìa sự phẫn nộ oán hận, dùng **con mắt Từ** quán nhìn chúng sinh, mà nhận được Tướng màu nhiệm này.

Ngoài ra, tay chân của Đức Phật Đà rất là mềm mại, giống như một loại gấm Đâu La, và lại nhan sắc màu hồng đỏ, mười phần tốt đẹp, xưng là **Thủ Túc Nhu Nhuyễn Tướng** (Tên Phạn là: Nṛdu-taruṇa-hasta- pàda-tala), cái Tướng tốt này là do Đức Phật Đà ở thời quá khứ lúc tu hành, dùng quần áo tốt đẹp, thức ăn uống, vật dụng để nằm... cúng dường Sư Trưởng, cha mẹ . Khi Sư Trưởng có bệnh thời gần gũi phụng sự cúng dường mà cảm nhận được sự hình thành của tướng màu nhiệm.

Đức Phật Đà có rất nhiều Thân tướng viên mãn đều là do dùng Tâm Từ Bi bố thí tiền của mà nhận được những Tướng màu nhiệm này. Đó là then chốt rất là trọng yếu, Đức Phật Đà ở đời quá khứ lúc tu hành do dùng Tâm lành Đại Bi bố thí, nhân đây cũng có rất nhiều Phước Đức, vốn liếng Tài Bảo (Tài Bảo Tư Lương), nhưng bởi vì Ngài có đầy đủ vô số Tài Bảo, Phước Đức lại phát tâm bố thí, thành tựu Phước Đức, Tài Bảo càng lớn, lại ban cho để bố thí, hình thành sự tuần hoàn tính lành. Loại tuần hoàn không giới hạn của Phước Đức, Tài Bảo này, dùng Tâm Bồ Đề Vô Thượng của Trí Tuệ và Từ Bi chủ đạo sau đây, càng tuần hoàn càng rộng lớn, tuy nhiên việc làm Phật Sự giống như là hoa đóm trong hư trung không có thực, nhưng cuối cùng trở thành Phật Quả của Phước Đức, Trí Tuệ viên mãn, thực tại chẳng thể nghĩ bàn.

Nhân đây trong quá trình tu hành Phật Pháp thì Tài Bảo và Phước Đức lại có đủ tác dụng thần diệu không thể sánh kịp. Tuy nhiên chúng ta cần gì phải tham Tài Bảo, chỉ cần có đầy đủ vô số Tài Bảo, Phước Đức, để làm cho sự tuần hoàn của việc lành được vô tận, để thành tựu Tịnh Thổ cõi Phật, lại cũng là pháp màu nhiệm tu hành của Chư Phật, Bồ Tát thời quá khứ đã thị hiện.

Tịnh Thổ của Chư Phật có sự trang nghiêm vô tận, trong đó phần nhiều là do bảy báu, Trân Tài (tiền của quý báu) hình thành. Đó cũng là do Tài Bảo, Phước Đức vô lượng, do sự tuần hoàn tính lành đã thành tựu, là Quả Đức trang nghiêm đã thành tựu; là sự vận dụng Từ Bi, Bố Thí và Trí Tuệ.

CHƯƠNG THỨ HAI TÀI BẢO TỰ TẠI CỦA HÀNH GIẢ BỒ TÁT

Chúng ta quán sát Pháp Tướng trang nghiêm của Bồ Tát, *tuy nhiên là thể hiểu thấu Tính Không*, chỉ là mỗi một vị Bồ Tát đều có Anh Lạc tùy theo thân, trang nghiêm không thể sánh kịp. Bồ Tát là chẳng biết tham những Anh Lạc quý báu này, nhưng vì sao họ lại thị hiện như vậy? Chính là vì họ chẳng tham Tài Bảo, cho nên những Tài Bảo, Phước Đức này chính là Tâm lành, Phước Báo, Từ Bi, Trí Tuệ và Tính Không đã hiện khởi quả trái. Cho nên Bồ Tát chỉ là hiện rõ ra Phước Đức, Quả Đức tự nhiên của Tính Không và Trí Tuệ mà thôi, nhưng nhìn từ một góc độ khác thì cũng hay đối với chúng sinh có ý nghĩa giáo hóa sâu sắc.

Cuối cùng, người tốt có đầy đủ tiền của giàu sang, quý báu để làm việc Hạnh lành vô tận, so với hành vi của người xấu có đầy đủ tiền của giàu sang, quý báu, lại đem đi tạo ra hành vi nghiệp ác, trước thì đối đối với thế gian này là sự tuần hoàn của việc lành, sau là sẽ bị rơi xuống. Nhưng Bồ Tát có đầy đủ Trí Tuệ, Tâm Bi, có đầy đủ Tài Bảo, Phước Đức thì lại hay giúp đỡ tất cả chúng sinh, không những cuộc sống ở Thế Gian có đủ hạnh phúc an vui, lại hay dẫn dắt chúng sinh tu hành chính Pháp, thành tựu Phật Quả của Bồ Đề Vô Thượng, xây dựng cõi Phật thanh tịnh ánh sáng tròn đầy.

Cho nên, nếu như chúng ta quán sát kỹ càng tỉ mỉ, *có thể phát hiện cá nhân Bồ Tát nào chẳng giàu sang? Nhưng lại có cá nhân Bồ Tát nào đã chấp trước vào sự giàu sang?* Nhìn xem trong Kinh Phật, các vị Bồ Tát tùy dùng bàn tay, cõi chuỗi Anh Lạc quý báu trị giá trăm ngàn vàng ròng xuống, cùng nhau cúng dường. Thực tại khiến mọi người cảm động, bởi vì họ có Tâm lại có sức, hay chân chính thực tiễn lý tưởng của thế giới Phật Hóa, cuối cùng trong tay không có gì cả. Nói *cần thiết Bồ Thí tất cả*, tuy nhiên tâm ý khiến cho người cảm động.

Nhưng tóm lại là chỉ rời bỏ một số lực lượng nhỏ để thành tựu sự nghiệp Phước Đức chân chính.

Nhân đây hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát lại có tên là **Quán Tự Tại**, tức được cho là có đủ mười loại Tự Tại. Mười Tự Tại là:

- (1) **Thọ Tự Tại**: Hay kéo dài tính mạng.
- (2) **Tâm Tự Tại**: Chẳng nhiễm ở sinh tử.
- (3) **Tài Tự Tại**: Hay theo ý vui thích mà hiện, do Sở Đắc của Bồ Thí.
- (4) **Nghiệp Tự Tại**: Chỉ làm việc lành và khuyên người khác làm lành.

(5) **Sinh Tự Tại:** Tùy theo ý muốn hay vãng sinh, do Sở Đắc của Giới Hạnh.

(6) **Thắng Giải Tự Tại:** Hay tùy theo sự ham muốn Biến Hiện, do Sở Đắc của An Nhẫn.

(7) **Nguyện Tự Tại:** Tùy theo Quán nơi vui vẻ mà thành tựu, do Sở Đắc của Tinh Tiến.

(8) **Thần Lực Tự Tại:** Bắt đầu Tối Thắng Thần Thông, do Sở Đắc của Định lực.

(9) **Trí Tự Tại:** Thuận theo lời nói âm thanh Trí Tuệ.

(10) **Pháp Tự Tại:** Vào Khế Kinh Do Sở Đắc của Trí Tuệ.

Trong đó loại Tự Tại thứ ba tức là Tài Tự Tại, đó là hay theo ý vui thích trong tâm mà tiền của giàu có Tự Tại hiện lên, mà nhận được năng lực của Tài Tự Tại, là do Bố Thí mà có. Nhưng mười loại Tự Tại này giống với trong **Kinh Pháp Hoa, Phẩm mười địa** đã nói, nhân đây cũng là có đủ năng lực tương ứng với Bồ Tát Thập địa. Do điều này chúng ta hiểu rõ Tự Tại của tiền của giàu có, là năng lực trọng yếu để tu tập Hạnh Bồ Tát.

Ngoài quyển 60 **Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao** ra cũng có bốn Đức là Trần Đức, Tài Vật Đức, Thánh Pháp Đức và Giải Thoát....

Trong đó **Trần Đức** là dùng năm cảnh Trần: Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc... biến ảo đẹp đẽ không sánh kịp.

Tài Vật Đức là chỉ có đủ bảy báu không có gì chẳng quý báu kỳ lạ .

Thánh Pháp Đức là *Tam Tạng Thánh Pháp* không thể chẳng chuẩn bị đầy đủ.

Giải Thoát Đức là mọi người đều có đủ phần của giải thoát, *người làm lành được giải thoát Tự Tại rộng nhiều đông đúc.*

Do đây có thể thấy, *chẳng quản là có đủ tiền của quý báu hoặc cảnh bên ngoài đẹp đẽ không sánh kịp* . Đó cũng là Đức màu nhiệm đã hiện của việc tu hành.

Trong Phật Giáo **Chuyển Luân Thánh Chủ** rất là trọng yếu cũng là Nhân Vương bảo vệ gìn giữ Phật Pháp. Mà **Thánh Vương** cũng có đủ bốn loại Phước Đức là: Giàu có lớn, đoan chính thù thắng xinh đẹp, không bệnh tật, sống lâu. Lại xưng là **Luân Vương Tứ Đức**, lời nói này ở trong quyển 2 **Lâu Thán Kinh**.

Giàu có lớn là chỉ Chuyển Luân Vương có đầy đủ vô số trân bảo, nhà cửa ruộng vườn, nô tỳ, châu ngọc, voi, ngựa, thợ khéo léo... giàu có khắp thiên hạ, chẳng có người nào sánh kịp.

Đoan chính đẹp đẽ là chỉ dung mạo của Chuyển Luân Vương đoan chính thù thắng xinh đẹp, thiên hạ không có người thứ hai.

Không bệnh tật là chỉ thân thể của Chuyển Luân Vương Tự Tại, năng lạnh chẳng xâm nhập, có hết thủy thức ăn uống, hưởng sự vui vẻ, trăm bệnh chẳng sinh.

Sống lâu là chỉ Chuyển Luân Vương thường hay an ổn sống lâu.

Do đây nhìn lại, trong Phật Pháp chẳng quản Thế Gian hoặc Xuất Thế Gian đều cho rằng Tài Bảo của sự lương thiện, là cần phải nỗ lực có đủ.

Như hình tượng **Thiện Tài**, nhân vật chủ yếu của **Hoa Nghiêm Kinh**, **Thiện Tài Đồng Tử Ngũ Thập Tam Tham** cũng có thể thấy rằng là một điển tích của sự tu hành.

Thiện Tài Đồng Tử là Phật Giáo Đồ trẻ tuổi của thành Già Gia nước Ma Yết Đà của Ấn Độ (Thiện Tài Đồng Tử thị Ấn Độ Giác Thành đích niên khinh Phật Giáo Đồ). Do quả báo nhân duyên lành đời trước, nhân đây nên lúc Ngài ở trong thai mẹ, trong nhà Ngài tự nhiên mà có bảy kho báu lớn. Lúc sinh ra, lại có năm trăm vật báu hiện ra, nhân điều này nên cha mẹ Ngài đặt tên cho Ngài là **Thiện Tài**. Vả lại, căn cứ trong **Kinh Hoa Nghiêm** ghi chép, vào thời quá khứ Ngài đã từng ở nơi Chư Phật, rộng tu cúng dường, gieo trồng căn lành sâu kín mà thường được vui vẻ thanh tịnh, lại được vui mừng gần gũi bậc Thiện Tri Thức, tu tập Hạnh Bồ Tát.

Cho nên, có đủ vốn liếng Phước Báo để tu tập Hạnh Bồ Tát, thực tại là Bồ Đề Diệu Hạnh của **Như Lý**.

CHƯƠNG THỨ BA BẢN TÔN TÀI BẢO CỦA PHƯỚC ĐỨC VÔ BIÊN

Do Phước Đức, Tài Bảo trong Phật Pháp được lý giải sâu sắc, nhân đây sản sinh ra rất nhiều Bản Tôn Tài Bảo trọng yếu. Một phương diện là hay ban cho chúng sinh Phước Đức, tiền của giàu có của Thế Gian, đồng thời cũng hay gia trì cho chúng sinh có đủ tất cả Công Đức, Trí Tuệ, Từ Bi... Phước Đức của Xuất Thế Gian, khiến chúng sinh viên mãn Phước Đức, Tài Bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian, có đủ lực lượng rộng lớn, thành tựu đạo lớn của Bồ Đề Vô Thượng.

Trong Phật Pháp, những Bản Tôn Tài Bảo có đủ Phước Đức vô biên này, bắt đầu từ **nhân địa** (ND:ngôi vị tu hành của đạo Phật) tu hành từ đời quá khứ, hay chẳng ngừng Bồ Thí Tài Bảo, ban cho chúng sinh của Thế Gian và Xuất Thế Gian. Nhân đây, lúc họ tu hành thành tựu, đương nhiên có đủ sức Phước Đức càng lớn, cũng lại vui vẻ ban cho chúng sinh trên bảo vô lượng. Cho nên, chỉ muốn Như Pháp, Như Lý tu hành, cầu thỉnh, đương nhiên sẽ được sự gia trì và ban Phước của Bản Tôn Tài Bảo, mà cuối cùng hay cùng với họ là một, có đủ Phước Đức, Tài Bảo, Trí Tuệ và Tâm Bi vô lượng.

Nhưng những Bản Tôn Tài Bảo này, không chỉ thọ nhận người cầu thỉnh, kính lễ, mà còn ban Phước cho mọi người, vả lại lưu lại rất nhiều Pháp Môn tu hành, nhường cho Đại Chúng có duyên y theo Pháp tu trì nhận được những Trân Bảo, tiền của giàu có này của Thế Gian và Xuất Thế Gian như nguyện.

Ngoài Bản Tôn Tài Bảo và Pháp Môn ấy, hoặc là ngoài một số Pháp Môn Tu Phước đặc biệt ra, trong Phật Pháp có rất nhiều Hộ Pháp và Chư Thiên Thiện Thần... Do có đủ vốn liếng Phước Đức rất lớn và tiền của giàu có, Trân Bảo vô lượng, thời thường phát tâm ban Phước cho chúng sinh tu hành chính pháp, chẳng quản là tu hành Phật Pháp, hoặc hưởng về những Hộ Pháp Tài Bảo này cầu thỉnh, lễ bái, cho đến tu trì Pháp Môn của họ đều hay **như Lý** nhận được Trân Bảo, tiền của giàu có, có đủ vốn liếng tu hành Bồ Đề Vô Thượng.

Những Bản Tôn Tài Bảo và Tài Thần này đều là dùng sức nguyện Từ Bi rộng lớn, khiến người tu hành hay có đủ tiền của để phát triển Phật Pháp, lợi ích chúng sinh, chẳng bị cuộc sống làm cho khốn đốn mà an tâm hưởng đạo. Ban cho người tu hành tiền của giàu có đầy đủ, rộng kết duyên lành, khuyên hành bồ thí, thành tựu Tâm Bồ Đề Vô Thượng để viên mãn thành Phật.

Bản Tôn Tài Bảo, Tài Thần và Pháp Môn của nó trong Phật Giáo, về sau Mật Giáo tập hợp lại trở thành Pháp Môn *Tăng Ích* và trở thành một trong bốn Pháp Môn lớn của Mật Giáo.

Các Tôn Tài Bảo nói chung thường trở thành Bản Tôn của Tăng Ích Pháp, dùng Hộ Pháp, Tài Thần làm chủ. **Tăng Ích Pháp** (Tên Phạn là: Puṣṭika), dịch âm tiếng Phạn là **Bố Sất Chinh Ca Pháp**, lại xưng là **Tăng Trưởng Pháp**, **Tăng Vinh Pháp**. Trong **Bát Tự Văn Thù Quỹ** lại xưng là Cầu Phước Trí Môn, **Tỳ Na Gia Ca Bí Yếu** xưng là Cầu Tài. Là Pháp tu để khẩn cầu ngũ cốc thành tựu, Phước Thọ tăng trưởng.

Trong **Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** giải thích rằng: “*Cầu sống lâu, thăng quan (Quan Vinh), kho tàng bị che dấu (Phục Tàng), giàu có, thông minh trí tuệ (Thông Tuệ), nghe nhớ mãi không quên, thành tựu Pháp dùng thuốc (Dược Pháp thành tựu), Chày Kim Cang... thành tựu, Tư Lương viên mãn nhanh chóng thành Bồ Đề Vô Thượng, tên là Tăng Ích Pháp*”.

Ngoài ra, căn cứ theo **Cối Ni Hộ Ma Pháp Lực Sao** giải thích Tăng Ích Pháp có bốn loại là:

1. **Phước Đức Tăng Ích**: Khẩn cầu vui vẻ của Thế Gian.
2. **Thế Lực Tăng Ích**: Khẩn cầu Quan Chức, Tước Lộc.
3. **Diên Mạng Tăng Ích**: Khẩn cầu không bệnh sống lâu.
4. **Tất Địa Tăng Ích**: Khẩn cầu nhận được ngôi vị Chuyển Luân Vương.

Tuy nhiên Chư Phật, Bồ Tát, đều có đủ Phước Đức vô lượng, chúng ta đều là đối tượng cầu Phước, tu Phước. Nhưng trên duyên khởi, có một số Đức Phật, Bồ Tát trong quá trình tu chứng, Pháp Môn và Quả Đức, đặc biệt có đủ nhân duyên hay thành tựu vốn liếng Phước Đức. Loại Phật Bồ Tát này lúc tu trì nhận được lễ bái của người tu hành và tín chúng, đó là một lớp nhân duyên Phước Đức, sẽ được thể hiện rõ đặc biệt.

Những Bản Tôn Tài Bảo này trong Hiến Giáo nguyên bản là tồn tại. Nhưng trong Mật Giáo do nhu cầu của Pháp tu, số lượng lại càng nhiều mà trở thành Bản Tôn Phước Đức được Đại Chúng vui mừng lễ bái. Ngoài việc này ra, có một số Thiên Thần, nguyên bản là có đủ tính cách Tài Thần, sau đó trở thành Hộ Pháp của Phật Giáo, dạng tính chất đặc biệt này đương nhiên tồn tại liên tục.

Quyển sách này đem giới thiệu các Tôn Tài Bảo của Đức Phật, Bồ Tát và Chư Thiên Hộ Pháp, khiến người thành tâm cầu nguyện, không những hay được vốn liếng Tài Bảo của Thế Gian mà lại hay hiểu rõ Tâm Bi của các Tôn sâu sắc, sau đó khiến cho thân mình cũng giống như Chư Phật, trở thành người có Phước Đức Viên Mãn của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

CÁC TÔN BẢO BỘ CỦA KIM CANG GIỚI

Bản Tôn Tài Bảo của Phật Giáo, ngoài các Tôn đơn thuần ra, trong Mạn Trà La thuộc Kim Cang Giới của Mật Giáo, lại tiến một bước dùng Các Tôn Bảo Bộ để thể hiện rõ đặc tính Phước Đức vô biên của Như Lai.

Trong sự phát triển của Mật Giáo, rất nhiều Giáo Pháp bắt đầu hệ thống hóa, xét cho cùng khi Kim Cang Giới được thành lập thì năm bộ Giáo Pháp bắt đầu được thành lập có hệ thống là: Trung Ương Phật Bộ, Đông Phương Kim Cang Bộ, Nam Phương Bảo Bộ, Tây Phương Liên Hoa Bộ và Bắc Phương Sự Nghiệp Bộ.... Trong năm bộ này thì **Phật Bộ** dùng Tỳ Lô Giá Na Phật, **Kim Cang Bộ** dùng A Súc Phật, **Bảo Bộ** dùng Bảo Sinh Phật, **Liên Hoa Bộ** dùng A Di Đà Phật, **Sự Nghiệp Bộ** dùng Bất Không Thành Tựu Phật làm Chủ Tôn của các Bộ. Trong năm bộ này thì Bảo Bộ lại xưng là **Ma Ni Bộ**, là hiển bày Vạn Đức Viên Mãn, Phước Đức Vô Biên của Đức Phật Đà, giống như một kho tàng báu Ma Ni, cho nên xưng là Bảo Bộ.

Bảo Sinh Phật là Chủ Tôn của Bảo Bộ ở phương Nam, là đại biểu cho tất cả Phước Đức rộng lớn của Chư Phật, hay gia trì cho chúng sinh thành tựu tất cả Đại Bảo Phước Đức, viên mãn Vô Thượng Chính Giác của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Cũng vì điều này trong **Nhiếp Chân Thực Kinh** nói chứng được **Bảo Sinh Như Lai Tam Muội** thời nên quán Thế Giới ở phương Nam cho đến sông núi cây cỏ đều trở thành màu vàng ròng và quán tưởng từ giữa năm ngón tay tuôn mưa viên ngọc báu Như Ý, viên ngọc báu Như Ý này. Lại tuôn mưa quần áo cõi Trời, Cam Lộ màu nhiệm cõi Trời, Âm Nhạc cõi Trời, Cung Điện báu cõi Trời, cho đến tất cả sự vui thích của chúng sinh đều khiến viên mãn. Nhưng tay ấn này thì tên là “**Năng Lệnh Viên Mãn Nhất Thiết Chúng Sinh Sở Thụ Lạc Ấn**” hay mãn túc tất cả nguyện của chúng sinh. Nhân đây Bảo Sinh Phật không những hay sinh ra tất cả báu Tâm Bồ Đề cũng hay sinh ra tất cả mọi báu, cứu giúp sự nghèo túng của chúng sinh, viên mãn báu lớn của Thế Gian và Xuất Thế Gian. Cho nên Đức Bảo Sinh Như Lai tức là Chủ Thể tu hành của tất cả báu màu nhiệm của Đức Phật.

Bảo Bộ đại biểu cho tất cả Phước Đức của Chư Phật, quả thật là Chủ Thể của Bản Tôn Phước Đức. Trong **Ngũ Giải Thoát Luân** thuộc **Kim Cang Giới Mạn Trà La** thì Nam Phương Bảo Sinh Phật cùng với bốn vị Bồ Tát thân cận là **Kim Cang Bảo, Kim Cang Quang, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tiểu** và **Bảo Ba La Mật Bồ Tát** trong bốn Ba La Mật.... đều thuộc Bộ này. Chúng ta sẽ giới thiệu kỹ càng tỉ mỉ trong đoạn văn sau.

NHANH CHÓNG VIÊN MÃN PHÁP HỘ MA

CỬA MẬT GIÁO

Hộ Ma Pháp của Mật Giáo là một loại có thể nhanh chóng được Bản Tôn gia trì, khiến Pháp tu mong cầu được mãn nguyện.

Hộ Ma (Homa), lại gọi là Hộ Ma, Hộ Ma, Hô Ma, Hô Ma.... ý nghĩa là đem vật cúng ném vào trong lửa để cúng dường. Trong quyển 15 **Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng: “**Hộ Ma** có ý nghĩa là thiêu đốt vậy”, không những có ý nghĩa là *thiêu đốt* mà còn có ý nghĩa *vốn là thiêu đốt thức ăn để cúng dường*. Ngoài ra trong quyển 41 **Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa** cũng nói rõ Hộ Ma là **Hỏa Tế Pháp** tức là đem vật cúng thiêu đốt ở trong lửa và dùng để cúng dường các bậc Thánh Hiền.

Pháp **Hộ Ma** bắt nguồn từ Bà La Môn Giáo cúng dường Thần lửa **A Kỳ Ni**, Pháp này dùng để xua đuổi Ma, cầu Phước. Việc thờ lửa trong cúng tế **Hỏa Thân** của Bà La Môn, *đem vật cúng ném vào trong lò lửa của cái Đàn cúng tế*, lửa rực biểu thị vào trong miệng của Chư Phật, chư Thần y theo đây được sức mạnh dùng để giáng phục các Ma mà ban Phước cho mọi người.

Ở đây, Phật Giáo đem nội dung khái niệm ấy, thêm vào chuyển hóa thăng hoa, y theo Pháp Tính ý nghĩa là **Dung Nhiếp** và trở thành Pháp tu trọng yếu của Mật Giáo. Trong quyển 21 **Đại Nhật Kinh Sớ** nói rằng: “*Hộ Ma là dùng lửa Trí Tuệ để thiêu đốt củi phiền não khiến cho cùng tận không dư sót*”.

Nhưng quyển hạ **Tôn Thắng Phật Đỉnh Chân Ngôn Tu Du Già Quỹ Nghi** thì nói: “*Hộ Ma giống như là một thứ lửa ở trên Trời, lửa này hay đốt cỏ cây rừng rậm, khiến cho không có dư sót, cho nên lửa Trí cũng là như vậy, hay đốt cháy tất cả vô minh, không thể chẳng cùng tận*”.

Hộ Ma Pháp có ba loại Pháp, bốn loại Pháp, năm loại Pháp, sáu loại Pháp khác nhau, những loại Pháp Hộ Ma này đều bao hàm Tăng Ích Pháp. Nhưng trong Hộ Ma Pháp thường thấy nhất là bốn loại Pháp Hộ Ma, tức là Pháp tu trong Mật Giáo: Bốn loại Hộ Ma Pháp trong đó **Tức Tai Pháp** là Tiêu trừ tai nạn, nhóm bệnh tật, việc ác, **Tăng Ích Pháp** là tăng trưởng Phước Đức, sống lâu, Trí Tuệ, **Kính Ái Pháp** là được Chư Phật, Bồ Tát bảo hộ giúp đỡ, mọi người kính trọng, **Giáng Phục Pháp** là Giáng Phục phiền não, oán địch.

Trong đó Hộ Ma Pháp (dâng cúng cho lửa) của **Tăng Ích Pháp** là Pháp tu để tăng ích sự sống lâu, Phước Đức, Trí Tuệ.... của bản thân mình với người khác.

Thông thường một người, Trí Tuệ khó mà tăng trưởng, Phước Đức khó mà viên mãn, tiền của không có Pháp gom tụ đầy đủ...đều là vì tự thân mình không có nơi chiêu cảm của Nghiệp Lực **Phước Thiện**. Cho nên tu Pháp này

dùng **Tam Mật Gia Trì** thuộc *Phước Trí Viên Mãn* của Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, nuôi lớn Phước lành, để lợi ích cho tu hành.

Nhân vì Duyên của sức tăng trưởng cho nên dùng Tam Muội Gia của Đại Địa để biểu hiện. Bởi thế Hỏa Đàn của **Tăng Ích Hộ Ma Pháp**, đặt làm cái Đàn vuông vức của hình Đại Địa với màu sắc ấy là màu vàng, dùng các Tôn của Bảo Bộ làm Bản Tôn, người tu hành hướng về phương Đông ngồi bán già, thiêu đốt Quả Mộc (cây có quả trái).

Tu trì **Tăng Ích Hộ Ma Pháp** của Bản Tôn Tài Bảo này có thể giúp cho hành giả nhanh chóng tụ tập vốn liếng Phước lành, có đủ Tài Bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

CHƯƠNG THỨ TƯ VẬT BÁU THƯỜNG THẤY TRONG KINH PHẬT

Trong Kinh Điển, chúng ta thường có thể nhìn thấy Chư Phật, Bồ Tát, Chư Thiên Hộ Pháp.... Thánh Chúng, dùng rất nhiều Bảo Vật trang nghiêm của bản thân mình với Đạo Tràng. Sau đây giới thiệu các loại Bảo Vật thường thấy trong Kinh Phật.

THẤT BẢO (Bảy Bảo)

Thất Bảo (Tên Phạn là: Sapta-ratnani) là chỉ bảy loại quý báu, lại xưng là **Thất Trân** là chỉ Vàng, Bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Xà Cừ, Xích Châu, Mã Não. Tên gọi bảy báu này xuất xứ từ **A Di Đà Kinh** do Ngài **Cưu Ma La Thập** dịch.

Nhưng trong **Xưng Tán Tịnh Độ Kinh** do Ngài **Huyền Trang** dịch thì xưng bảy báu này là “Vàng, Bạc, Phệ Lưu Ly, Pha Chi Ca, Mâu Xa Lạc Yết Lạp Bà, Xích Trân Châu, A Thất Ma Yết Lạp Bà”.

Tên của bảy báu này trong các Kinh Luận đã dịch thời Cổ Đại có phần khác nhau. Dùng bản dịch **Vô Lượng Thọ Kinh** làm ví dụ thì lời dịch trong bản dịch đời Hán, Ngụy, Đường, Tống đều có cách dịch khác nhau.

Ngoài ra, y theo **Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tháp Báu** và quyển 1 **Phật Địa Kinh Luận** ghi chép thì đem Pha Lê trong bảy báu, đổi dùng Mân Côi (Karketana).

1. Vàng (Suvarṇa): Là chỉ vàng ròng, lại xưng là Tử Kim. Tên Phạn là Tô Đại Thích Na (Tu Bạ Nã) dịch là Diệu Sắc (sắc màu nhiệm) hoặc Hảo Sắc (sắc đẹp).

Trong Kinh Phật ngợi khen thân Đức Phật trang nghiêm tốt màu nhiệm thời thường dùng lời nói Diệu Sắc Thân (thân sắc màu nhiệm), Kim Sắc Thân (thân màu vàng).

Quyển 3 **Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập** dẫn lời giải thích của Ngài **Chân Đế**, nêu rõ bốn loại đặc sắc của vàng là:

- (1) Nhan sắc không thay đổi
- (2) Thể tính thuần nhiên không nhiễm
- (3) Hay nóng chảy đúc thành các loại đồ dùng, thay đổi chuyển làm không có trở ngại
- (4) Khiến người giàu sang.

Trong Kinh dùng bốn loại đặc tính này để thí dụ cho bốn loại đức đặc biệt của Pháp Thân là Thường, Tịnh, Ngã, Lạc.

2. Bạc (Rūpya): Là chỉ Bạc trắng.

3. Lưu Ly (Vaidùrya): Lại gọi là Tỳ Lưu Ly, Phệ Lưu Ly Gia, Tỳ Đầu Lê.... dịch là “Thanh Sắc Bảo” (Báu màu xanh) hoặc “Bất Viễn” (chẳng xa lìa). Là một loại đá quý giống như ngọc. Ở Trung Quốc, Nhật Bản thường lầm lẫn là nó có màu thủy tinh (Pha Lê). Từ ngữ này từ xưa đến nay phần nhiều dùng “流离 Lưu Ly”, đời sau lúc sử dụng đều gia thêm chữ 玉 (ngọc) bên cạnh.

Trong quyển 1 **Tuệ Lâm Âm Nghĩa** nói rằng: “Mặt phía nam của núi Tu Di là do báu này tạo thành, báu đó màu xanh trong suốt mà có ánh sáng, hễ có vật nào để gần đều phản chiếu lại màu sắc của nó, mà Kế Châu (viên ngọc kết ở búi tóc) của Đế Thích Thiên cũng là do báu này tạo thành, báu này là Thần Vật do Trời sinh ra, chẳng phải là đá được nung đúc ở nhân gian tạo ra, lửa rục tạo thành Lưu Ly này”.

4. Pha Lê (Sphatika): Tức là Thủy Tinh. Lại gọi là Tát Pha Chi Ca, Táp Pha Trí Gia, Tắc Pha Chi Ca, Pha Lê....

Trong quyển 4 **Tuệ Lâm âm Nghĩa** nói rằng: “Đời xưa dịch Pha Lê là Thủy Tinh, cách nói này cũng không hoàn toàn chính xác, vì Pha Lê là loại giống với Thủy Tinh lại có bốn loại màu sắc khác nhau là: Tím, Trắng, Hồng, xanh biếc (Bích)... trong đó phải có đầy đủ bốn loại yếu tố then chốt là Tinh Oánh (trong suốt), Thanh Tịnh (sạch sẽ), Thông Đạt (sáng bóng), Minh Thấu (nhìn thấy rõ bên trong) thì loại báu này mới tốt. Về màu sắc thì màu Hồng, xanh biếc là quý nhất, kế đến là Tím, Trắng, như hạt sỏi trong suốt đẹp, sạch sẽ không có tỳ vết”.

5. Xà Cừ (Musàragalva): Âm tiếng Phạn là Mâu Sa Lạc Yết Lạp Bà. Có thể là chỉ San Hô trắng.

Trong quyển 2 **Pháp Hoa Kinh Huyền Tán** nói rằng: “Xà Cừ âm tiếng Phạn là Mâu Sa Lạc Yết Bà, màu xanh trắng xen lẫn nhau”. Đời sau đem San Hô trắng với vỏ con Sò chế thành vật này xưng là Xà Cừ.

Quyển 46 **Tăng Quảng Bản Thảo Cương Mục** của **Lý Thời Trân** nói rõ, cho rằng Xà Cừ là chỉ loại Sò lớn dài khoảng 2 đến 3 thước (Thước Tàu), rộng khoảng 1 thước, dày khoảng 2 đến 3 tấc, vỏ bên ngoài có vết rãnh sâu lớn, vỏ bên trong thì trắng trẻo như Ngọc, cho nên bị nhận lầm là loại Ngọc Thạch. Hiện tại loại này được xưng là Xà Cừ là do San Hô trắng với vỏ Sò chế thành, nhưng San Hô thông thường phần nhiều là màu đỏ, San Hô trắng cũng được xưng là Xà Cừ. Đời xưa vốn dùng hai chữ “Xà Cừ”, đời giữa trở về sau từ ngữ dùng Xà Cừ, Xa Cừ.... Nói chung rất khó phân biệt Báu này với Mã Não, Hồ Phách.

6. Xích Châu (Lohita-muktikà): Tức là Trân Châu đỏ.

Quyển 10 **Đại Trí Độ Luận** nói: “Trân Châu sinh ra từ trong bụng Cá, trong cây tre, trong não Rắn”.

Trong quyển 1 **Phật Địa Kinh Luận** nói: “Loài trùng đỏ sinh ra, tên là Trân Châu đỏ hoặc Châu Thể Xích tên là Trân Châu đỏ”.

Trân Châu bình thường có màu lông chuột nhắt, màu tro, *Xích Châu* là chỉ viên ngọc có màu hơi đỏ. Trân Châu thuần màu đỏ rất là hiếm thấy.

7. Mã Nã (Asmagarbha): Thật ra chẳng phải là Mã Nã mà con người hay nói, mà là đá quý màu xanh biếc hoặc kèm có ánh sáng màu sẫm.

NGŨ BẢO (Năm Báu)

Ngũ Bảo là chỉ năm loại vật báu của Mật Giáo dùng để tượng trưng cho tất cả trân bảo.

Lúc Tu Pháp tạo Đàn của Mật Giáo thường đem năm loại Báu (Ngũ Bảo), năm loại thuốc (Ngũ Dược), năm loại hương thơm (Ngũ Hương), năm loại lúa (Ngũ Cốc) cùng chôn ở dưới bốn phương và chính giữa của cái Đàn, làm thành Ngũ Bộ Tháp Bà, đại biểu cho kho tàng quý báu (Bảo Tàng) của Địa Thần. Hoặc lúc Quán Đỉnh, đem năm báu cất chứa vào trong năm cái bình của cái Đàn lớn, biểu thị khai mở Tâm Bồ Đề trong sạch mà khai thông cái Đức bản nhiên có đầy đủ năm Trí của Chúng Sinh.

Trong quyển 4 **Đại Nhật Kinh Sở** nói: “Liên đào chính giữa Mạn Trà La sâu khoảng một khuỷu tay, dùng **Thành Biện Chư Sự Chân Ngôn** (ND: tức là Bất Động Chân Ngôn), gia trì vào năm loại báu, năm loại lúa, năm loại thuốc an trí trong đó..... nên lấy cái bình Quán Đỉnh chứa nước sạch sẽ, dùng cho đầy tràn, cắm các hoa quả, đặt chính giữa năm báu lúa gạo thuốc (ngũ bảo cốc Dược) để tại nơi chôn lấp báu”.

Liên quan đến chủng loại của năm báu, trong các Kinh Điển đều có cách nói khác nhau.

Thành Tựu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Vương Du Già Quán Trí Nghi Quỹ và **Kiến Lập Mạn Trà La Hộ Ma Nghi Quỹ**.... nói năm loại này là: Vàng, Bạc, Trân Châu, Sắt Sắt (đá quý màu xanh biếc), Pha Lê

Trong quyển **Nhuy Tứ Gia Kinh** nói là: San Hô, Pha Lê, Vàng, Bạc, Thương Khư (vỏ Sò)

Kinh Tô Tất Địa Yết La. Phẩm Hộ Ma Pháp Tắc nói là: Vàng, Bạc, Trân Châu, vỏ Ốc, Xích Châu

Quyển 4 **Đà La Ni Tập Kinh** nói là: Vàng, Bạc, Trân Châu, San Hô, Hồ Phách.

LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO (Bảy báu của Luân Vương)

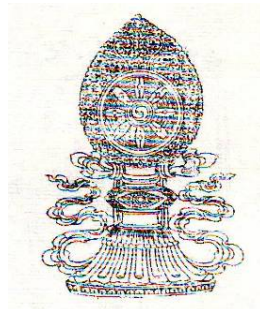
Trong Kinh Điển Phật Giáo ghi chép, lúc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện thời sẽ có bảy báu xuất hiện, để trợ giúp cho vị Vua này giáo hóa trăm họ, hành đạo Bồ Tát.

Chuyển Luân Thánh Vương là chỉ lý tưởng Thánh Vương có đủ Đức Hạnh và Phước Báo. Nhưng Luân Vương Thất Bảo là chỉ: Bánh Xe báu, Voi báu, Ngựa báu, Viên Ngọc báu, Ngọc Nữ báu, Chủ Tàng Báu (làm chủ kho báu), Điển Binh báu....

Trong quyển 14 **Đại Bảo Tích Kinh** nói rằng: “Chuyển Luân Thánh Vương sinh trong nhà giòng tộc có bảy báu hiện ra. Như thế nào gọi là bảy báu? Một là Bánh Xe vàng tía có ngàn cãm. Hai là Voi trắng có 6 ngà. Ba là Ngựa Thần màu xanh biếc, có đầu đen bờm đỏ. Bốn là Trăng sáng hóa thành Viên Ngọc có tám góc. Năm là Ngọc Nữ Hậu, miệng phát ra hương thơm hoa Ưu Bát (khẩu ưu bát hương), thân phát ra hương thơm Chiên Đàn (thân Chiên Đàn Hương). Sáu là Chủ Tạng Thánh Thần. Bảy là Chủ Binh Đại Tướng Quân, thống trị Binh ở bốn cõi”.

1. Bánh Xe Báu (Tên Phạn là: Cakra): Quyển 18 **Trường A Hàm Kinh** từng đề cập đến bảy báu và bốn loại Thần Đức của Chuyển Luân Thánh Vương như sau: “Chuyển Luân Thánh Vương ra đời, vào ngày 15 trăng tròn thời nên dùng các loại hương thơm hòa vào trong nước tắm rửa rồi lên Điện cao với Thế Nữ (cung nữ) cùng nhau vui đùa, lúc đó Bánh Xe báu bằng vàng bỗng nhiên hiện trước mặt. Bánh Xe có ngàn cãm, có đầy đủ màu sắc sáng, do thợ trên Trời tạo ra. Đường kính Bánh Xe dài một trượng bốn thước, Vua triệu tập bốn binh lễ Bánh Xe báu bằng vàng này, tùy theo mọi nguyện cầu hướng về phương đông, Bánh Xe báu liền chuyển về hướng đông, Chuyển Luân Vương thống lãnh bốn binh theo đó, phía trước Bánh Xe báu bằng vàng có bốn vị Thần dẫn đường, Bánh Xe báu dừng thì xe Ngựa của vua cũng dừng. Các vua nước nhỏ ở phương đông thấy Đại Vương đến, đều bưng trân bảo để bày tỏ sự quy thuận. Còn lại ba phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy”.

Loại Bánh Xe báu này tùy theo Tâm bay đi, tượng trưng cho Uy Đức của Thánh Vương.



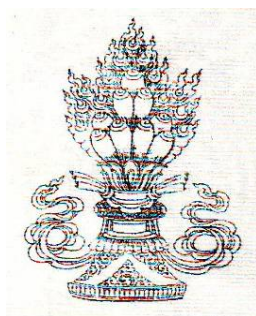
2. Voi Báu (Tên Phạn là: Hasti): Là chỉ Voi trắng có 6 ngà. Thánh Vương vào buổi sáng sớm cỡi nó đi khắp bốn biển, ăn xong thời được quay về.



3. Ngựa Báu (Tên Phạn là: Asva): Là chỉ Tuấn Mã màu xanh biếc có sức mạnh như Voi. Hay bay đi, cùng với Voi báu làm vật cỡi của Chuyển Luân Vương.

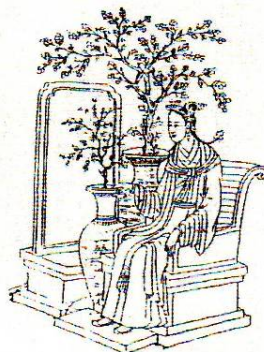


4. Viên Ngọc Báu (Tên Phạn là: Mani): Là chỉ Viên Ngọc báu có ánh sáng chiếu vào trong cung vua. Nếu đem Viên Ngọc báu để trên cây phượng cao vào buổi tối, thì ánh sáng chiếu đến một do tuần, trong thành nhân dân đều hăng hái làm việc (khởi thân tố vụ), dùng để làm ánh sáng của Trời vậy.



5. Ngọc Nữ Báu (Tên Phạn là: Stri): Là chỉ người phụ nữ xinh đẹp mà lại có đầy đủ Đức Hạnh. Trong Kinh nói về nhan sắc điềm đậm của người phụ nữ

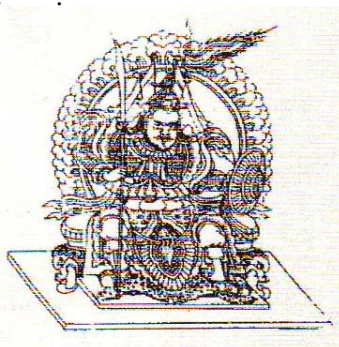
này là diện mạo đóaan chính, mùa đông thì thân ấm áp, mùa hè thì thân mát mẻ, khi cử động thân mình thì lỗ chân lông phát ra hương thơm Chiên Đàn, nói thì phát ra hương thơm Hoa Ưu Bát La, lời nói dịu dàng, cử chỉ tốt đẹp an lành.



6. Chủ Tàng Báu (Tên Phạn là: Grahapati): Là chủ Kho báu tự nhiên sinh ra vô lượng Tài Bảo. Báu này trong các Kinh Luận khác có tên gọi là **Chủ Tàng Đại Thân Bảo** hoặc **Cư Sĩ Bảo**. Kho tàng ẩn chứa trong lòng đất có thể phân chia làm hai loại có chủ và không có chủ. Nếu có chủ thì gìn giữ bảo vệ, không có chủ thì lấy cung cấp cho nhà vua dùng, tương đương Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế, Bộ Tài Chính của hiện đại.



7. Điển Binh Báu (Tên Phạn là: Parinàyaka): Là chủ Đại Tướng nắm giữ binh quyền có quyết đoán thao lược độc đáo mưu trí dũng mãnh, tương đương Bộ Trưởng Quốc Phòng của hiện đại.



VẬT BÁU KHÁC TRONG KINH PHẬT

_ **Bảo Đài** (Đài Báu): Là chỉ Đài được nghiêm sức bằng trân bảo.

Như trong Kinh nói: “Quán Thế Âm Bồ Tát và Đắc Đại Thế Bồ Tát (tức Đại Thế Chí Bồ Tát) thống lãnh 80 ức quyển thuộc đến nơi Đức Phật, bèn dùng sức thần thông hóa hiện 40 ức Đài báu, mỗi Đài đều có bề dọc rộng 40 do tuần, được trang sức quý báu phân biệt như: Vàng, Bạc, Lưu Ly, Pha Lê.... với các loại hoa như: Bát Đàm Ma, Câu Vật Đầu, Phân Đà Lợi.... trên Đài lại có Ngọc Nữ hoặc tấu các loại âm nhạc phát ra tiếng vi diệu, hoặc cầm các loại hương thơm, hoặc cầm tất cả Hoa. Lại ở trên Đài báu đặt tòa Sư Tử, trên tòa đều có Vị Hóa Phật, đoan nghiêm thù thắng, không thể nào nói cho hết được”.

_ **Bảo Tràng** (Phướng Báu) lại xưng là **Pháp Tràng**, tức là cờ hiệu trang nghiêm của Đức Phật, Bồ Tát, thường dùng các vật báu để nghiêm sức.

Căn cứ vào quyển 5 **Đại Nhật Kinh Sơ** ghi chép, do trên Phướng đặt viên ngọc Như Ý, cho nên xưng là Bảo Tràng.

Trong **Quán Vô Lượng Thọ Kinh** cũng nói: “Trên Đài tự nhiên mà có bốn trụ Phướng báu, mỗi một Phướng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di, báu ở trên Phướng đầy tràn như Cung Trời Dạ Ma (ND:Tên Phạn là Yama, Suyama là một trong sáu cõi Dục Giới), lại có 500 ức Viên ngọc báu vi diệu dùng làm trang sức để phản chiếu lại”.

_ **Bảo Thụ** (Cây Báu) là chỉ rừng cây do mọi thứ trân bảo tạo thành, thường thấy trong các Tịnh Thổ.

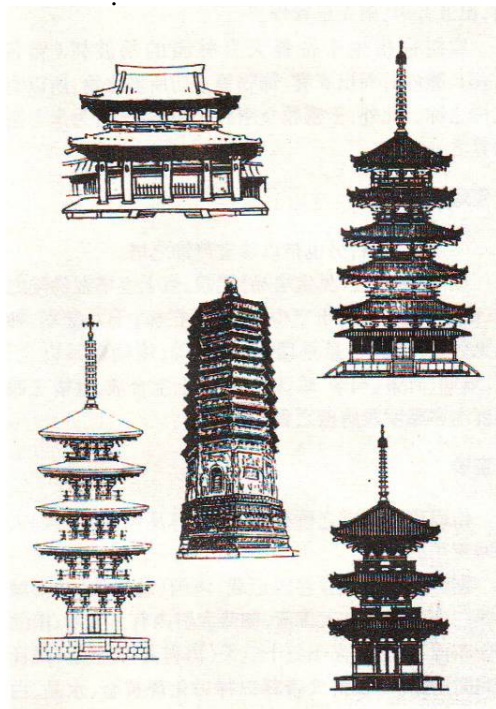
Như quyển hạ **Vô Lượng Thọ Kinh** nói: “Bốn phương tự nhiên nổi gió, thổi khắp hàng cây báu, phát ra năm âm thanh, mưa vô lượng thù thắng màu nhiệm”.

Cây Báu cũng chỉ vào loài cây **Kiếp Ba** (Tên Phạn là: Kalpa) được sinh ra ở **Hỷ Lâm Viên** của Đế Thích Thiên, hay theo thời mà sinh ra tất cả vật cần thiết như quần áo, vật trang sức....cho nên có tên gọi là Bảo Thụ. Ngoài ra, trong Pháp Kim Cang Giới của Mật Giáo, dùng Bảo Thụ là một trong mười bảy loại để cúng dường.

_ **Bảo Tháp** (Tháp Báu) nói chung là chỉ Tháp Phật, ngoài ra cũng chỉ Tháp được nghiêm sức bằng trân bảo.

Căn cứ vào **Kinh Pháp Hoa. Phẩm thấy Tháp Báu** ghi chép, trước mặt Đức Phật có bảy ngôi Tháp báu, từ đất phun vọt lên an trú ở trong không trung,

có năm ngàn thanh gỗ ngang ở lan can, ngàn vạn cái nhà ở dưới Tháp (Kham Thất), vô số Phan Phường dùng để trang nghiêm và anh lạc rủ xuống, chuông báu cũng treo trên đó; các Phan, Lọng dùng bảy báu hợp thành như : Vàng, Bạc, Lưu Ly, Xà Cừ, Mã Não, Trân Châu, Đá Quý (mân côi)... và lại bốn mặt của Tháp đều tỏa hương Đa Ma La Bạt Chiên Đàn”.



_ **Bảo Giai** (Bạc Thêm Báu) Là chỉ bậc thang do trân bảo tạo thành, tức là chỉ bậc thêm báu mà Thích Tôn sử dụng từ cõi Trời Đạo Lợi trở về nhân gian.

Căn cứ vào quyển 4 **Đại Đường Tây Vực Ký** ghi chép, Đô Thành nước này (Kiếp Tỷ Tha Quốc), phía Tây khoảng 20 dặm nơi có Già Lam lớn, bên trong tường lớn của Già Lam có ba bậc thêm báu, được bày ở Nam Bắc mà mặt hướng xuống Đông, như là đến 33 cõi Trời (Trời Đạo Lợi) thuyết pháp xong, trở về Thế Gian thời sử dụng. Lúc bấy giờ Thiên Đế Thích dùng sức thần hóa hiện ra ba tòa bậc thêm báu làm bằng Vàng ròng, Thủy Tinh, Bạc trắng...Đức Thích Tôn liền từ bậc thêm báu Vàng ròng ở chính giữa giáng thế.

_ **Bảo Hoa** (Hoa Báu) là chỉ Hoa màu nhiệm do các loại trân bảo vô cùng màu nhiệm tạo thành.

Trong **Pháp Hoa Kinh. Phẩm Thí Dụ** nói rằng: “Nếu muốn đi thời có hoa báu nâng đỡ bàn chân”.

Lại nói Hoa Báu tập hợp vô số, xưng là Bảo Hoa Tụ. Trong **Kinh Pháp Hoa. Phẩm Thấy Thập Báu** nói rằng: “Đem nhóm hoa báu của Trời rải bên trên Đức Phật Đa Bảo với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

_ **Bảo Châu** (Viên Ngọc Báu). Viên Ngọc Báu (Tên Phạn là: Maṇi) dịch âm là Ma Ni, Mạt Ni lại gọi là Viên Ngọc báu Như Ý, tóm lại xưng là Viên Ngọc. Viên ngọc báu đoan nghiêm thù thắng màu nhiệm, biểu lộ ra ánh sáng tự nhiên trong sạch, chiếu sáng khắp bốn phương.

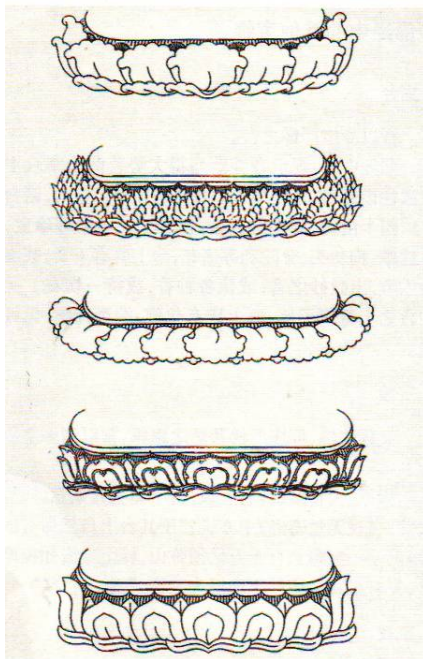


Quyển 10 **Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật** miêu tả Viên Ngọc Báu là: dùng nó để trong bóng tối hay khiến chiếu sáng, nóng thời hay khiến mát mẻ, lạnh thời hay khiến ấm áp. Nơi nào có Viên Ngọc này thì đất ấy chẳng lạnh chẳng nóng. Nếu người nào có bệnh nóng, gió, lạnh hoặc cùi hủi, ghẻ lở, Ác Thủng....dùng Viên ngọc này mang trên thân, bệnh liền trừ khỏi. Lại nói ở trong nước nơi có báu Ma Ni này, nước sẽ có một màu sắc như nó.

Quyển 102 **Đại Tỳ Bà Sa Luận** lại nêu rõ như sau: “Có năm loại Viên Ngọc Báu như là: Quang Minh Mạt Ni, Thanh Thủy Vị Ni, Phương Đẳng Vị Ni, Vô Giới Vị Ni, Như Ý Châu”.

_ **Bảo Tòa** (Tòa Báu) là chỉ Tòa Hoa Sen dùng Ngọc báu nghiêm sức. Nói chung xưng Tòa của Chư Phật là Liên Hoa Tòa, lại phần nhiều dùng bảy để trang sức, cho nên xưng là Bảo Liên Hoa Tòa, hoặc xưng là Bảo Tòa.

Căn cứ vào quyển thượng **Kinh Văn Thù Bồ Tát Phật Sát Trang Nghiêm** kể lại, Đức Như Lai dùng sức thần thông, từ nơi ngón chân ấn, vọt lên Hoa Sen Báu lớn như bánh xe, dùng Bạc trắng làm cuống, Vàng ròng làm lá, báu Phệ Lưu Ly làm râu, trên Đài Hoa này có Hóa Bồ Tát ngồi Kiết Già.



Trong việc khắc tượng hoặc vẽ tượng, thường đem cánh sen của Tòa Hoa Sen làm hình Viên Ngọc báu như Tòa của các Tôn Đại Nhật Như Lai, Địa Tạng Bồ Tát....

_ **Bảo Quan** (Mão Báu) lại gọi là Thiên Quan, là chỉ Mão được trang sức bằng Ngọc báu.

Mão báu có nhiều loại, chủ yếu có mấy loại như sau:

1. Ngũ Trí Bảo Quan (Mão Báu Năm Trí), trong Mão có Năm vị Hóa Phật, biểu thị cho Đức của năm Trí viên mãn.



2. Tam Phong Bảo Quan (Mão Báu có ba Đỉnh), biểu thị cho ý nghĩa trọng yếu của ba bộ Thai Tạng.

3. Vô Lượng Thọ Phật Bảo Quan (Mão Báu Vô Lượng Thọ Phật), trong Mão có Vô Lượng Thọ Phật, Như Quán Tự Tại Bồ Tát đã đội. Vì hai Tôn này có nhân quả khác nhau, ý nghĩa là dùng để biểu thị cho Quán Tự Tại này nhập vào Quả Vị làm Vô Lượng Thọ.

4. Tháp Bà Bảo Quan (Mão Báu Tháp Bà), là trên Mão có an trí Tháp Bà.



Ngoài ra còn có Mão Nhất Phật (Mão Vị Hóa Phật) của Vị Hóa Phật



Mão Sư Tử bên trên an trí đầu Sư Tử



Mão Kim Tuyến (Mão Sợi dây Vàng), Mão đầu lâu, Mão Hoa (Hoa Quan) và Mão có tóc kết thành búi (Phát Kế Mão)....



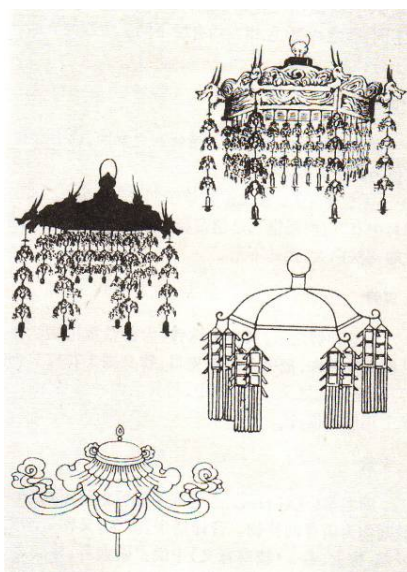
_ **Bảo Loa** (cái Loa Báu) tức là vỏ con Ốc. Là một trong những pháp cụ, chính là tiêu chí của Đức Như Lai thuyết pháp về âm thanh. Để biểu thị thứ trân quý của Pháp Loa (con Ốc Pháp), cho nên xưng là Bảo Loa.

Trong **Kinh Thiên Thủ** nói rằng: “Nếu muốn Hô Triệu tất cả Chư Thiên, Thiện Thần, nên cầu nơi tay cầm cái loa báu”.

Quyển 18 Kinh Bát Không Quyển Sách, Phẩm Thành Tựu ở Thế Gian cũng ghi chép, chúng sinh nghe âm thanh con Ốc, hay giảm tội nặng, hoặc vãng sinh về nước Cực Lạc ở phương Tây.

_ **Bảo Cái** (Lọng Báu) là chỉ Lọng Trời trang sức bằng bảy báu. Treo ở trên Tòa cao của Đức Phật, Bồ Tát hoặc Pháp Sư....để làm vật trang nghiêm.

Căn cứ vào **Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết. Phẩm cõi Phật** đã ghi chép, Thành Tỳ Gia Ly có Trưởng Giả tên là **Tử Bảo Tinh**, cùng với 500 vị Trưởng Giả Tử, cầm giữ Lọng bảy báu đi đến nơi Đức Phật ngự”



Ngoài ra, trong kiến trúc cổ đại, như trên đỉnh của tháp đá, cột đá ghi chép kinh văn (Kinh Tràn), có điêu khắc cái Lọng rất kỹ càng tỉ mỉ hình dáng giống như cây dù, cũng xưng là Bảo Cái, hoặc Hoa Cái.

Bảo Bình (Bình Báu). Bình Báu (Tên Phạn là: Kala'sa), dịch âm là Ca La Xa, Yết La Xa. Hoặc xưng là Kundika, dịch âm là Quân Trì. Lại gọi là Hiền Bình, Đức Bình, Như Ý Bình, Cát Tường Bình, Át Già Bình. Trong Mật Giáo cái bình này dùng để chứa đựng nước Át Già (ND: Lại gọi là A Già, Át Già, Át La Già (Àrga). Dịch ý là Công Đức, nước Công Đức, nước, cũng xưng là Át Già Thủy, Át Già Hương Thủy, Hương Hoa Thủy, là chỉ nước thơm, nước Công Đức chuyên dùng để dâng cúng trước Đức Phật) đặc biệt xưng là Át Già Bình. Tên gọi khác của nó là **Mỹ Xưng Đức Huệ**. Lại nói lúc Quán Đỉnh cầm cái bình báu này thì xưng là Quán Đỉnh Bình.

Nói chung trong Bình Báu đặt năm loại báu, năm loại lúa, năm loại thuốc, năm loại hương thơm... hai mươi chủng vật, và chứa đầy nước sạch, miệng Bình cắm Hoa Báu, Hoa màu nhiệm làm Lọng, cổ Bình buộc sợi dây lụa có màu sắc dùng làm trang sức. Bình Báu hiện rõ hình Địa Đại. Địa Đại chính là ngôi vị của “*chữ A vốn chẳng sinh*”, tức là biểu thị cho Lý Đức của chúng sinh vốn có Tâm Bồ Đề trong sạch. Bên trong để hai mươi loại vật tức là khai trừ sự chấp trước, mở hiện cái Đức của Tâm Bồ Đề.

Lại nói Bình Báu là Tam Muội Gia Hình của Bảo Bộ ở phương Nam, cắm Hoa, cột buộc (sợi dây) vào là biểu thị cho lúc Lý Trí hợp rồi, Tướng Vạn Đức rộ nở của **Sa La Thụ Vương Phật**. Đức **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** liền dùng điều này làm **Tam Muội Gia Hình**.

Vật liệu thể chất của Bình Báu có thể có nhiều loại như: Vàng, Bạc, Đồng, Pha Lê, Sành.... Nhưng y theo quyển 1 **Kinh Vi Diệu Đại Mạn Nã La** do Ngài **Thiên Tức Tai** dịch, ghi chép : “Bởi vì khác nhau về chủng loại của Pháp Tu nên chủng loại của cái Bình, Sắc Tướng cũng đều có chỗ khác nhau”.

Bình Báu cũng là vật cầm tay của Chư Phật.

_ **Bảo Vồng** (Lưỡi Báu) là chỉ cái Lưỡi do trân bảo kết thành. Cái Lưỡi của cung Đế Thích xưng là Đế Vồng, cũng xưng là Nhân Đà La Vồng.

Quyển thượng **Kinh Vô Lượng Thọ** nói rằng: “Lưỡi Châu Báu màu nhiệm, Lưỡi che ở bên trên đó”.

Ngoài ra trong Thiên Lâm có **Bảo Vồng Mạn Không**, là chỉ Lưỡi Báu của Đế Thích phân bố đầy hư không, dùng điều này để thí dụ cho Phật Pháp rộng lớn, không có nơi nào chẳng đến.

_ **Bảo Linh** (Chuông Báu) là một trong năm loại Chuông, lại xưng là Bảo Châu Linh, là Pháp Khí thường dùng của Mật Giáo. Cái Chuôi của nó là Bảo Châu Chử (Cái Chày có viên ngọc báu), trên tay cầm có khắc mắt con Quỷ, thân Chuông thì không trang sức bằng hoa văn, Chuông biểu thị cho ý nghĩa nói pháp, trong Pháp Tu, cùng với bốn loại chuông khác đều có vị trí tương ứng ở trên Đàn lớn.

_ **Bảo Sách** (Sợi Dây Báu) tức là Quyển Sách (Tên Phạn là: Pà'sa), nguyên là dụng cụ trong chiến tranh hoặc săn bắn, trong Mật Giáo thì trở thành vật cầm của các Tôn. Dịch âm là Bá Xá, Ba Xá, lại xưng là Kim Cang Sách, La Vồng, Châu Sách, Sách.

Trong **Tuệ Lâm Âm Nghĩa** nói rằng: “Quyển Sách (Sợi dây) ở nơi chiến đấu dùng để bắt trói người hoặc trói buộc chân Ngựa. Tên thường gọi là Đáp Sách. Bắt sống Ngựa thời cột vào đầu Ngựa nên có tên là Quyển Sách”.

Trong Hành Pháp của Mật Giáo, sợi dây đây là sợi dây do năm màu xoắn thành, một đoạn buộc vào cái Vòng, một đoạn khác buộc vào phân nửa cái Chày Độc Cổ, hoặc hai đầu đều buộc vào phân nửa cái Chày Kim Cang. Là khí cụ để giáo hóa chúng sinh cương ngạnh bướng bỉnh (ngoan cường) với giảng phục bốn Ma, tượng trưng cho phương tiện **Tứ Nhiếp**.

Rất nhiều các Tôn có sức uy lớn, trong tay đều có cầm sợi dây như: Bất Động Minh Vương, Bất Không Quyển Sách Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Kim Cang Sách Bồ Tát, Thất Câu Chi Phật Mẫu Bồ Tát, Quang Vồng Bồ Tát....

Trong đó, **Bất Động Minh Vương** tay trái cầm Sợi Dây, tay phải cầm cây Kiếm bén, biểu thị trước tiên dùng Sợi Dây của Tứ Nhiếp trong Tâm Bồ Đề

Chân Tịnh, câu triệu dẫn tất cả chúng sinh vào mà trời buộc, dùng cây Kiếm Trí trong Tâm Bồ Đề. Còn như **Kim Cang Sách Bồ Tát** thì tay phải cầm Sợi Dây, biểu thị cho Sợi Dây của tất cả chúng sinh, khiến nó xa lìa bùn dơ của Nhị Thừa Thực Tế Tam Ma Địa Trí, mà an trí trong cung điện Pháp Giới của Giác Vương.

Lại nói, tay của Thiên Thủ Quán Âm cầm Sợi Dây xưng là Quyển Sách Thủ.

Ngoài ra **Quyển Sách** có ý nghĩa là gìn giữ bảo vệ Kết Giới, nếu đem buộc vào trong cổ gáy, tương truyền có thể giảm tội được Phước.

THIÊN THỨ HAI BẢN TÔN TÀI BẢO CỦA PHẬT GIÁO

ĐỨC PHẬT BẢO SINH

Đức Đặc Biệt

Đức Bảo Sinh Như Lai dùng công đức thuộc nhóm Phước Đức của báu Ma Ni, thành tựu viên mãn tất cả nguyện cầu của Tâm chúng sinh, khiến cho nguyện cầu của chúng ta đều đạt đến mãn túc.

Đức Phật Bảo Sinh (Tên Phạn là: Ratna-sambhava), dịch âm tiếng Phạn là: **La Đát Năng Tam Bà Phộc**, tên Tây Tạng là: Rin-che hbyun-ba, lại gọi là **Nam Phương Phước Đức Tụ Bảo Sinh Như Lai, Bảo Sinh Như Lai**. Mật hiệu là **Bình Đẳng Kim Cang, Đại Phước Kim Cang**. Trong kinh điển Hiển Giáo thì thường gọi là **Nam Phương Bảo Tràng Phật**, hoặc **Nam Phương Bảo Tướng Phật**. Là một trong năm vị Phật thuộc **Kim Cang Giới** của Mật Giáo có vị trí ở chính giữa vành trăng phương chánh nam trong năm Luân Giải Thoát ở Thành Thân Hội của Kim Cang Giới Mạn Trà La.

Trong kinh điển Hiển Giáo ghi chép câu chuyện về Thệ Nguyện, Bản Sinh và cõi Phật của Đức Phật Bảo Sinh, ... rất kỹ càng tỉ mỉ chẳng thiếu sót. Cho nên trong Mật Giáo, Đức Phật Bảo Sinh chủ yếu là Đức Phật Đà của Pháp Tu, Quán Tướng biểu dương **Bình Đẳng Tính Trí** của Đại Nhật Như Lai, cũng đại biểu cho Diệu Đức của *tu hành* và Đức của *nhóm Phước*.

Đức Phật Bảo Sinh là Đức Phật Đà ở phương Nam trong năm phương Phật, toàn thân màu vàng, là Bộ Chủ của Bảo Bộ. Bảo Bộ biểu thị cho Phước Đức cũng là Phước Đức vô biên trong vạn đức viên mãn của Đức Phật.

Trong quyển 2 “**Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni Kinh**” đề cập đến Ấn Khế của Đức Phật Bảo Sinh là **Mãn Nguyện Ấn**, tức là tay trái cầm góc áo để ngang trái tim, ngửa lòng bàn tay phải. Ấn này chính là biểu thị cho sự mong muốn thuận theo chúng sinh. Nhưng do Ấn Tướng của Đức Phật, Bồ Tát là dùng ân huệ ban cho các loại Tư Lương tiền của, lại gọi là **Dữ Nguyện Ấn, Thí Nguyện Ấn**. Lúc tác Ấn này thời dùng sức của Như Lai cho nên hay mãn túc tất cả ước nguyện của Tâm chúng sinh.

Ngay lúc tu Pháp, hành giả có thể quán tưởng toàn thân mình trở thành màu vàng rực rỡ, quán tưởng thân này liền trở thành Đức Bảo Sinh Như Lai. Và từ trên đỉnh đầu phóng ra ánh sáng màu vàng ròng, dùng vô số trăm ngàn ức ánh sáng để làm quyến thuộc, trong mỗi một ánh sáng đều có vô lượng Kim

Cang Bồ Tát màu vàng ròng, trong mỗi bàn tay đều tự tuôn mưa viên Ngọc Báu Như Ý, ánh sáng chiếu khắp Thế Giới ở phương Nam như hằng hà sa số ban đạ . Nếu như có người nào gặp được sinh mạng của ánh sáng Phật này thì hết thảy nguyện cầu đều hay đạt được mãn túc. Loại pháp Quán Tưởng này cũng tượng trưng cho bản nguyện “*mãn túc mọi mong cầu của chúng sinh*” của Đức Phật Bảo Sinh.

Trong “**Kim Cang Đỉnh Du Già Lược Thuật Tam Thập Thất Tôn Tâm Yếu**” nói rằng: “Kế đến nên lễ bái **Nam Phương Phước Đức Tụ Bảo Sinh Như Lai**. Tưởng cầm cái bình báu Ma Ni, tưởng cùng với tất cả Như Lai Quán Đỉnh, tức là **Hư Không Tạng Bồ Tát** cầm viên ngọc báu Ma Ni, thành mãn tất cả mọi cầu nguyện của chúng sinh. Do Công Đức nhóm Phước Đức vô lượng vô biên, ánh sáng uy mãnh rực rỡ mãn nguyện mọi mong cầu. Đây chính là chỗ nhiếp của **Bảo Sinh Như Lai Bộ**, tức là Bình Đẳng Tính Trí”.

Đức Bảo Sinh Như Lai dùng Công Đức thuộc nhóm Phước Đức của báu Ma Ni, thành tựu viên mãn tất cả mọi cầu nguyện của Tâm chúng sinh, lại hay đưa hành giả lên đến địa vị Pháp Vương thời cho dùng Quán Đỉnh, cũng khiến tất cả hữu tình chứng nhập Thắng Nghĩa *viên mãn bình đẳng* của Ngài, cho nên được nhiếp vào **Bảo Bộ** trong năm bộ, đem ý thức thứ bảy là sự chấp trước của chúng sinh “*Ta là có thực*”, chuyển hóa làm Trí Tuệ Như Lai, trở thành Bình Đẳng Tính Trí của Đức Phật Đà.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT BẢO SINH

Hình tượng của Đức Bảo Sinh Như Lai ở Thành Thân Hội thuộc Kim Cang Giới là thân màu vàng ròng, tay trái nắm quyền để ở dưới rốn, tay phải mở ra ngoài, ngón áp út và ngón út hơi co, ba ngón còn lại duỗi ra tác Thí Nguyện Ấn, ngồi Kiết Già trên tòa Hoa Sen. Nhưng hình tượng trong Vi Tế Hội và Cúng Dường Hội hơi có khác nhau. Ở Giảng Tam Thế Yết Ma Hội thời Tôn này đầu đội Mão báu, mặc áo phủ lên cả hai vai, hai tay nắm quyền, phải ở bên trong trái ở bên ngoài, bắt chéo nhau ở trước ngực.

Đức Phật Bảo Sinh là Bộ Chủ của Bảo Bộ trong năm bộ thuộc Kim Cang Giới của Mật Giáo, thân ấy màu vàng ròng, hiện tượng vui vẻ, ngồi cỡi lên tòa Ngựa, vì “Ngựa” đại biểu cho loài vật quý trọng cát tường ở thế gian, cho nên trong các bộ tòa, tòa Ngựa thuộc tòa của Bảo Bộ.



Từ xưa đến nay cho rằng hình tượng của Tôn này cùng với **Đông Phương Bảo Tràn Như Lai** trong năm vị Phật thuộc **Thai Tạng Giới** giống nhau và cho rằng hai Tôn này là **đồng thể**. Cách nói này đều có nói ở trong “**Lưỡng Bộ Mạn Trà La Nghĩa Ký**”, “**Kim Quang Minh Kinh**”, “**Quán Phật Tam Muội Hải Kinh**”, “**Đà La Ni Tập Kinh**”, “**Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh**”.



BẢO SINH PHẬT trong **TẠNG MẬT**

Trong Bản Tôn Quán Tưởng tu tập Vô Thượng Du Già Bộ của Mật Tông Tây Tạng, Đức Bảo Sinh Như Lai thị hiện Tượng có hai thân, một mặt, hai cánh tay, đầu đội Mão Ngũ Phương Phật, thân mặc Thiên y phủ qua một bên vai để lộ cánh tay ra ngoài, ôm Lệ Chất Minh Phi trong lòng hai cánh tay ngọc của bà choàng qua ôm cổ của Ngài, tay phải tác Thí Vô Úy ấn, tay trái cầm cái Tịnh Bình, hai chân ngồi Kiết Già ở trên chính giữa Tòa Sen.

ĐỨC PHẬT BẢO SINH TRONG KIM CANG GIỚI MẠN TRÀ LA THÀNH THÂN HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀𑖄(TRÀH)

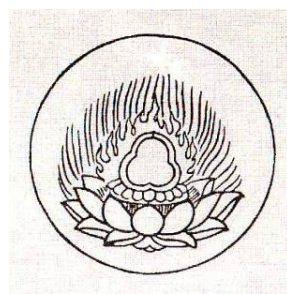
Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc Báu có 3 cánh (Tam Biện Bảo Châu).

Ấn Tượng là: Mãn Nguyên Ấn (Thụ Sở Nguyên Ấn).



Chân Ngôn là: "Ấn, la đất năng tam bà phộc, đất lặc".
OM RATNA-SAMBHAVA TRÀH.

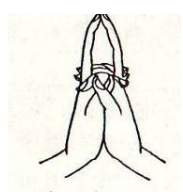
TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀𑖄(TRÀH)

Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc Báu có 3 cánh.

Ấn Tượng là: Hai tay chấp Kim Cang ngoại phộc, hai ngón giữa dựng đứng cùng vịn nhau như hình Báu.



**Chân Ngôn là: "Án, phộc nhật la chỉ nhạ nam, đát lạc".
OM VAJRA-JÑANA TRÀḤ.
VI TẾ HỘI**



CÚNG DƯỜNG HỘI



**Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HÙM)
Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc báu có 3 cánh.
Ấn Tượng là: Mãn Nguyên Ấn.**

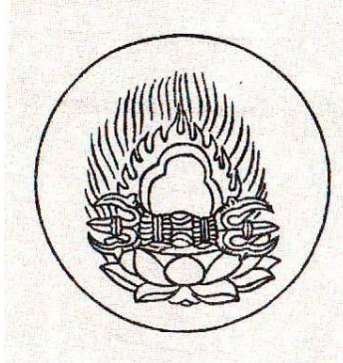


**Chân Ngôn là: "Án, tát phộc đát tha nga đa, phộc nhật la, la đát
năng, nỗ đóa la, bố nhạ sa phả la nã tam ma duệ, hồng".
OM SARVA-TATHAGATA-VAJRA-RATNANUTTARA-PÙJÀ-
SPARAṆA-SAMAYE HÙM.**

GIÁNG TAM THỂ HỘI



GIÁNG TAM THỂ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HNA)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Chày Ngũ Cổ đặt nằm ngang trên có Viên Ngọc Báu có 3 cánh.

CÁC TÔN QUYẾN THUỘC TRONG BẢO BỘ THUỘC KIM CANG GIỚI CỦA ĐỨC BẢO SINH NHƯ LAI

Bốn lớp của Đức Bảo Sinh Như Lai có bốn vị Bồ Tát trong Bảo Bộ, phân biệt bốn Tôn Bồ Tát gần gũi là: **Kim Cang Bảo**, **Kim Cang Quang**, **Kim Cang Tràng** và **Kim Cang Tiểu**. Bốn vị Bồ Tát đó quả thực là từ trong Thể Tính của Đức Bảo Sinh Như Lai tuôn ra, có đầy đủ Đức màu nhiệm (Diệu Đức) của Đức Bảo Sinh Như Lai, trên thực tiễn Đức Bảo Sinh Như Lai dùng Báu Phước Đức lớn ở thế gian và xuất thế gian, gia trì cho người chấp hành để cứu độ chúng sinh.

Nhân đây, bốn Tôn Bồ Tát gần gũi của Đức Phật Bảo Sinh này đối với việc khai mở Phước Đức, Trí Năng của chúng sinh và đầy đủ Tài Bảo, Công Đức ở thế gian và xuất thế gian mười phần trọng yếu, trên thực tiễn người chấp hành theo Đức Bảo Sinh Như Lai cứu độ tất cả chúng sinh, vả lại cũng là người hành động chủ yếu nhất trong Bảo Bộ.

Cho nên, đặc biệt ở đây giới thiệu bốn Tôn Bồ Tát gần gũi trong Bảo Bộ, khiến người tu hành có thể dựa vào họ để đạt được Phước Đức, Tài Bảo Tư Lương ở thế gian và xuất thế gian.

1_ Kim Cang Bảo Bồ Tát

Kim Cang Bảo Bồ Tát (Tên Phạn là: Vajra-ratna), mật hiệu là **Đại Bảo Kim Cang, Như Ý Kim Cang, Hậu Tạng Kim Cang**, là một trong bốn vị Bồ Tát gần gũi với Đức Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam, tượng trưng cho tất cả trang nghiêm rộng lớn của Như Lai mà sinh ra Bồ Tát này, là một trong mười sáu vị Bồ Tát trong Kim Cang Giới. An trú trong vành trăng trước mặt Đức Phật Bảo Sinh.

Tôn Bồ Tát này là Đức Phật Tỳ Lô Giá Na vào nội tâm chứng được Trí Tuệ của Kim Cang Bảo Quán Đỉnh Tam Ma Địa, từ trong Trí Tuệ của Kim Cang Bảo Quán Đỉnh Tam Ma Địa, tuôn ra ánh sáng báu Kim Cang, chiếu khắp mười phương thế giới, rưới vẩy trên đỉnh tất cả chúng sinh, vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh hưởng được (thọ dụng) nhân duyên Trí Tuệ của Tam Ma Địa cho nên thành hình Kim Cang Bảo Bồ Tát.

Kim Cang Bảo Bồ Tát hay gia trì cho hành giả chứng được Trí Tuệ trong sạch không nhiễm, giống như pháp môn tu trì của Kim Cang Bảo Bồ Tát rộng lớn tròn đầy trong hư không, hoặc trì tụng chân ngôn ấy, có thể thu được Trí Tuệ Tài Bảo ở thế gian.

THÀNH THÂN HỘI

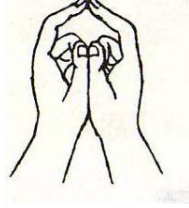
Tôn Hình là: Toàn thân màu thịt, tay phải cầm viên Ngọc báu, tay trái kết Dữ Nguyệt Ấn.



Chữ Chủng Tử là: ॐ(OM)

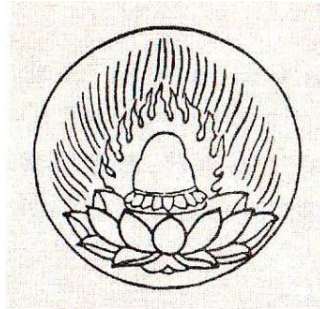
Tam Muội Gia Hình là: Trong đám lửa sáng có viên ngọc báu có 3 cánh

Ấn Tướng là: Hai tay tác Kim Cang Quyền mặt hợp nhau, hai ngón trở duỗi cùng vịn nhau như hình bấu.



Chân Ngôn là: "Ấn, phộc nhật la, la đất na, án".
OM VAJRA-RATNA OM.

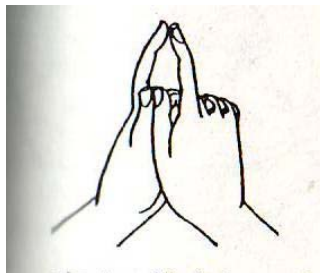
TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (tvam)

Tam Muội Gia Hình là: Trong đám lửa sáng có viên ngọc bấu có 3 cánh.

Ấn Tướng là: Hai tay tác Kim Cang ngoại phộc, hai ngón cái dựng đứng, hai ngón trở duỗi thẳng cùng vịn nhau như hình bấu.



Chân Ngôn là: "Tô ma ha, đất tông".
SU-MAHÀS TVAM.

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Tay phải kết Dữ Nguyên Ấn, tay trái cầm viên ngọc báu.



CÚNG DƯỜNG HỘI

Tôn Hình là: Hai tay chấp lại cầm Hoa Sen, bên trên có đám lửa sáng có viên ngọc báu 3 cánh.



Chữ Chủng Tử là: ॐ (OM)

Ấn Tượng là: Hai tay chấp Kim Cang ngoại phộc để ở trên trán.



Chân Ngôn là: "Án, na mạc tát phộc đát tha nghiệt đa, tỳ sái ca, la đát ninh phiêu, phộc nhật la, ma ni, án".

OM NAMAḤ SARVA-TATHÀGATÀBHISEKA-RATNEBYO
VAJRA-MANI OM.

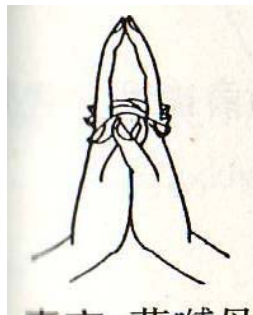
TỨ ẨN HỘI

Tôn Hình là: Màu vàng, đầu đội Mão báu có viên ngọc báu 3 cánh, tay trái cầm viên ngọc báu có 3 cánh, tay phải kết Dữ Nguyệt Ấn.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀(TRÀH)

Ấn Tượng là: Hai tay ngoại phộc, hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình báu.



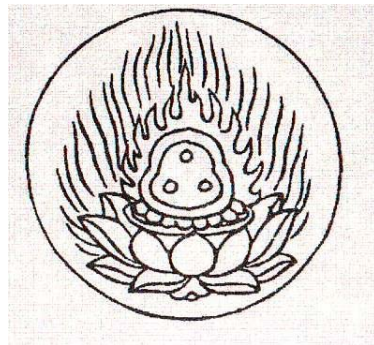
Chân Ngôn là: Tát phộc mẫu nại lam minh châm túc dã bà phộc đồ.
[SARVA-MUDRÀM ME PRÌYA BHAVATU].

GIÁNG TAM THẾ HỘI

Tôn Hình là: Toàn thân Kim cang đứng tư thế Hồng Ca La.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HÙM).

Tam Muội Gia Hình là: Trong đám lửa sáng có viên ngọc báu có 3 cánh.

2_ Kim Cang Quang Bồ Tát

Kim Cang Quang Bồ Tát (Tên Phạn là: Vajrateja), mật hiệu là **Uy Đức Kim Cang, Uy Quang Kim Cang**. Là một trong bốn vị Bồ Tát gần gũi của Đức Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam, tượng trưng cho tất cả uy đức chiếu soi rộng lớn của Như Lai mà sinh ra vị Bồ Tát này, là một trong mười sáu vị Bồ Tát trong Kim Cang Giới. An trú trong vành trăng bên phải Đức Bảo Sinh Như Lai.

Tôn Bồ Tát này là Đức Phật Tỳ Lô Giá Na vào nội tâm chứng được Trí Tuệ của Kim Cang Uy Quang Tam Ma Địa, từ trong Trí Tuệ của Kim Cang Uy

Quang Tam Ma Địa, tuôn ra ánh sáng mặt Trời Kim Cang (Kim Cang Nhật Quang Minh), chiếu khắp mười phương thế giới, phá tất cả ngu tối vô minh của chúng sinh, phát ra ánh sáng đại Trí Tuệ, vì muốn khiến cho tất cả Bồ Tát hưởng được Trí Tuệ của Tam Ma Địa nên hóa thành Kim Cang Uy Quang Bồ Tát.

Kim Cang Quang Bồ Tát hay gia trì cho hành giả chứng được ánh sáng Trí Tuệ, giống như vành mặt Trời, không thể chẳng chiếu soi.

THÀNH THÂN HỘI

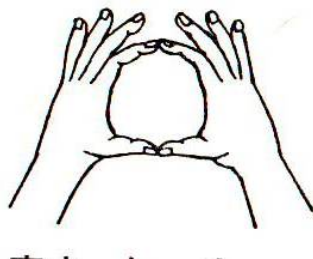
Tôn Hình là: Màu thịt, tay trái nắm quyền để ở trên đùi, tay phải cầm vành mặt Trời.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (AM)

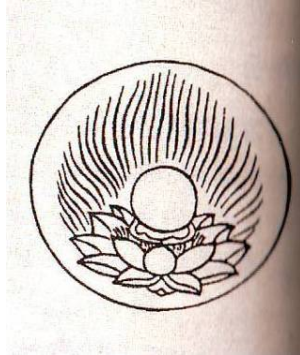
Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt Trời.

Ấn Tượng là: Hai tay đều ngón cái, ngón trỏ cùng vịn nhau phía trước giống như vành mặt Trời, sáu ngón còn lại giống như đám lửa sáng, đưa qua lại ba lần.



Chân Ngôn là: **Án phộc nhật la đế nhạ ám.**
OM VAJRA TEJA AM.

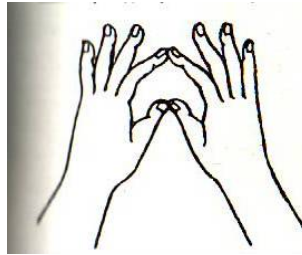
TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (TA)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt Trời.

Ấn Tượng là: Hai ngón trỏ cong như hình bấu, hai ngón cái dựng đứng, sáu ngón còn lại duỗi như sợi dây ánh sáng (Quang tuyến), đưa qua lại ba lần.



Chân Ngôn là: Lố bao nhĩ dữu đa.
RÙPODDYOTA.

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Hai tay để ở trước ngực nâng vành mặt Trời.

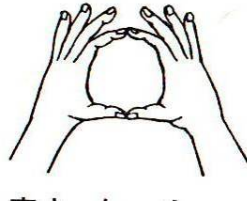


CÚNG DƯỜNG HỘI

Tôn Hình là: Hai tay chấp lại cầm Hoa Sen, bên trên có đám lửa sáng trong vành mặt Trời.



Ấn Tượng là: Giống với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là: "Án, na mạc tát lí phộc đát tha nga đễ, tô lí duệ tỳ du, phộc nhật la, đế nhĩ nhĩ, nhập phộc la, hột lí".

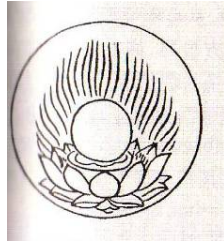
OM NAMAḤ SARVA-TATHÀGATA-SÙRYEBHYO VAJRA-TEJINI-JVALA HRÌḤ.

GIÁNG TAM THẾ HỘI

Tôn Hình là: Năm Kim Cang quyền, hai cổ tay bắt chéo nhau ở trước ngực.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chung Tử là: 𑖀 (GR)

Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt Trời.

3_ Kim Cang Tràng Bồ Tát

Kim Cang Tràng Bồ Tát (Tên Phạn là: Vajraketu), mật hiệu là **Viên Mãn Kim Cang, Nguyệt Mãn Kim Cang**. Là một trong bốn vị Bồ Tát gần gũi của Đức Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam, tượng trưng cho tất cả sự rộng lớn tròn đầy của Như Lai, tất cả nguyện cầu của chúng sinh mà sinh ra vị Bồ Tát này, là một trong mười sáu vị Bồ Tát trong Kim Cang Giới. An trú trong vành trăng bên trái Đức Bảo Sinh Như Lai.

Tôn Bồ Tát này là Đức Phật Tỳ Lô Giá Na vào nội tâm chứng được Trí Tuệ của Kim Cang Bảo Tràng Tam Ma Địa, từ trong Trí Tuệ của Kim Cang Bảo Tràng Tam Ma Địa, tuôn ra ánh sáng Kim Cang Tràng, chiếu khắp mười phương thế giới, mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh, nên hóa thành Kim Cang Tràng Bồ Tát.

Kim Cang Tràng Bồ Tát hay gia trì mãn túc tất cả nguyện cầu hết thủy hữu tình ở thế gian và xuất thế gian, giống như Chân Đa Ma Ni Bảo Tràng (cây phướng báu Chân Đa Ma Ni), tâm không phân biệt đều khiến chúng sinh mãn túc.

THÀNH THÂN HỘI

Tôn Hình là: Toàn thân màu thịt, hai tay cầm cây cờ Phướng Như Ý (Như Ý Tràng).



Chữ Chủng Tử là: ॐ (TRÀM)

Tam Muội Gia Hình là: Phan Phương Như Ý (Như Ý Tràng Phan).

Ấn Tượng là: Kim Cang Tràng Yết Ma Ấn.



Chân Ngôn là: "Án, phả chiết la, kế đô, đa lam".

OM VAKRA KETU TRÀM.

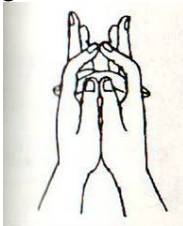
TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: ॐ (PTI)

Tam Muội Gia Hình là: Đầu cây tre có viên Ngọc báu có 3 cánh, buộc Phướng báu theo gió bay phát phới.

Ấn Tượng là: Kim Cang Tràng Ấn.



Chân Ngôn là: "Át la tha, bát la tất đế".

ARTHA PRÀPTI.

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Hai tay cầm cây tre bên trên có viên ngọc báu Như Ý buộc cờ Phướng.



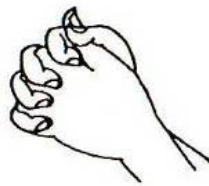
CÚNG DƯỜNG HỘI

Tôn Hình là: Hai tay cầm Hoa Sen, bên trên có viên Ngọc báu Như ý buộc cờ Phướng (Như Ý Bảo Tràng).



Chữ Chủng Tử là: 卍 (TRÀM)

Ấn Tượng là: Kim Cang ngoại phộc để trên đỉnh đầu, hai cánh tay duỗi dài.



Chân Ngôn là: "Án, na mạc tát lí phộc đất tha nga đa a xa, ba lí bố la nã, tiến đa ma ni, đặc phộc nhạ ngật lí tỳ du, phộc nhật la, đặc phộc nhạ ngật lí, đất lãm".

OM NAMAḤ SARVA-TATHÀGATÀSÀ-PARIPÙṆA-CINTÀMAṆI-DHVAJÀGREBHYO VAJRA-DHVAJÀGRE TRAM.

GIÁNG TAM THẾ HỘI

Tôn Hình là: Hai tay nắm Kim Cang quyền bắt chéo nhau ở trước ngực.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HNA)

Tam Muội Gia Hình là: Cây cờ Phước Như Ý.

4_ Kim Cang Tiểu Bồ Tát

Kim Cang Tiểu Bồ Tát (Tên Phạn là: Vajra-hàsa), mật hiệu là **Hỷ Duyệt Kim Cang, Hoan Hỷ Kim Cang**. Là một trong bốn vị Bồ Tát gần gũi của Đức Bảo Sinh Như Lai ở phương Nam, tượng trưng cho tất cả vui vẻ rộng lớn của Như Lai mà sinh ra vị Bồ Tát này, là một trong mười sáu vị Bồ Tát trong Kim Cang Giới. Lại gọi là **Ma Ha Tiểu Bồ Tát, Ma Ha Hỷ Hữu Bồ Tát, Kim Cang Hoan Hỷ Bồ Tát**... An trú trong vành trăng phía sau Đức Bảo Sinh Như Lai.

Tôn Bồ Tát này là Đức Phật Tỳ Lô Giá Na vào nội tâm chứng được Trí Tuệ của Kim Cang Tiểu Ấn Thọ Ký Tam Ma Địa, do nhân duyên tự mình hưởng được cho nên từ trong Trí Tuệ của Kim Cang Tiểu Ấn Thọ Ký Tam Ma

Địa, tuôn ra ánh sáng Kim Cang Tiểu Ấn, chiếu khắp mười phương thế giới, vì chúng sinh có Tính chẳng Định nên trao cho Bình Đẳng Vô Thượng Bồ Đề Ký, thu trở lại làm một thể. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh hưởng được nhân duyên Trí Tuệ của Tam Ma Địa, nên hóa thành Kim Cang Tiểu Bồ Tát.

Do nhân duyên gia trì của Kim Cang Tiểu Bồ Tát cho nên tất cả hữu tình nào nếu như nghe thấy Kim Cang Tiểu Bồ Tát thì sinh lòng hăng hái, vào Pháp hay đạt được quyết định, hưởng được Pháp lợi ích an vui (Lợi Lạc).

THÀNH THÂN HỘI

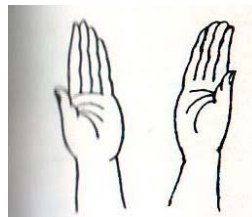
Tôn Hình là: Toàn thân màu thịt, hai tay nắm quyền để bên cạnh tai, làm tư thế ấn lưng lỗ tai. Vì tiêu trừ hết hai chướng, nên ý nghĩa là cười một cách vui vẻ.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HAḤ)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Tiểu.

Ấn Tướng là: Hai tay tác Kim Cang quyền, nắm tay để ngửa nâng lên đến miệng bung tán.



Chân Ngôn là: "Án, phộc nhật la, hạ sa, hách".

OM VAJRA HÀSA HAḤ.

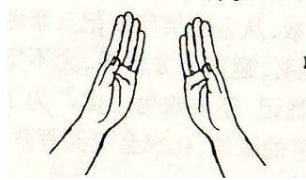
TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𣎵 (HAH)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Tiếu

Ấn Tướng là: kết Kim Cang Tràng ấn, đầu ấn hướng xuống dưới, lòng bàn tay từ từ mở ra lên đến miệng bung tán.



Chân Ngôn là: "Hạ hạ hạ, hồng, hách".

[HA HA HA HÙM HAH].

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Giống như Thành Thân Hội, hai nắm tay để bên cạnh miệng.



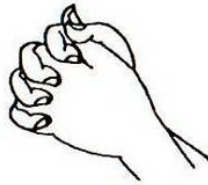
CÚNG DƯỜNG HỘI

Tôn Hình là: Hai tay cầm Hoa Sen, bên trên có cái Chày Tam Cổ đặt nằm ngang.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀𑖄 (HAḤ)

Ấn Tướng là: Dùng Kim Cang Phộc để bên mép bên trái miệng rồi bung tán.



Chân Ngôn là: "Án, na mạc tát phộc đát tha nga đa, ma ha tất lí để, bát la mẫu nhĩ da, già lê phiêu, phộc nhật la, hạ tây, hách".

OM NAMAḤ SARVA TATHAGATA MAHA PRITI
PRAMODYA KAREBHYO VAJRAHASE HAḤ.

GIÁNG TAM THẾ HỘI

Tôn Hình là: Hai tay nắm Kim Cang quyền bắt chéo nhau ở trước ngực.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chung Tử là: 𠂔 (PA)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Tiếu.

ĐỨC PHẬT BẤT KHÔNG THÀNH TỰU

Đức Đặc Biệt

Bất Không Thành Tựu Như Lai hay gia trì thành tựu viên mãn trên sự nghiệp thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian của chúng sinh, là *Chủ Tôn của Sự Nghiệp Bộ*.

Đức Phật Bất Không Thành Tựu (Tên Phạn là: Amogha-siddhi), dịch âm tên Phạn là **A Mục Già Tất Địa**, tên Tây Tạng là Don-yod-grub-pa, Mật Hiệu là **Tất Địa Kim Cang, Thành Tựu Kim Cang**.

Lại xưng là **Bất Không Thành Tựu Như Lai**, là một trong năm vị Phật của Kim Cang Giới, có vị trí ở chính giữa vành trăng ở phương Bắc trong Năm Luân Giải Thoát thuộc Kim Cang Giới Mạn Trà La là vị trí ở phương Bắc của Đại Nhật Như Lai. Nhưng trong **Thai Tạng Giới** thì được coi là đồng thể với Đức Phật **Thiên Cổ Lô Âm** ở phương Bắc, gọi là **Thiên Cổ Âm Phật** hoặc **Lôi Âm Vương Phật**.

Ý nghĩa hiển thị của Đức Phật Bất Không Thành Tựu chủ yếu là trên Pháp Tu và Quán Tưởng của Mật Giáo.



Đức Phật Bất Không Thành Tựu là Đức Phật Đà ở phương Bắc trong Ngũ Phương Phật, nhan sắc tượng trưng là màu tạc hoặc màu đen, nhưng trong Tạng Mật thì đổi thành màu xanh, đó là Bộ Chủ của Sự Nghiệp Bộ (Yết Ma Bộ) trong năm Bộ. Sự Nghiệp Bộ (Yết Ma Bộ), biểu thị cho Đức của **Hóa Tha Nghiệp Dụng**, tức là Đức Phật vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên Thành Biện tất cả sự nghiệp.

Ấn khế của Đức Phật Bất Không Thành Tựu là **Thí Vô Úy Ấn**, tức năm ngón tay trái cầm hai góc áo, tay phải mở lòng bàn tay ra, dựng thẳng năm ngón, lòng bàn tay giơ lên đến ngang vai hướng ra ngoài. Ấn Tượng này tượng trưng cho sự nhỏ bứt cứu giúp (bạt tế) hữu tình của Đức Phật Đà, cùng với tất cả sự nghiệp đã làm đều hoàn thành Công Đức .

Đức Phật Bất Không Thành Tựu ở trong Ngũ Trí Phật, chuyển hóa năm loại ý thức của nhóm Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân nhiễm trước của phàm phu, trở thành Trí Tuệ trong sạch của Như Lai, biểu dương cho **Thành Sở Tác Trí** của tất cả Như Lai, tượng trưng cho Đức Như Lai hay dùng phương tiện Từ Bi, thành tựu tất cả sự nghiệp của Phật Pháp và sự nghiệp của chúng sinh.

Dưới sự gia trì của Đức Phật Bất Không Thành Tựu, chẳng luận là sự nghiệp của Phật Pháp, hoặc là sự nghiệp của thế gian, một lòng nguyện cầu đều hay đạt được thành tựu viên mãn. Vả lại hay thành tựu Diệu Hạnh, lợi ích cho thân của chính mình và người khác, cũng xa lìa tất cả phiền não.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT BẤT KHÔNG THÀNH TỰU

Hình Tượng của Đức Phật Bất Không Thành Tựu ở **Thành Thân Hội** là toàn thân màu vàng ròng (hoặc màu xanh lục), tay trái kết Quyển Ấn, để trên đầu gối, tay phải duỗi năm ngón tay úp xuống để ngang ngực, ngồi Kiết Già trên tòa Hoa Sen.

Nhưng Hình Tượng tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** là: Hai tay nắm quyền, tay phải ở trong, tay trái ở ngoài, hai tay bắt chéo nhau ở trước ngực.

Trong năm Bộ của Kim Cang Giới thì Đức Phật Bất Không Thành Tựu là Bộ Chủ của Sự Nghiệp Bộ, thân ấy màu tạc, hiện các loại Tượng, ngồi cỡi trên tòa Ca Lô La (Kim Xí Điểu), chim này có uy lực hay giáng các Rồng, tùy theo hướng về phương nào thời Rồng hay bị giáng phục. Người, Trời, các Rồng chẳng thể chẳng quy phục, chính vì thế cho nên dùng loài chim ấy làm Tòa ngồi.



Trong **Đồ Tượng** của **Mật Giáo**, bốn phương của Đức Phật Bất Không Thành Tựu, thông thường đều an trí bốn vị Cận Sự Bồ Tát. Phương vị của bốn vị Bồ Tát như sau: Phương trước mặt là **Kim Cang Nghiệp Bồ Tát**, phương bên phải là **Kim Cang Hộ Bồ Tát**, phương bên trái là **Kim Cang Nha Bồ Tát**, phương phía sau là **Kim Cang Quyền Bồ Tát**.

ĐỨC PHẬT BẤT KHÔNG THÀNH TỰU TRONG KIM CANG GIỚI MẠN TRÀ LA

THÀNH THÂN HỘI

Tôn Hình là: Màu xanh, tay trái để ở trước rốn kết Kim Cang quyền Ấn, tay phải duỗi năm ngón để ngang ngực.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (AH)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Yết Ma bên trên có cái Chày Ngũ Cổ (Ngũ Cổ Chử thượng chi Yết Ma Chử).

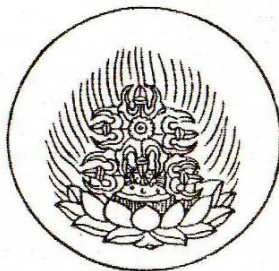
Ấn Tượng là: Tay trái để ở trước rốn Kết Kim Cang Quyền Ấn, tay phải Kết Thí Vô Úy Ấn.



Chân Ngôn là: "Án, a mộ già tất đế, ác".

OM AMOGHA-SIDDHE AH.

TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (AH)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Yết Ma bên trên có cái Chày Ngũ Cổ.

Ấn Tượng là: Ngoại phộc, hai ngón giữa co vào trong lòng bàn tay cùng vịn nhau, hai ngón cái, ngón út duỗi thẳng cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là: "Án, phộc nhật la nhạ nã nam, ác".

OM VAJRA-JÑANA AH

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Giống như Thành Thân Hội.



CÚNG DƯỜNG HỘI



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (HUM)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Yết Ma bên trên có cái Chày Ngũ Cổ.

**Chân Ngôn là: "Án, tát phộc đát tha nga đa, phộc nhật la, ca la ma
nỗ đa la, bố nhạ, sa phả la nạ, tam ma duệ, hồng".**

**OM SARVA-TATHÀGATA-VAJRA-KARMÀNUUTTARA-PÙJÀ-
SPHARAᅇA-SAMAYE HÙM.**

GIÁNG TAM THẾ HỘI

Tôn Hình là: Hai tay nắm Kim Cang Quyền, bắt chéo nhau ở trước ngực.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI



Chữ Chủng Tử là: ॐ HOH)

Tam Muội Gia Hình là: cái Chày Yết Ma bên trên có cái Chày Ngũ Cổ.

ĐỨC PHẬT ĐA BẢO

Đức Đặc Biệt

Trong “**Pháp Hoa Kinh**” là Bản Tôn của **Pháp Tăng Ích** hay khiến cho chúng sinh có đủ tất cả Tài Bảo thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, đặc biệt là nếu có người nào tuyên nói “**Pháp Hoa Kinh**” thời Đức Phật Đa Bảo nhất định sẽ từ đất phun vọt lên.

Đức Phật Đa Bảo (Tên Phạn là: Prabhūta-ratna), lại dịch là **Đại Bảo Phật, Bảo Thắng Phật, Đa Bảo Như Lai**. Đức Phật này xuất hiện trong “**Pháp Hoa Kinh**” từ kiếp rất lâu xa về trước, Ngài đã diệt độ, nhưng do duyên của sức Nguyện cho nên toàn thân hóa thành Xá Lợi, vì muốn chứng minh ý nghĩa chân thật màu nhiệm của “**Pháp Hoa Kinh**”, mà an trú ở trong **Đa Bảo Phật Tháp**, từ đất phun vọt lên.



Y theo quyển 11 , **Pháp Hoa Kinh**, Phẩm **Thấy tháp báu** (Kiến Bảo Tháp Phẩm) kể lại các loại thù thắng trang nghiêm của Tháp Đa Bảo: “Bấy giờ trước mặt Đức Phật có ngôi Tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, chiều dọc rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ đất phun vọt lên an trú ở trong không trung, dùng các loại báu vật để trang nghiêm. Năm ngàn thanh gỗ ngang ở lan can, ngàn vạn cái nhà ở dưới Tháp (Kham Thất), vô số Phan Phường dùng để trang nghiêm, báu anh lạc rủ xuống, chuông báu vạn ức cũng treo trên đó. Bốn mặt đều tỏa hương Đa Ma La Bạt Đầy khắp thế giới. Các Phan, Lọng dùng

Vàng Bạc, Lưu Ly, Xà Cừ, Mã Mỗ, Trân Châu, Đá Quý (mân côi) bảy báu hợp thành, cao đến cung Tứ Thiên Vương”.

Lại nói khi Tháp báu này xuất hiện thời: “Mưa hoa Mạn Đà La suốt 33 ngày để cúng dường Tháp báu. Ngoài ra còn có các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô la, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân...ngàn vạn ức chúng, dùng tất cả Hương Hoa, Anh Lạc, Lọng Phan, Kỹ Nhạc cúng dường Tháp báu, cung kính tôn trọng ngợi khen”.

Nhưng trong “**Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Quỹ Nghi Kinh**” nói rằng:” Nay các Phật Tử ! Nếu nghe danh hiệu **Đa Bảo Như Lai**, thì hay khiến cho các người đó có đầy đủ Tài Bảo, vừa lòng hợp ý hưởng mãi chẳng hết.

Căn cứ trong “**Pháp Hoa Kinh, Phẩm Thấy Tháp Báu** ghi chép rằng: "Đức Phật này là Giáo Chủ của thế giới Bảo Tịnh ở phương Đông. Xưa kia lúc hành Đạo Bồ Đề thời phát nguyện sau khi diệt độ thành Phật, phàm ở mười phương thế giới nơi nào có tuyên nói “**Pháp Hoa Kinh**”, ất từ đất phun vọt lên hiện ngay trước mặt, dùng ý nghĩa chân thật của Kinh này để chứng minh. Cho nên lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói “**Pháp Hoa Kinh**” thời có ngôi Tháp bảy báu từ đất phun vọt lên, đứng cao vọt trong không trung, trong Tháp có an toà ngò, nhìn thấy Đức Đa Bảo Như Lai, toàn thân như vào Thiên Định, cùng chia nữa Tòa với Đấng Thích Tôn, hình thành cảnh tượng đặc thù hai Đức Phật cùng ngò.

Nhưng Pháp Tu trong “**Pháp Hoa Kinh**” cho rằng: "Pháp Tăng Ích thì dùng Đức Phật Đa Bảo làm Bản Tôn, Pháp Túc Tai thì dùng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm Bản Tôn".

Tháp an trí Đa Bảo Như Lai, gọi là Đa Bảo Tháp, hay là Đa Bảo Phật Tháp, là do vô số viên ngọc báu trang sức mà thành. Tùy theo sự tín ngưỡng thịnh hành của Pháp Hoa, nước ta (Trung Quốc) từ xưa đã có xây dựng Đa Bảo Phật Tháp. Như thời đại Lục Triều phần nhiều xây dựng là hình trạng Tháp ba tầng, thời đại nhà Đường thì được xây dựng trong các chùa chiền. Trong hang đá ở Đôn Hoàng (Đôn Hoàng Thạch Quật), hang đá Đại Đồng Vân Cương ở Sơn Tây (Sơn Tây Đại Đồng Vân Cương Thạch Quật), hang đá Long Môn (Long Môn Thạch Quật) và chợ Chu Sơn ở Tỉnh Triết Giang (Triết Giang Tỉnh Chu Sơn Thị)...đều có di tích được bảo tồn. Ở Hàn Quốc cũng có xây dựng phong khí của tháp này. Trong đó, xây dựng ở Tân La – năm 27 Pháp Hưng La (Công nguyên năm 540), Đa Bảo Phật Tháp ở Khánh Thượng Bắc Đạo Phật Quốc Tự, hình thức kiến trúc của nó rất là tinh xảo.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT ĐA BẢO



Liên quan đến hình tượng của Đức Phật này, căn cứ trong “**Pháp Hoa Mạn Trà La Uy Nghi Hình Sắc Pháp Kinh**” ghi chép: “Đức Đa Bảo Như Lai đầu đội Mão tóc xanh biếc có đỉnh kế (Ô Sắt Cầm Phát Quan), giữa chân mày phóng ra hào quang như sợi dây (Sách Hào Quang), chiếu khắp tất cả. Thân tướng màu vàng rực rỡ, kết Định Trí Tuệ Quyển Ấn; thân khoác áo cà sa, ngồi xếp bằng (chân phải ở trên) trên Hoa Sen lớn.

ĐỨC PHẬT BẢO TÍCH

Đức Đặc Biệt

Đức Phật Bảo Tích không những hay khiến cho chúng ta có đủ Thánh Tài thuộc Xuất Thế Gian, đồng thời cũng hay sinh ra các loại báu vật, hoặc từ đất sinh ra, hoặc giống như mưa rơi, chẳng thể đếm xuể, là Bản Tôn tích tụ Tài Bảo.



Đức Phật Bảo Tích dùng sự không có phiền não gom tập trang nghiêm Pháp Báu của Thánh Đạo, thành tựu đạo Phật, cho nên xưng là **Bảo Tích Phật**.

Trong quyển 9, **Đại Trí Độ Luận** nói rằng: "Do gom chứa Pháp báu của nhóm **Vô Lậu Căn Lực Giác Đạo** mà có tên gọi là **Bảo Tích**.... nên lúc sinh ra cũng có nhiều vật báu sinh ra, hoặc từ đất sinh ra, hoặc tập hợp các loại mưa báu, nên gọi là Bảo Tích".

Điều đó nói rõ Đức Phật Bảo Tích ngoài việc có đủ Thánh Đạo Pháp Tài thuộc Xuất Thế gian ra, cũng sinh ra các loại vật báu, từ mặt đất sinh ra, hoặc giống như mưa từ trên Trời rơi xuống, chẳng thể đếm xuể, cho nên tên là Bảo Tích Phật, là Bản Tôn tích tụ Tài Bảo.

ĐỨC PHẬT BẢO TRÀNG

Đức Đặc Biệt

Đức Bảo Tràng Như Lai hay hiển thị rõ rệt Diệu Đức của Tâm Bồ Đề, giống như phượng báu thắng lợi (thắng lợi Bảo Tràng) hay sinh ra tất cả Tài Bảo thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Đức Phật Bảo Tràng (Tên Phạn là: Ratna-ketu), dịch âm là **La Đát Nãng Kế Đồ**, tên Tây Tạng là Rin-chen-tog.

Lại xưng là **Bảo Tràng Như Lai, Bảo Tinh Phật**, Mật Hiệu là **Phước Thọ Kim Cang, Phước Tụ Kim Cang**, Đức Phật Đà có vị trí ở phương Đông trong Trung Đài Bát Diệp Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La.

Đức Phật Bảo Tràng chủ yếu hiển thị rõ rệt **Diệu Đức** của Tâm Bồ Đề; bởi vì Tâm Bồ Đề giống như cây phượng báu thắng lợi, hay đập nát tất cả Ma Chướng, Đức Như Lai này dùng tất cả Trí Nguyên làm cờ phượng, ở dưới cây Bồ Đề giáng phục nhóm Ma, cho nên tên là **Bảo Tràng Như Lai**.

Như trong **Đại Nhật Kinh Sớ, Phẩm Cự Duyên** nói rằng: "Quán Đức Bảo Tràng ở phương Đông như mặt trời mới mọc, màu trắng đỏ cùng nhau sáng rực, Bảo Tràng có nghĩa là phát Tâm Bồ Đề, ví như vị chủ Tướng muốn thống ngự đại chúng cần phải có cờ xí, thì bộ phận mới chính tề được, hay phá nạn giặc già (Năng Phá Địch Quốc), lập nên công danh lớn. Vạn Hạnh của Như Lai cũng như vậy, dùng tất cả Trí Nguyên làm cờ xí, ở dưới cây Bồ Đề giáng phục bốn chúng Ma Quân, cho nên dùng làm tên gọi. Màu như mặt Trời mới mọc, cũng tương ứng với ý nghĩa của Ngài".

Tôn Hình của Tôn này là toàn thân màu vàng nhạt, mặc áo Cà Sa màu đỏ, để hở bên vai phải, tay trái hướng vào bên trong cầm hai góc áo Cà Sa để ở trước ngực. Cánh tay phải co, hơi dựng hướng mở ra ngoài, bàn tay hơi ngửa rũ các ngón tay xuống, tác **Dữ Nguyên Ấn**, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen báu.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (A), 𑖩 (RAM)

Tam Muội Gia Hình là: Quang Diệm Ấn.



Ấn Tượng là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



**Chân Ngôn là: "Nam ma, tam mạn da bột đà nam, lam, lạc, toa ha".
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RAṂ RAḤ SVĀHĀ.**

TÔN THẮNG PHẬT MẪU

Đức Đặc Biệt

Tôn Thắng Phật Mẫu hay khiến cho ngũ cốc được mùa, tăng trưởng Tài Bảo của chúng sinh, được đầy đủ các loại Phước Đức.

Tôn Thắng Phật Mẫu (Tên Phạn là Vijaya), Mật Hiệu là **Trừ Ma Kim Cang. Phật Đỉnh** là chỉ *Vô Kiến Đỉnh Tướng* của Như Lai, chính là tướng Thù Thắng mà người thường không có Pháp để hiểu biết được. Có đầy đủ Công Đức tối thắng tối thượng. Trong tất cả Phật Đỉnh, Tôn Thắng Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo ấc. Trong tám Phật Đỉnh lấy Tôn Thắng Phật Đỉnh làm Tổng Thể. Ngoài ra Tôn này còn hay khiến cho ngũ cốc được mùa, tăng trưởng Phước Đức, Tài Bảo của chúng sinh.

Tôn Thắng Phật Mẫu cũng được coi là hóa thân của Tỳ Lô Giá Na Phật (Đại Nhật Như Lai), lại là một trong ba vị Phật Trường Thọ trong Tạng Truyền Phật Giáo: Vô Lượng Thọ Phật, Bạch Độ Mẫu, Tôn Thắng Phật Mẫu.

Trong “**Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp**” ghi chép rằng: “Tác Pháp bảy ngày, nội trong bảy ngày tụng mãn 10.000 biến xong, thì núi Phật Đỉnh (Phật Đỉnh Sơn) phóng ánh sáng lớn. Chú Sư nội trong bảy ngày phải luôn luôn biểu lộ sự sám hối, khởi Bi Nguyện lớn, lúc bấy giờ tức Pháp đã thành tựu, lại đừng nên sinh lòng nghi ngờ lo lắng, thành tâm cúng dường được vô lượng Phước”.

Trong Kinh lại nói Pháp cầu Tài Bảo: “**Pháp thứ 22:** Nếu có kẻ sang người hèn muốn được sự ủng hộ và bản thân mình cầu được Tài Bảo như ý, nên khởi Tâm lành, kính lễ chẳng kể giờ giấc, ở trước tượng Đức Phật kết Ấn tụng Chú bảy biến, chiêm ngưỡng mặt Đức Phật không chớp mắt. Như vậy tác Pháp, liền được đầy đủ các loại Phước Đức, sau khi mạng chung, chẳng bị rơi vào nẻo ấc Địa Ngục”.

Trong “**Tôn Thắng Phật Đỉnh Tu Du Già Pháp Nghi Quỹ**” cũng nói: “**Pháp thứ 13:** Nếu có Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, bốn Chúng... muốn được đầy đủ Phước báu thì mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Chân Ngôn này bảy biến, dùng Công Đức này hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Chỉ làm như vậy, ắt liền được như Nguyện....

Pháp thứ 18 : Nếu trong nước: ngũ cốc không được mùa, mưa gió thất thường, nên dùng vải lụa trắng làm một cái Phướng viết Chân Ngôn lên trên và vẽ Phật Đỉnh Ấn, rồi treo ở trên cái cột Phướng cao 180 xích (Thước Tàu) về hướng chính nam. Liền được mưa thuận gió hòa, ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an

vui; liền được Rồng ác hồi Tâm làm lành, A Tu La Vương chẳng thể gây chướng ngại.....

Pháp thứ 30 : Nếu có người nào đó buôn bán ế ẩm, mong cầu chẳng vừa ý, thì Hành Giả nên kết Ấn tụng Chân Ngôn 21 biến, an trí hình tượng **Thiện Trụ** ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được mọi sự mong cầu buôn bán có lời”.

Tôn Thắng Đà La Ni này có tổng cộng 87 câu, y theo dài ngắn mà phân biệt được gọi là Đại Chú, Trung Chú, Tiểu Chú. Thọ trì, viết chép, cúng dường, đọc tụng Đà La Ni này, hoặc là an trí nơi Tháp, Phướng cao, lầu gác....sẽ được Công Đức, tịnh trừ tất cả nẻo ác, tiêu trừ tội chướng, tăng trưởng Thọ Mạng, vãng sinh ở thế giới Cực Lạc.

Tại Trung Quốc và Nhật Bản tu trì Đà La Ni này rất đông, mà lại rất linh nghiệm.

NHÂN DUYÊN ĐỨC PHẬT ĐÀ TUYÊN NÓI PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Một thời Đức Phật Đà ở tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng với chúng Đại Tỳ Kheo, Bồ Tát, Thiên Chúng, tám Bộ Trời Rồng, Đại Chúng.... nói pháp.

Lúc đó trong Thiện Pháp Đường của cõi Tam Thập Tam Thiên, có vị Trời tên là **Thiện Trụ** ở trong cung báu rộng lớn, hoan lạc phóng túng, có rất nhiều Tiên nữ xinh đẹp hầu hạ cung phụng đùa giỡn, vui chơi trốn tìm, vui thích tâm tình, mười phần sung sướng.

Nhưng đến một đêm, bỗng nhiên trong không trung nghe có tiếng gọi: *”Này Thiện Trụ ! Bảy ngày sau là ngày đại hạn của ông, sau khi ông chết đi, sẽ 7 lần sinh ra nơi cõi Diêm Phù Đề, sau đó lại vào Địa Ngục, rồi tái sinh làm người, không chỉ bản cùng mà còn bị mù mắt, thọ tất cả khổ não”.*

Thiện Trụ sau khi nghe xong, mười phần sợ hãi kinh hoàng, đổ mồ hôi, dựng thẳng tóc gáy, ưu sầu không dứt, liền vội vã đi đến chỗ Thiên Đế **Thích Đề Hoàn Nhân**, trước tiên lễ kính hai bàn chân của Thiên Đế, lập tức bẩm cáo với Thiên Đế về sự sợ hãi kinh hoàng của mình: “ Thỉnh cầu Thiên Đế rủ lòng thương xót! Cứu ách khổ đau của con! Cứu ách khổ đau của con! Hôm nay con đang hưởng thụ vui vẻ, trong lòng cảm thấy vui sướng . Bỗng nhiên có âm thanh nói con 7 ngày sau sẽ mạng chung, sau khi chết 7 lần tái sinh ở cõi nhân gian, lại đọa vào Địa Ngục, chịu hết mọi khổ não. Nay con mê man phiền muộn, chẳng biết thoát ra như thế nào. Chỉ xin Thiên Đế thương xót, bớt trừ giải cứu khổ độc của con!”.

Thích Đề Hoàn Nhân nghe Thiện Trụ nói xong, liền dùng Thiên Nhãn quan sát bảy đời tái sinh của Thiện Trụ thời thấy sau khi mạng chung Thiện Trụ

từ cõi Trời liền thọ thân heo, sau khi từ bỏ thân heo, lại thọ thân chó. Tiếp theo lại thọ các thân Chồn, thân Khỉ, thân Rắn độc, thân Chim Đại Bàng, thân Quạ. Như vậy 7 lần sinh, thường ăn các đồ hôi thối. Thích Đề Hoàn nhân dự báo một số sự việc, vì Thiện Trụ sắp chịu khổ lớn nên thương xót vô cùng, trong lòng nghĩ rằng: “Có phương pháp nào có thể giúp cho hấn? Ai có thể cứu được hấn? Hiện tại ngoài Đức Như Lai ra e rằng không có người nào khác có thể cứu được hấn”.

Thế là Thiên Đế lập tức chuẩn bị các loại vật dụng trang nghiêm như các loại vòng Hoa, Hương thơm thượng diệu, Mạt Hương, hương đốt và áo Trời, Anh Lạc....đi đến rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, nơi Đức Phật Thích Tôn ngự, đỉnh lễ hai bàn chân Đức Phật Đà, nhiều quanh bên phải Đức Phật bảy vòng, hiểng dâng sự cúng dường rộng lớn xong, liền hướng về Đức Phật Đà bẩm cáo sự việc của Thiện Trụ, khẩn cầu Như Lai gia trì.

Lúc bấy giờ từ trên đỉnh đầu của Đức Như Lai phóng ra ánh sáng lớn, trong ánh sáng có hào quang 5 màu, ánh sáng chiếu khắp tất cả cõi chúng sinh ở mười phương, lại quay trở về chỗ Phật, nhiều quanh bên phải ba vòng rồi nhập vào miệng Đức Phật.

Khi ấy, Đức Phật Đà mỉm cười bảo Thích Đề Hoàn Nhân rằng:” Có **Phật Quán Đỉnh Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** hay tịnh trừ tất cả nghiệp chướng, Địa Ngục, Súc Sinh, Diêm Ma Lô Ca (Yama-loka), các khổ não sinh tử, phá đường Địa Ngục, đưa vào nẻo Phật.

Này Thiên Đế! **Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni**. Nếu có người được nghe Đà La Ni này sẽ hay tiêu trừ tất cả các nạn khổ và nghiệp chướng ràng buộc của sinh tử. Được quả báo lành, chứng được Túc Mạng Trí”.

Do nhân duyên của Thiện Trụ nên Đức Phật Đà tuyên nói Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, trừ khử tất cả chướng ngại của chúng sinh, tăng trưởng Phước Đức, chẳng vào nẻo ác, mà Thiện Trụ cũng y theo Phước báu này, diệt trừ tội chướng từ vô thủy.

HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU.

Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu, được gọi là Đỉnh Kế tôn Thắng Phật Mẫu, lại gọi đơn giản là Tôn Thắng Mẫu. Hình tượng ấy có 3 mặt 8 cánh tay, trên mỗi mặt đều có 3 con mắt, mặt chính giữa màu trắng, dung mạo như cô gái diễm đạm dễ thương, mặt bên phải màu vàng rờn hình dáng cười vui vẻ, mặt bên trái tựa như màu xanh lam của hoa Ô Ba Lạp (Utpala), để lộ răng nanh,

hiện tướng hung dữ, thân màu trắng như trăng mùa Thu không tỳ vết, diện mạo như thiếu nữ tuổi thanh xuân.

Bên phải tay thứ nhất cầm cái chày Kim Cang Yết Ma hình Chữ Thập có bốn màu để ở trước ngực, tay thứ hai nâng tòa sen trên có Phật A Di Đà (Hoặc là Đại Nhật Như Lai), tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư tác Thí Nguyện Ấn để ở trước đùi phải. Bên tay trái thứ nhất tác Phẫn Nộ Quyền Ấn cầm sợi dây, tay thứ hai giơ lên tác Thí Vô Úy Ấn, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư kết Định Ấn nâng cái Bình Báu Cam Lộ. Thân Phật Mẫu có Vòng Hoa, Thiên Y, Mão Báu, Anh Lạc.... trang nghiêm, ngồi trong vành trăng trên hoa sen.



Căn cứ trong Nghi Quỹ thuật lại thì Tôn Thắng Phật Mẫu chọn **Liên Hoa Thủ Quán Âm** màu trắng và **Tịch Tĩnh Kim Cang Thủ Bồ Tát** màu xanh lam làm người hầu bên cạnh hai bên trái phải, bốn vị Đại Minh Vương làm Hộ Pháp. **Bất Động Minh Vương** ở phương đông, tay phải cầm cây Kiếm báu. **Ái Nhiễm Minh Vương** ở phương nam, tay phải cầm cái móc câu. **Trì Bổng Minh Vương** ở phương tây, tay phải cầm cây gậy màu xanh lam. **Đại Lực Minh Vương** ở phương bắc, tay phải cầm cái chày. Bốn Minh Vương thân đều màu xanh, tay trái đều tác Phẫn Nộ Quyền Ấn để ở trước ngực; tóc, lông mày, râu dạng như lửa bốc cháy, nghiêng răng giận dữ. Đầu lấy da Hổ làm quần, Rắn làm vòng xuyên Anh Lạc, co chân phải duỗi chân trái, đứng tư thế uy nghi như Lực Sĩ.

Mặt chính giữa của Phật Mẫu màu trắng biểu thị cho sự chặn đứng tai chướng (Tức Tai), mặt bên phải màu vàng biểu thị các pháp Tăng Ích, mặt bên

trái màu xanh lam biểu thị cho sự Giáng Phục. Tay nâng Đại Nhật Như Lai là Đấng Thượng Sư, biểu thị cho lòng yêu thương, mũi tên đại biểu cho sự Câu Triệu **Tâm Bi** của chúng sinh. Thí Vô Úy Ấn đại biểu cho việc khiến chúng sinh vĩnh viễn xa lìa tất cả sợ hãi, Thí Nguyện Ấn biểu thị cho tất cả Tâm Nguyện của chúng sinh được đầy đủ, Cây Cung là Thắng Tam Giới, tay kết Định Ấn nâng bình Cam Lộ biểu thị cho việc khiến chúng sinh được Trường Thọ không bệnh tật, chày Kim Cang hình chữ Thập biểu thị cho sự nghiệp thành tựu Giáng Quý, Giáng Tai Ưng, sợi dây biểu thị cho sự giáng phục tất cả chúng sinh khó điều phục.

Trì tụng **Tôn Thắng Phật Mẫu Đà La Ni** hay diệt trừ tất cả tội nặng, được mọi người kính yêu, sau khi mạng chung được sinh ở Thế Giới Cực Lạc, và được Đại Niết bàn, cũng hay tăng trưởng Thọ Mạng, nhận được sự Thù Thắng vui vẻ, tức được vãng sinh vào các cõi Phật, được các loại vi diệu.

CHÂN NGÔN CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

"**Án, A Mật Lật Đô Đố, Bà Tỳ, Sa Bà Ha**".

{ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ }

OM AMṚTA TEJA VATI SVÀHÀ }.

PHẬT NHÃN PHẬT MẪU

Đức Đặc Biệt

Tu tập Phật Nhãn Phật Mẫu có thể đầy đủ bảy báu, Phước như Chuyển Luân Thắng Vương, tăng trưởng Ma Ni, Tài Bảo được như ý.

Phật Nhãn Phật Mẫu (Tên Phạn là Buddha-locani), dịch âm tiếng Phạn là **Một Đà Lộ Tả Năng, Bội Đà Lỗ Sa Na.**

Lại xưng là **Phật Nhãn, Phật Nhãn Tôn, Phật Mẫu Tôn, Phật Mẫu Thân, Phật Nhãn Bộ Mẫu, Phật Nhãn Minh Phi, Hư Không Nhãn Minh Phi, Hư Không Tạng Nhãn Minh Phi, Nhất Thiết Như Lai Phật Nhãn Đại Kim Cang Cát Tường Nhất Thiết Phật Mẫu...** Là một trong những Bản Tôn được cung phụng trong Mật Giáo, có vị trí ở trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo, là một Tôn trong Biến Tri Viện và Thích Ca Viện.

Phật Nhãn Phật Mẫu Tôn chính là thị hiện **Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí**, có đủ năm con mắt hay sinh ra Chư Phật, Bồ Tát trong hai bộ Kim Cang Giới và Thai Tạng Giới, là Mẫu sinh ra Công Đức của Phật Bộ nên xưng là Phật Nhãn. Tu trì Pháp môn của Phật Nhãn Phật Mẫu có thể dẹp yên tai chướng, tăng trưởng Phước Đức, Thọ Mạng thường dùng làm Bản Tôn của Pháp Tài Bảo.

Trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao**” nói rằng: Chữ 𑖀 (‘SRĪ) là chữ Chủng Tử của Phật Nhãn Phật Mẫu, mà chữ 𑖀 (‘SRĪ) là do ba chữ 𑖀 (‘SA), 𑖀 (‘RA), 𑖀 (‘I) hợp thành. Chữ 𑖀 (‘SA) là tính yên lặng chẳng thể được (Tính Tịch Bất Khả Đắc Tự), tính yên lặng nên nhiếp các việc lành, Công Đức Vạn Hạnh, Vạn Thiện hết thảy đều ở trong chữ này. Trong Kinh nói rằng: "Sinh tất cả Phước, diệt tất cả tội là công năng này vậy".

Ý nghĩa của chữ 𑖀 (‘RA) là bụi dơ không thể được (Trần Cấu Bất Khả Đắc) là chữ Chủng Tử của Tôn Bảo Bộ ở phương Nam tức là viên ngọc báu (Bảo Châu). Ma Ni biểu thị cho *vô cấu*, nghĩa là lìa bụi dơ.

Trong “**Phạn Võng Kinh**” phần mở đầu nói rằng: "Chữ 𑖀 (‘RA) là bụi dơ vậy. Đại Không Tam Muội thời lập quay lại lấy tất cả bụi dơ làm Báu.

Trong “**Tam Chủng Tất Địa Quĩ**” lại nói rằng: "Vàng, Ngọc, Châu báu, Mặt Trời, Mặt Trăng, Tinh Tú (Tinh Thân), ánh sáng Hỏa Châu.... từ chữ 𑖀 (‘RAM) mà thành".

Trong Kinh lại nói: "Tam Muội Gia Hình của Tôn này là viên ngọc báu Như Ý" mà viên ngọc báu Như Ý lại là vật cầm của Phật Nhãn Tôn.

Trong “**Bồ Đề Trường Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Kinh**”, 2 nói rằng: “Tay phải của Phật Nhãn Minh Phi cầm báu Như Ý. Tay trái tác Thí Nguyện,

dùng vật đã cầm làm Tam Hình, việc như thường. Lại gọi tên là Cát Tường Bảo Châu”.

Trong **phẩm Phật Nhãn** : “Gọi là **Kim Cang Cát Tường**" Nên có thể biết viên ngọc báu của Tôn là Năng Sinh Mẫu.

Trong Kinh lại nói rằng: “Pháp **𑖀𑖳** (DHATU) dùng Phật Nhãn làm Bộ Chủ. Bản Tôn tức là Huyền Phật Nhãn Mạn Trà La vậy. Hoặc Pháp **𑖀𑖳**(DHATU) còn có tên là Như Bảo Phật Nhãn Pháp, đều là từ viên ngọc báu của hàng này vậy, tuôn chảy làm một Thể của Phật Nhãn Tập Bảo Châu, rất là bí truyền vậy”.

Trong Kinh lại nói rằng: “Tất cả việc chẳng tốt lành đều do bảy ngôi sao gây tạo ra, nhưng Tôn Phật Nhãn này phá việc chẳng tốt lành ấy để ban cho sự tốt lành, Phật Nhãn gần bên cạnh nghĩa là bảy báu vậy”.

Trong Kinh nói rằng: “Phước như Luân Vương, đầy đủ bảy báu, thọ mạng lâu dài, ngàn vạn câu chi”.

Trong Kinh nói: "Phật Mẫu bảo với các Như Lai rằng: “Hữu Tình thấy ta như nghĩ về cha mẹ, Phước như Luân Vương, đầy đủ bảy báu.....Ta sai khiến tuôn mưa ngọc Ma Ni ở thế giới Sa Bà, một là câu văn của Phật Nhãn, hai là câu văn của Bất Không Ma Ni rộng lớn”.

Do Kinh văn trên ghi chép, đủ thấy Công Đức tăng ích Tài Bảo của Phật Nhãn Phật Mẫu.

Chữ Chủng Tử **𑖀** ('SRĪ) của Phật Nhãn Phật Mẫu, có đủ thuộc tính của chữ Chủng Tử của Bảo Bộ Tôn ở phương Nam, là viên ngọc báu Ma Ni, còn Tam Muội Gia Hình ấy là viên ngọc báu Như Ý, cũng là vật cầm của Tôn này.

Trong Kinh nói: "Tu học Tôn này có thể đầy đủ bảy báu, Phước như Chuyển Luân Thắng Vương”.

Trong Kinh lại nói rằng: "Sai khiến tuôn mưa ngọc Ma Ni ở thế giới Sa Bà, nên tụng Chân Ngôn Phật Nhãn Phật Mẫu”.

Cho nên tu học Tôn này có thể tăng trưởng Ma Ni, Tài Bảo được như ý.

HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT NHÃN PHẬT MẪU

Phật Nhãn Phật Mẫu trong Biến Tri Viện lại gọi là **Hư Không Nhãn, Chư Phật Mẫu**, có vị trí ở phương Bắc, chính giữa là Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn, Mật Hiệu là **Thù Thắng Kim Cang**.

Hình Tượng là toàn thân màu thịt, đầu đội Mão báu, có buộc chuỗi ngọc, tai đeo khuyên bằng vàng, cánh tay đeo vòng xuyên, mặc áo gấm màu hồng, kết Định Ấn, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen đỏ.



Nhưng **Phật Nhân Phật Mẫu** trong Thích Ca Viện lại có tên là **Biến Tri Nhân, Năng Tịch Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo**, có vị trí ở ngôi thứ nhất của hàng ngang bên dưới ở phương Bắc, chính giữa là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Mật Hiệu là **Thực Tướng Kim Cang**.

Hình Tượng là toàn thân màu vàng ròng, tay phải: dựng chưởng, co ngón giữa, ngón áp út, ngón út hơi co, duỗi ngón cái và ngón trỏ; tay trái: cánh tay co lại, để ở trước ngực, cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen có báu Như Ý, mặt hướng về bên trái hơi ngửa lên nhìn.



Ngoài ra, liên quan đến Hình Tượng Tôn này, trong các Kinh Luận cũng nói khác nhau như:

Trong “**Kim Cang Phong Lâu Các Nhất Thiết Du Già Du Kỳ Kinh. Phẩm Kim Cang Cát Tường Đại Thành Tự**” nói rằng: "Trú ở trên Hoa Sen trắng lớn, thân là màu sáng Bạch Nguyệt, hai mắt hơi cười, hai bàn tay để ở rốn, như vào Thiền Định, từ tất cả các Chi sinh ra mười hằng hà sa câu chi Phật".

Trong “**Bồ Đề Trường Sở Thuyết Nhất TỰ Đỉnh Luân Kinh. Phẩm Họa Tượng Nghi Quỹ**” nói rằng: "Hình như thiên nữ, ngồi trên Hoa Sen báu, thân như màu vàng ròng, mắt quán nhìn Đại Chúng, mặc áo lụa mỏng có đính hạt thóc, quần lưới khoác lên góc vai. Tay phải cầm báu Như Ý, tay trái tác Thí Nguyên Ấn, hào quang tròn khắp thân, ánh sáng lửa rực (Xí thịnh quang minh), thân uy nghi yên lặng".



Trong quyển 9 “**Bát Không Quyển Sách Thân Biến Chân Ngôn Kinh**” nói rằng: “ Lưng bàn tay phải để ở trên lòng bàn tay trái, duỗi thẳng hai tay để ở dưới rốn, ngồi Kiết Già.

Trong “**Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Thuyết Trì Tai Giáo Lệnh Pháp Luân**” nói rằng: "Thân Tượng màu Hoa Sen hồng, tay trái tác Ngũ Nhân Khế, tay phải kết Như Lai Quyển".

Trong Mật Giáo dùng Phật Nhân Phật Mẫu, Bát Nhã Ba La Mật....hay sinh ra Chư Phật cho nên tôn làm Phật Mẫu.

Trong “**Đại Phẩm Bát Nhã Kinh. Phẩm Phật Mẫu**” nói rằng: "Bát Nhã Ba La Mật thâm sâu hay sinh Chư Phật, hay cùng với Nhất Thiết Trí của Chư Phật, hay thị hiện tướng Xuất Thế Gian, cho nên Chư Phật thường dùng **Phật Nhân** so sánh với **Bát Nhã Ba La Mật** thâm sâu.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀(GA), 𑖀𑖂(GAM) hoặc 𑖀𑖃(‘SRĪ)

Tam Muội Gia Hình là: Phật Đỉnh Nhân.

Ấn Tượng là: Hư Tâm Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là: "Nam mô, tam mạn đa bột đà nam, già già na phộc la lạc ngật sái nhĩ già già na tảm mê, tát bà đồ, ôn nguyệt đa ty, sa la tam bà phệ nhập phộc la, na mô, a mục già nan, toa ha".

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA-VARA-LAKṢAṆE
GAGANA-SAME SARVATODGATĀBHIḤ SĀRA-SAMBHAVE
JVALA NAMO MOGHĀNĀM SVĀHĀ.

{ॐ नमः सम्यक् बुद्धेभ्यः परमं वरं लक्ष्मणं परमं सम्यक्
सर्वतोद्गतं सारं शिवं कृत्वा नमः शिवाय नमः}

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ GAGANA VARA LAKṢAṆE_
GAGANA SAMAYE_ SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE
JVALA_ NAMO AMOGHĀNĀM_ SVĀHĀ].

HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Hư Không Tạng Bồ Tát có đủ hai loại kho tàng quý báu (Bảo Tàng) Phước Đức và Trí Tuệ giống như hư không vô tận, nhân đây hay sinh ra vô lượng báu vật, mãn túc tất cả mong cầu đầy đủ ước nguyện của chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát (Tên Phạn là: Àkà'sa-garbha), lại dịch là **Hư Không Dựng Bồ Tát**, bởi vì Ngài có đủ hai loại kho tàng quý báu Phước Đức và Trí Tuệ vô lượng vô biên giống như hư không rộng lớn, cho nên xưng là Hư Không Tạng Bồ Tát. Ngài hay sinh ra vô lượng báu vật, mãn túc tất cả mong cầu của chúng sinh, có thể nói là Bản Tôn Tài Bảo điển hình, nhân đây lại được gọi là Như Ý Kim Cang, Phú Quý Kim Cang, Vô Tận Kim Cang.



Trong quyển 16 “**Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh**” Đức Phật Đà bảo **Tốc Biện Bồ Tát** nói: “Hư Không Tạng Bồ Tát ở trong hư không tùy theo sở tu của chúng sinh, hoặc bố thí Pháp, hoặc bố thí tiền của, hay bố thí ban cho hết, đều khiến cho vui vẻ. Do đó cho nên, này kẻ trai lành! Hiền Sĩ đó dùng Trí phương tiện nên có tên là Hư Không Tạng”.

Và nói "Hư Không Tạng Bồ Tát ở đời quá khứ, lúc Đức **Phổ Quang Minh Vương Như Lai** ra đời, là con của **Công Đức Trang Nghiêm Chuyển**

Luân Thánh Vương, tên là **Sư Tử Tiến**, cùng với các vương tử của hàng Sư Tử... bỏ Vương vị của đời, xuất gia tu đạo. Sau này vì độ hóa Tâm kiều mạn của đức vua Công Đức Trang Nghiêm, hiện vô lượng Thần Biến: Ở trong hư không tuôn mưa mọi loại vật màu nhiệm là các hương, hoa, hương bột, hương xoa bôi, lọng lụa màu, phướng, phan, làm các loại nhạc Trời, Mỹ Thiện (Yến tiệc), thức ăn uống, Anh Lạc, quần áo, các loại trân bảo đều từ trong không trung rục rở rơi xuống. Mưa báu như vậy, tràn đầy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, chúng sinh được điều chưa từng có, đều rất vui mừng. Bấy giờ, từ Địa Thần, Chư Thiên, bên trên đến Trời **A Ca Nhi Tra** đều vui mừng hơn hở, xướng lên như vậy : *"Đại Bồ Tát này xứng đáng được tên là Hư Không Tạng. Sở dĩ như thế, do từ trong hư không tuôn mưa vô lượng trân bảo tràn đầy tất cả"*. Lúc này Đức Thế Tôn liền Ấn Khả lời nói đó, đặt tên là **Hư Không Tạng**".

Trong Kinh cũng ghi chép rằng: "Hư Không Tạng Bồ Tát được người đời xưng là **Nhất Thiết Chúng Sinh Ý Tam Muội**, người đã dùng sức Tam Muội này ở ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này, trong hư không trên Diệu Bảo Trang Nghiêm Đường tuôn mưa mọi loại vật màu nhiệm, tùy theo mong muốn của chúng sinh mà ban cho đầy đủ.

Ấy là cần hoa thì tuôn mưa hoa, cần vòng hoa, cần hương, cần hương bột, cần hương xoa bôi, cần lọng phan phướng bằng lụa màu, cần mọi loại âm nhạc, cần vật dụng Anh Lạc quần áo nghiêm thân, cần thức ăn uống ngon ngọt đẹp đẽ, cần xe cộ người theo hầu, Cần vàng, bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Xà Cừ, Mã Nã, trân châu, San Hô...thì tuôn mưa mọi loại trân bảo như vậy, tùy theo ý ban cho.

Có Người cần Pháp, muốn Pháp, ưa thích Pháp, thì ở trong hư không tùy theo điều thích nghe sẽ phát ra mọi Pháp Âm mà tai ưa thích, ấy là: Khế Kinh, Âm Hợp Kệ Kinh, Thọ Ký Kinh, Kệ Kinh, Kết Khả Kinh, Nhân Duyên Kinh, Song Cú Kinh, Bản Sanh Kinh, Thắng Xứ Kinh, Phương Đẳng Kinh, Vị Tăng Hữu Kinh, Đại Giáo Sắc Pháp...Người cần Kinh của nhóm như vậy đều tương ứng xuất ra hết.

Người cần ví dụ, người cần khắp âm thanh (biến âm) của nhóm Na La, người cần ngôn ngữ khéo, người cần mọi loại tạp âm, người cần âm thanh thâm sâu, người cần âm thanh cạn cạn của phương tiện...người cần âm thanh của nhóm như vậy đều tương ứng xuất ra hết.

Người cần Thanh Văn Thừa độ thì tương ứng tuôn ra Pháp bốn Đế, người cần Duyên Giác độ thì tương ứng tuôn ra Pháp Âm của mười hai Nhân Duyên thâm sâu, người cần Đại Thừa độ thì tương ứng tuôn ra Pháp Âm chẳng thoái chuyển của sáu Ba La Mật (Lược bỏ phần giữa).

Dùng sức Thần của Hư Không Tạng Bồ Tát cho nên, ở trên không trung tuôn mưa Pháp màu nhiệm và Tài (tiền của) như vậy, khiến cho tất cả chúng

sinh trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới được đầy đủ vô lượng ước nguyện khoái lạc chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng sinh có bệnh khổ sẽ được thuốc trừ khỏi bệnh, chúng sinh cô đơn nghèo khó được vô lượng trân bảo, chúng sinh bị cột trói cấm đoán được khai ngộ giải thoát, các Căn chẳng đủ đều được đầy đủ”.

Riêng trong quyển 2 “**Biệt Tôn Tạng Ký**” ghi chép rằng: “Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho hằng sa Công Đức Phước Tụ Tư Lương của tất cả Như Lai. Người tu Du Già thì vào trong Bộ này, nhanh chóng thành tựu tất cả Phục Tàng đã mong cầu, đều hiện được báu Chân Đa Ma Ni”.

“**Giác Thiên Sao**” trích dẫn quyển 11 ”**Đại Nhật Kinh Sớ**” nói rằng: “Như hư không chẳng thể phá hoại, tất cả chẳng thể thắng được, cho nên gọi là **Hư Không**.... Lại nói về chữ **Tạng**: Như con người có kho báu lớn, ban cho điều mong muốn, tự tại lấy dùng chẳng bị nghèo túng. Tạng Hư Không của Như Lai cũng lại như vậy, tất cả việc lợi lạc của chúng sinh đều từ bên trong tuôn ra vô lượng Pháp Bảo, tự tại nhận dùng, không bao giờ cạn hết, nên gọi là **Hư Không Tạng**. Tạng này hay sinh ra tất cả Phật Sự vậy”.

Trong quyển 4 “**Giáo Vương Kinh Sớ**” lại nêu rằng: "Hư Không Tạng Đại Bồ Tát, là chủ của Tam Muội, tức là Hạnh mà vị Bồ Tát này đã tu, cho nên nói là **Hư Không Tạng Bồ Tát Tam Muội Gia**, gom tụ Phước Đức vô biên không có bờ mé, giống như Hư Không, cho nên nói là **Tạng**".

Lược lại, có ba nghĩa là: Một là **Năng Tàng** (hay tàng chứa) nên gọi là Tạng, hai là **Sở Tàng** (nơi chứa) nên gọi là Tạng, ba là **Năng Sinh** (hay sinh) nên gọi là Tạng. Tam Muội Gia này bao hàm gom tụ Phước Đức của Thế Gian và Xuất Thế Gian, không có chỗ nào gây trở ngại được.

Nói **Năng Tàng** mà gọi là Tạng, cho nên trong “**Lý Thú Thích**” nói rằng: “Bồ Tát này ở vành trăng bên phải, biểu thị cho nhóm gom tụ Tư Lương hằng sa Công Đức thuộc Chân Như của tất cả Như Lai.

Lại chúng sinh Phước mỏng chẳng thể cảm nhận được, nên vì kẻ có Phước mỏng mà hiển bày Phục Tàng, cho nên gọi là **Sở Tàng**.

Đại Thánh Từ Bi thương xót Hữu Tình, mở Tạng Pháp Giới, sinh ra vô lượng Kim Cang, bảy báu ban cho tất cả, cho nên nói **Năng Sinh** là Tạng vậy”.

Trong “**Hư Không Tạng Bồ Tát Thần Chú Kinh**” Đức Phật Đà ngợi khen Hư Không Tạng Bồ Tát rằng:

Thiên Định như biển

Tịnh Giới như núi

*Trí như hư không
Tinh tiến như gió
Nhãn như Kim Cang
Tuệ như hằng sa.*

Là Pháp Khí của Chư Phật, con mắt của Chư Thiên, Chính Đạo của con người, chỗ nương tựa của súc sinh, nơi Quỷ đói theo về, Pháp Khí cứu hộ chúng sinh ở Địa Ngục.... xứng đáng thọ nhận sự cúng dường tối thắng của tất cả chúng sinh”. Có thể thấy Công Đức thù thắng của vị Bồ Tát này vậy.

Trong “**Hư Không Tạng Bồ Tát Kinh**” có kể lại: " Khi Đức Phật Đà ở núi **Khư La Để Xí** thời Hư Không Tạng Bồ Tát từ chỗ của Đức Phật **Thắng Hoa Phu Tạng** tại Thế Giới **Nhất Thiết Hương Tập Y** ở phương Tây cùng với mười tám ức Bồ Tát đi đến Thế Giới **Sa Bà**, cùng nhau dùng sức Thần đó biến hóa Thế Giới Sa Bà trở thành Tịnh Thổ, khiến cho tất cả Đại Chúng trong Hội, hai tay đều có viên ngọc Như Ý Ma Ni, viên ngọc ấy phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp Thế Giới, cùng tấu nhạc Trời sinh ra mọi loại vật báu".

Trong các loại Kinh Sớ vừa nêu trên ghi chép, chẳng những có thể biết được nhân duyên vì sao gọi là **Hư Không Tạng** và sự quan hệ mật thiết sâu xa với Tài Bảo của Hư Không Tạng Bồ Tát, lại có thể biết được **Bản Tôn Tài Bảo Hư Không Tạng Bồ Tát** này không những có thể ban cho chúng sinh vô lượng mọi loại Tài Bảo màu nhiệm quý báu của Thế Gian, thỏa mãn đủ nhu cầu của chúng sinh ở Thế Gian, lại hay tăng tiến ý nghĩ vui vẻ của chúng sinh, ban cho các loại Pháp Tài, khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn Bồ Đề, đồng thời viên mãn hai loại Tư Lương **Phước Trí** của chúng sinh.

Như trong “**A Sa Phộc Sao**” nêu ra trong “**Lý Thú Thích**” rằng: "Người tu hành tu **Hư Không Tạng Bồ Tát Tam Ma Địa Hạnh**, cần phải xây dựng Mạn Trà La của Bản Tôn Bồ Tát này. Chính giữa vẽ **Hư Không Tạng Bồ Tát** như bản hình, phía trước vẽ **Kim Cang Bảo**, bên phải vẽ **Kim Cang Quang**, bên trái vẽ **Kim Cang Trạng**, phía sau vẽ **Kim Cang Tiểu**, bốn góc của Nội Ngoại Viện đều đặt riêng bốn Cúng Dường của **Nội Cúng** như bản hình. Cửa Đông an trí cái Chày Kim Cang, cửa Nam an trí Báu, cửa Tây an trí Hoa Sen cửa Bắc an trí cái Chuông. Người tu hành nếu vào Mạn Trà La này, thời khiến cho mọi mong cầu trong đời này của người khác đều được tất cả phú quý, quan vị, diệt tất cả sự nghèo túng".



Hư Không Tạng Mạn Trà La

Ngoài ra, trong quyển thứ 300 “**A Sa Phộc Sao**” cũng nêu ra trong “**Đại Hư Không Tạng Quy**” rằng: “Tại gia, Xuất Gia có Phước mỏng, thiếu Đức, thiếu thốn vật dụng...mong cầu Thắng Nguyên thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, phần nhiều chẳng toại ý. Nếu y theo Giáo Pháp này tu hành thì chướng của nhóm nghiệp báo thấy đều tiêu trừ; tăng trưởng Phước Đức, tâm thần vui vẻ, tịnh tín Đại Thừa, lợi lạc Hữu Tình, tâm không thoái chuyển; hết thấy Tài Bảo thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian thấy đều đạt được, đối với tất cả chúng sinh hay làm lợi ích. Một lần xưng một lần niệm đều gom tụ được Phước giống như Hư Không, huống chi tác ý như Pháp Tu trì, mọi nguyện ắt được thành tựu thù thắng”.

Từ đây có thể biết hiệu nghiệm của Pháp cầu Tài Bảo Phú quý ấy là giống nhau.

PHÁP CẦU PHÚ QUÝ CỦA NGŨ ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Ngũ Đại Hư Không Tạng Bồ Tát là chỉ năm vị Bồ Tát: Pháp Giới Hư Không Tạng, Kim Cang Hư Không Tạng, Bảo Quang Hư Không Tạng, Liên Hoa Hư Không Tạng, Nghiệp Dụng Hư Không Tạng.

Lại xưng là Giải Thoát Hư Không Tạng, Phước Trí Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Thí Nguyên Hư Không Tạng, Vô Cấu Hư Không Tạng.

Hoặc xưng là Trí Tuệ Hư Không Tạng, Ái Kính Hư Không Tạng, Quan Vị Hư Không Tạng, Năng Mãn Hư Không Tạng, Phước Đức Hư Không Tạng.

Phân biệt năm Tôn này là Đại Nhật Như Lai, A Súc Như Lai, Bảo Sinh Phật, A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật... năm vị Phật này đều trụ ở nơi biến hiện của **Như Ý Bảo Châu Tam Muội**, tượng trưng cho sự thành tựu năm Trí Tam Muội của Như Lai.

Trong "**Biệt Tôn Tạp Ký**" có Pháp cầu Phú Quý của năm Đại Hư Không Tạng, được ghi chép là: "Hành Giả nên: ở vòng tròn chính giữa vẽ Hư Không Tạng màu trắng, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm bấu. Ở vòng tròn phía trước Vẽ Hư Không Tạng màu vàng, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Kim Cang bấu. Ở vòng tròn bên phải vẽ Hư Không Tạng màu xanh, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Tam Biện Bảo (Báu có ba cánh), phóng ánh sáng lớn. Ở vòng tròn phía sau vẽ Hư Không Tạng màu đỏ, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm hoa sen hồng lớn. Ở vòng tròn bên trái Hư Không Tạng màu tím đen, tay trái cầm cái Móc Câu, tay phải cầm Yết Ma bấu. Đây gọi là **Ngũ Đại Hư Không Tạng Cầu Phú Quý Pháp**. Quần áo, mũ trên đầu, chuỗi Anh Lạc của Bồ Tát ấy đều y theo bản sắc và đều ngồi bán già.

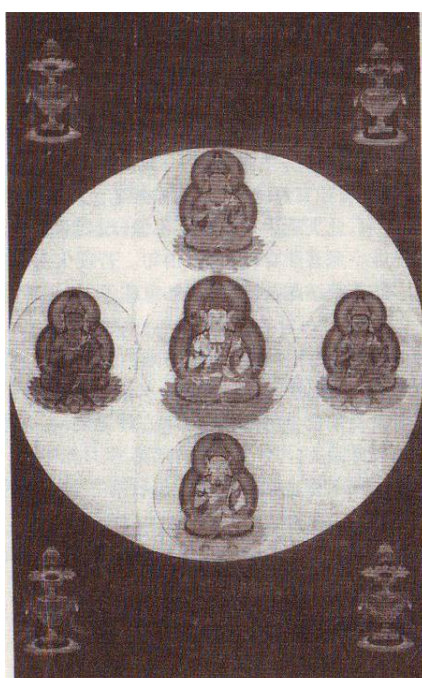
Vẽ Tượng này xong, Ở Đền, trước tiên không có gián đoạn chỉ tụng **Ngũ Tự Minh** (thấy rõ ở sau) một ngàn vạn biến, liền được thành tựu Phú Quý.

Trong Phẩm **Kim Cang Cát Tường Đại Thành Tựu** ghi chép rằng: "Phân biệt năm Tôn Hư Không Tạng Bồ Tát là cỡi Sư Tử, Voi, Ngựa, Chim Công, Chim Ca Lô La (Kim Xí Điểu). Ấn Tượng của **Tổng Ấn** đó là **Ngoại Ngũ Cổ Ấn**, hai ngón giữa làm hình bấu, ở đầu bốn ngón còn lại quán tưởng hình bấu.

Dùng Bản Tôn của năm Đại Hư Không Tạng Bồ Tát làm Pháp tu, xưng là **Ngũ Đại Hư Không Tạng Pháp**, thường dùng ở pháp tăng ích để cầu xin tiền của, giàu có, Thọ Mạng, Trí Tuệ....

HÌNH TƯỢNG CỦA NĂM ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Hư Không Tạng Bồ Tát là Chủ Tôn của **Hư Không Tạng Viện** trong **Thai Tạng Mạn Trà La**, toàn thân màu thịt, đầu đội Mão Ngũ Phật, cánh tay phải co lại cầm Cây Kiếm, Kiếm Duyên có ánh sáng lửa rực; tay trái để ở bên cạnh eo, nắm quyền cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen có viên ngọc Báu Như Ý, ngồi ở trên Hoa Sen báu, vật cầm đó là Viên Ngọc, Cây Kiếm, tức là đại biểu cho hai môn Phước Đức và Trí Tuệ. Đỉnh đội Mão Báu Ngũ Phật, biểu thị cho đầy đủ Quả Đức viên mãn vạn Đức. Tay phải cầm Cây Kiếm Báu biểu thị cho Trí của Nội Chứng ấy. Năm vị Ba La Mật Bồ Tát là Tuệ, Phương, Nguyên, Lực, Trí ở phía sau thân, từ đây sinh ra.



Hư Không Tạng Bồ Tát tay trái cầm Hoa Sen, bên trên có viên ngọc Báu, viên ngọc Báu có một cánh, ba cánh hoặc năm cánh. Viên ngọc báu một cánh biểu thị cho Tâm Bồ Đề của một tướng Báu, viên ngọc báu ba cánh biểu thị cho ba Bộ: Đại Định, Đại Trí, Đại Bi của Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ trong Thai Tạng Giới. Viên ngọc báu năm cánh biểu thị cho năm Trí của Kim Cang Giới, cũng tức là Phước Đức của Nội Chứng, từ đây tuôn chảy ra năm Ba La Mật Bồ Tát là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định.

Quyển Thuộc mười Ba La Mật Bồ Tát ấy mặc áo Yết Ma, là từ hai trang nghiêm Phước Đức và Trí Tuệ của Hư Không Tạng Bồ Tát hóa hiện ra.

Riêng trong Thích Ca Viện, thì Tôn này dùng tay phải cầm cây Phát Trần, tay trái cầm Hoa Sen, bên trên Hoa Sen có viên ngọc màu xanh lục, đứng trên tòa Sen rộng bằng phẳng. Nếu muốn hiển thị rõ rệt Quả Đức thì thân màu vàng rực rỡ.

Ngoài ra trong “**Quán Hư Không Tạng Bồ Tát Kinh**” cũng kể lại rằng: "Bấy giờ nên khởi Tâm nhìn tướng Hư Không Tạng Bồ Tát đó, trên đỉnh có viên ngọc Như ý, viên ngọc Như ý ấy có màu vàng tía (tử kim sắc). Nếu thấy viên ngọc Như Ý liền thấy mào Trời, trong mào Trời đó có 35 tượng Phật. Tượng Phật ở mười phương trong viên ngọc Như Ý hiện thân Hư Không Tạng Bồ Tát, dài hai mươi do tuần. Nếu hiện thân lớn, ngang bằng với Quán Thế Âm. Bồ Tát này ngồi Kiết Già, tay nâng viên ngọc Như Ý, viên ngọc Như ý diễn mọi Pháp Âm".

Trong “**Giác Thiên Sao**” nêu ra trong “**Lý Thú Thích**” rằng: "Lưng của Hư Không Tạng Bồ Tát vành trắng, tay phải cầm bấu Kim Cang, tay trái tác Thí Nguyên, ngồi Bán Già".

Lại nói **Niệm Tụng Kết Hộ** nói là: " Hư Không Tạng Bồ Tát có thân màu vàng tía, đỉnh đội năm Đức Phật, tay trái tác Thí Vô Úy, tay phải cầm Hoa Sen xanh, trong Hoa Sen có bấu pha lê hồng. Bồ Tát ở Hoa Sen xanh Trung Thờ, ngồi trong vành trắng".

Ngoài ra, Hư Không Tạng Bồ Tát cũng thường làm **Minh Tinh** được hiện ra từ hạt thứ nhất của Thiên Hắc Hậu, nhân đây cũng được cho là hóa hiện đồng thể với **Minh Tinh Thiên Tử**.

Chữ Chủng Tử là: ॐ (TRÀH) hoặc ॐ (TRÀM) hoặc ॐ (OM) hoặc ॐ (À) hoặc ॐ (Ì)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kiếm Báu.

Chân Ngôn là:

ॐ(1) ॐ(2) ॐ(3) ॐ(4)

(1) **Án** (2) **phộc nhật la** (3) **la đất năng** (4) **hồng**.

(1) OM (2) VAJRA (3) RATNA (4) HŪM.

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang (3) Báu (4) Năng Sinh (hay sinh ra).

ॐ(1) ॐ(2) ॐ(3) ॐ(4) ॐ(5)

ॐ(6) ॐ(7)

(1) Y (2) a ca xa (3) tam mạn đa (4) nô yết đa (5) bễ chất đa lam ma phộc la (6) đà la (7) toa ha (Thai Tạng Giới).

(1) Ì (2) ÀKÀ‘SA (3) SAMANTA (4) ANUGATA (5) VICITRÀMBARA (6) DHARA (7) SVÀHÀ.

(1) Y (Chủng Tử có nghĩa là Tự Tại) (2) Hư Không (3) Đẳng (4) được (5) các loại áo (6) mặc (7) thành tựu.

{Thành Tựu Phú Quý Hư Không Tạng câu triệu ngũ tự Minh}

Tông, Hồng, Đát Lạc, Hộ Lý, Ác.

ᠠ ᠲᠤ ᠨᠠ ᠨᠠ ᠨᠠ

VAM HÙM TRÀH HRÌH AH.

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Địa Tạng Bồ Tát là kho tàng ẩn chứa các Công Đức vi diệu, đầy đủ các trân bảo giải thoát, giống như viên ngọc Như Ý tuôn mưa mọi tài bảo. Tùy theo sự mong cầu chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc là cầu Phước Đức, tiền của, giàu có đều khiến được mãn túc.

Địa Tạng Bồ Tát (Tên Phạn là: Kṣiti-garbha), là vị Bồ Tát có Bi Nguyện đặc biệt quan trọng, nhân đây lại được xưng là: **Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát** để biểu hiện cho Đức Đặc Biệt đó.

Địa Tạng ý nghĩa của tên này tức là chỉ tất cả kho báu ẩn chứa dưới đại địa. Trong **Thập Phương Quảng Thập Kinh**, quyển một nói: "**Địa Tạng** có ý nghĩa là ẩn chứa (kho báu bị che dấu trong lòng đất)"



Cửu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, quyển bốn ghi là: "Dùng kho tàng ẩn chứa trong lòng đất ví như hiển thị **Như Lai Tạng**. Nhưng kho báu này, một phương diện là đại biểu cho **Phật Tánh** trong sạch không nhiễm bẩn của chúng sinh, hay khiến cho chúng ta thành tựu viên mãn Phật Quả, một phương diện khác là đại biểu cho Phước Đức, Trí Tuệ, Tài Bảo vô tận của sinh mạng,

cho nên Địa Tạng đại biểu cho tất cả kho tàng ẩn chứa Công Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Trong Kinh lại nói rằng: "Địa Tạng Bồ Tát trụ ở **Kim Cang Bất Khả Hoại Hạnh Cảnh Giới Tam Muội**, giống như Kim Cang Địa Luân rất bền chắc chẳng thể phá hoại, cho nên hay trụ giữ vạn vật khiến cho chẳng lay động; lại giống như trái đất hay ẩn chứa các loại kho tàng quý báu không có cùng tận, hàm chứa tất cả Chúng Tử, khiến cho chẳng mục nát, dần dần tươi tốt thêm.

Địa Tạng, hay mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh ở thế gian và xuất thế gian, là **Mẫu Thai** hay sinh ra chúng sinh để thành Phật. Đại Địa, ở ý nghĩa hiện tượng cụ thể trên, có đầy đủ tính chất đặc biệt là: Sinh trưởng, bền chắc, trụ giữ vạn vật, chẳng động, rộng lớn cùng với Mẫu Thai, có đầy đủ năng lực sinh ra tất cả kho báu. Mà Địa Tạng Bồ Tát cũng có đầy đủ Phước Đức như vậy, cho nên dùng Địa Tạng để tác làm danh hiệu đó".

Trong **Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh** ghi chép rằng: "Tùy theo chỗ ở. Nếu quần áo, thức ăn uống, đồ dùng hàng ngày của các hữu tình có chỗ thiếu thốn mà hay chí tâm xưng tên niệm tụng, quy kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, thời tất cả đều được như Pháp mong cầu".

Lại nói rằng: "Hay thủ hộ cho Hành Giả tu học pháp môn của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho tất cả tiền của, quan vị chẳng thiếu thốn".

Từ đây có thể thấy, chẳng luận là cầu xin ngũ cốc được mùa hoặc cầu Phước Đức, tiền của, giàu có đều có thể dùng pháp tu của Địa Tạng Bồ Tát làm Bản Tôn.

Nhưng mật ý trên lại càng sâu sắc hơn như trong "**Địa Tạng Thập Luân Kinh**" nói về Địa Tạng Bồ Tát rằng: "*An nhĩn chẳng động như đại địa, tĩnh lự nghĩ kín đáo biết Bí Tạng*" cho nên có tên gọi là "**Địa Tạng**".

An nhĩn chẳng động như đại địa, là ý nói **Nhĩn Ba La Mật** thứ nhất của Địa Tạng Bồ Tát giống như trái đất, hay chứa đựng đủ tất cả các loại tội nghiệp của chúng sinh, tức là khiến cho nơi có dơ bẩn, tội nghiệp càng thêm vào trên thân của Ngài mà Ngài vẫn cứ an nhĩn chẳng động.

Còn *Tĩnh Lự nghĩ kín đáo biết Bí Tạng*, là biểu hiện cái Trí Tuệ Thiền Định không thể nghĩ bàn, đầy đủ **Định lực, Trí Tuệ** cho nên hay biết rõ tất cả Bí Tạng, tất cả bí yếu của Phật Pháp.

Địa Tạng Bồ Tát có đủ Đức Tính tối cao, không chỉ hay chứa đựng đủ các khổ nạn của chúng sinh, mà còn hay biết rõ tất cả Pháp trọng yếu của sinh mạng, cho nên xưng là "Địa Tạng".

Nếu công việc, nghề nghiệp của chúng ta có liên quan đến "Đại Địa", thì nên tu trì Địa Tạng Bồ Tát ắt hay có sự giúp đỡ và lợi ích rộng lớn. Chúng ta mỗi ngày an trú ở Đại Địa, lúc ngồi, lúc đi, nếu như hay nhớ niệm Đức Đặc Biệt

của Địa Tạng Bồ Tát, thời hay tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát, không những ước nguyện được viên mãn mà thân thể cũng sẽ khỏe mạnh, an ổn giống như Đại Địa.



NHÂN DUYÊN ĐỊA TẠNG BỒ TÁT PHÁT TÂM TU HÀNH

Câu chuyện kể về Bản Sinh của Địa Tạng Bồ Tát rất là nổi tiếng, tức là Bà La Môn Nữ cùng với Quang Mục Nữ, vì muốn giải cứu mẫu thân ở Địa Ngục mà phát khởi thệ nguyện Đại Bi. Ngoài chuyện này ra nhân duyên Địa Tạng Bồ Tát phát tâm còn có câu chuyện khác.

Hằng hà sa số kiếp về trước, có một Đức Phật Đà ra đời hiệu là **Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai**. Thời ấy là đời quá khứ của Chính Trực Địa Tạng Bồ Tát, Ngài là con của một vị Đại Trưởng Giả.

Đứa con của vị Trưởng Giả này sớm có Tuệ Căn, nhân đây có đủ nhân duyên, để đi đến lễ bái Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.

Đứa con của Trưởng Giả đi đến trước thân của Đức Phật Đà, sau khi cúi đầu đỉnh lễ xong, nhìn thấy Đức Như Lai có đầy đủ 32 Tướng 80 loại tốt, có ngàn Phước trang nghiêm, trong lòng chẳng cầm được như chim sẻ nhảy, mắt nhìn chẳng rời.

Khi ấy đứa con của Trưởng Giả dùng Tâm cung kính chẳng thể nào kể xiết hương về Đức Phật Đà hỏi rằng: “Bạch Đức Phật Đà! Cần phải tu tập loại Hạnh Nguyện nào, mới có thể giống như Như Lai, chứng được tướng màu nhiệm thù thắng như vậy?”

Thời Đức Phật Đà bảo với đứa con của Trưởng Giả rằng: “Thân tướng trang nghiêm của chư Phật đều do Phước Đức Đại Bi mà thành tựu. Nếu như

muốn chứng được thân Phật viên mãn, ắt phải ở trong kiếp rất lâu xa cứu độ giải thoát tất cả chúng sinh thọ khổ mới có thể đạt được.

32 Tướng, 80 loại tốt của Đức Phật Đà là do tất cả Phước Đức trang nghiêm đã viên mãn.

Thế nên khi một vị Bồ Tát bắt đầu quyết định học tập Đạo Quả thành Phật thời liền phát động **Tịnh Nghiệp** tu hành của 32 Tướng.

Từ lúc này đến khi thành tựu Phật Quả của Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, ở khoảng giữa ấy, Bồ Tát nghe nhiều không chán, suy tư tu hành. Khi Ngài tu hành mỗi một loại Tướng tốt, liền dùng trăm loại Phước Đức để thêm vào xung quanh cho trang nghiêm, cho nên có tên gọi là **Bách Phước Trang Nghiêm**, cho đến **Thiên Phước Trang Nghiêm**.

Hết thấy Phước Đức xa xôi ở thế gian trước kia cũng chẳng kịp với Phước Đức của Như Lai.

Bồ Tát thường ở trong vô lượng kiếp vì hết thấy chúng sinh mà sáng tạo lợi ích rộng lớn, họ một lòng thành ý tinh tiến khuyến làm (khuyến hạnh) tất cả nghiệp lành, nhân đây Như Lai mới thành tựu đầy đủ vô lượng Công Đức. Cho nên 32 Tướng của Đức Phật Đà đó là quả báo của Tâm Hạnh **Đại Bi**.

THẦN CHÚ TĂNG TRƯỞNG TÀI BẢO THỂ LỰC

Địa Tạng Bồ Tát vì muốn khiến cho chúng sinh hay đạt được tất cả Pháp lành của Thế Gian như là: Tăng trưởng ghi nhớ, thọ mạng, thân thể, sức lực của thân thể, danh tiếng (danh văn)... và khiến cho họ tăng trưởng tất cả Pháp lành của Xuất Thế Gian như là: Trí Tuệ, Đại Từ, Đại Bi...mà tuyên nói Thần Chú chẳng thể nghĩ bàn như bên dưới.

Thần Chú này hay khiến cho danh tiếng truyền ra khắp thế giới và hay tăng trưởng tất cả tinh khí vị ngon của Đại Địa, khiến cho tinh khí của thân tâm tăng mạnh, hay làm sự nghiệp lành, tăng trưởng tinh khí để viên mãn chính pháp, khiến cho ánh sáng của Trí Tuệ sinh khắp nơi, cho đến viên mãn Bồ Tát Hạnh, thành tựu Niết Bàn Giải Thoát.

Chân Ngôn chẳng thể nghĩ bàn này tên là: “**Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Kỳ Minh Chú Tổng Trì Chương Cú**”.

Chân Ngôn này hay khiến tăng trưởng tất cả Pháp trắng trong sạch (Thanh Tịnh Bạch Pháp), tăng trưởng tất cả tinh khí vị ngon của tất cả thực vật như là: Hạt giống, gốc rễ, mầm non, cành lá, hoa quả, dược liệu, ngũ cốc...Cũng hay khiến cho mưa thuận gió hoà, tăng trưởng có ích cho năng lượng của bốn Đại: Đất, Nước, Gió, Lửa... khiến cho thân tâm vui mừng, Tài Bảo, Thắng Lực, cùng với tất cả và nhân duyên hưởng thụ hoàn cảnh bên ngoài, đều được tăng ích, và khiến Trí Tuệ lạnh lợi, đập nát tất cả phiền não.

Chân Ngôn Thần Chú này như sau:

**Sấm bồ, sấm bồ, sấm sấm bồ, a ca xá sấm bồ, phộc yết lạc sấm bồ, bồ
bạt lạc sấm bồ, thêm la sấm bồ, phạt chiết lạc sấm bồ, a lộ ca sấm bồ, mạc
ma sấm bồ, tát đế ma sấm bồ, tát đế nặc ha la sấm bồ, tỳ bà lộ ca tháp bà
sấm bồ, ồ ba mạc ma sấm bồ, nại dã na sấm bồ, bát, thích nhạ tam mâu đế
thích nã sấm bồ, sát nã sấm bồ, tỳ thấp bà lê dạ sấm bồ, xá tát đa tịch bà
sấm bồ, tỳ a trà tố tra, mạc ê lệ đạ mê, thiêm mê, chước yết lạc tế, chước
yết lạc tứ lệ, xí lệ, ty lệ, yết thích bà bạt la phạt thích đế, khiếm lệ, bát
thích già la phạn đất nê, hạt thích đất nê, bá la, già già già già khiếm lệ, nhĩ
lệ, ê yết tha, thác khế, thác củ lô, thác lệ, thác lệ, nhĩ lệ, ma trán, đôn trán,
củ lệ, nhĩ lệ lệ, áng củ chi đa tỳ, át lý, kì lý, ba la kì lý, củ tra thêm mặt lệ,
đôn chi, đôn chi, đôn cụ lệ, hử lô, hử lô, hử lô, củ lô tốt đô nhĩ lệ, nhĩ lý đệ,
di lê trán, bạng trà đà, hạt la, khiếm lệ, hử lô, hử lỗ lô.**

[KṢAM-BHU , KṢAM-BHU,KṢUD KṢAM-BHU, ÀKÀ'SA KṢAM-
BHU, VÀRAKA KṢAM-BHU, ABHÙ KṢAM-BHU, VAIRA KṢAM-BHU,
VAJRA KṢAM-BHU, ÀLOKA KṢAM-BHU, DAMA KṢAM-BHU,
SATYÀMA KṢAM-BHU, SATYA NIRHÀRA KṢAM-BHU, VYAVALOKA
KṢAN VÀ KṢAM-BHU, UPA'SAMA KṢAM-BHU, NAYANA KṢAM-
BHU,PRAJÑÀ SAMBHUTI RAṆA KṢAM-BHU, KṢAṆA KṢAM-BHU,
VI'SÌLYA KṢAM-BHU, 'SÀSTÀLÀVA KṢAM-BHU, VYÀḌA SUṬA
MAHILE DÀHILE DAME 'SAME, CAKRÀSI ÇAKRA MAṢILE KṢILE
BHÌRE, HIRE GRAH SAMVALA VRÀTE RATNA PÀLE CA CA CA
CA, HÌRE MILE EKÀRTHA THAḶKHE THA GOLO, THALE THALE
MILE, BÀṬHE TÀḌE KULE KU MILE , AMILE AÑGO CITTÀVI, ARI
GILI PARAGILI KU'SA 'SAMALE, JAÑGE JAÑGULE , HURU HURU
HURU HURU, STU-MILE MIMÌLEḌHE 'SAMILE TARE BHÀ DADA
HÀRA , HÌRA HÌRE, HURU HURU

NU BHÀVA RAJA VI'SODHANE SVÀHÀ
KALIYUGA VI'SODHANE SVÀHÀ
KALUṢA MANA VI'SODHANE SVÀHÀ
KALUṢA MAHÀBHÙTA VI'SODHANE SVÀHÀ
KALUṢA RASA VI'SODHANE SVÀHÀ
KALUṢA OJA VI'SODHANE SVÀHÀ
SARVA À'SA PARIPÙRAṆI SVÀHÀ
SARVA SASYA SAMPÀDANE SVÀHÀ
SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬHITE SVÀHÀ
SARVA BODHISATVA ADHIṢṬHITA ANU MODITE SVÀHÀ].

Ý nghĩa của Thần Chú này là:

Tuyên nói khéo léo (Thần Chú này) hay trong sạch (Thanh Tịnh) hết thảy (Chư Hữu) tất cả phiền não (Trần Lao).

Tuyên nói khéo léo hay Thanh Tịnh Thời Kiếp của đấu tranh.

Tuyên nói khéo léo hay Thanh Tịnh ý niệm của trọc ác.

Tuyên nói khéo léo hay Tịnh Hóa ô trọc của bốn đại Đất, Nước, Gió, Lửa...

Tuyên nói khéo léo hay Thanh Tịnh mùi vị của trọc ác.

Tuyên nói khéo léo hay Tịnh Hóa hơi thở ra vào của trọc ác.

Tuyên nói khéo léo hay mãn túc hết thảy hy vọng.

Tuyên nói khéo léo hay thành chủng các loại việc nhà nông (Giá Sắc).

Tuyên nói khéo léo hay khiến tất cả Đức Phật Đà Thế Tôn gia hộ.

Tuyên nói khéo léo hay khiến tất cả Bồ Tát gia hộ mà tùy theo tâm vui vẻ (Tùy Hỷ).

Khi Địa Tạng Bồ Tát tuyên nói Chân Ngôn thù thắng này lưu chuyển vào núi, sông, trái đất và tất cả pháp giới thời hết thảy cây cỏ trong trái đất đều vui mừng nảy nở tươi tốt thêm, tất cả hoàn cảnh đều thu được sự sinh sôi nảy nở không thể nào so sánh được, hết thảy cộng đồng sinh mạng cùng phồn thịnh, tốt lành hòa kính tất cả, tràn đầy giữa vũ trụ. Điều này thật sự là khiến cho tất cả Đại Địa được tăng trưởng thủ hộ, tất cả sinh mạng được tăng ích, có thể nói đó là Chú màu nhiệm kỳ diệu để bảo vệ sinh mạng.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Hình Tỳ Kheo

Hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trong “**Thập Luân Kinh**” nói là tướng Thanh Văn. Nói chung hình tượng Bồ Tát này rất là thù thắng, bởi vì toàn thân của Bồ Tát trang sức bằng vòng ngọc quý báu, đầu đội Mão báu, thị hiện tướng tại gia rất đẹp, tương đối ít giống với tướng Tỳ Kheo Thanh Văn của Địa Tạng Bồ Tát là thị hiện hào quang trên đỉnh đầu. Loại hình tượng này của Địa Tạng Bồ Tát là “*Bên ngoài hiện tướng Tỳ Kheo, bên trong ẩn chứa hạnh Bồ Tát*”, đó là vì khiến chúng sinh hay xa lìa việc luân hồi trong các nẻo ác, cho nên đặc biệt thị hiện tướng Thanh Văn, xa lìa Thế Gian, hướng về đạo Chính Giác.

Trong “**Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ**” cũng nói” Địa Tạng Bồ Tát hình tướng Thanh Văn, mặc áo cà sa phủ lên vai trái rất trang nghiêm, tay trái cầm Doanh Hoa hình, tay phải tác Thí Vô Úy, ngồi trên hoa sen. Nếu như hiện tướng Đại Sĩ, thì đỉnh đầu đội mão Trời, mặc áo cà sa, tay trái cầm cuống hoa sen, tay phải như lúc trước, ngồi yên trên đài có 9 hoa sen.



ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THỊ HIỆN TƯỚNG THANH VĂN

Trong quyển 5 “**Đồ Tượng Sao**”, quyển 28 “**Biệt Tôn Tạp Ký**”, “**Giác Thiên Sao. Địa Tạng Thượng**”, **Địa Tạng quyển 110** trong “**A Sa Phộc Sao**”.... đều nêu rõ Tượng này.

Trong quyển 28 “**Biệt Tôn Tạp Ký**” và “**Giác Thiên Sao. Địa Tạng Thượng**” nêu ra là hình Tỳ Kheo, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dữ Nguyễn Ấn, chân phải buông thòng xuống dưới, ngồi trên hoa sen ở trên mây.

Trong Phật giáo Trung Quốc, hình tượng Địa Tạng phần nhiều là tay trái cầm viên ngọc báu Như Ý, tay phải cầm cây Tích Trượng, phần nhiều hiện tượng Tỳ Kheo Thanh Văn, hoặc là đội mũo Ngũ Phương Phật.

Hình Bồ Tát

Nhưng trong “**Đại Nhật Kinh**” nói: Địa Tạng Bồ Tát cũng có hình dáng như Bồ Tát, đầu đội mũo Trời.



ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THỊ HIỆN HÌNH BỒ TÁT

Trong Mật Giáo vị Bồ Tát này ở chính giữa **Địa Tạng Viện** thuộc **Thai Tạng Giới**, cùng với Bồ Tát Bảo Xứ, Bảo Chương, Trì Địa, Bảo Ấn, Kiên Cố Ý

hợp lại gọi là sáu Địa Tạng. Tôn hình của Địa Tạng là: Màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, trên có phan phướng, tay phải cầm viên ngọc báu; cũng có khi tay phải tác Thí Vô Úy Ấn.

LỤC ĐẠO ĐỊA TẠNG (ĐỊA TẠNG Ở SÁU NẺO)

Nói chung mọi người đều cho là, Địa Tạng Bồ Tát chỉ ở trong nẻo Địa Ngục để cứu độ chúng sinh ở Địa Ngục, quả thật chẳng phải vậy, ở trong toàn bộ sáu nẻo, Địa Tạng Bồ Tát đều có năng lực giáo hóa tế độ, đó gọi là sáu Địa Tạng — Địa Tạng độ hóa chúng sinh ở sáu nẻo. Tên là Lục Địa Tạng, cũng là y theo sáu nẻo chúng sinh ở thế giới Sa Bà mà nói. Thế Giới ở phương khác hoặc 7 nẻo hoặc 4 nẻo chẳng giống nhau, Địa Tạng Bồ Tát cũng y theo nhân duyên của phương khác mà mỗi mỗi thị hiện ứng hóa.

Tên gọi của Lục Đạo Địa Tạng, trong các Kinh Quĩ ghi chép chẳng giống nhau, nhưng đại thể mà nói đều khởi nguồn từ quyển 5 trong “**Đại Nhật Kinh Sơ**”, trong 6 Tôn đầu trong 9 Tôn của Địa Tạng Viện thuộc Thai Tạng Giới tức là: Địa Tạng, Bảo Xứ, Bảo Chưởng, Trì Địa, Bảo Ấn, Kiên Cố Ý.

Sự tín ngưỡng của sáu Địa Tạng ở Nhật Bản lưu hành khác nhau. Biểu đồ dưới đây như quyển hạ, Địa Tạng trong “**Giác Thiên Sao**” và “**Địa Tạng Bồ Tát Phát Tâm Nhân Duyên Thập Vương Kinh**” nêu rõ sáu Địa Tạng như sau:

Nơi Hóa Đạo	Tên Địa Tạng trong “Giác Thiên Sao”	Vật cầm và tay ấn	Tên gọi khác của Địa Tạng trong “Thập Vương Kinh”	Vật cầm và tay ấn
Nẻo Trời	Đại Kiên Cố Địa Tạng	Viên ngọc báu, quyển Kinh	Dự Thiên Hạ Địa Tạng	Viên ngọc như ý, Thuyết Pháp ấn
Nẻo Người	Đại Thanh Tịnh Địa Tạng	Viên ngọc báu, Thí Vô Úy ấn	Phóng Quang Vương Địa Tạng	Cây Tích Trượng, Dữ Nguyên ấn
Nẻo Tu La	Thanh Tịnh Vô Cấu Địa Tạng	Viên ngọc báu, cái rương chứa Kinh Phạn (Phạn Khiếp)	Kim Cang Tràng Địa Tạng	Cờ phướng Kim Cang, Thí Vô Úy

Nẻo Súc Sinh	Đại Quang Minh Địa Tạng	Viên ngọc báu, Như Ý(?)	Kim Cang Bi Địa Tạng	Cây Tích Trượng, Tiếp Dẫn Ấn
Nẻo Quý đỏi	Đại Đức Thanh Tịnh Địa Tạng	Viên ngọc báu, Dữ Nguyễn Ấn	Kim Cang Bảo Địa Tạng	Viên ngọc báu, Cam Lộ ấn
Nẻo Địa Ngục	Đại Định Trí Bi Địa Tạng	Cây Tích Trượng, Viên ngọc báu	Kim Cang Nguyễn Địa Tạng	Diêm Ma Tràng, Thành Biện ấn

Chữ Chủng Tử là: 𑖇 (Ha)

Tam Muội Gia Hình là: Trên Hoa Sen có viên ngọc báu có cờ phướng.

Ấn Tướng là: Địa Tạng Kỳ Ấn (Nội Phộc, hai ngón giữa duỗi thẳng dựng đứng) thành Pháp Thân Ấn và Pháp Ấn.

Chân ngôn là:

(1) Nam mô (2) tam mạn đa (3) bột đà nam (4) ha ha ha (5) tô đát nô (6) toa ha.

𑖇𑖇𑖇 (1) 𑖇𑖇𑖇𑖇 (2) 𑖇𑖇𑖇𑖇 (3) 𑖇𑖇𑖇 (4) 𑖇𑖇𑖇𑖇 (5) 𑖇𑖇𑖇 (6)

(1)NAMAḤ (2) SAMANTA (3) BUDDHÀNÀM (4) HA HA HA (5) SUTANU (6) SVÀHÀ.

(1) Quy mạng (2) phổ biến (3) Chư Phật (4) lia 3 nhân (5) Diệu Thân (6) thành tựu.

DI LẶC BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Nếu tu trì Pháp Di Lạc Bồ Tát Như Ý Tất Địa thành tựu, thì hay đầy khắp mười phương thế giới, tuôn mưa bảy báu ban cho chúng sinh, cúng dường tất cả Chư Phật Bồ Tát, tùy ý thành tựu tự tại.

Di Lạc Bồ Tát (Tên Phạn là: Maitreya), lại gọi là **Mai Đát Lệ Dược, Vị Đát Lợi Gia, Di Đế Lễ, Di Đế Lệ**, hoặc **Mai Nhậm Lê**, dịch là **Từ Thị**. Là vị Bồ Tát hạ sinh ngày sau thành Phật sẽ kế thừa Đức Thích Tôn, cho nên lại xưng là **Nhất Sinh Bồ Xứ Bồ Tát, Bồ Xứ Tát Đỏa** hoặc **Di Lạc Như Lai**.

Di Lạc Bồ Tát hiệu là Từ Thị, xây dựng nên danh hiệu này, căn bản nhất là đến từ Bản Nguyện Sở Hạnh ấy ở duyên khởi lên (tại duyên khởi thượng), đời đời kiếp kiếp của Ngài đều là tu tập **Từ Tâm Tam Muội**, hành Từ Hạnh (Hạnh Từ Bi) để cứu độ chúng sinh. Như trong “**Hiền Đức Kinh**” ghi chép rằng: "Cha của Di Lạc Bồ Tát tên là **Tu Phạm Ma**, mẹ tên là **Phạm Ma Đề Bạt**, thuộc gia đình Bà La Môn sinh ở Nam Đại Trúc. Bởi vì mẫu thân của Bồ Tát sau khi mang thai tính tình thay đổi, được tâm Từ và lòng thương xót, cho nên sau khi sinh ra Bồ Tát, liền lấy tên là “**Từ Thị**”.

Đức đặc biệt của Di Lạc Bồ Tát là hy vọng sau khi nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, lại tiến một bước ban cho chúng sinh sự an vui, Pháp Lạc (niềm vui của Pháp). Ngài bao quát Thế Gian và Xuất Thế Gian, khiến cho cuộc sống của chúng sinh ở thế gian hay bình hòa đầy đủ tất cả, ở xuất thế gian thì khiến cho chúng sinh nhận được an vui lớn của chân thật.

Do bản nguyện của Di Lạc Bồ Tát là phát Nguyện *muốn ban cho tất cả chúng sinh sự an vui*, nhân đây sau khi điều kiện sinh tồn cơ bản đã mãn túc, tiền của giàu có càng phong phú, nhu cầu tâm linh càng sâu dày, với hoàn cảnh sinh hoạt càng ổn định. Đây chính là đặc sắc của Di Lạc Bồ Tát độ hóa chúng sinh.

Trong “**Pháp Từ Thị Bồ Tát Tu Dũ Nga Niệm tụng. Phẩm Từ Thị Bồ Tát Tu Dũ Nga Pháp Phân Biệt Tất Địa Pháp**” ghi chép có Pháp cầu Như Ý Ma Ni Châu và Pháp Cầu Như Ý Bảo Bình.... Pháp Cầu Tài Bảo, căn cứ vào pháp đó kể ra như sau:

Nếu cầu Pháp **Như Ý Mãng Ni Châu** thì lấy viên ngọc rất sáng thật tịnh diệu của nhóm Pha Lê, Mã Não, Thủy Tinh.... rồi gia trì niệm tụng đủ ba Lạc Xoa (300.000 biến), khi hiện đủ ba Tướng liền được **Như Ý Tất Địa Pháp**, đầy mười phương thế giới, tuôn mưa bảy báu ban cho chúng sinh, cúng dường tất cả Chư Phật Bồ Tát, tùy ý tự tại thành tựu.

Nếu cầu Pháp **Như Ý Bảo Bình** thì lấy vàng, bạc cho đến sành, sứ làm cái bình, có thể đựng từ một thăng trở lên, mỗi mỗi y theo Pháp vẽ Đàn, vẽ Đức Phật Bồ Tát, vẽ ba lớp một tầng tức là bình chẳng cho dính nước, chứa đầy hạt cải trắng và Long Nảo Hương, rồi an trí trước Bản Tôn, tụng Chân Ngôn ba mươi vạn biến. Từ trên miệng bình đã vẽ hình tượng Chư Phật Bồ Tát, hình tượng của Chư Thiên, Thần Vương.... phóng ánh sáng lớn, chiếu chạm đến trên thân của người tu Chân Ngôn, liền được **Bảo Bình Thượng Tất Địa**. Hạt cải trắng ấy đều biến thành viên ngọc Như Ý Mãng Ni (Cintà-maṇi), ban cho tất cả chúng sinh sự mong cầu như ý tự tại, trong Bảo Bình Tiên (vị Tiên của cái bình báu) làm Chuyển Luân Vương, đời Từ Thị Như Lai hạ sinh, sẽ làm Đệ Nhất Hội Chủ. Đời ngàn Đức Phật của đời Hiền Kiếp, đều trở thành Chuyển Luân Vương, ngàn Đức Phật đều cùng thọ ký, và ngàn Đức Phật làm ứng thân.

Pháp Tất Địa của nhóm như vậy, nhiều vô lượng vô số chẳng thể kể hết.

Lại nói: “Hoặc được **Phục Tạng Tất Địa**, hoặc được **Hợp Liên Tất Địa**, điểm hóa vô cùng, các thứ đồng, sắt, chì, thiếc đã điểm đều trở thành vàng, rộng ban bố cho chúng sinh nghèo túng được lợi ích”.

Ở Trung Quốc Di Lặc Bồ Tát lại dùng hình tượng của “**Bố Đại Hòa Thượng**” cười híp mắt, được coi là đại biểu của Thần Tài, rất được phổ biến cung phụng. Nhưng Bố Đại Hòa Thượng ở Nhật Bản lại được liệt vào bảy Phước Thần.

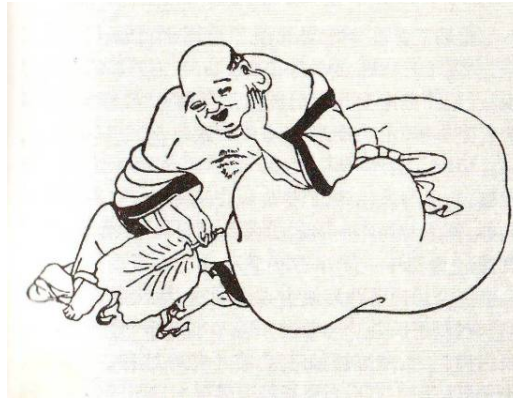
PHƯỚC THẦN BỐ ĐẠI HÒA THƯỢNG

Triều đại nhà Đường trở về trước việc tạo hình của Phật Di Lặc thì chẳng có chúng ta thường nhìn thấy là Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm.... Đều là một dạng Bồ Tát, thân hình mười phần khỏe mạnh cao lớn. Cho nên ở Ấn Độ và khu vực không bị ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc thì việc tạo tượng Phật Di Lặc thường thấy như hiện nay thì chẳng có.

Nhưng hiện tại hình tượng Phật Di Lặc mập mạp, để hở ngực lộ bụng, hình trạng cười híp mắt, bấy nhiêu cũng trở thành Tài Thần, Phước Thần mà nhà nào cũng biết rõ, đồng thời Ngài cũng là một trong bảy Phước Thần của Nhật Bản.

Bố Đại Hòa Thượng, tương truyền là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát.

Bố Đại Hòa Thượng ở vào giữa năm Đường Hy Tông (Công Nguyên năm 860 – 873), gần Huyện Minh Châu Phụng Hóa, thường xuất hiện dưới hình dáng là một vị Hòa Thượng không biết từ nơi nào đến.



Vị Hòa Thượng này tự xưng là **Khế Thử**, thân hình mười phần mập mạp, bụng rất to, thường để hở bụng miệng cười chần chừ bước đi. Ngài nói năng chẳng định, giống như người khờ dại, đi phiêu du khắp nơi cho nên việc ngủ nghỉ, ăn uống sớm tối cũng chẳng có nơi ở nhất định. Do Ngài dùng cây gậy vác một chiếc túi vải, chiếc chiếu rách, mang theo bên mình vào trong thị trấn xin ăn, nhân đây mọi người xưng là **Bố Đại Hòa Thượng**. Lúc **Bố Đại Hòa Thượng** sắp viên tịch, từng lưu lại một bài kệ tụng rằng:

Di Lặc thật Di Lặc, (Di Lặc chân Di Lặc)

Thân chia trăm ngàn ức, (Phân thân thiên bá ức)

Luôn luôn bảo người đời (Thời thời thị thời nhân)

Người đời tự chẳng biết (Thời nhân tự bất tri).

Cho nên đời sau giữa hai tỉnh Giang Tô và Triết Giang còn lưu truyền **Đồ Tượng** của **Bố Đại Hòa Thượng** và trong chùa chiền ở **Trung Quốc** luôn luôn nhìn thấy **Di Lặc Bồ Tát** để cúng dường.

HÌNH TƯỢNG CỦA DI LẶC BỒ TÁT

Di Lặc Bồ Tát trong **Kim Cang Giới Mạn Trà La** thuộc một trong mười sáu **Tôn Hiền Kiếp**, được an trí ở đầu **Phương Đông Bắc** của **Tam Muội Gia Hội**, liên quan đến hình tượng này có rất nhiều cách nói khác nhau. Hình tượng trong **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** thì thân màu thịt, đầu đội **Mão Báu**, trong **Mão** có **Tốt Đô Ba** (Stupa:cái tháp), tay trái **Thí Vô Úy**, tay phải cầm **Hoa Sen**, trên **Hoa Sen** có cái **Bình Báu**.



Nhưng trong “**Bát Đại Bồ Tát Mạn Trà La Kinh**” và “**Đại Không Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Trường Nghi Quỹ**” thì nói khác nhau, là thân màu vàng ròng, tay trái cầm cái bình Quân Trì, tay phải giơ chướng hướng ra ngoài, tác Thí Vô Úy Ấn. Trong Thai Tạng Đồ Tượng và dạng tranh vẽ cũ kỹ cũng căn cứ theo đây mà vẽ ra tượng ấy.

Lại trong “**Pháp Từ Thị Bồ Tát Lược Tu Dũ Nga Niệm tụng. Phẩm Nhập Pháp Giới Ngũ Đại Quán Môn**” dùng Từ Thị Bồ Tát làm Tôn chính giữa của Tu Dũ Nga Mạn Trà La, Hình Tượng ấy là thân màu thịt trắng, đầu đội Mão Ngũ Trí Như Lai, tay trái cầm Hoa Sen hồng, trên Hoa Sen vẽ Pháp Giới Tháp Ấn. Tay phải ngón tay cái đề lên trên móng ngón giữa, các ngón còn lại duỗi rộng ra, hơi co ngón trở, có các loại ánh sáng báu, ngồi bán già trên Hoa Sen Báu, dùng các loại Anh Lạc, Áo Trời, Sợi Dây trắng, Vòng Xuyên để trang nghiêm.

Cũng trong quyển hạ Pháp như trên “**Phẩm Vẽ Tượng**” thì nói rằng: “Đầu đội Mão năm Như Lai, tay trái cầm Hoa Sen, ở trên Hoa để Pháp Giới Tháp Ấn. Tay phải tác Thuyết Pháp Ấn, ngồi Kiết Gia”.

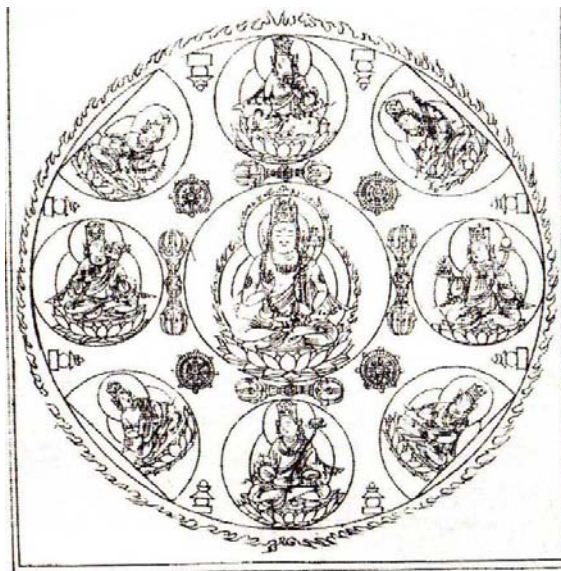
Lại trong “**Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ**” nói rằng: “Đông Bắc Từ Thị Bồ Tát, trên đỉnh có Mão Báu màu nhiệm, thân tướng màu thịt trắng, trái định Hoa Sen tím, ở trên đó có cái Bình Quân Trì, phải tuệ Tượng Ma Tát. Tất cả Anh Lạc màu nhiệm nghiêm sức, vì thân cứu đời nên an trú trong vành trăng trên biển (an trú nguyệt luân hải)”.

Trong quyển thượng “**Hồng Ca Đà Dã Nghi Quỹ**” nói rằng: “Kế đến Di Lạc Bồ Tát ở phương nam tay cầm cái Chày Độc Cổ và Tam Cổ, Mão Báu, Anh

Lạc để trang nghiêm, đầy đủ Tướng tốt, có Tòa Hoa Sen màu nhiệm”. Cũng trong quyển sách đó lại nói rằng: “Lại tác Tùy Tâm Mạn Trà La, Di Lạc Bồ Tát ở chính giữa, bên trái là Pháp Âm Luân Bồ Tát, bên phải là Đại Diệu Tướng Bồ Tát”.

Riêng Mật Giáo ở Tây Tạng cũng có truyền Di Lạc Bồ Tát, thân màu vàng rực rỡ, hai tay kết Thuyết pháp Ấn, thông chân xuống mà ngồi, tay cầm giữa hoa Long Hoa Thụ trên có Pháp Luân và Bình Báu làm đặc trưng (thủ trung sở niệm Long Hoa Thụ Hoa Tâm thượng hữu Pháp Luân dữ Bảo Bình vi tướng), an trú trên Tòa Liên Hoa Sư.

Lại trong “**Pháp Từ Thị Bồ Tát Lược Tu Dũ Nga Niệm tụng. Phẩm Vẽ Tượng**” nói về tượng ba mươi cánh tay, kể rõ vật cầm tay như sau: “Phần bên trên, 30 tay như vậy đều dùng Kim Cang Quyền cầm Hoa Sen Báu, ở trên Hoa Sen để Ấn Khế đều dùng dây đai của cõi Trời để cột buộc, lửa rực sáng vây quanh”. Trong “**Đồ Tượng Sao**”, “**Biệt Tôn Tạp Ký**”, “**Giác Thiên Sao**”, “**A Sa Phộc Sao**”.... Cũng vẽ ra các Đồ Tượng này. Nhưng tay thứ 13 bên phải cầm cây Gậy Như Ý trong Tượng này, tức là biểu thị cho Bồ Tát thương xót chúng sinh nghèo túng, cho nên dùng cây Gậy này đập tan nghiệp keo kiệt, tham lam của chúng sinh và vui mừng với Báu Như Ý của Chúng Sinh. Riêng như tay thứ 13 bên trái cầm Hoa Sen, ở trên vẽ Như Ý Ma Ni.... Đều là vật cầm có liên quan đến Tài Bảo.



Di Lạc Bồ Tát Mạn Đà La

Chữ Chủng Tử là: 𑖀(A) hoặc 𑖑(YU) hoặc 𑖒(VAM)

Tam Muội Gia Hình là: Trên Hoa Sen có Táo Bình hoặc trên Hoa Sen có Tấn Tật Ấn.

Ấn Tướng là: Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là:

ॐ(1)ॐॐॐॐॐॐॐ(2)ॐॐॐॐ(3)ॐॐॐ(4)ॐॐॐॐॐ(5)

ॐॐॐ(6)ॐॐ(7)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) ma ha du già (4) du
nghĩ ninh (5) du nghệ sân phộc lý (6) khiếm nhược lợi kế (7) toa ha.

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) MAHĀ-YAGA
(?YOGA) (4) YOGINĪ (5) YOGE-‘SVARI (6) KHAÑJARĪKE (7)
SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) khắp cả chư Phật (3) tương ứng lớn (4) tương
ứng giả (Bậc tương ứng) (5) tương ứng tự tại (6) trống rỗng sinh làm (không
sinh tác) (7) thành tựu.

ॐ(1)ॐॐ(2)ॐॐ(3)

(1) Ấn (2) muội đất lệ dã (3) sa phộc hạ.

(1) OM (2) MAITREYĀ (3) SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) Từ Thị (3) thành tựu.

NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Đức Đặc Biệt

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn, hay khiến hành giả giàu sang phú quý, thế lực, uy đức đều được thành tựu và có đầy đủ Phước Đức Tuệ Giải, Tư Lương trang nghiêm, mọi người kính yêu.

Như Ý Luân Quán Âm (Tên Phạn là: Cintamani-cakra), dịch âm Tên Phạn là Chấn Đa Ma Ni, dịch ý là Như Ý Bảo Châu Luân. Lại gọi là Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Như Ý Luân Quán Âm tay cầm Viên Ngọc Báu Như Ý. Viên ngọc báu Như Ý là chỉ trâm bảo của Thế Gian và báu Thực Tướng của Xuất Thế Gian, hai loại Tài Bảo này hay khiến chúng sinh sinh ra Phước Đức. Tay cầm bánh xe vàng tượng trưng cho hay chuyển động Diệu Pháp Vô Thượng để độ chúng sinh. Trong sáu Quán Âm hoặc bảy Quán Âm đều có Tôn này, trong sáu nẻo là Quán Âm độ hóa chúng sinh ở cõi Trời.

Trong “**Như Ý Luân Đà La Ni Kinh**” ghi chép, xưa kia Quán Thế Âm Bồ Tát từng được Đức Thế Tôn gia trì, mà tuyên nói Như Ý Luân Đà La Ni. Một Đà La Ni này có sức Uy Thần lớn, hay mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh Hữu Tình.

Y theo trong Kinh ghi chép, tu trì Pháp yếu của **Như Ý Luân Quán Âm** thì tác dụng trên Thế Gian là hay thành tựu tất cả ước nguyện, nhiếp hóa Hữu Tình, giàu sang phú quý, thế lực Uy Đức đều được thành tựu. Nhưng tác dụng của Xuất Thế Gian là hay đầy đủ Phước Đức Tuệ Giải, Tư Lương trang nghiêm, tăng trưởng Tâm Bi, tế độ Hữu Tình, được mọi người kính yêu. Bởi vì một Đà La Ni này có hai loại công năng Thù Thắng lớn. Nhân đây, trải qua các triều đại được sùng kính rất nhiều. Từ xưa đến nay, thậm chí các nước Trảo Oa (ND:ngày nay thuộc Quần Đảo Nam Dương) ở biển Nam cũng có rất nhiều người sùng kính cúng dường.

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn Tài Bảo để tu trì, có thể khẩn cầu tăng trưởng Phước Đức, ý nguyện mãn túc. Ngoài ra, cũng có dùng Như Ý Bảo Châu làm Bản Tôn để tu trì Pháp của Như Ý Luân Quán Âm, Pháp này là Pháp môn bí mật trong Mật Giáo.

HÌNH TƯỢNG CỦA NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Hình tượng của Như Ý Luân Quán Âm có rất nhiều loại, kể ra có 2 cánh tay, 4 cánh tay, 6 cánh tay, 8 cánh tay, 10 cánh tay, 12 cánh tay.... Trong đó thường thấy nhất là tượng 6 cánh tay.



Hình tượng Như Ý Luân Quán Âm trong Tạng Mật thì có 2 cánh tay 7 mặt, Tôn ở trên cùng là Đức Phật A Di Đà. Mặt chính màu trắng, bên trái màu hồng, bên phải màu vàng. Trên đầu kết Bảo Đỉnh Kế, tóc dài phủ xuống vai. Cổ đeo 3 chuỗi ngọc Anh Lạc quý báu, mặc Thiên Y, thân màu vàng ròng, thân trên để hở. Cánh tay, cổ tay đều có vòng xuyên. Tay trái để ở giữa eo ngang hông cầm một cái Kim Pháp Luân. Tay phải nghiêng hướng lên trên cầm một cây Gậy có viên ngọc báu (Bính Bảo Châu Bổng). Hai chân đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.

Trong “**Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Du Già Yếu Pháp**” ghi chép rằng:

Thân sáu tay màu vàng
Đỉnh kế báu trang nghiêm

Mão có Tụ Tại Vương
Tay noi tướng Thuyết Pháp
Tay thứ nhất: suy tư
Thương nhớ các Hữu Tình
Thứ hai, cầm Ý Bảo (Báu Như Ý)
Hay mãn tất cả nguyện
Thứ ba, cầm tràng hạt
Vì cứu khổ Bàng sinh
Trái đè núi Quang Minh
Thành tựu không lay động
Thứ hai, tay cầm sen
Hay Tĩnh các Phi Pháp
Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)
Hay chuyển Pháp Vô Thượng
Sáu tay: Quảng Bác Thế (thể rộng lớn)
Hay dạo chơi sáu nẻo
Dùng phương tiện Đại Bi
Chặt các khổ Hữu Tình



Nhân đây, Như Ý Luân Quán Âm sáu cánh tay, kể ra có tay suy tư, tay cầm báu Như Ý, cầm Tràng Hạt (Tay thứ ba bên phải), cho đến tay đè núi Quang Minh, tay cầm Hoa Sen, tay cầm Khế Luân (Tay thứ ba bên trái).

Ngoài ra, Tướng tốt của Tôn này còn có nhiều loại, cũng có tạo Tượng tay thứ hai không cầm Viên Ngọc Báu Như Ý.

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn, vì động cơ của pháp tu này là tăng trưởng Phước Đức, tất cả ý nguyện mãn túc, tất cả tội chướng tiêu trừ các, nhỏ bỏ các khổ, gọi là Như Ý Luân Quán Âm Pháp, hoặc Như Ý Bảo Châu Pháp.

Chữ Chủng Tử là: 唵 (Hriḥ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu Như Ý.

Chân Ngôn là:

{ Trung Chú }

(1) Án (2) phả na ma (3) chấn đa ma ni (4) nhập phộc la (5)

hông.

ॐ (1) पद्म (2) वज्रमणि (3) ज्वल (4) हुम् (5)

(1) OM (2) PADMA (3) CINTÀ-MANI (4) JVALA (5) HUM.

(1) Quy Mạng (2) Liên Hoa (3) Như Ý Bảo Châu (4) Quang Minh

(5) Hồng (nghĩa là Tồi Phá).

{ Tiểu Chú 1 }

(1) Án (2) phộc la na (3) phả nạp minh (4) hông.

ॐ वज्रमणि पद्म हुम्

(1) OM (2) VARAṆA (3) PADME (4) HUM.

(1) Quy Mạng (2) Dữ Nguyện (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tồi

Phá).

{ Tiểu Chú 2 }

(1) Án (2) ma ni (3) bát đầu mê (4) hông.

ॐ (1) मणि (2) पद्म (3) हुम् (4)

(1) OM (2) MANI (3) PADME (4) HUM.

(1) Quy Mạng (2) Bảo Châu (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tồi

Phá).

THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Đức Đặc Biệt

Phương tiện Đại Bi lợi tha (làm lợi ích cho người khác) rộng lớn vô lượng của Thiên Thủ Quán Âm, nhân đây hay tùy theo ước nguyện của chúng sinh, khiến cho các loại trân bảo, đồ dùng hàng ngày được tăng trưởng, tiền của giàu có, sự nghiệp thành công, cho đến thành tựu Bồ Đề.

Thiên Thủ Quán Âm (Tên Phạn là: Avalokite'svara-sahasrabhuja-locana), tên Tây Tạng là Spyan-rasgzigs-dha ṅ -phyug phyag-sto ṅ spyan-sto ṅ chỉ Quán Âm Bồ Tát có đầy đủ ngàn tay, ngàn mắt với mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, gọi đầy đủ là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại**, lại xưng là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm**.

Trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**” nói rằng: “Đại Bi Quán Tự Tại Bồ Tát, có đủ trăm ngàn tay, trăm ngàn mắt, đối với chúng sinh giống như cha mẹ ở thế gian đối với con cái của mình, hay mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh. Chữ “**Thiên**” là đại biểu cho Vô Lượng có nghĩa là Viên Mãn. “**Thiên Thủ**” đó cũng là tượng trưng cho phương tiện Đại Bi lợi tha rộng lớn vô lượng của Quán Âm này, “**Thiên Nhãn**” tượng trưng cho lúc Ngài ứng vật hóa đạo (ứng với vật hóa hiện bày ra đường lối), quán sát căn cơ của Trí Tuệ Viên Mãn Vô Ngại. Chính vì thế cho nên Thiên Thủ Quán Âm thường làm chủ Tôn của pháp tu cầu nguyện các loại tăng ích, bất luận là khẩn cầu sự giàu có của Thế Gian, sự nghiệp thành công, hoặc là tu hành thành tựu Xuất Thế Gian, Bồ Đề Viên Thành đều hay được mãn nguyện. Nhưng trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**” lại đề cập đến vật cầm của Thiên Thủ Quán Âm trong Pháp Tăng Ích thuộc Bảo Bộ, vật cầm có: *viên ngọc Như Ý* đại biểu cho tùy theo tâm mong muốn đều được mãn nguyện, nếu chúng sinh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ đồ dùng trân bảo, nên tu trì nơi tay cầm viên ngọc Như Ý. *Cây Cung* đại biểu cho đường quan chức thuận lợi, sự nghiệp thành công. *Chùm Bồ Đào* đại biểu cho Ngũ Cốc chín đầy....

Liên quan đến Nhân Duyên của Quán Thế Âm Bồ Tát có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt, căn cứ vào “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” kể lại rằng: Trong vô lượng ức Kiếp của thời quá khứ có Đức **Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai** ra đời, bởi vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên tuyên nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**, Quán Thế Âm Bồ Tát một lần nghe qua Chú này, liền từ hàng Sơ Địa vượt thẳng lên cảnh giới của Bồ Tát Bát Địa,

tâm được vui vẻ, cho nên phát Thệ nguyện rộng lớn, toàn thân sinh ra ngàn tay ngàn mắt, để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, và lập tức trên thân có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt.

HÌNH TƯỢNG CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Hình ảnh của Thiên Thủ Quán Âm, trong các Kinh Quĩ ghi chép cũng chẳng giống nhau.

MƯỜI MỘT MẶT BỐN MƯƠI TAY

Y theo trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bí Mật Pháp Kinh**” nói rằng: Thân màu vàng rực rỡ, ngồi Bán Già trên Hoa Sen hồng, có 11 mặt và 40 tay. Trong 11 mặt, ở phía trước có 3 mặt là tướng Bồ Tát, mặt chính có 3 con mắt, bên phải có 3 mặt là tướng lộ răng nanh trắng hướng lên trên, bên trái có 3 mặt là tướng giận dữ, phía sau có 1 mặt là tướng Bạo Tiếu, trên đỉnh đầu có 1 mặt là tướng Như Lai.

NGÀN TAY NGÀN MẮT

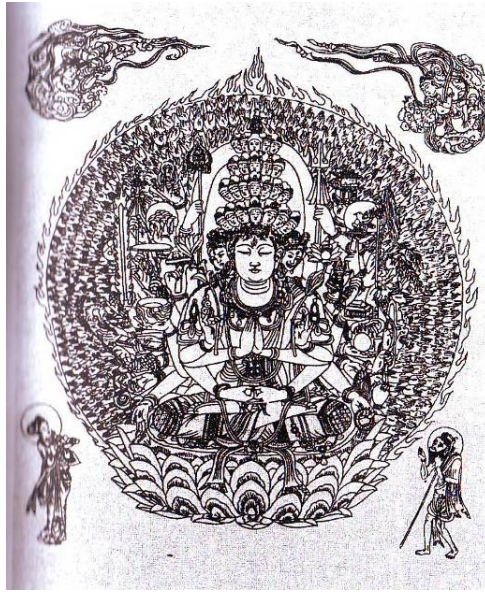
Y theo trong “**Nhiếp Vô Ngại Kinh**” nói là: Thân màu vàng ròng, có 1000 cánh tay, 1000 con mắt và 500 mặt.

Căn cứ trong quyển thượng “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thần Chú Kinh**”, “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” nói rằng” Thân màu Đàn Kim, có một mặt và ngàn cánh tay. Ngoài ra trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” cũng nói: trong 1000 tay thì 18 cánh tay có Ấn Tướng cầm vật.

Y theo trong “**Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**” nói rằng: Là Tướng 1000 mặt, 1000 đầu, 1000 chân, 1000 lưỡi và 1000 cánh tay.

HAI MƯƠI BẢY MẶT MỘT NGÀN CÁNH TAY

Trong **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** thì Tôn này có 27 mặt, 1000 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen Báu. Trong 1000 tay, có 40 tay (hoặc 42 tay) cầm các khí trượng, hoặc tác Ấn Tướng, các tay còn lại không cầm khí trượng.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Trong đó, “11 mặt” của Thiên Thủ Quán Âm đại biểu cho cảnh giới Bồ Tát đầy đủ 10 Địa 10 Ba La Mật, mà chứng được địa vị **Diệu Giác** của Địa thứ 11, và 11 mặt Quán Âm giống nhau. Ý nghĩa của “ 500 mặt ” tức tương ứng với ngàn tay ngàn mắt.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Còn như “ 27 mặt “ trong Kinh Quỹ cũng chưa từng kể đến, hình như xuất xứ từ “ **Bí Tạng Ký**”. Hoặc dùng 27 mặt biểu thị cho tế độ 25 loại Tồn Hữu chúng sinh, 25 mặt thêm mặt chính bên trên và Bản Sư A Di Đà Phật cộng lại là 27 mặt. Hoặc nói là trong 10 Ba La Mật, 6 độ đầu mỗi độ có 3 loại, 4 độ sau mỗi độ có 2 loại, hợp lại thành 26 mặt, lại thêm mặt chính hình thành 27 mặt.

Có cách nói liên quan đến “**Thiên Tý**”, căn cứ trong “ **Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh** “ kể lại rằng: “**Thiên Thủ**” biểu thị cho 40 tay, mỗi tay tế độ 25 loại Tồn Hữu chúng sinh, tức là một loại Tồn Hữu chúng sinh phối hợp với 40 tay, 40 mắt, hợp lại là ngàn tay ngàn mắt.

Ngoài ra, có người đem 40 tay thêm vào Cam Lộ Thủ (tay Cam Lộ) mà làm thành 41 tay; hoặc thêm vào Liên Hoa Hợp Chưởng hoặc Định Ấn ở chính giữa mà làm thành 42 cánh tay.

Trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” thì nói có 18 cánh tay. Trong Kinh nói: “Mặt có ba mắt, có ngàn cánh tay, ở ngàn bàn tay, đều có một mắt, đầu đội mào báu, mào có Hóa Phật, tay chính to lớn gồm có 18 cánh tay: Trước tiên dùng 2 tay chấp lại để ngang trái tim, tay cầm cái Chày Kim Cang, tay cầm cây Tam Kích Xoa, tay cầm cái Phạn Giáp, tay cầm cái Ấn báu, tay cầm cây Tích Trượng, tay cầm viên ngọc báu, tay cầm bánh xe báu, tay cầm Hoa Sen hé nở, tay cầm sợi dây, tay cầm cành Dương Liễu, tay cầm râu chuối, tay cầm cái bình Táo Quán, tay ban rải nước Cam Lộ, tay ban rải các loại mưa báu, tay ban cho sự không sợ hãi, lại dùng 2 tay để ở rốn, bên phải đè bên trái ngửa lòng bàn tay, còn lại là 982 tay, mỗi tay đều cầm các loại Khí Trượng.... Hoặc chỉ kết tay Ấn.

Ngoài ra, 40 tay của Thiên Thủ Quán Âm thuận theo căn cơ của chúng sinh, tương ứng với 5 loại Pháp của 5 Bộ Như Lai, hay đầy đủ tất cả nguyện vọng, tức là dùng 40 tay để biểu thị cho bản thể của Tôn này.

Căn cứ trong “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” ghi chép, tụng trì Thiên Thủ Quán Âm Đà La Ni Chân Ngôn thì có thể tránh được 15 loại chết ác như : Bị chết vì đói rét, thú dữ làm tổn hại.... mà được 15 loại sinh lành như : Quyển thuộc hòa thuận, tiền của thức ăn uống được đầy đủ.... Hoặc chữa khỏi các loại bệnh tật như : Trùng độc, khó sinh, chết trong khi sinh đẻ....

Chữ Chủng Tử là: 𑖀𑖩 (HRĪḤ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa Sen hé nở.

Ấn Tướng là: *Cửu Sơn Bát Hải Ấn*, chính là dùng 2 ngón tay tác Kim Cang Hợp Chưởng, lưng bàn tay hơi cong xa lìa nhau, 2 ngón giữa vịn vào nhau, 2 ngón cái, 2 ngón út mở ra dựng thẳng.



Chân Ngôn là:

ॐ (1) वज्र (2) धर्म (3) श्री (4)

(1) Án (2) phộc nhật la (3) đạt ma (4) hột lí.

(1) OM (2) VAJRA (3) DHARMA (4) HRÌH.

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang (3) Pháp (4) Hột Lí (chủng tử).

Trường Chú là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Trừ Cái Chướng Bồ Tát dùng Nhân của Tâm Bồ Đề Thanh Tịnh, chiếu sáng tất cả các Pháp, chứng được Trừ Cái Chướng Tam Muội, thời thành tựu tám vạn bốn ngàn Môn Bảo Tự.

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Tên Phạn là: Sarvanivaraṇaviṣkambhin), dịch âm tên Phạn là **Tát Phộc Ni Phộc La Nã Vĩ Sa Ca Tỳ**, tên Tây Tạng là **Sgrip-pa-tham-cad-rnam-sel-gtso** lại gọi là **Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Âm Cái Bồ Tát**, là Chủ Tôn của Trừ Cái Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La.

Trừ Cái Chướng chính là ý tưởng tiêu trừ tất cả sự ngăn che của **Ngũ Âm Phiền Não**, là khen ngợi Tam Muội mà vị Bồ Tát này đã được. Trong **Đại Nhật Kinh Sớ** nói: “Trừ Cái Chướng Bồ Tát dùng Nhân của Tâm Bồ Đề Thanh Tịnh, chiếu sáng tất cả các Pháp. Nhân dùng công đức này nên chỉ dùng chút ít công sức mà chứng được **Trừ Cái Chướng Tam Muội**, nhìn thấu suốt Thực Tướng của tám vạn bốn ngàn phiền não, thành tựu tám vạn bốn ngàn Môn Bảo Tự.

HÌNH TƯỢNG CỦA TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Vị Bồ Tát này tay trái cầm Hoa Sen, trên Hoa có Viên Ngọc Như Ý, tay phải Kết Vô Úy Ấn; biểu thị cho ý *dùng Viên Ngọc Như Ý trong Tâm Bồ Đề, ban cho tất cả chúng sinh, viên mãn ước Nguyện.*



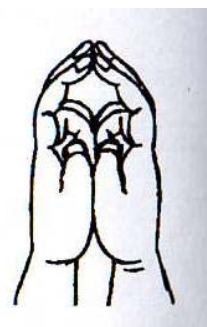


TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử là: ॐ (ÀḤ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc báu trên Hoa Sen hoặc cây Phướng báu.

Ấn Tượng là: Trừ Cái Chướng Ấn.



Chân Ngôn là:

Nam ma tam mạn đa bột đà nam. a tát đỏa hệ đa tỳ sưu nghiệt đa
đát lam đát lam lam lam toa ha.

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHÀNÀṀ ÀḤ SATTVA-
HITÀBHYUDGATA TRÀṀ TRÀṀ RAṀ RAṀ SVÀHÀ.

[ॐ मम तम मन्त द्वा भूत दानम अ तत् द्वा ह्ये द्वा तिसुर निघ्न द्वा
दत्त लम दत्त लम लम लम त्वा हा]

CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

Đức Đặc Biệt

Chuẩn Đề Quán Âm hay thủ hộ chúng sinh xa lìa tất cả tai nạn chướng ngại, lại hay tăng Tài, tăng Lộc, trường thọ.

Chuẩn Đề Quán Âm (Tên Phạn là: Cundi), lại gọi là **Tôn Na Phật Mẫu, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn Đề, Thất Câu Chi Phật Mẫu**. Là một trong sáu Quán Âm hoặc bảy Quán Âm. Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo, Tôn này có vị trí ở đầu bên trái của Biến Tri Viện, mật hiệu là **Tối Thắng Kim Cang**.

Dùng Tôn này làm Bản Tôn của Pháp tu, gọi là **Chuẩn Đề Pháp, Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp**, pháp môn tu này hay trừ tai nạn, cầu được thông minh, trị bệnh....

Trong quyển 16 **Bạch Bảo Khẩu Sao** nói về Pháp Tăng Ích của Chuẩn Đề như sau: “ Nếu người chẳng có Phước Lộc Quan Vị, chỉ cần trong 14 ngày chí tâm niệm tụng, *tùy theo công sức nhân duyên y theo Pháp liền được Phước Lộc Quan Vị, tâm ý vui thích.*

Lại nói rằng: “Nếu lại có người không có Phước, không có Tướng, *cầu chức Quan chẳng được*, bị nghèo khổ bức bách... trong 10 ngày Trai thường tụng Chú này, hay khiến cho đời này được chuyển làm Vua, nếu cầu Quan Chức liền được toại nguyện.

Lại nói rằng: “Đoán mạng thì tăng thọ vô lượng, cầu Quan thì đời này được chuyển làm vua, phàm mong cầu không thể chẳng như nguyện”.

Lại nói rằng: “Nếu biết có báu vật cất chứa trong lòng đất, nên kết Ấn tụng Chú, đầy đủ 7 biến thì vật cất chứa trong lòng đất tự nhiên hiện ra, tùy theo ý muốn, đều được đầy đủ”.

Căn cứ trong **Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh** ghi chép rằng: “Thành tâm tụng trì Chuẩn Đề Đà La Ni, thì hay được ánh sáng chiếu soi, tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt, kéo dài tuổi thọ, tăng trưởng Phước Đức Trí Tuệ, đầy đủ Tài Bảo, và được Chư Phật, Bồ Tát che chở bảo vệ, đời đời kiếp kiếp xa lìa các nẻo ác, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề”.

HÌNH TƯỢNG CỦA CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

Căn cứ trong **Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** ghi chép: “Chuẩn Đề Phật Mẫu thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, thân tỏa hào quang tròn , mặc áo có đính hạt thóc, phía bên trên bên

dưới đều là màu trắng, có áo khoác ngoài quấn góc, Anh Lạc, đội mào Trời, các cánh tay đều đeo vòng xuyên bằng vỏ ốc, mặt có 3 con mắt.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp.

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, trên lòng bàn tay thứ năm để Câu Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây búa, tay thứ bảy cầm móc câu, tay thứ tám cầm cái chày Kim Cang, tay thứ chín cầm tràng hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu như ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm sợi dây, tay thứ sáu cầm bánh xe, tay thứ bảy cầm Thương Khư (‘Sañkha_ vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, trên lòng bàn tay thứ chín để cái rương Kinh Bát Nhã”.



Chuẩn Đề Quán Âm của Tây Tạng truyền lại là Tượng có 4 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, tay thứ nhất bên trái bên phải để trên đầu gối cầm cái Bát, tay phải thứ hai rũ xuống tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái thứ hai co lại để ở trước ngực cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen an trí một cái Phạn Khiếp (Cái rương chứa Kinh Phạn).

Tượng Chuẩn Đề Quán Âm làm bằng đồng được lưu truyền ở Tích Lan là Tượng 4 cánh tay, trên đỉnh đội Định Ấn là một vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất để ở trước rốn, tay thứ hai cầm Bảo Châu (viên ngọc báu); Tay phải thứ nhất cầm cái chày Độc Cổ, tay thứ hai nâng cao lên đem ngón cái và ngón vô danh cùng vịn nhau, nhũ bộ sung mãn biểu thị cho Tượng của Phật Mẫu.

Ngoài ra, Chuẩn Đề Quán Âm còn có Tượng 6 cánh tay, 14 cánh tay ...

Chữ Chủng Tử là: 𑖅 (Bu)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Hiền Bình hoặc Giáp Trụ, cái Chày Ngũ Cổ, Hoa Sen, Thương Khư.

Ấn Tướng là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

{ **Chân Ngôn Căn Bản** }

𑖅𑖛 (1) 𑖅𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛 𑖅𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛𑖛 (2) 𑖅𑖛𑖛 (3) 𑖛𑖛 (4) 𑖛𑖛𑖛 (5) 𑖛𑖛𑖛
(6) 𑖛𑖛𑖛 (7) 𑖛𑖛𑖛 (8)

(1) Nam mô (2) tát đa nam tam miệu tam bột đà câu chi nam (3) đát diệt tha (4) án (5) chiết lệ (6) chủ lệ (7) chuẩn đề (8) toa ha.

(1) NAMO (2) SAPTÀNÀM-SAMYAKSAMBUDDHA-KOṬINÀM (?KOṬINÀM) (3) TADYATHÀ (4) OM (5) CALE (?SALE) (6) CULE (?SULE) (7) SUNDHE (?SUDDHE) (8) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) bảy ngàn vạn Chính Đẳng Giác (3) liền nói (4) Ấn (5) Giác động (6) đưa lên (7) Thanh Tịnh (8) Thành Tự.

{ **Ấn Căn Bản Thứ Hai** }



𑖛𑖛 (1) 𑖛𑖛𑖛 (2) 𑖛𑖛𑖛 (3) 𑖛𑖛𑖛 (4) 𑖛𑖛𑖛 (5)

(1) Ấn (2) ca ma lê (3) vĩ ma lê (4) chuẩn nê (5) sa phộc hạ.

(1) OM (2) KAMALE (3) VÌMALE (4) SUNDHE (?SUDDHE) (5) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Hoa Sen (3) Vô Cấu (4) Thanh Tịnh (5) Thành Tự.

PHONG TÀI BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Phong Tài Bồ Tát hay Tỳ Tại ban cho người cầu khẩn được Phước Đức, tiền của và Trí Tuệ.

Phong Tài Bồ Tát (Tên Phạn là: Bhogavati), ý nghĩa là Phước Đức, Tôn Quý, lại gọi là Tư Tài Chủ Bồ Tát.

Vị trí ở trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Trà La của Mật Giáo, Mật Hiệu là **Như Ý Kim Cang**. Phong Tài Bồ Tát có Phước Đức Trí Tuệ tiền của đầy đủ dồi dào nên có thể tự tại ban cho người cầu khẩn, khiến cho tất cả chúng sinh được đầy đủ tiền của, giàu sang, cho nên gọi là Phong Tài Bồ Tát.



Trong quyển 16 **Đại Nhật Kinh Sơ** nói:” Vị Bồ Tát này là Minh Phi Tư Tài Chủ, hay tự tại ban cho người cầu khẩn vậy”.

Trong quyển 2 **Thai Tạng Mạn Trà La Tôn Vị Hiện Đồ Sao Tư** lại đề cập đến: “ Tôn này là vị chủ của hai cửa Phước Trí, cho nên được xưng là Phong Tài”.

Lại nói: “Đức Phật A Di Đà đại biểu cho Báo Thân, Quán Thế Âm Bồ Tát đại biểu cho Trí, Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu cho Phước, ba Tôn cùng một thể, Phước Tuệ tự tại, là *hội tụ biển Phước vô lượng*, hai vị Bồ Tát này đều có Phước ngang bằng nhau, không có khác”

Lại nói: “Bởi vì Phước Trí viên mãn, cho nên Tôn này có tên là Phong Tài”.

Trong đó Đức Đặc Biệt lại có liên quan đến vật cầm của Tôn Bồ Tát này:

_ Tay phải cầm Hoa Sen hé nở tượng trưng cho **Trí Tuệ của Phật Quả** cho nên đại biểu cho Tài;

_ Tay trái cầm Hoa Sen chưa hé nở *tượng trưng cho tâm địa của chúng sinh hàm chứa hạt giống của Phật* cho nên đại biểu cho Phong, hai cuống Hoa biểu thị cho hai Đức của Phước Trí, nhô lên trên vai *biểu thị cho ban bố khắp Pháp Giới*.

Bồ Tát toàn thân màu thịt trắng, tay trái cầm hai Hoa Sen, trong đó một Hoa đã nở còn một Hoa chưa hé nở, tay phải co lại giơ lên cạnh vai, ngửa lòng bàn tay, co ngón áp út và ngón út, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen đỏ.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Sa)

Tam Muội Gia Hình là: Hai đóa Hoa Sen, một Hoa đã nở còn một Hoa chưa nở.

Ấn Tượng là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

(1) **Án a lợi dã ðà la a lợi toa ha.**

[𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀]

OM ÀRYA DHARÀRI SVÀHÀ.

(2) **Án a lợi dã bổ già phộc ðể toa ha.**

OM ÀRYADHOGAVATI SVÀHÀ.

[𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀]

OM ÀRYA-BHOGAVATÌ SVÀHÀ].

BẢO THỦ BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Bảo Thủ Bồ Tát hay thành tựu đầy đủ Thế Gian, giống như viên ngọc báu Như Ý, hay viên mãn tất cả ước nguyện.

Bảo Thủ Bồ Tát (Tên Phạn là: **Ratna-pāṇi**), dịch âm tiếng Phạn là **La Đát Năng Bá Ni**, tên Tây Tạng là **Rin chen lag**, lại xưng là **Bảo Chưởng Bồ Tát**; Mật Hiệu là **Mãn Túc Kim Cang**.

Bảo Thủ Bồ Tát dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề Thanh Tịnh, thành tựu viên mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian, giống như viên ngọc Như Ý ở tay, hay đầy đủ tất cả ước nguyện, cho nên xưng là Bảo Thủ Bồ Tát.

Bảo Thủ Bồ Tát có vị trí ở trong Địa Tạng Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo, là Tôn thứ sáu trong chín Tôn. Hình tượng đó là tay trái để ở eo cầm Hoa Sen, trên Hoa có cái chày Kim Cang Tam Cổ, trên chày có vòng hoa lửa của viên ngọc báu, tay phải duỗi lòng bàn tay nâng viên ngọc báu để ngang ngực, ngồi bán già trên Hoa Sen đỏ.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Ṣaṃ)

Tam Muội Gia Hình là: chày Tam Cổ trên báu.

BẢO QUAN BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Bảo Quan Bồ Tát tượng trưng cho hai loại Phước Đức Tài Bảo và Trí Tuệ trang nghiêm của Văn Thù Bồ Tát, hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho viên mãn đầy đủ Phước Đức Tài Bảo và Trí Tuệ.

Bảo Quan Bồ Tát (Tên Phạn là: Ratnakūṭa hoặc Ratna-makūṭa), dịch âm là **La Đát Na Ma Câu Tra**, lại gọi là **Bảo Quan Đồng Tử**, **Bảo Quan Đồng Tử Bồ Tát**. Mật Hiệu là **Trang Nghiêm Kim Cang**.

Tôn này có vị trí ở trong Văn Thù Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo, Bảo Quan (cái mào báu) có ý nghĩa là trang nghiêm, chủ yếu là thể hiện rõ đức đặc biệt **Phước Đức Trí Tuệ trang nghiêm** của Văn Thù Bồ Tát, hay làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho kẻ ấy được đầy đủ Phước Đức và Trí Tuệ trang nghiêm.

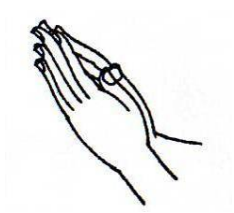
Toàn thân màu vàng, tay phải ngửa lòng bàn tay để ngang ngực, cầm viên ngọc báu có ba cánh; tay trái mở khuỷu tay cầm Hoa Sen xanh, trên Hoa có cái Mào báu, ngồi bán già trên Tòa Hoa Sen đỏ.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Ka)

Tam Muội Gia Hình là: viên ngọc báu, trên Hoa Sen xanh có cái Mão báu.

Ấn Tướng là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

Nam ma tam mạn đa bột đà nam tát bà tha vi ma để vi chỉ la ninh đạt ma đà giả niết đô đa sâm sâm ha toa ha.

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATHĀ-VIMATI-
VIKIRNAṆA-DHARMA-DHĀTU-NIRJĀTA SAṂ SAṂ HA
SVĀHĀ.

[?नमः सम्यक् बुद्धानाम् सर्वथा विमति विकिरण धर्माद्वतु निर्यात सम सम हा हा
सं सं न नमः]

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ SARVATHĀ-VIMATI-
VIKIRANA-DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HA _SVĀHĀ].

BẢO BA LA MẬT BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Bảo Ba La Mật Bồ Tát hay khiến cho tất cả Phước Đức tích tụ ở hư không, khiến cho chúng sinh thu được Tài Bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian, viên mãn đầy đủ Phước Đức.

Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Tên Phạn là: **Ratna-pàramitā**), dịch âm tên Phạn là **La Đát Na Ba La Mật Đa**, tên Tây Tạng là **Rin-chen-kyi rdo rje**, dịch ý là **Bảo Đáo Bỉ Ngạn**. Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cang** hoặc **Đại Bảo Kim Cang**.

Tôn này là một trong những Bản Tôn chủ yếu trong 37 Tôn thuộc Kim Cang Giới của Mật Giáo, là một trong bốn vị Ba La Mật Bồ Tát. Là vị thứ hai trong bốn vị Bồ Tát gần gũi của Đại Nhật Như Lai. Vị trí được bày ở vành trăng chính giữa của Thành Thân Hội trong Mạn Trà La thuộc Kim Cang Giới, ở phương nam của Đại Nhật Như Lai.

Căn cứ trong quyển 2, **Đại Giáo Vương Kinh** ghi chép :”Vị Bồ Tát này là Đức Bảo Sinh Như Lai nhập vào Bảo Ba La Mật Tam Muội, vì muốn cúng dường Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, mà tuôn ra *Bảo Ba La Mật Bồ Tát*.

Tôn Bồ Tát này đem tất cả Phước Đức, gom tụ đuổi khắp cả cõi hư không, chiếu soi **Chân Như Trí Tuệ**, mà hay khiến chúng sinh chứng được Bồ Đề, khiến tất cả chúng sinh nhận được Tài Bảo của Thế Gian và Xuất Thế Gian, có đầy đủ Phước Đức, cuối cùng viên mãn.

Trong **Kim Cang Đỉnh Du Già Tam Thập Thất Tôn Xuất Sinh Nghĩa** nói rằng: “Vị Bồ Tát này là Đức Tỳ Lô Giá Na Phật vào Nội Tâm chứng được **Trí Tuệ của Hư Không Bảo Đại Ma Ni Công Đức Tam Ma Địa**, bởi vì nhân duyên tự mình hưởng được, cho nên từ trong Trí Tuệ của **Hư Không Bảo Đại Ma Ni Công Đức Tam Ma Địa** tuôn ra ánh sáng Hư Không Bảo, chiếu khắp mười phương thế giới, khiến cho viên mãn Công Đức của tất cả chúng sinh rồi thu lại làm một Thế. Vì muốn khiến cho tất cả Bồ Tát hưởng được nhân duyên của Tam Ma Địa Trí Tuệ, cho nên hóa hiện làm **Kim Cang Bảo Ba La Mật Bồ Tát**, an trú trong vành trăng bên phải của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Do nhân duyên gia trì của Bảo Ba La Mật Bồ Tát cho nên hay khiến cho Hành Giả ở Chúng Sinh Thế Gian vô biên với Khí Thế Gian vô biên, chứng được Bình Đẳng Tính Trí.

Hình Tượng, Ấn Tượng.... của Tôn này trong các Hội thuộc Kim Cang Giới Mạn Trà La thì khác nhau. Trong Thành Thân Hội là toàn thân màu vàng trắng, làm hình Thiên Nữ, mặc áo Yết Ma, tay trái co khủy tay cầm Hoa Sen,

trên Hoa có viên ngọc báu, tay phải lòng bàn tay ngửa cầm bánh xe vàng, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, Ấn Tướng là dùng Thí Nguyện Ấn của Đức Phật Bảo Sinh.

THÀNH THÂN HỘI



Chữ Chủng Tử là: 卍 (Tràh)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu có 3 cánh.

Ấn Tướng là: Tay trái nắm quyền để ở rốn, tay phải duỗi giờ cánh tay lên tác Dữ Nguyện Ấn.



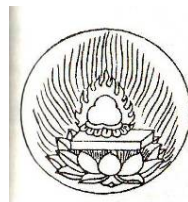
Chân Ngôn là:

“Án la đát nãng phộc nhật lí đát lạc”.

OM RATNA-VAJRI TRÀH.

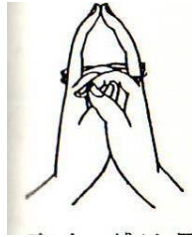
[ॐ र व ज र ह ः]

TAM MUỘI GIA HỘI



Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu có 3 cánh

Ấn Tướng là: Ngoại phộc, co hai ngón giữa đầu ngón vịn vào nhau, thành hình báu.



Chân Ngôn là:

“Phộc nhật la kiêu lí đát lạc”.

VAJRA-GAURÌ TRÀH.

[ॐ ॐ ॐ ॐ]

VI TẾ HỘI

Tôn Hình là: Tay trái cầm Hoa Sen, bên trên có viên ngọc báu có 3 cánh, tay phải kết Dữ Nguyên Ấn.



CÚNG DƯỜNG HỘI

Tôn Hình là: Hai tay chắp lại cầm Hoa Sen, bên trên có viên ngọc có 3 cánh.



Chân Ngôn là:

“La đát nãng phộc nhật lí đát lạc”.

RATNA-VAJRI TRÀH.
[३ वज्र वः]

TỨ ẮN HỘI



Tam Muội Gia Hình là: Trên Hoa Sen có Viên ngọc báu có 3 cánh.

GIÁNG TAM THẾ HỘI

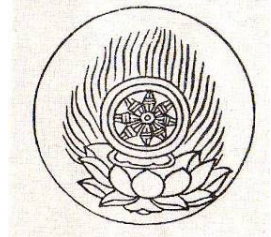
Tôn Hình là: Tay trái cầm Hoa Sen bên trên có viên ngọc báu có 3 cánh, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn.



GIÁNG TAM THẾ TAM MUỘI GIA HỘI

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Mbha)

Tam Muội Gia Hình là: Trên Hoa Sen có Pháp Luân.



TRÌ THẾ BỒ TÁT

Đức Đặc Biệt

Trì Thế Bồ Tát hay tuôn mưa vô lượng Tài Bảo, giữ gìn sự an ổn giàu có của thế gian, nhân đây có tên là Trì Thế, tụng trì chân ngôn “Vũ Bảo Đà La Ni” lại hay thu được vô lượng Tài Bảo, tích tụ như núi cao.

Trì Thế Bồ Tát (Tên Phạn là: Vasudhàrah), tên Tây Tạng là Nor-gyirgyuñ, tức có nghĩa là mưa báu.

Trong **Bạch Bảo Khẩu Sao** nói rằng: “**Trì Thế** có nghĩa là tất cả tai họa bệnh tật của chúng sinh thấy đều tiêu diệt. Vì kẻ nghèo túng liền tuôn mưa tất cả các loại trân bảo, lúa gạo, lúa mạch... thọ nhận các sự vui thích, an ổn giàu có; hay hộ trì Thế Gian, cho nên tên là Trì Thế Bồ Tát”.

Lại nói rằng: “Hay giữ gìn Tài Bảo, mãn nguyện người đời, cho nên gọi là Trì Thế”.

Đây là Pháp tu cầu về Phước, giống như **Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**. Hoặc nói rằng: “Trì Thế Bồ Tát là hóa thân của Đức Bảo Sinh Như Lai.”

Do đây có thể biết Tôn này hay tuôn mưa các loại trân bảo, ban cho tất cả chúng sinh sự giàu có an vui, chủ về pháp Tăng Ích.

Liên quan đến câu chuyện Trì Thế Bồ Tát, xuất xứ từ trong các kinh “**Trì Thế Đà La Ni Kinh**”, “**Vũ Bảo Đà La Ni Kinh**”....

Căn cứ trong Kinh điển ghi chép lại như sau:

“Xưa kia Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngự tại rừng Kiến Lịch Ca thuộc nước Kiều Hương Di nói pháp, bấy giờ nước này có một vị Trưởng Giả tên là Diệu Nguyệt đến cầu khẩn Đức Thế Tôn xin tuyên nói Pháp Tài Bảo giàu có.

Đức Thế Tôn tuy đã hiểu rõ nhân duyên hỏi Pháp của Diệu Nguyệt nhưng vì muốn khiến cho Đại Chúng đều hay biết, cho nên Đức Thế Tôn liền hỏi: “*Diệu Nguyệt Trưởng Giả, vì sao ông lại muốn thỉnh Pháp này?*”

Thời Trưởng Giả bạch Đức Phật Đà rằng: “Thế Tôn! Kẻ tại gia chúng con có nhiều quyến thuộc, nếu như tiền bạc thiếu thốn ít ỏi, thì đời sống khó có thể chi dùng đủ, nếu như lại vì các loại bệnh tật, dẫn đến trong nhà có người sinh bệnh, tình huống lại càng tệ hại hơn, nếu như không có Tài Bảo đầy đủ, thì trong lòng sẽ thường xuyên gánh lấy sự lo lắng sợ hãi, vì thế mà thỉnh xin Đức Thế Tôn mở bày cho phương tiện diệu pháp, khiến cho kẻ nghèo túng hay được tài vị lớn để cung cấp cho quyến thuộc, rộng lớn tu trì Bồ Thái Phước Huệ, lợi ích cho tất cả Hữu Tình, khiến thương khố không cùng tận, khiến kẻ có bệnh tật được điều hòa khỏe mạnh bốn Đại, siêng tu nghiệp lành, thân tâm không có

mệt mỏi, khiến kẻ có tội mau trừ diệt được tội, sau khi mạng chung sẽ sinh vào nẻo lành. Khiến cho kẻ bị hiểm nguy sợ hãi được an vui thân tâm, gần gũi cúng dường ba Báu Phật Pháp Tăng, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề”.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Diệu Nguyệt Trưởng Giả rằng: “Này kẻ trai lành! Vào vô số kiếp trước ở thời quá khứ, Ta gặp Đức **Kim Cang Hải Âm Như Lai**, Ngài vì muốn lợi lạc cho tất cả Hữu Tình mà tuyên nói Đà La Ni tên là **Trì Thế Đà La Ni**.

Lúc Ta nghe xong vui mừng hơn hở liền thọ trì đọc tụng rộng vì người khác tuyên nói, nhằm làm lợi ích an vui cho vô lượng Hữu Tình. Do nhân duyên này cho nên tăng trưởng Phước Tuệ, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề, vì tất cả hàng Trời, Người tuyên nói Pháp yếu vi diệu.

Nay Ta vì ông tuyên nói Đà La Ni này, tất cả hàng Trời, Người... Các ông đều nên lắng nghe! Sau khi lắng nghe lại phải thọ trì, rộng vì người khác tuyên nói. Uy lực của thần chú này chẳng thể nghĩ bàn, hay khiến tất cả Hữu Tình được lợi ích an vui”.

Thế là Đức Thế Tôn liền vì Diệu Nguyệt Trưởng Giả cùng Đại Chúng tuyên nói Trì Thế Đà La Ni, nhằm làm lợi ích cho tất cả Hữu Tình”.

Căn cứ trong Kinh kể lại, **Trì Thế Đà La Ni** (hoặc tên là **Vũ Bảo Đà La Ni**) này có đủ sức Thần rộng lớn, nếu như có kẻ trai lành, người nữ thiện nào chí tâm thọ trì, rộng vì người khác tuyên nói như vậy thì tất cả Quỷ Thần ác, Người, Phi Nhân... đều chẳng thể hại. Mà tất cả các việc lợi lạc của Hữu Tình cũng chẳng luận ngày đêm thường tăng trưởng. Nếu như hay chí thành cúng dường Tam Bảo, niệm tụng Đà La Ni như vậy, trải qua 7 ngày đêm không có tạm thiếu, như vậy thì tất cả các Trời, Rồng, Thần đều sinh vui vẻ, liền tuôn mưa Tài Bảo, lúa gạo cần có, tất cả sự đói rét mất mùa, dịch lệ thủy đều tiêu diệt, hết thủy tội chướng không có gì chẳng diệt hết, tất cả sự hiểm nguy sợ hãi đều được an ninh, Phước Tuệ ngày càng tăng trưởng, mong cầu như ý, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Trong Kinh còn đề cập đến, Diệu Nguyệt Trưởng Giả một lần nghe Thích Tôn tuyên nói Đại Đà La Ni này, liền khởi niềm tin thâm sâu, vui mừng thọ trì đọc tụng, nguyện vì vô lượng Hữu Tình tuyên nói. Mà Diệu Nguyệt Trưởng Giả cũng vì sức Phước Đức này, khiến cho các kho tàng đó đều đầy chật các loại tiền của, lúa gạo. Do đây có thể biết năng lực và tác dụng Phước Đức rộng lớn của Đà La Ni này.

Ngoài ra, trong “**Thánh Trì Thế Đà La Ni Kinh**” mà **Thi Hộ** đã dịch lại ghi chép rằng: “Nếu lại có người nội trong nửa đêm, chí tâm tụng trì danh hiệu (Trì Thế) Bồ Tát, y pháp giữ gìn sự sạch sẽ, nội trong 7 ngày liền được thành tựu đầy đủ sự vui vẻ, tiền của lớn”. Hoặc như: “Nếu lại có người cầu các điều

nguyện, tự mình hướng về góc Đông Bắc, khởi lên hình tượng Thánh Trì Thế Bồ Tát.... y Pháp tụng trì Đà La Ni này, thì tất cả điều nguyện thấy đều mãn túc, tài vật tăng trưởng, được vô lượng Phước” Đó là Pháp Mãn Nguyện Tài Bảo.

Nhưng **Mật Giáo** vẫn cứ dùng “**Vũ Bảo Đà La Ni Kinh**” làm cơ sở lập Trì Thế Bồ Tát hoặc Đức Bảo Sinh Như Lai làm Bản Tôn, là Pháp tu cầu Phước, gọi là “**Vũ Bảo Đà La Ni Pháp**”.

Trì Thế Bồ Tát toàn thân màu xanh đậm, thân tỏa ánh sáng tươi tắn tinh khiết, dùng vô lượng Anh Lạc, trân bảo trang nghiêm trên thân, ánh sáng như mặt trời, tay phải cầm Quả Thực, tay trái kết Thí Vô Úy Ấn, ngồi trên tòa Hoa Sen.

Ngoài ra trong quyển 28 “**Biệt Tôn Tạp Ký**” ghi chép về Mạn Trà La Hội Pháp rằng: “ Trì Thế Bồ Tát màu vàng màu xanh, hiện dung mạo hơi cười, tay phải cầm Quả Pha La (trái Thạch Lựu), tay trái tác Thí Vô Úy, đầu đội Mão, vòng xuyên, các loại trang nghiêm, ngồi Kiết Già hình như Phạm Thiên. Bên dưới tòa Hoa Sen ấy có hai vị Long Vương (Nàga rāja) đều tác hình thân người, trên đầu có đầu Long Xà, trên đỉnh đeo viên ngọc báu, một vị dùng hai tay nâng cái hộp bảy báu, một vị cầm cái bình báu, đều ngâm nửa thân mình trong nước.

Bên phải Tượng là vị Trời Đại Thắng Thiên (Mahà jaya Deva), một tay cầm Hoa Sen, một tay tác thế triệu mời.

Ở phía trên Tượng, hai bên có hai vị Tiên tuôn mưa bảy báu tràn đầy trong hư không, cho đến vô lượng quyển thuộc cung kính vây quanh”.



Tóm lại, nếu có người y pháp cung kính cúng dường Trì Thế Bồ Tát, tu trì Pháp Trì Thế Bồ Tát và thọ trì Trì Thế Đà La Ni, đều hay tiêu trừ sự nghèo túng, Tài Bảo đầy đủ, luôn luôn an ổn giàu có.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (DA), có nghĩa là “*Thí Dữ* (ban cho) *bất khả đắc*”, biểu thị cho việc *ban bố các loại trân bảo cho chúng sinh*.

Tam muội Gia Hình là: Quả Cát Tường (hoặc gọi là quả Phả La tức là trái Thạch Lựu, loại trái cây này chứa đầy hạt bên trong nên có ý nghĩa là Tăng Ích, và thể của nó giống như viên ngọc báu).

Ấn Tướng là: Ấn căn bản đó là đem ngón vô danh vịn vào ngón cái, lại đem ngón tay cái đè trên móng ngón vô danh, hai tay như nhau, cùng hợp cổ tay. Hai ngón út cài buộc dính trên lưng ngón giữa của ngón giữa sao cho hai đầu ngón giữa dính nhau cùng dựng thẳng hai ngón cái và hai ngón trở liền thành.

Ấn này chính là điều mà tất cả Chư Phật cùng nhau tuyên nói, nếu Kết Ấn và tụng Đại Chú, Tâm Chú.... Như Pháp tụng trì thì tất cả mọi nguyện cầu đều được thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Đát Diệt Tha: Tô lô bế, bạt đạt la phiệt đế, mãng yết lệ, át chiết lệ, át chiết bát lệ, yết già chiết ni, yết tỳ đạt ni, tát tả phạt đế, đà ná phạt đế, đạt na phạt đế, thất lợi mặt đế, bát lạc bà phạt đế, âm mặt lệ, tỳ mặt lệ, lô lô tô, lũ ba tỳ mặt lệ, át nại nại tất đế, tỳ đát tất đế, tỳ thấp phộc hệ, thủy anh củ, mang củ lệ, tỳ tỳ mê, đổ đổ mê, đát đát lệ, đát lạc đát lạc, phạt chiết lệ phạt chiết lệ, yết giáo yết giáo, phạt lật sát ni, nật sáp ba đạt ni, Phạt chiết lạc đạt lạc, đát tha yết đa tát điếm, sa yết lạc, nật cụ sam

Đát tha yết đam át, nô táp mặt lạc. Táp mặt lạc đạt, ma tát điếm táp mặt lạc. Tăng già tát điếm táp mặt lạc. Đát tra đát tra, phổ lạc phổ lạc, phổ thích gia, bạt lạc bạt lạc, ni tô mãng yết lệ, phiến đa mặt đế, mãng yết la phạt đế, tô bạt đạt lạc phạt đế, a yết xa a yết xa. Tam mặt diêm, a nô táp lạc, sa ha.

A phạt chế nam, át nô táp mặt lạc sa ha

Bát thích bà, phàm át nô táp mặt lạc sa ha

Diệt lật châm, át nô táp mặt lạc sa ha

Tỳ chiết diêm, át nô táp mặt lạc sa ha

Tát phộc tát đóa tỳ nại diêm át nô táp mặt, sa ha”.

[NAMO VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢÀYA
TATHÀGATÀYA

TADYATHÀ :OM _ SURÙPE BHADRAVATI MAṂGALAVATI
ACALE ACÀPALE UDGHÀTANI UDBHEDANI SASYAVATI
DHÀDYAVATI DHÀNAVATI ‘SRÌMATI PRABHAVATI
AMALE VIMALE RURU VIMALE ANATASTHÌ VEDA TASTHÌ

VI'SVA KE'SI ANUTTARA ANAKULE MAKULE DHIDHI ME
 DHUDHU ME TÀTURI TÀRA TÀRA
 VAJRA VAJRÌ AVARTTANI SVABHÀVA MANUSMARA
 BHUNKE OKE TAKE TAKE VARṢṢI NIṢPÀDANI
 BHAGAVAM VAJRADHÀRA SÀGARA NIRGHOṢAM
 TATHÀGATÀYA MANUSMARA
 SARVA TATHÀGATA SATYA MANUSMARA
 DHARMA SATYA MANUSMARA
 SAMGHA SATYA MANUSMARA
 TATA TATA PURA PURA PURAYA PURAYA PÙRṢA PÙRṢA
 SARVATHÀ SARVA SATVANÀM CA BHARA BHARA BHARAṢI
 SUMAMGALA 'SANTA MATI 'SIVA MATI MAMGALA MATI
 PRABHÀ MATI MAHÀ MATI BHADRA MATI ÀGACCHA ÀGACCHA
 SAMAYA MANUSMARA SVÀHÀ
 A DHÀRA MANUSMARA SVÀHÀ
 PRABHÀVA MANUSMARA SVÀHÀ
 DRDHA MANUSMARA SVÀHÀ
 TEJA MANUSMARA SVÀHÀ
 JAYA MANUSMARA SVÀHÀ
 VIJAYA MANUSMARA SVÀHÀ
 HRDAYA MANUSMARA SVÀHÀ
 SARVA-SATVA MANUSMARA SVÀHÀ].

Căn Bản Chú:

(1) Án (2) phiệt tố (3) đà lê (4) sa phộc hạ.

ॐ(1) ॠ(2) ॡ(3) ॢ(4)

(1) OM (2) VASU (3) DHARE (4) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Thế Bảo (báu vật của thế gian) (3) Trì (giữ gìn) (5)
 Thành Tự.

Tâm Chú:

(1) Án (2) thất lí (3) phiệt tố (4) sa phộc hạ.

ॐ(1) ॠ(2) ॡ(3) ॢ(4)

(1) OM (2) 'SRÌ (3) VASU (4) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Cát Tường (3) Thế Bảo (báu vật của thế gian) (5)
 Thành Tự.

LIÊN SƯ TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Tu tập Pháp Liên Sư Tài Thần hay thành tựu được tất cả tâm tưởng, sự nghiệp thuận lợi, nguồn tiền rộng tiến giống như thu được một thứ Ma Ni Bảo Châu, mọi nguyện đều viên mãn, nhanh chóng tương ứng.



Liên Hoa Sinh Đại Sĩ (Tên Phạn là: Padma-sambhava), tên Tây Tạng là Padma-hbyu ṅ-gnas, Rin-po-che, là vị tổ khai sáng Mật Giáo của Tây Tạng, là người nước Ô Trượng Na (nay là Ba Cơ Tư Thản Cảnh Nội) ở phía bắc Ấn Độ khoảng thế kỷ thứ 8. Lúc đầu Ngài trú ở chùa Na Lạn Đà, vào năm Thiên Bảo thứ 6 (Năm 747 CN) đời Đường Huyền Tông, theo lời mời của vua Tây Tạng là Xích Tùng Đức Tán, Ngài cùng với hai vị Đại Sĩ là Tịch Hộ (Tên Phạn là: ‘Santa-rakṣita) và Liên Hoa Giới (Tên Phạn là: Kamala’sila) cùng nhau vào Tây Tạng.

Vua Tây Tạng cũng vì Ngài liền cho xây dựng Tang Gia Tự ở phương Đông Nam **Láp Tát** (ND: Láp Tát tên Tây Tạng là: Lha-sa là thủ đô của Tây Tạng, tiếng Tây Tạng: chữ **Lha** là chỉ vị Thần còn chữ **Sa** là chỉ Thổ Địa, cho nên Lha-sa có ý nghĩa là Thánh Địa, vùng đất Linh thiêng) trải qua 10 năm mới xây xong. Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vào Tây Tạng hoàng dương Mật Pháp, phiên dịch Kinh Chú, lại thị hiện các loại thần thông kỳ lạ, giáng phục Quỷ Thần Yêu Quái.... Vì vậy người Tây Tạng quy phục Ngài.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ lưu truyền Mật Giáo, đối lập với Hoàng Giáo (phái mới) của Tông Khách Ba, còn gọi là Hồng Giáo (phái Mật Giáo xưa), tức là Vô Thượng Mật Thừa, Ngài có 25 đệ tử theo phụ giúp dịch thuật Phạm Hán Phật Điển, biên tập thành **Tây Tạng Đại Tạng Kinh Cam Châu Nhĩ**.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vì muốn tiêu trừ tai nạn, sự nghèo túng của chúng sinh mà hóa hiện thành Liên Hoa Tài Thần. Dem Pháp **Liên Sư Tài Thần** truyền cho Phật Mẫu **Ỗ Hỷ Thổ Gia** và quyến thuộc của Ngài, ở Tây Tạng tiếp nhận Liên Sư Tài Thần quán đỉnh, tu trì Liên Sư cầu xin thành tựu nhiều vô số, được thành tựu tất cả tâm tưởng, sự nghiệp thuận lợi, tiền của dư dả, nhanh chóng tương ứng, quần áo thức ăn uống đầy đủ, được Phước Lợi lớn, tất cả mong cầu không có gì chẳng như nguyện đầy đủ, giống như được một thứ Như Ý Ma Ni Bảo Châu, mọi nguyện đều viên mãn.

CHUYỆN KỂ VỀ LIÊN HOA SINH ĐẠI SĨ VÀO TÂY TẠNG GIÁO HÓA

Lúc đầu Liên Hoa Sinh Đại Sĩ đoán biết thời cơ điều phục giáo hóa vùng núi tuyết Tây Tạng đã đến, vì thế nguyện rộng lớn của chính mình, nên Ngài đến bờ hồ Mã Khắc ở Ni Bạc Nhĩ (Nepal), tiếp kiến 7 vị sứ giả của Quốc Vương đến từ Tây Tạng, họ trải qua địa phương của Mang Vực, mang theo tín lễ và lễ vật của Quốc Vương, đến trước Liên Hoa Sinh Đại Sĩ.

Họ hướng về Liên Hoa Sinh Đại Sĩ nói rằng: “Mưa Pháp của Phật Giáo rưới khắp, mỗi người đều vui mừng hớn hở, chúng tôi muốn tìm kiếm đến sự thù thắng vĩ đại của Đại Sư, hiện tại trong lòng đã an trú ở trong cảnh giới của sự tốt lành hiền vui. Hy vọng Ngài có thể giáo hóa chúng sinh, khiến mỗi người đều có thể tín ngưỡng Phật Pháp. Hiện tại hướng về Ngài hiến dâng tâm ý cúng dường thù thắng nhất”.

Tiếp theo họ liền đem thư tín và cát vàng của Quốc Vương hiến dâng cho Liên Hoa Sinh Đại Sĩ.

Trước tiên Liên Hoa Sinh Đại Sĩ truyền bảo 7 vị sứ giả hãy mau trở về Tang Gia Khư, rồi tự mình dùng sức thần thông, giống như chim bay lên hư

không, bay đến vùng chân trời, cuối cùng hạ xuống ở Mang Vực Cống Đường và lưu lại nơi này 3 tháng.

Thời gian Liên Hoa Sinh Đại Sĩ ở Cống Đường, vua Xích Tùng Đức Tán của Tây Tạng lại phái 3 vị sứ giả đến trước, lần này lại mang theo rất nhiều vàng ròng đến để nghênh thỉnh Liên Hoa Sinh Đại Sĩ. Họ vì muốn nhanh chóng nghênh tiếp Liên Hoa Sinh Đại Sĩ đi đến Lạp Tát, cho nên lộ trình ngày đêm không ngừng tiến bước, mà hết thấy chúng thần Hộ Pháp, cũng hối hả khuyên xin Liên Hoa Sinh Đại Sĩ nhanh chóng lên đường, nhưng Liên Hoa Sinh Đại Sĩ mười phần vẫn ung dung từ chối, chẳng thể lay động.

Ba vị sứ giả vội vã lên đường, nên khi đến trước mặt Liên Hoa Sinh Đại Sĩ thì tinh thần mười phần biểu lộ mệt mỏi, họ hướng về Liên Hoa Sinh Đại Sĩ thỉnh cầu rằng: “Liên Hoa Sinh Đại Sĩ ! Xin Ngài hãy mau nhanh chóng đến đô thành Tây Tạng gặp Đại Vương của chúng tôi!”.

Lúc này Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vì muốn thị hiện duyên khởi của **Như Huyễn**, khiến cho đại chúng tôn trọng Duyên của Pháp, cho nên liền nói rằng: “Xin hỏi các ông là ai? Vì sao lại vội vã đến gặp tôi?”.

Những vị sứ giả này đáp rằng: “Bạch Đại Sĩ ! Chúng tôi là sứ giả của vua Tây Tạng Xích Tùng Đức Tán cử đến, là phải nghênh thỉnh Đạo Sư đi đến Tây Tạng, hiện tại xin hướng về Đạo Sư dâng hiến một thùng cát vàng, hy vọng Đạo Sư có thể vui thích”.

Sau khi Liên Hoa Sinh Đại Sĩ tiếp nhận số cát vàng này, trong phút chốc bỗng nhiên lại đem hết thấy số cát vàng hướng lên trời rải đi, sau đó cất tiếng nói lớn rằng: “Những lễ phẩm của Quốc Vương đó là què hương Quý đối? Những lễ phẩm của Đại Vương đó là nơi hoang vắng nghèo nàn?”.

Lúc Liên Hoa Sinh Đại Sĩ rải số cát vàng, số cát vàng này không những không bị thổi rơi xuống, ngược lại hướng lên trời phát phối bay đi, càng bay càng cao, tung bay hướng về Mang Vực và Ni Bạc Nhĩ (NePal). Bấy giờ toàn bộ bầu trời đều là một dãy ánh sáng vàng ròng rực rỡ, cảnh tượng mười phần hùng vĩ chẳng thể nghĩ bàn. Hành vi của Liên Hoa Sinh Đại Sĩ, uy lực thần biến xem vàng như đất, khiến cho ba vị sứ giả vừa ngợi khen nhưng lại cảm giác có điểm đáng tiếc.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ liền nói với họ rằng: “Ba vị sứ giả, các ông chẳng nên tiếc rẻ! Tất cả đều là cảnh tượng mộng ảo như bọt nước, mà đất cát và vàng ròng nào có gì khác biệt? Các ông hiện tại nên đem vạt áo của chính mình trước sau đều tháo gỡ!”.

Ba vị sứ giả nghe xong mười phần hoang mang, nhưng còn phải chiếu theo chỉ thị của Liên Hoa Sinh Đại Sĩ, đem vạt áo của chính mình trước sau đều tháo gỡ. Tiếp theo Liên Hoa Sinh Đại Sĩ lại bảo họ đem toàn bộ đất bùn và cát đổ

LỤC ĐỘ MẪU

Đức Đặc Biệt

Lục Độ Mẫu hay tăng trưởng Phước Đức, thành tựu tất cả việc giàu sang tốt lành, khiến hành giả an lành trụ vững Phước, giàu có và tự tại, phàm có người nào mong cầu Tài Bảo đều hay tùy nguyện viên mãn.

Độ Mẫu (Tên Phạn là: Tàrà), gọi đầy đủ là **Thánh Cứu Độ Mẫu**, là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng là Phật Mẫu của Quán Âm Bộ trong Mật Giáo. Lại gọi là **Thánh Đa La Bồ Tát, Đa La Tôn, Đa La Tôn Quán Âm, Đa La Quán Thế Âm, Lục Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu, Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**. Dịch ý là con mắt, Cực Độ, Cứu Độ, cho nên sơ lược gọi là “Độ Mẫu”. Tổng cộng có 21 Tôn, gọi là 21 Độ Mẫu đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Lục Độ Mẫu tức là Chủ Tôn của 21 Độ Mẫu.



Căn cứ trong “**Kinh Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi, Phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát Thọ Kỳ**” ghi chép, Khi Quán Tự Tại Bồ Tát an trú vào Tam Muội Phổ Quang Minh Đa La, dùng sức Tam muội, từ trong con mắt phóng ra ánh sáng lớn, Đa La Bồ Tát liền từ trong ánh sáng sinh ra, là hình thiếu nữ màu nhiệm (Diệu Linh Thiếu Nữ), dùng ánh sáng trong mát chiếu soi chúng

sinh, thương xót chúng sinh giống như người mẹ hiền, thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử.

Tu trì Pháp Lục Độ Mẫu, hay chặt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ tất cả Ma Chướng, Nghiệp Chướng, Bệnh Khổ cũng hay tiêu diệt, lại hay tăng Phước, sống lâu, rộng mở trí tuệ, phàm có người nào mong cầu, không thể chẳng như nguyện đều thành tựu.

Trong “**Thánh Đa La Bồ Tát Nhất Bát Danh Đà La Ni Kinh**” ghi chép rằng: “Nếu hành giả hay phát tâm chí thành trì niệm 108 tên cùng với Đà La Ni này, 1 biến, 7 biến cho đến 27 biến, vả lại lúc niệm tụng thời không nên thiếu câu văn, người đó sẽ được tất cả sự việc giàu sang tốt lành và thành tựu Pháp, tùy nguyện đều được vĩnh viễn không có sự chướng ngại.

Ngoài ra trong “**Kinh tán dương 108 tên của Thánh Đức Đa La Bồ Tát**” cũng đề cập đến nếu như có người nào như Pháp thọ trì 108 tên của Đa La Bồ Tát, sẽ được “Tăng Phước, danh xưng rộng, nhiều tiền của, tốt lành, an lành trụ ruộng Phước, giàu có và tự tại”.

Nhưng trong “**Kinh lễ tán 21 loại Cứu Độ Phật Mẫu**” cũng có kể lại như sau “Cầu tài Bảo vị được giàu có, khéo hay viên mãn tùy ý nguyện”

Tôn này hiện tượng thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục có một mặt hai cánh tay, dung mạo Từ Bi, đầu đội Mão Báu Ngũ Phật, thân đeo các loại ngọc báu, khoác áo Thiên Y có màu sắc, thân dưới mặc quần có hai lớp dùng để trang nghiêm, ngồi trên tòa Bồ Tát ở trên Hoa Sen trong vành trăng, chân phải làm trạng thái giẫm đạp, chân trái co lại. Tay phải hướng ra bên ngoài để trên gối phải, tác Thí Nguyện Ấn và cầm Hoa Ô Ba Lạp (Utpala- Hoa Sen xanh da trời), tay trái để ở trước ngực cũng cầm Hoa Ô Ba Lạp.



Căn Bản Thập Tự Chân Ngôn là:

Phạn Văn là: An đalí xuất đalí đô lí sa ha.

Tạng Văn là: Ông, đạt liệt, đô đạt liệt, đô liệt, thoa cáp.

ॐ तूरे तुतूरे तुरे स्वहा

”

OM _ TÀRE TUTTÀRE TURE _ SVÀHÀ.

NHƯ Ý ĐỘ MẪU

Đức Đặc Biệt

Tu trì Như Ý Độ Mẫu hay như viên ngọc báu Ma Ni, mọi việc như ý, mong cầu mãn nguyện.

Như Ý Độ Mẫu là một trong 21 Độ Mẫu, Bản Tôn toàn thân màu vàng lục. Tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái cầm Hoa, trên Hoa có Như Ý Kết.



Trì tụng Chú Ngữ của Như Ý Độ Mẫu, hay như viên ngọc báu Ma Ni, mọi việc như ý. Tùy theo nguyện khẩn cầu, không có gì chẳng thành tựu.

Nếu như có người nào mong cầu con cái, tu học Pháp Như Ý Độ Mẫu càng linh nghiệm hơn.

Chân Ngôn là: Ông đạt liệt đô đạt liệt đô liệt tát nhĩ ngô a nhĩ tha tất địa tất địa cổ lỗ thoa cáp.

ॐ ह्रीं उरु उरु रे ह्रीं रे सरवा अर्थ सिद्धिं सिद्धिं सु सु सु सु ॐ

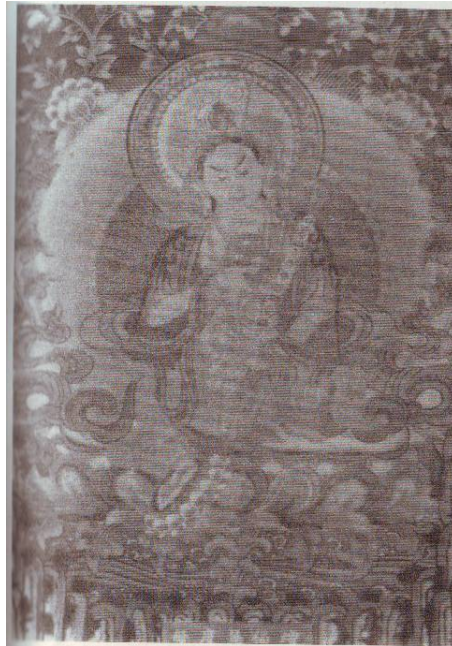
OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SARVA ARTHA SIDDHI – SIDDHI KURU – SVÀHÀ.

TĂNG PHƯỚC TUỆ ĐỘ MẪU

Đức Đặc Biệt

Hay được tiền của giàu có, uy quyền, Phước Đức, Trí Tuệ và Thần Thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu là một trong 21 Độ Mẫu, toàn thân màu vàng. Tướng mạo uy mãnh, tay phải cầm viên ngọc báu Như Ý, tay trái cầm cái móc câu sắt chuỗi có viên ngọc báu.



Thành tâm tu trì Pháp Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu hoặc trì tụng tâm chú, hay được tiền của giàu có, uy quyền, Phước Đức, Trí Tuệ và Thần Thông.

Chân Ngôn là: Ông liệt na đạt liệt tát nhĩ ngõa lạc cát gia nạp tử nha đạt lạt đạt lạt trích lí trích lí hạnh hạnh tạp gia nạp bố kinh cổ lỗ ông.

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM _ RATNA TÀRE – SARVA LOKA JÑÀNA VITYA, DHARA DHARA.

[?OM - Ratna Tàre – Sarva loka jñàna vidya – dhàra dhàra – dhiri dhiri – Hrìṃ Hrìṃ – jaḥ – puṇya jñàna puṣṭim kuru – OM].

TÀI BẢO THIÊN MẪU

Đức Đặc Biệt

Tài Bảo Thiên Mẫu là một vị Tôn Quý, vả lại hay khiến cho chúng sinh tiền của giàu có lương thực đầy đủ, có đầy đủ Bản Tôn nữ tính của sự may mắn.

Tài Bảo Thiên Mẫu là một trong những Tôn Tài Bảo của Mật Giáo.



Truyền thuyết nói rằng: “Lúc Đức Phật Đà ở trong rừng Kha Sa Tỷ, có một vị thí chủ đến trước mặt Đức Phật Đà, thỉnh xin Đức Phật Đà làm thế nào để khử trừ bệnh tật, nghèo túng, Đức Phật Đà liền Từ Bi truyền dạy Bản Tôn Chú Ngữ này và mở bày lợi ích Công Đức của việc trì tụng”.

Tên Tây Tạng của Tài Bảo Thiên Mẫu dịch âm là **Nặc Cấp Mã**, bản chất ấy là do Độ Mẫu hóa hiện ra mà diện mạo bên ngoài cũng đổi thành một thân tượng của **Phật Mẫu Tài Thần**, ý nói là Mẫu của Tài Bảo phồn thịnh.

Phàm người nào trì tụng Bản Tôn Chú Ngữ này hoặc tu trì Pháp này, đời này đều có thể nhanh chóng thành tựu sự nghiệp ở thế gian, tiền của giàu có đầy đủ phồn thịnh, thân thể khỏe mạnh sống lâu, mọi việc may mắn tốt lành thuận lợi và có thể xa lìa tai nạn ngoài ý muốn, bệnh tật....

Nếu chính xác hay như Pháp tu trì, ắt có thể được sự gia trì rộng lớn thù thắng của Bản Tôn cho đến lợi ích vô cùng vô tận.

Chân Ngôn là: Mã mã ba tô đáp liệt thoa cáp.

MAMA VASU-DHARI SVÀHÀ.

TÀI NGUYÊN THIÊN MẪU

Đức Đặc Biệt

Tài Nguyên Thiên Mẫu là một trong những Bản Tôn Tài Bảo của Tạng Truyền Phật Giáo, chuyên chủ quản tiền của giàu sang của thế gian, là minh phi của Ngũ Lộ Tài Thần, hay vì chúng sinh mang đến các loại tiền của giàu sang và trân bảo.

Tài Nguyên Thiên Mẫu là một trong những Bản Tôn Tài Bảo của Tây Tạng, dịch âm tên Phạn là “**Ba Tố Đạt Thích**”, dịch âm tên Tây Tạng là “**Nặc Xa Mã**”, Tôn này thuộc ở Mật Chú Bộ Tác Mật và Du Già Mật Tục Phật Bộ.



Căn cứ trong Bản Tục đã ghi chép rằng: “Vào thời quá khứ lúc Đức Phật Ca Diệp tại thế, vị Thiên Mẫu này dùng công đức bố thí, nên sinh vào 33 cõi trời (tam thập tam Thiên). Nếu hay thành tâm cúng dường thì hành giả hay được mang đến tiền của giàu sang và các loại trân bảo”. Lúc Đức Phật Thích Ca tại thế Tài Nguyên Thiên Mẫu từ trong nước sinh ra, tên là “**Cam Đẳng Lạp Ma**” tức là **Hằng Hà Thiên Nữ**, thị hiện là một trong 21 Độ Mẫu.

Căn cứ vào sự truyền thừa khác nhau của Tài Nguyên Thiên Mẫu, mà có hóa hiện 1 mặt 2 cánh tay hoặc 1 mặt 3 con mắt 6 cánh tay; cũng có lúc hiện ra cùng với Tài Thần hiện nhóm tướng **song vận**.... Thân ấy màu vàng rực rỡ,

dùng các loại Anh Lạc quý báu để trang nghiêm, dùng tòa Như Ý, an trú trong vành trăng trên Hoa Sen. Tay phải kết Thắng Thí Diệu Ấn hoặc cầm Quả hay mãn túc tất cả tâm nguyện; Tay trái cầm quả Tuệ (Bông Lúa) hoặc kết Bồ Thí Ấn.

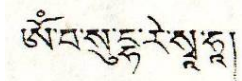
Bản nguyện của Tài Nguyên Thiên Mẫu là mãn túc tất cả mọi nguyện của chúng sinh, tay kết Bồ Thí Ấn tượng trưng cho bố thí tiền của, bố thí pháp, bố thí sự không sợ hãi, siêng năng hành “**Bồ Thí Ba La Mật**”. Nếu có người nào cúng dường, lễ bái, làm theo như vậy (y chỉ), và tu pháp trì chú, Tài Nguyên Phật Mẫu ắt hay mãn túc bất cứ tâm nguyện nào, khiến tiền của dồi dào, không lo sợ thiếu thốn.

Nếu như hay dùng bản nguyện của Tài Nguyên Thiên Mẫu làm đối tượng học tập, sau khi được Thiên Mẫu gia trì, dùng tiền của có được, hành Bồ Thí Ba La Mật và thể chứng Bồ Thí, thọ nhận của vật đã Bồ Thí có ý nghĩa là **Tam Luân Thế Tính Không Tịch**, nhất định lại hay cùng với Tài Nguyên Thiên Mẫu thành tựu tương ứng.

Chân Ngôn là:

{Chú Ngắn}


Án ba tố đạt liệt thoa cáp.



OM _ VASUDHARE SVÀHÀ.

{Tùy Tâm Chú}

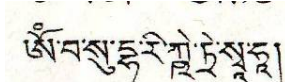
Án lạc cáp mã bố đại mã ni bạt tây ni gia thoa cáp.



OM _ LAKṢMA BHŪTA MAṆI VASINIYE SVÀHÀ

{Chú dài}

Án bạt thư đạt lợi ni thiết tá thoa cáp.



OM _ VASU-DHARI KṢETRE SVÀHÀ.

HOÀNG SẮC TÀI TỤC MẪU

Đức Đặc Biệt

Hoàng Sắc Tài Tục Mẫu là Phật Mẫu hay ban cho người đời thành tựu Tài Bảo. Bà không những hay khiến cho chúng sinh có đủ Pháp Tài của Xuất Thế Gian, lại hay có đủ tiền của giàu sang của Thế Gian.

Trong **Tạng Mật** cho rằng: “Chủng Tính cao quý, hình sắc đoan chính, trường thọ, không bệnh, nhân duyên tốt, đầy đủ thể lực, tiền của giàu sang, Trí Tuệ rộng lớn.... Là 7 loại Tài Phú (tiền của giàu sang) dòng giống của Nhân Thiên. Bảy Tài của Người Trời này lại gọi là bảy Đức của Người Trời, là tất cả thuận duyên của Pháp Môn Người Trời”.

Trong tu hành Phật Pháp phải có đủ sáu Ba La Mật, trong đó Bồ Thí Ba La Mật là vốn liếng (Tư Lương) của Thế Gian và Xuất Thế Gian, cơ bản và trọng yếu nhất của việc tu trì.

Ngoài **sáu Ba La Mật** này cần phải có đủ, đồng thời cũng cần phải viên mãn chuẩn bị đủ bốn Nhiếp Hạnh của Bồ Tát là: Bồ Thí, Ái Ngữ, Lợi Hạnh, Đồng Sự.... nhưng có đủ vốn liếng Tài Phú hay trở thành trợ duyên của tu hành này.

Trong bốn Tục thuộc Mật Giáo là **Sự Bộ, Hạnh Bộ, Du Già Bộ, Vô Thượng Du Già Bộ** của Tạng Mật có các Pháp tu trì phần nhiều là **cúng dường Tài Thần**, trong đó cuối cùng nhất là phải thành tựu Phật Quả.

Trong Mật Thừa kể rằng, **Tài Tục Mẫu** là Chủ Tôn thị hiện trong bốn Tục Đoàn Thành. Loại Pháp tu trì này thuộc **Không Hành Kim Cang Trưởng Tu Pháp**, mà Tài Tục Phật Mẫu là Tứ Tài Phật Mẫu chủ yếu nhất trong Tứ Tục Mật Thừa.

Gọi là “Tứ Tài” không chỉ là Pháp Tài thành Phật cũng hay khiến cho hành giả có đủ Tài Phú của Thế Gian. Nhân đây, Tài Tục Mẫu là Phật Mẫu trong Kim Cang Thừa ban cho thành Phật, thành tựu Tài Bảo, cho nên xưng Bà là **Thị Tài Phật Mẫu** hoặc **Tài Tục Mẫu**.

HÌNH TƯỢNG CỦA HOÀNG SẮC TÀI TỤC MẪU

Hoàng Tục Mẫu có thân màu vàng, một mặt hai cánh tay, tay phải kết Thí Thắng Ấn, tay trái cầm cái Bình Báu chứa đầy bông lúa và Tài Bảo. Thân mặc áo màu trắng có gợn sóng trên vai, tay áo màu xanh lam và quần tở lụa có màu sắc, dùng vật báu để trang sức. Hai chân dùng thế Kim Cương Già Phu ngồi tại hoa sen trên tòa báu của vành trăng.



Tài Tục Mẫu dung mạo hiền hòa, ban cho hành giả tiền của viên mãn tốt lành, tay phải kết Thí Thắng Ấn biểu thị ban cho thành tựu Tài Bảo, tay trái cầm cái Bình báu biểu thị *Bố Thí thịnh vượng giàu sang đầy đủ là tiền của Trí Tuệ để thành Phật*. Thân của Tài Tục Mẫu biểu thị Tài Lưu (tiền của lưu chuyển) của Phật Mẫu, lời nói biểu thị Phật Pháp như cam lộ chảy thông suốt, Ý biểu thị tiêu trừ tất cả tội ác, ánh sáng chiếu soi công đức vô thượng.

Tu trì Pháp Phật Mẫu này, hay chặt đứt tất cả sự lười biếng, chướng ngại và tâm tạp loạn của người tu hành, có thể tăng trưởng công đức đã nhiếp của Giới Định Tuệ và tất cả Phước của trí tuệ tiền của (Tuệ Tài), hay được Tài Phú với Long Phật Pháp và hay chặt đứt phiền não và tập khí của chúng sinh, nhập vào Viên Mãn Vô Thượng Phật Đạo.

TRINH HUỆ THIÊN MẪU

Đức Đặc Biệt

Trinh Huệ Thiên Mẫu là một trong những Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ, có vị trí ở phương nam, tượng trưng cho Bảo Bộ ở phương nam của Ngũ Phương Phật, hay ban cho tất cả chúng sinh Tài Bảo vô tận.

Trinh Huệ Thiên Mẫu là một trong những Tôn Tài Bảo thuộc Tạng Mật và là một trong những **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ**. Mà quê hương của Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ, chính là nơi ở dưới chân núi **Châu Mục Lãng Mã Tuyết Sơn** xinh đẹp. Trong đó có 5 tòa ao hồ băng tuyết, thường ánh hiện nhan sắc biến hóa kỳ ảo khác nhau, cũng giống như thân sắc của năm Trường Thọ Nữ. Ngoài ra cũng có thuyết nói Năm Trường Thọ Nữ này cư trú ở **Lạp Kỳ Khang Tuyết Sơn**.

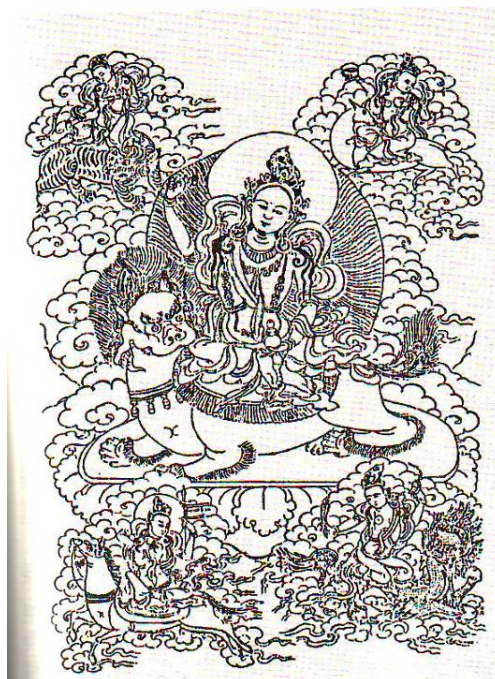
Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ Thần, lấy **Trung Ương Cát Tường Trường Thọ Phật Mẫu** làm thủ lĩnh. Thân tướng của Bà trắng tinh khiết, trên gò má hiện ra màu hồng nhạt, tuổi trẻ mà rất đẹp, tay phải của Bà cầm viên ngọc của sự hy vọng, tay trái cầm 1 cành Chiêm Bốc Thần Tiễn, đuôi mũi tên có buộc 1 con ốc biển trắng làm thành con xúc xắc và cái gương. Con xúc xắc tượng trưng cho Cát Tường của Tam Giới. Thân Bà mặc áo tơ màu trắng, dùng lông cánh của con chim công chế thành mũ rộng vành, đầu quấn khăn làm bằng tơ. Hoặc có thuyết khác nói thân tướng màu trắng, tay phải cầm cái Chày Kim Cang, tay trái cầm cái Bình báu, cỡi con Sư Tử Núi Tuyết màu trắng.

Mặt trước của **Trường Thọ Thiên Mẫu** là **Nữ Thần Thúy Nhan Thiên Mẫu**, 2 tay đều cầm Chiêm Bốc Ma Kính. Bên phải là **Nữ Thần Trinh Huệ Thiên Mẫu**, tay cầm mâm Tài Bảo, chứa đầy đá quý. Phía sau là **Nữ Thần Quan Vịnh Thiên Mẫu**, đội cái mũ rộng vành làm bằng lông cánh của con chim công, nâng cái mâm bằng phẳng chứa đầy Trân Bảo. Bên trái là **Nữ Thần Thí Nhân Thiên Mẫu**, tay cầm cái Thìa dài chứa đầy sữa tươi. Tư thế thân hình của 5 vị Cát Tường Ngũ Trường Thọ Nữ Thần này đều là trạng thái múa. Thân mặc áo tơ trắng, trên thân trang sức Bảo Thạch quý báu, trong tay đều khua múa 1 cành Chiêm Bốc Thần Tiễn. Tôn hình trên do truyền thừa khác nhau nên nhân duyên thị hiện cũng sẽ khác nhau.

Truyền thuyết nói, **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ Thần** ở trong động Ca Nhiệt Tang Ngõa, gặp được **Liên Hoa Sinh Đại Sĩ**, các bà dùng lực lượng thần thông rộng lớn đè ép khuất phục Liên Sư. Thế là phát động 18 loại Thiên Ma, Đơn Mã Nữ Thần, Sơn Thần và vô biên Chúng Quỷ Thần, nhưng lại không có cách nào khiến cho Liên Hoa Sinh Đại Sĩ bị chấn động. Cuối cùng các bà

biến hóa ra hình mạo và thần lực rất đáng sợ, không ngờ lại bị Liên Hoa Sinh Đại Sĩ dùng thần lực thủ ấn đè ép khuất phục dưới lòng bàn tay.

Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ bất đắc dĩ, phải đem danh hiệu và **Mạng Căn Tinh Yếu Tâm Chú** cúng dường Liên Sư, và đứng dưới Tam Muội Gia thế nguyện, vĩnh viễn phục tùng sự giáo hóa của Liên Sư. Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vì các bà mở bày lý báo ứng của nhân quả, và dặn dò các bà vĩnh viễn thủ hộ Phật Pháp.



Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ

Nam Phương Trinh Huệ Thiên Mẫu thân tướng màu vàng rực rỡ (đại biểu cho Bảo Bộ ở phương nam), có một mặt hai cánh tay, tay phải cầm Thổ Bảo Thú (Con vật phun ra vật báu), tay trái cầm cái Mâm vàng chứa đầy vật báu (Hoặc có khi tay phải cầm cái Mâm báu, chứa đầy lương thực và các loại ngũ cốc, tay trái kể Thí Nguyện Ấn), cỡi con cọp già uy mãnh, hiển hiện trong ánh sáng năm màu của đám mây màu nhiệm thuộc vật báu của cõi Trời (Thiên Bảo), du hành trong đám mây rực rỡ trên hư không, lợi ích cho chúng sinh.

Một mặt ấy biểu thị cho Tính **Không Tính**, hai cánh tay biểu thị cho Trí Bi cùng vận chuyển. Tay phải cầm Thổ Bảo Thú (con chuột phun ra vật báu) biểu thị cho sự thu hút tất cả tình khí nguồn giàu có của Thế Gian. Tay trái cầm cái Mâm vàng chứa đầy vật báu, lương thực và các loại ngũ cốc, biểu thị ban cho chúng sinh Phước của sự giàu có, sống lâu. Thân màu vàng biểu thị đối với chúng sinh không có Sân Độc, cũng không có tổn thương. Cỡi con Mãnh Hồ

kinhmatgiao.wordpress.com

biểu thị hay giáng phục Tham Sân.... thế lực phiền não mạnh lớn của Ma ác. Hành Nghiệp trong đám mây rục rở biểu thị cho Tính đi trong hư không (Không Hành Tính).

Lại xưng là **Kim Cang Tiểu Mẫu**, hoặc gọi là **Diệu Âm Thiên Mẫu** hay thị hiện sự tốt lành.

ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Ái Nhiễm Minh Vương an tọa trên Hoa Sen màu hồng, dưới tòa Sen có cái Bình báu, cái Bình báu không ngừng tuôn chảy ra vô tận Châu Bảo (trân châu, đá quý), tượng trưng cho Tài Bảo vô tận.

Ái Nhiễm Minh Vương (Tên Phạn là: Ràga-ràja), là một trong những Bản Tôn của Mật Giáo. Dịch âm tiếng Hán có các tên là **La Nga La Xà, Ái Nhiễm Vương**. Trong Mật Giáo thì Tôn này tượng trưng cho “**Ái Dục Tham Nhiễm tức là Tâm Tịnh Bồ Đề**” cho nên tên là Ái Nhiễm Minh Vương. Mà rāja lại hàm chứa ý nghĩa là màu đỏ. Nhân đây, Tôn này phần nhiều dùng toàn thân màu đỏ để biểu thị đức đặc biệt của sự Hoà Ái (ôm ấp sự yêu thương), thường được coi là Chủ Tôn của Pháp Tu về Nhân Tế Kính Ái Pháp, Tài Bảo Tăng Ích Pháp.

Pháp Môn của Ái Nhiễm Minh Vương chủ yếu là Điều Phục Oán Dịch, khiến cho mọi người kính yêu và khẩn cầu Phước Đức làm chủ, đặc biệt Kính Ái Pháp càng được coi trọng hơn. Ái Nhiễm Pháp vốn là Bí Pháp của Đài Mật, về sau Đông Mật và Đài Mật đều cùng nhau tu tập.



Trong “**Kim Cang Phong Lôu Các Nhất Thiết Du Già Du Kỳ Kinh**” ghi chép rằng: “*Ái Nhiễm Minh Vương ngồi trên tòa Hoa Sen bên dưới có cái Bình báu, từ trong cái Bình báu không ngừng tuôn chảy ra vô tận Châu Bảo*”

Ngoài ra trong Kinh vẫn lại ghi chép rằng: “Tu trì Pháp Ái Nhiễm Minh Vương, có thể tăng thêm tất cả Phước, khiến cho bốn loại sự nghiệp nhanh chóng viên mãn”.

HÌNH TƯỢNG CỦA ÁI NHIỄM MINH VƯƠNG



Hình tượng của Ái Nhiễm Minh Vương, thông thường đều làm hình giận dữ, có 3 con mắt đại biểu cho ba Diệu Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát cũng đại biểu cho ba bộ là Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ. Con mắt giận dữ đại biểu cho đối với người nào làm trái Bồ Đề, dành cho sự giáng phạt. Thân sắc như ánh sáng mặt trời biểu thị cho sự Kính yêu, Từ Bi. Đầu đội Mão báu Sư Tử biểu thị cho sự giáng phạt tất cả chướng ngại, không sợ hãi tự tại. Trên đỉnh Sư Tử an trí Ngũ Cổ Câu (cái móc câu có năm chấu), Ngũ Cổ ấy biểu thị cho năm Trí vốn có của chúng sinh, cái móc câu biểu thị cho Câu Triệu Hoài Pháp. Vòng hoa năm màu biểu thị cho Đức màu nhiệm của năm bộ Như Lai, thành tựu năm loại Tất Địa. Dùng các sợi dây thừng bện lại kết thành vòng Hoa trang nghiêm trên thân ấy, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen màu đỏ, dưới tòa Sen có

QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Quân Trà Lợi Minh Vương dùng nước suối Cam Lộ rửa sạch đất tâm của chúng sinh, hay khiến cho tăng trưởng tiền tài giàu có, điều phục oán địch, dẹp yên tai nạn.

Do Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật Bảo Sinh ở phương Nam, cho nên cũng có đầy đủ đức đặc biệt Tăng Ích của Đức Phật Bảo Sinh.

Quân Trà Lợi Minh Vương (Tên Phạn là: Kundah ? Kuṇḍali), dịch âm là **Quân Trà Lợi**, dịch ý là *cái Bình Cam Lộ*. Lại dịch là **Cam Lộ Quân Trà Lợi** hoặc xưng là **Cát Lý Minh Vương, Đại Minh Vương, Cam Lộ Tôn, Quân Trà Lợi Bồ Tát, Quân Trà Lợi Dạ Xoa**. Là 1 trong 5 Đại Minh Vương của Mật Giáo, Tôn này ở trong Kim Cang Giới Mạn Trà La là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật Bảo Sinh ở phương Nam hiện thân phần nộ, có vị trí ở góc Tây Nam của Giảng Tam Thế Hội.

Quân Trà Lợi Minh Vương dùng phương tiện Từ Bi, Thành Chứng Đại Uy Nhật Luân để chiếu sáng cho người tu hành và rưới rót nước Cam Lộ, dùng để rửa sạch đất Tâm của chúng sinh. Nhân đây lại gọi là **Cam Lộ Quân Trà Lợi Minh Vương** (Amṛiti-kuṇḍali, A Mật Lợi Đế Minh Vương).

Pháp tu của Quân Trà Lợi Minh Vương hay Tăng Ích tiền tài giàu có, Pháp Tài của Thế Gian và điều phục oán địch, dẹp yên tai chướng đều hay có đủ.

Trong **Tây Phương Đà La Ni Tạng Trung Kim Cang Tộc A Mật Lí Đa Quân Trà Lợi Pháp** nói rằng: “Pháp tu này nếu muốn được giàu sang, vàng bạc Tài Bảo tăng trưởng, có thể lấy miếng gỗ nhỏ bằng ngón tay nhóm lửa, dùng vàng vụn, bạc vụn hòa với bơ thiêu đốt, liền được giàu sang, tất cả mọi người đều sợ bậc có uy đức, liền được tất cả Tài Bảo. Nếu như người tu hành mỗi ngày trước khi ăn, hay dâng cúng một ít thức ăn và niệm tụng **Quân Trà Lợi Minh Vương Tâm Chú** 7 biến, thì chẳng luận ở bất cứ nơi nào, đều sẽ được sự gia hộ của Minh Vương. Ngoài ra, Quân Trà Lợi Chân ngôn cũng thường được dùng để phụ trợ cho tu trì **Mật Pháp khác** hoặc dùng để gia trì vật cúng”.

Trong **Cù Ê Kinh** nói: “Quân Trà Lợi Minh Vương hay phá trừ tất cả tai nạn, uy đức rộng lớn. Nếu như khi kết Đại Tam Muội Gia Ấn của Minh Vương này, thì có đầy đủ uy lực, vả lại hay giảng phục oán địch”.

Ngoài ra có thuyết nói Cam Lộ Quân Trà Lợi là nơi biến hóa của Quán Tự Tại Bồ Tát, Kim Cang Quân Trà Lợi tức là nơi biến hóa của Kim Cang Thủ Bồ Tát.

Trong **Tô Tất Địa Kinh Sớ** xưng Quân Trà Lợi Bồ Tát là Đại Tinh Tiến Bồ Tát, tịnh thổ nơi ở của Ngài xưng là Diệu Hỷ Thế Giới.

Quân Trà Lợi Minh Vương hay đập tan các loại Ma Chướng, dùng Từ Bi làm phương tiện, hiện hình Đại Phần Nộ, trở thành Đại Uy Nhật Luân, chiếu sáng vô biên thế giới tối tăm của người tu hành, người tu hành nhân đây mà được Tất Địa; và tuôn chảy nước cam lộ sạch sẽ, đem rửa sạch hạt giống nhiễm dính hàm chứa trong Tầng Thức, nhanh chóng gom tụ Phước Đức Trí Tuệ, được pháp thân thanh tịnh viên mãn.

HÌNH TƯỢNG CỦA QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG

Tượng Minh Vương này thị hiện Phần Nộ, hình mạo lại giống như thân Dạ Xoa, cho nên cũng xưng là **Quân Trà Lợi Dạ Xoa Minh Vương** (Kuṇḍali-yakṣas). Ngoài ra, cũng có cách gọi khác là “**Đại Tiểu Minh Vương**”.



Hình tượng của **Quân Trà Lợi Minh Vương**, thông thường có 4 mặt 4 cánh tay, hoặc có 1 mặt 8 cánh tay. Căn cứ trong “**Quân Trà Lợi Nghi Quỹ**” đã ghi chép. Khuôn mặt của tượng 4 mặt 4 cánh tay biểu thị cho Tinh đều chẳng giống nhau, mặt chính là mặt Từ Bi, mặt bên phải là mặt phần nộ, mặt bên trái là mặt đại tiểu, mặt ở phía sau là mặt há miệng hơi giận. Bốn mặt 4 cánh tay này tượng trưng cho 4 loại pháp là Tức Tai, Giáng Phục, Kính Ái, Tăng Ích.

Ngoài ra cũng có nói là chỉ 4 loại phiến não căn bản là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái trong thức thứ bảy. Toàn thân màu hoa sen xanh, ngồi trên bàn đá.



Còn như Hình có 1 mặt 3 con mắt 8 cánh tay, là đầu đội mào đầu lâu, mắt mở to, rất giận dữ, và có 2 con rắn đỏ thông ở trước ngực. Thân có tám cánh tay

Bên phải: Tay ở trên cầm cái Chày Kim Cang, co cánh tay hướng lên trên. Tay thứ 2 ở dưới cầm Tam Xoa 2 đầu có mũi nhọn dài, co cánh tay hướng lên trên. Cánh tay thứ 3 ở dưới đề lên cánh tay thứ 3 bên trái; hai cánh tay bắt chéo nhau ở trước ngực, 2 tay đều tác Bạt Chiết La Ấn. Cánh tay thứ 4 ở dưới, ngửa rỗ hướng xuống dưới, gần hông phải, duỗi 5 ngón tay, là tác Thí Vô Úy Thủ.

Bên trái: Tay ở trên cầm Kim Luân Hình (Hình bánh xe vàng), co cánh tay hướng lên trên. Tay thứ 2 ở dưới, ngón giữa hạ xuống, 3 ngón đều co lại hướng vào lòng bàn tay, ngón cái vịn bên cạnh đốt trên ngón giữa, ngón trở dựng thẳng, duỗi hướng lên trên, co khuỷu tay lại, cánh tay hướng về bên trái. Tay thứ 4 ở dưới, đặt ngang che kín hông trái, đầu ngón tay hướng về bên phải.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀

ॐ ॐ (A hùm hùm)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Chày Tam Cổ.

Ấn Tướng là: Ngón út bên phải bên trái bắt chéo nhau vào lòng bàn tay, ngón giữa cùng duỗi, ngón trỏ co lại như hình cái móc câu áp chặt vào đốt thứ nhất ngón giữa như cái Chày Tam Cổ, ngón cái cùng duỗi áp chặt vào ngón vô danh.

Chân Ngôn là:

(1) **Năng mô** (2) **la đát năng đát la dạ đã** (3) **năng ma** (4) **thất chiến nã** (5) **ma ha phộc nhật la câu lộ đà đã** (6) **án** (7) **hộ lỗ hộ lỗ** (8) **để sắt tra để sắt tra** (9) **mãn đà mãn đà** (10) **hạ năng hạ năng** (11) **a mật lí đế** (12) **hồng** (13) **phát tra** (14) **sa phộc hạ**.

(1) NAMO (2) RATNA-TRAYÀYA (3) NAMA (4) A'SCANĐA (5) MAHÀ-VAJRA-KRODHÀYA (6) OM (7) HURU HURU (8) TIṢṬHA TIṢṬHA (9) BANDHA BANDHA (10) HANA HANA (11) AMṚTE (12) HÙM (13) PHAT (14) SVÀHÀ.

(1) Quy mạng (2) Tam Bảo (3) Quy mạng (4) Bạo Ác (5) Đại Kim Cang Phần Nộ (6) Quy mạng (7) Tốc Tật (Bệnh tật nhanh chóng) Tốc Tật (Bệnh tật nhanh chóng) (8) An Trú An Trú (9) Hệ Phộc Hệ Phộc (10) Sát Hại Sát Hại (11) Cam Lộ (12) Phần (Giận) (13) Tồi Phá (đập nát) (14) Thành Tự.

[ॐ ॐ (1) [ॐ ॐ ॐ (2) ॐ (3) ॐ (4) ॐ ॐ ॐ (5) ॐ (6) ॐ ॐ (7) ॐ ॐ (8) ॐ ॐ (9) ॐ ॐ (10) ॐ ॐ (11) ॐ (12) ॐ (13) ॐ (14)

(1) NAMO (2) RATNA-TRAYÀYA (3) NAMAḤ (4) 'SCANĐA (5) MAHÀ-VAJRA-KRODHÀYA (6) OM (7) HURU HURU (8) TIṢṬA TIṢṬA (9) BANDHA BANDHA (10) HANA HANA (11) AMṚTE (12) HÙM (13) PHAT (14) SVÀHÀ].

THIÊN THỨ BA

CHỮ THIÊN HỘ PHÁP TÀI THẦN

TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

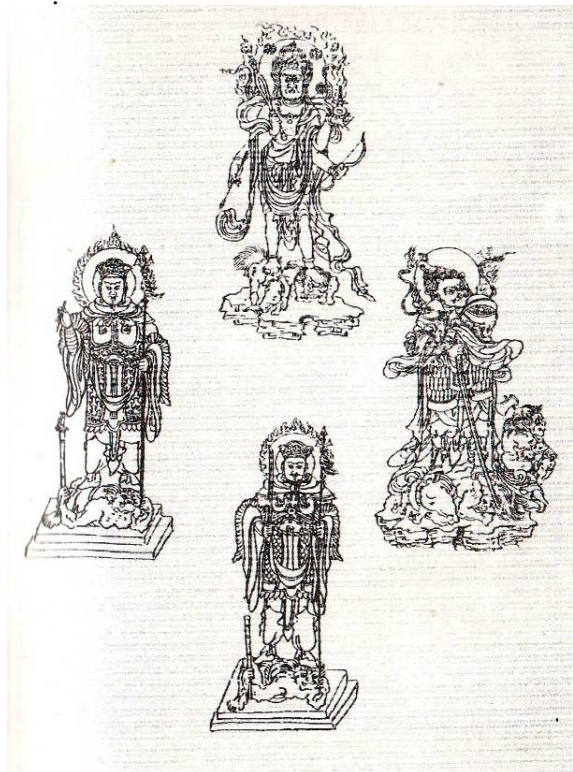
Đức Đặc Biệt

Tứ Đại Thiên Vương có Thệ Nguyện thủ hộ thế giới của chúng sinh, giúp cho an cư lạc nghiệp, Tài Bảo dư thừa, tăng trưởng Phước Đức, vào Chính Pháp... là Bản Tôn Tài Bảo rất trọng yếu.

Tứ Đại Thiên Vương (Tên Phạn là: Caturāraḥ mahā-rājikāḥ) [Caturmahā-rājika-deva] chiếm địa vị rất trọng yếu trong Phật Pháp, bốn vị Thiên Vương hộ trì Phật Pháp trong cõi Dục Giới là nơi cư trú của chúng ta.

Trong quan điểm về Thế Giới của Phật Pháp, sinh mạng tồn tại có thể sơ lược chia làm ba loại thế giới cấp độ (tầng thứ) khác nhau, tức là 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới....

Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới tổng cộng có 28 tầng Trời, mà tầng Trời Tứ Thiên Vương nơi cư trú của bốn vị Đại Thiên Vương, đó là tầng Trời thứ nhất, khởi đầu của Dục Giới.



Bốn vị Đại Thiên Vương gồm có: **Trì Quốc Thiên Vương** ở phương Đông, **Tăng Trưởng Thiên Vương** ở phương Nam, **Quảng Mục Thiên Vương** ở

phương Tây và **Đa Văn (Tỳ Sa Môn) Thiên Vương** ở phương Bắc. Bốn vị Đại Thiên Vương lại xưng là **Tứ Thiên Vương, Hộ Thế Tứ Thiên Vương và Hộ Thế Thiên...** cõi Trời nơi các Ngài cư trú xưng là **Tứ Vương Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên, Tứ Đại Thiên Vương Chúng Thiên**. Các Ngài là Thiên Vương của cõi Trời khởi đầu của Dục Giới, dẫn theo quyển thuộc Thiên Chúng cư trú ở nơi đây.

PHÁP TU TĂNG ÍCH TIỀN TÀI CỦA BỐN VỊ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

Trong **Bạch Khẩu Sao** quyển 147 nói: “Nếu như muốn cầu được nhiều tiền tài, chữa bệnh linh nghiệm, có thể tiến hành làm Đạo Trưởng an trí ở mặt Bắc, hướng về phương Nam, người tu Pháp ngồi ở phương Nam, hướng mặt về phương Bắc an tọa, cầu thỉnh **Tứ Đại Thiên Vương, đốt Tịnh Hương** (hương sạch sẽ) cúng dường và tụng **Tứ Đại Thiên Vương Thông Tâm Chú** như sau:

Án tiệm bà la tạ liên đà la dạ toa ha.

[OM _ JAMBHALA JALENDRAYA _ SVÀHÀ].

Nếu như hay thành tâm mỗi ngày đều tụng hoặc là mãn 10 vạn biến càng tốt”.

NƠI Ở CỦA BỐN VỊ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

Cõi Trời ở trong Phật Giáo, lại có ở Không Cư Thiên của Không Giới và ở Địa Cư Thiên của Địa Giới. Cõi Trời Tứ Đại Thiên Vương cùng với cõi Trời Đệ Thích trên đó đều thuộc ở Địa Cư Thiên, các Ngài trú ngụ ở trên núi Tu Di, bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc của sườn núi Tu Di là chỗ cư trú của bốn vị Đại Thiên Vương.

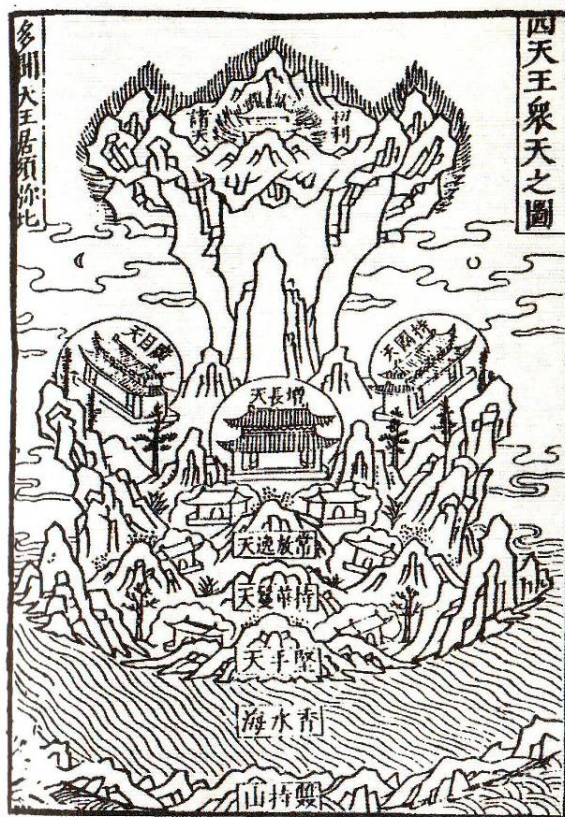
Nơi cư trú của Tứ Đại Thiên Vương, Quyển Thuộc và nơi Thủ Hộ như sau:

1_ **Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương**: Cư trú tại Thành Hiền Thượng, lãnh đạo hai bộ Quỷ Chúng là Càn Thát Bà và Phú Đôn Na, thủ hộ Đông Châu cùng với Dư Châu.

2_ **Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương**: Cư trú tại Thành Thiện Kiến, lãnh đạo hai bộ Quỷ Thần là Cưu Bàn Trà và Tiết Lệ Đa, thủ hộ Nam Châu cùng với Dư Châu.

3_ **Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương**: Cư trú tại Thành Châu La Thiện Kiến, lãnh đạo hai bộ Quỷ Chúng là hàng Rồng và Tỳ Xá Xà, thủ hộ Tây Châu cùng với Dư Châu.

4_ **Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương**: Lại gọi là Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có 3 thành: Khả Úy, Thiên Kính và Chúng Quy, lãnh đạo hai bộ Quỷ Chúng là Dạ Xoa và La Sát, thủ hộ Bắc Châu cùng với Dư Châu.



Tuổi thọ của bốn vị Thiên Vương và Thiên Chúng là 500 tuổi, một ngày đêm của họ tương đương 50 năm ở nhân gian, nhân đây tuổi thọ của họ ước chừng hơn 900 vạn tuổi của nhân gian, thân của họ cao nửa Do Tuần, Thiên Y dài một Do Tuần, rộng nửa Do Tuần, nặng nửa lượng. Lúc mới sinh ra tương đương với đứa bé 5 tuổi ở nhân gian, sắc tướng viên mãn và mặc Thiên Y. Trong 6 Trời Dục Giới, cảnh trí trong Thành nơi bốn vị Đại Thiên Vương thống lãnh rất là rộng lớn.

TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG, NGƯỜI THỦ HỘ CỦA CHÍNH PHÁP

Căn cứ trong **Kinh Tứ Đại Thiên Vương** ghi chép, bốn vị Đại Thiên Vương đều là tùy tùng của Đế Thích Thiên Vương, vào 6 ngày trai của mỗi tháng kiểm tra xem xét Hành Nghiệp lành dữ của nhân gian và khuyên bảo chúng sinh giữ Giới làm lành, là người Thủ Hộ của Chính Pháp.

Bốn vị Đại Thiên Vương là Hộ Pháp của Mật Giáo có quan hệ rất là mật thiết với nhân gian, các Ngài dùng Tâm thủ hộ Phật Pháp với tất cả người tu hành, cho nên từ xưa đến nay đối với sự tín ngưỡng của Tứ Đại Thiên Vương rất là hưng thịnh. Nên khi chúng ta bước vào chùa chiền thường nhìn thấy bốn vị Đại Thiên Vương thủ hộ ở chùa chiền, có thể thấy tính trọng yếu của nó.

Đối với bất cứ Pháp Tu nào nghi tắc căn bản nhất là lúc Kết Giới, Nghênh Thỉnh Tứ Đại Thiên Vương. Thậm chí có thể nói, khu vực có Phật Giáo đều có thể nhìn thấy bốn vị Đại Thiên Vương Thủ Hộ.



Dưới đây chúng tôi phân biệt giới thiệu về Tứ Đại Thiên Vương như sau:

TỖ SA MÔN THIÊN VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Sức Phước Đức của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nổi tiếng bốn phương, cho nên tên là Đa Văn Thiên, được coi là Tài Bảo Thiên Vương, trong Tạng Mật lại được coi là Bản Tôn Tài Thần, hay ban cho tiền của không tận.

Tỳ Sa Môn Thiên vương (Tên Phạn là: Vai'sravaṇa), tên Tây Tạng là Rnam-thos-kyi-bu. Là một trong bốn vị Đại Thiên Vương hoặc 12 Thiên. Dịch ý là **Đa Văn, Biển Văn**, tên Đa Văn Thiên rất là thường thấy.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương là vị Thần thủ hộ ở phương Bắc của cõi Diêm Phù Đề, hộ trì Phật Pháp, thủ hộ Thế Gian. Sức Phước Đức của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nổi tiếng bốn phương, cho nên tên là Đa Văn Thiên, được coi là Tài Bảo Thiên Vương, trong Tạng Mật lại được coi là Bản Tôn Tài Thần, hay ban cho tiền của không tận. Tại vùng đất Ấn Độ, Tây Vực, Trung Quốc và Nhật Bản thì Tỳ Sa Môn Thiên Vương đều nhận được sự cung phụng rất phổ biến, qua tên gọi là Tài Thần, Phước Thần.

TỖ SA MÔN THIÊN VƯƠNG HỘ TRÌ CHÚNG SINH CÓ NHIỀU TÀI BẢO

Trong **Kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương** ghi chép về nhân duyên của Tỳ Sa Môn Thiên Vương phát nguyện trước Đức Phật.

Xưa kia Tỳ Sa Môn Thiên Vương vì muốn lợi ích an vui cho các hữu tình ở đời vị lai, có nhiều Tài Bảo, bảo vệ đất nước, cho nên tự nói Chân Ngôn. Chân ngôn này như Chân Đa Ma Ni Bảo Vương, hay mãn mọi nguyện. **Tâm Chân Ngôn** này là:

**Năng mô la đát năng dạ dã năng mô phệ thất la ma nã dã ma hạ
la nhạ dã tát phộc tát đát phộc năng ma xá phả lí bố la nã dã tát địa ca
la dã tô khiên na na dã đát sa mỗi năng mạc tắc ngật lí đát phộc y
hàm phệ thất la ma nã hất lí nãi dã ma miệt đa dĩ sái nhĩ tát phộc tát đát
phộc tô khư phộc hám đát nhĩ dã tha án tất địa tất địa tô mẫu tô
mẫu tả tả tả tả tả la tả la sa la sa la yết la yết la chỉ lí chỉ lí củ
lỗ củ lỗ mẫu lỗ mẫu lỗ chủ lỗ chủ lỗ sa đà dã át tham ma ma ninh
để dã mạt tha nõ bà phộc sa phộc hạ phệ thất la ma nã dã sa phộc hạ
đà năng na na sa phộc hạ ma nã la tha phả lí bố la ca dã sa phộc hạ.**

[NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO VAI'SRAVAṆA MAHÀRÀJÀYA, SARVASATTVÀNÀM
À'SÀ PARIPÙRAṆÀYA, SIDDHI KARÀYA , SUKHÀDADÀYA. TASÀN

NAMASKṚTVA _ ÌMÀṂ VAI'SRAVAṆA HRDAYA MÀVARTA IṢYÀMI
SARVA SATTVA SUKHÀ VAHAM

TADYATHÀ: OM , SIDDHI SIDDHI , 'SUMU 'SUMU , CAṆḌA
CAṆḌA , CARA CARA, , SÀRA SÀRA , KARA KARA , KIRI KIRI , KURU
KURU , MURU MURU , CURU CURU , SÀDHAYA ARTHAM MAMA ,
NITYA MANATHO BHÀVA SVÀHÀ

VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ

DHANADÀYA SVÀHÀ

MANORATHA PARIPÙRAKÀYA SVÀHÀ NAMO

RATNATRAYÀYA

NAMO VAI'SRAVAṆA MAHÀRÀJÀYA, SARVASATTVÀNÀM
À'SÀ PARIPÙRAṆÀYA , SIDDHI KARÀYA , SUKHÀDADÀYA. TASÀN
NAMASKṚTVA _ ÌMÀṂ VAI'SRAVAṆA HRDAYA MÀVARTA IṢYÀMI
SARVA SATTVA SUKHÀ VAHAM

TADYATHÀ: OM , SIDDHI SIDDHI , 'SUMU 'SUMU , CAṆḌA
CAṆḌA , CARA CARA, , SÀRA SÀRA , KARA KARA , KIRI KIRI , KURU
KURU , MURU MURU , CURU CURU , SÀDHAYA ARTHAM MAMA ,
NITYA MANATHO BHÀVA SVÀHÀ

VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ

DHANADÀYA SVÀHÀ

MANORATHA PARIPÙRAKÀYA SVÀHÀ]

Trong Kinh lại ghi chép Pháp Tu của Chân Ngôn này là:

“Trước tiên lấy An Tất Hương, Bạch Đàn Hương, Long Nã Hương, Đa
Nghiệt La Hương, Huân Lục Hương, Tô Hợp Hương, hòa các hương này lại với
nhau, cúng dường Ta, Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

Nếu **Nghênh Thỉnh** thời kết Căn Bản Ấn, đem hai ngón trở hương về thân
triệu mới 3 lần, liền tụng Chân Ngôn 7 biến, bung Ấn trên đỉnh đầu.

**“Đát nhĩ dã tha năng mô phệ thất la ma nã dã năng mô đà năng na
dã đà ninh thấp phộc la dã a nghiệt sa nghiệt sa a phả lí nhĩ đa đà ninh
thấp phộc la bát la ma ca lỗ ni ca tát phộc tát đáp phộc tứ đa tức đa
ma ma đà năng ma nã bát la duệ sa sa phộc diễm ma nghiệt ta sa phộc
hạ”**.

[NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO VAI'SRAVAṆÀYA

NAMO DHANADÀYA DHANE'SVARÀYA

ÀGACCHA ÀGACCHA APARIMITA DHANE'SVARA PARAMA
KÀRUṆIKA , SARVA SATTVA HITA CITTA MAMA DHANA MANU
PRAYACCHA SVAYAM ÀGACCHA SVÀHÀ].

Hành giả thường niệm Chân Ngôn này mà không gián đoạn, cho đến khi Vương Tử **Xá Nhĩ Sa** của Tỳ Sa Môn Thiên Vương thị hiện hình đồng tử bảo người trì tụng rằng: “Ông có việc gì mà triệu thỉnh Phụ Vương ta?”.

Người trì tụng đáp lại rằng: “Nguyên nhân vì tôi muốn cúng dường Tam Bảo, thỉnh xin Thiên Vương ban cho tôi Tài Bảo”.

Lúc này Xá Nhĩ Sa Đồng Tử trong chốc lát liền đi đến nơi ở của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, nói với Thiên Vương rằng: “Người trì tụng cầu các Tài Bảo, muốn cúng dường làm lợi ích cho Hữu Tình”.

Bấy giờ Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền truyền bảo vị Đồng Tử này: “ Mỗi ngày con cấp cho người ấy 100 đồng tiền vàng, cho đến cuối đời”.

Vị Đồng Tử đưa tiền đến, sẽ có mùi hương lạ, người đó liền nhận được, ngoài tự mình hưởng thụ ra, cần phải làm nhiều việc bố thí, chẳng nên tích chứa mà ôm ấp sự keo kiệt, phải thường đối với tất cả Hữu Tình sinh khởi Tâm Đại Từ, chớ sinh Tâm giận dữ và dùng hương hoa thù thắng, thức ăn uống, đèn sáng, ở nơi yên tịnh như pháp cúng dường Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo và suy nghĩ đến Chính Pháp mà không gián đoạn”.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương cư trú ở phương Bắc núi Tu Di, Ngài có 3 Thành là: Khả Úy, Thiên Kính, Chúng Quy. Mỗi Thành đều ngang dọc khoảng 60 do tuần, trong đó có 7 lớp lan can, võng lưới, cây trồng thành hàng.... Dùng để trang sức, toàn bộ đều do 7 báu hình thành, đoan nghiêm thanh tịnh; muôn chim cùng nhau kêu hót cảnh sắc rất xinh đẹp.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương có 5 vị Thái Tử là: Tối Thắng, Độc Kiện, Na Tra, Thường Kiến và Thiên Kỳ; thường có 5 Đại Quỷ Thần theo hầu bên trái bên phải, phân biệt là: Na Đô Lô, Đàn Đà La, Ê Ma Bạt Đà, Đề Kê La, Tu Dật Lộ Ma; ngoài ra còn có 28 Sứ Giả lệ thuộc cõi Trời của Ngài.

Mỗi nửa tháng, vào 2 ngày trai với ngày mùng 8, ngày 14, ngày 15 bốn vị Thiên Vương của nhóm Tỳ Sa Môn thường dùng 8 ngày này sắc lệnh cho các Sứ Giả đi tuần tra thế gian, xem xét nhân gian, phải chăng (ai là người) hiếu kính cha mẹ, tôn kính Sa Môn và trưởng lão Bà La Môn, phải chăng (ai là người) thọ trai giới và hành bố thí?

Sau khi Sứ Giả tuần tra về báo, nếu như Thiên Vương nghe thấy ở nhân gian làm ác thì không vui mừng, nếu nghe được làm lành thì sinh lòng vui vẻ. Ngày 14 bốn vị vua cử Thái Tử đi tuần tra thiên hạ; nhưng đến ngày 15, Tứ Thiên Vương đích thân đi tuần tra xem xét, sau đó đến Thiệ Pháp Điện, hướng về Đế Thích Thiên Vương bẩm cáo kỹ càng tỉ mỉ tất cả.

Đức Phật Đà đã từng căn dặn Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở đời vị lai khi vị vua Tà Kiến hủy diệt Phật Giáo thời phải có sức lớn để Hộ Trì Phật Pháp.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương lại có đầy đủ tính cách của vị Thần chiến thắng (Chiến Thần), Thái Tử **Na Tra** của Ngài cũng đều có đầy đủ sức nguyện của vị Hộ Pháp chiến đấu (Tùy Quân Hộ Pháp).

Căn cứ trong quyển 12 **Đại Đường Tây Vực Ký** ghi chép, có thể biết ở Diên Quốc đối với sự tín ngưỡng của Tỳ Sa Môn Thiên Vương rất là hưng thịnh. Trong Động **Thiên Phật** ở Đôn Hoàng đã từng khai quật được bức tranh của Tỳ Sa Môn có tô màu vẽ trên lụa. Nhưng ở Nhật Bản trong chùa An Mã có Tượng Phật được cất giữ, tay trái nâng lên trán, lại có Đâu Bạt Tỳ Sa Môn, hiển thị được sinh ra tức là sau khi Mật Giáo truyền vào Nhật Bản, Tỳ Sa Môn Thiên Vương đơn độc nhận được sự tôn sùng rất rầm rộ.

TÀI BẢO THIÊN VƯƠNG TRONG TẠNG MẬT __ TỖ SA MÔN THIÊN

Trong bốn vị Đại Thiên Vương, thì Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên Vương nhận được tín ngưỡng rất đặc biệt, hưng thịnh rộng lớn. Bởi vì Tỳ Sa Môn Thiên Vương không chỉ đặc biệt là một trong các Thiên Thần rất nhiệt tâm hộ trì Phật Pháp, có quan hệ rất mật thiết với Phật Giáo Đều, vả lại đối với sự Tu Chứng của Phật Pháp lại thâm nhập rất sâu. Do đó có người cho rằng Tỳ Sa Môn Thiên Vương là vị Đại Bồ Tát hóa hiện thân Thiên Vương đi đến ủng hộ giáo hóa chúng sinh.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngoài việc là người bảo hộ Chính Tín Phật Pháp (niềm tin đúng đắn vào Phật Pháp) có lực lượng uy vũ vô biên ra, đồng thời cũng là Bản Tôn trọng yếu trong Pháp Tăng Ích của Mật Giáo. Do đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương không chỉ được xưng là Đa Văn Thiên Vương lại được coi là Tài Bảo Thiên Vương, người hành Mật Giáo của Tạng Truyền lại coi là Bản Tôn của Tài Thần, hay ban cho tiền của không tận.

HÌNH TƯỢNG CỦA TỖ SA MÔN THIÊN VƯƠNG

Tạo Tượng của Tỳ Sa Môn Thiên Vương giống như là tạo tượng của vị Thần Vương, thông thường đều khoác giáp trụ đội Mão Tướng, tay phải cầm cây Gậy báu, tay trái ngửa nâng cái Tháp báu, chân đạp lên hai con Quỷ. Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngoài việc là một trong Tứ Đại Thiên Vương ra cũng được tôn sùng đơn độc. Bởi vì hay ban cho Phước Đức nên cũng là một trong bảy Phước Thần của Nhật Bản.



TỠ SA MÔN THIÊN VƯƠNG GIÚP ĐỠ PHẠM CHÍ DÂNG CÚNG ĐỨC PHẬT ĐƯỢC VIÊN MÃN

Lúc Đức Phật Đà trụ ở đời, an trú trong vườn trúc ở Ca Lan Đà, nhân dân trong nước này (Quốc Giới) không có ai chẳng cúng dường. Bấy giờ, các Phạm Chí trong thành ấy tụ tập ở một nơi, mỗi người đều bàn bạc rằng: “Mỗi người chúng ta nên tự bỏ ra 3 lượng tiền vàng dùng để mua thức ăn cúng dường Đức Thế Tôn”.

Thời trong đó có một vị Kê Đầu Phạm Chí, cuộc sống rất là túng thiếu, chỉ đủ tự mình sinh hoạt, không có tiền để có thể cúng dường, liền bị các Phạm Chí khác xua đuổi.

Sau khi Kê Đầu Phạm Chí về đến nhà liền nói với vợ rằng: “Nguyên nhân bởi vì hôm nay tôi không có tiền vàng cúng dường nên bị các Phạm Chí khác xua đuổi đi”.

Bấy giờ vợ của Phạm Chí trả lời rằng: “Chẳng thà ông đi đến trong thành tìm người vay đờ ít tiền, 7 ngày sẽ hoàn trả lại, nếu như chẳng hoàn lại số tiền, vợ chồng chúng ta sẽ bán thân làm đầy tớ”. Thế là Phạm Chí liền đi vào trong thành để vay tiền, nhưng không có cách nào vay được đành phải tay không trở về.

Sau đó vợ của Phạm Chí nhớ đến ở phía đông thành có một vị tên là Bất Đổ Mật Đa La Đại Trưởng Giả rất là giàu có, liền nói với Phạm Chí rằng: “Ông hãy đi tìm vị Trưởng Giả ấy để vay tiền và nói cho Ngài biết nếu sau 7 ngày mà chẳng hoàn trả lại số tiền thì vợ chồng chúng ta sẽ làm đầy tớ của Ngài”. Quả nhiên Bất Đổ Mật Đa La Trưởng Giả cho họ vay tiền.

Ngay lúc Kê Đầu Phạm Chí cầm tiền về đến nhà, vợ của ông lớn tiếng nói rằng: “Hiện tại ông có thể cầm số tiền này đi cúng dường được rồi”.

Khi Kê Đầu Phạm Chí liền cầm số tiền đi đến chỗ của nhóm Phạm Chí đó, lại bị Đại Chúng từ chối nói là: “Vật dụng cúng dường chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ cả, không cần đến tiền của ông, ông hãy về đi, không cần phải ở trong Đại Chúng nơi đây”.

Phạm Chí ủ rũ quay về đến nhà nói cho vợ biết. Vợ của ông kích lệ ông rằng: “Hai người chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Đức Thế Tôn, nói rõ tâm ý cúng dường ít ỏi của chính mình”.

Thế là hai người liền đến nơi Đức Thế Tôn, kính lễ Đức Thế Tôn xong và nói rõ chân tướng đầu đuôi của sự việc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo Phạm Chí rằng: “Như nay ông có thể vì Đức Như Lai và Tỳ Kheo Tăng chuẩn bị dâng cúng đồ ăn thức uống”.

Lúc này, Phạm Chí chẳng dám trả lời, chỉ ngấm nhìn vợ, vợ của ông nói với ông rằng: “Cứ thuận theo sự dạy bảo của Đức Phật Đà không cần phải do dự”.

Do đó, Phạm Chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến trước Đức Phật Đà bạch rằng: “Nguyện xin Đức Thế Tôn và Đại Chúng Tỳ Kheo Tăng hãy nhận lời thỉnh cầu của con!”.

Thời Đức Thế Tôn mặc nhiên nhận lời mời của Phạm Chí.

Bấy giờ, Đế Thích Thiên Vương Thích Đề Hoàn Nhân ở sau lưng Đức Thế Tôn, chấp tay đứng hầu, Đức Thế Tôn liền quay đầu về phía Ngài và nói rằng: “Ông có thể giúp đỡ Phạm Chí này cùng bày biện thức ăn”.

Thích Đề Hoàn Nhân thừa nhận mệnh lệnh của Đức Phật xong, nhìn thấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở gần nơi đó không xa, dẫn theo rất nhiều Đại Chúng Quỷ Thần (đái lệnh chư đa quỷ thần đại chúng), hướng về Đức Thế Tôn lay động cây quạt để làm mát. Thế là, Thích Đề Hoàn Nhân liền bảo Tỳ Sa Môn Thiên Vương rằng: “Ông có thể giúp đỡ vị Phạm Chí này bày biện thức ăn”.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền đi đến trước Đức Phật cúi đầu mặt đĩnh lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật 3 vòng xong, liền hóa thành hình người, thống lãnh 500 Quỷ Thần cùng nhau bày biện thức ăn. Lúc này Tỳ Sa Môn Thiên Vương sắc lệnh cho các Quỷ Thần rằng: “Các người hãy nhanh chóng đi vào trong rừng Đàn mà lấy Đàn Hương (chiên đàn) cho vào trong bếp sất, bấy giờ có 500 Quỷ Thần ở trong bếp đang làm thức ăn”.

Khi ấy Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền lãnh đạo 500 Quỷ Thần chế tạo Bếp sất, bắt đầu làm thức ăn Nhưng Tự Tại Thiên Tử cũng hóa hiện ra gian nhà bảy báu do Vàng, Bạc, Thủy Tinh, Lưu Ly, Mã Não, Ngọc đỏ, Xà Cừ xây dựng nên với các loại cây báu, lọng báu và đốt Đàn Hương hảo hạng có hình đầu

Trâu, khiến toàn bộ trong thành La Duyệt đều đầy khắp khói hương. Người trong thành rất lấy làm kinh ngạc, chẳng biết ai là người dùng bếp Trời màu nhiệm để cúng dường Đức Phật Đà và Tăng Chúng.

Lúc này, Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền bảo Kê Đầu Phạm Chí rằng: “Ông hãy mở rộng tay ra”.

Thời Kê Đầu Phạm Chí liền mở rộng tay phải ra. Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền cho ông một thỏi vàng lại bảo ông rằng: “Đem thỏi vàng này ném xuống đất”.

Phạm Chí liền đem thỏi vàng ném xuống đất, bỗng nhiên hóa thành trăm ngàn lượng vàng rực rỡ. Tỳ Sa Môn Thiên Vương liền bảo Phạm Chí rằng: “Ông hãy cầm số vàng này vào trong thành mua sắm các loại thức ăn uống về đây”.

Những thức ăn uống đã mua về xong, Thiên Vương liền bảo ông tắm rửa sạch sẽ và cấp cho ông mọi thứ quần áo đẹp màu nhiệm trang hoàng chỉnh tề. Sau đó tay cầm lò hương (Hương Hỏa) bảo ông nói rằng: “Giờ lành đã đến, hiện nay đã đến giờ, nguyện thỉnh Chư Thế Tôn đến!”

Khi ấy, Phạm Chí liền chiếu theo đó làm. Nhưng Đức Thế Tôn cũng mặc y cầm bát, lãnh đạo Đại Chúng Tỳ Kheo đi đến giảng đường này, mỗi người đều y theo thứ tự an tọa, mà nhóm Tỳ Kheo Ni cũng lần lượt an tọa tiếp nhận sự cúng dường của Phạm Chí.

Do thức ăn uống rất là phong phú đầy đủ, Kê Đầu Phạm Chí lại y theo Sự dạy bảo của Đức Phật, cầu Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở mười phương đã đạt được 6 thân thông, Lậu Tận A La Hán đều đến giảng đường nhận sự cúng dường.

Như vậy cúng dường 7 ngày xong, Kê Đầu Phạm Chí liền cầu xin Đức Thế Tôn nghe hứa cho nguyện này, cho phép ông xuất gia làm Sa Môn. Sau đó do siêng năng hành đạo không bao lâu, liền vào dòng Thánh chứng được Quả A La Hán.

PHƯƠNG PHÁP KHẤN CẦU TỖ SA MÔN THIÊN VƯƠNG GIÚP ĐỠ

Tỳ Sa Môn Thiên Vương cũng là một trong những vị Thần của cõi Trời đối với Phật Giáo Đô rất là nhiệt tâm hộ trì. Trong Tứ Đại Thiên Vương, Ngài cùng với Phật Giáo Đô có quan hệ rất là mật thiết.

Tỳ Sa Môn Thiên Vương ngoài tính cách được xưng là Tài Thần ra, đồng thời cũng người thủ hộ khiến cho chúng sinh được lợi ích an vui, xa lìa các ách nạn, hay mãn các Thặng Nguyện, đạt được Trí Tuệ lớn, cho đến Thiên Nhân Thông, sống lâu nhiều tuổi (trường thọ).

Nếu như hành giả mong ước được sự hộ thủ của Tỳ Sa Môn, nguyên tắc trọng yếu nhất là phải hành các hạnh lành hợp với Chính Pháp, lại phải gia sức khẩn cầu hy vọng sẽ được sự gia hộ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, tự mình cũng có thể căn cứ vào phương thức của Kinh Điển đã ghi chép để khẩn cầu:

1_ Cung phụng Tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương, thường xuyên trì tụng **Kinh Tỳ Sa Môn Thiên Vương** và y theo chỉ thị của Kinh này mà khẩn cầu.

2_ Cung phụng tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương, thường xuyên trì tụng **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Tâm Chú**.

3_ Trì tụng **Kinh Kim Quang Minh, Kinh Đại Tập và Kinh Pháp Hoa** Kinh Điển Đại Thừa.

4_ Hành giả có thể khẩn cầu được Đức Thượng Sư truyền thụ Pháp Tỳ Sa Môn Thiên Vương hoặc hành Pháp Hộ Ma của Tỳ Sa Môn Thiên Vương

5_ Thông thường ở Đạo Trường cũng có thể cung phụng Tượng Tỳ Sa Môn Thiên Vương và Tôn phụng làm Thần Hộ Pháp của Đạo Trường.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Vai)

Tam Muội Gia Hình là: Cái Tháp báu.

Ấn Tượng là: Tỳ Sa Môn Thiên Vương Ấn.

Tâm Chân Ngôn

𑖀𑖩(1) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩(2) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩(3) 𑖀𑖩(4)

(1) **Nã mạc** (2) **tam mãn đa một đà nam** (3) **phệ thất la phộc nã dã** (4) **toa hạ.**

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) VAI'SRAVAṆAYA (4) SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) phổ biến Chư Phật (3) Tỳ Sa Môn Thiên (4) thành tựu.

Tâm Trung Tâm Chân Ngôn

(1) **Án** (2) **đơn na đà la dã** (3) **sa bà ha.**

(1) OM (2) DAṆḌA-DHARĀYA (3) SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) người cầm cây gậy (chấp bồng giả) (3) thành tựu.

TRÌ QUỐC THIÊN VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Trì Quốc Thiên Vương hay bảo hộ võ về chúng sinh, tăng trưởng Trí Tuệ, Tài Bảo dư thừa, hưởng mãi không hết, tất cả tự tại.

Trì Quốc Thiên Vương (Tên Phạn là: Dhṛta-rāstra) tên Tây Tạng là Yul-khor-bsru ᱦ, dịch âm là ĐỀ ĐẦU LẠI TRA, ĐỀ ĐA LA TRA, TRÌ LÊ ĐA A LA ĐA, ĐA LA TRA. Lại xưng là Trì Quốc Thiên, An Dân Thiên, Thuận Oán Thiên.

Do vị Thiên Vương này hộ trì Quốc thổ, bảo hộ võ về chúng sinh cho nên được xưng là Trì Quốc Thiên hoặc Đông Phương Thiên. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương và cũng là một trong 16 vị Thiên Thần.

Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương hay hộ trì người dân không có các bệnh khổ, không có các ma chướng, phiền não, tăng trưởng Trí Tuệ, sống lâu khỏe mạnh, Tài Bảo dư thừa, hưởng mãi không hết, tất cả tự tại, thành tựu việc đã làm.

Trì Quốc Thiên Vương trụ tại núi Do Càn Đà, ở lưng chừng thuộc mặt Đông của núi Tu Di. Đất cư trú của Ngài là thành Hiền Thượng, có bảy lớp Lan Can, chuông, lưới, cây trồng thành hàng với bảy báu trang sức đẹp đẽ, cảnh sắc thù thắng.

Trong **Kinh Khởi Thế, Phẩm Tứ Thiên Vương** ghi chép rằng: “Ở lưng chừng thuộc mặt Đông của núi Tu Di có núi, tên là Do Càn Đà. Đất trên đỉnh núi rộng bốn vạn hai ngàn Do Tuần. Trên đỉnh núi ấy có thành quách nơi ở của ĐỀ ĐẦU LẠI TRA Thiên Vương, thành đó có tên là Hiền Thượng, ngang dọc khoảng 600 Do Tuần. Có bảy lớp Tường gạch, bảy lớp Lan Can, bảy lớp Lưới, Chuông, lại có bảy lớp Đa La cây trồng thành hàng, đi vòng xung quanh có thể nhìn thấy màu tạp sắc đều dùng bảy báu trang sức là: Vàng, Bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Ngọc Đỏ, Xà Cừ, Mã Não.... tạo thành”.

Trì Quốc Thiên thống lãnh Càn Thát Bà và Tỳ Xá Đô Thần Tướng, nhận lời căn dặn của Đức Phật thủ hộ Quốc thổ ở phương Đông là vị Thiên Thần hay giúp đỡ thế gian.

Căn cứ **Kinh Đại Tập** ghi chép là: Đức Phật Đà từng căn dặn Ngài hộ trì thế giới Diêm Phù Đề ở phương Đông. Bảy giờ Thiên Vương lập tức nghe theo thống lãnh tất cả Quyển Thuộc bảo hộ thế giới Diêm Phù Đề ở phương Đông, khiến chúng sinh an cư lạc nghiệp, hợp với Chính Pháp.

Quyển Thuộc của Trì Quốc Thiên, căn cứ **Kinh Trường A Hàm, Kinh Đại Hội** nói là: Lại có ĐỀ ĐẦU LẠI TRA Thiên Vương ở phương Đông thống lãnh Càn Đạp Tư Thần có uy đức lớn, có 91 người con, chữ tận cùng là **Nhân Đà La**, đều có sức Thần lớn”.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, Phẩm Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương Hộ Trì ghi chép rằng: Đức Phật Đà bảo Lạc Thắng Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương rằng: “Mâu nhiệm thay kẻ Trượng Phu ! Trong bốn thiên hạ, phần thứ tư ở phương Đông của cõi Diêm Phù Đề này ông cần phải hộ trì. Tại sao thế? Vì cõi Diêm Phù Đề là nơi Chư Phật hưng thịnh, cho nên ông phải nhất định (tối thượng) hộ trì. Chư Phật của thời quá khứ đã từng dạy ông hộ trì dưỡng nuôi chúng sinh cõi Diêm Phù Đề ở phương Đông, Chư Phật ở vị lai cũng như vậy”.

Bấy giờ, Thắng Lạc Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương thưa với Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Quả đúng như vậy, Đại Đức Bà Già Bà! Chư Phật của thời quá khứ căn dặn an trí hộ trì dưỡng nuôi, cũng dạy con... hộ trì cõi Diêm Phù Đề ở phương Đông, cũng giống như hiện nay Đức Thế Tôn dạy con an trí thế giới ở phương Đông đều như nhau. Con phải chuyên tâm đỉnh lễ, kính nhận Chính Pháp của Chư Phật, hộ trì phần thứ tư ở phương Đông của cõi Diêm Phù Đề, và khiến cho các Quyển Thuộc lớn nhỏ của con cũng hộ trì, vào ba nẻo ác đều được ngưng dứt, vào ba nẻo lành đều hằng hái hành trì”.

Trì Quốc Thiên Vương vâng nhận lời căn dặn của Đức Phật Đà, hộ trì Quốc Thổ của chúng sinh ở phương Đông, đóng bít tất cả việc ác, làm tất cả hạnh lành.

Vì điều này, nếu như có người nào túng thiếu, thành tâm hướng về Đông Phương Thiên Vương cầu nguyện Thiên Vương đều hay mãn túc mọi tâm nguyện ấy.



HÌNH TƯỢNG CỦA TRÌ QUỐC THIÊN VƯƠNG

Liên quan đến hình tượng của Trì Quốc Thiên Vương, có rất nhiều thuyết nói khác nhau, quyển 11 **Kinh Đà La Ni Tập** ghi chép rằng: “Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương thân dài một khủy tay, mặc các loại Thiên Y trang sức rất là tinh vi màu nhiệm, tương xứng với thân thể của Ngài. Tay trái cánh tay rũ xuống dưới cầm cây Đao, tay phải cánh tay co lại hướng về phía trước ngực bàn tay, trong lòng bàn tay cầm vật báu phóng ánh sáng”.

Được Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyên Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Đường Pháp ghi chép rằng: Đông Phương Trì quốc Thiên Vương thân ấy màu trắng cầm cây Đàn Tỳ Bà, thủ hộ ở cửa Đông của tám Đức Phật.

Nhưng trong **Ngoại Kim Cang Bộ Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo** thì vị Thiên Vương này có vị trí được bày ở phía Nam của cửa Đông.



Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Dhṛ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Đao.

Ấn Tướng là: Trì Quốc Thiên Ấn (Hai tay nắm quyền, ngón trỏ duỗi dựng thẳng, hai cổ tay giao nhau).

Chân Ngôn là:

ॐ(1) ॐ (१ १ ३)(2) १ १ (3) ३ ३ ३ ३ (4) ३ ३ (5)

(1) **Ấn** (2) **địa lê trí la sắt tra la** (3) **la la** (4) **bát la mặt đà na** (5) **toa ha.**

(1) OM (2) DṚTIRÀṢṬRA (?DHRṬA-RÀṢṬRA) (3) RÀRÀ (4) PRAMADANA (?PRAMODANA) (5) SVÀHÀ.

(1) Quy mạng (2) Trì Quốc (3) sáng đẹp (minh mỹ) (4) Thắng Nguyệt (5) thành tựu.

TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Tăng Trưởng Thiên Vương hay thủ hộ chúng sinh xa lìa tai chướng, tăng trưởng Trí Tuệ, sống lâu, lại hay giúp đỡ chúng sinh Tài Bảo dư thừa, hưởng mãi không hết.

Tăng trưởng Thiên Vương (Tên Phạn là: Virūḍhaka) tên Tây Tạng là Hphags-skyes-po, dịch âm tiếng Hán Tỳ Lô Lặc Ca Thiên, lại xưng là Tỳ Lô Đa Thiên, Tỳ Lô Lặc Xoa Thiên, dịch ý là Tăng Trưởng Thiên, là một trong Tứ Đại Thiên Vương, một trong mười hai vị Thiên Vương và một trong mười sáu vị Thiện Thần.

Ngài cư trú trong thành Thiện Kiến ở Lưu Ly Đóa của núi Tu Di, đất đó ngang dọc khoảng sáu ngàn Do Tuần, có bảy lớp Lan Can, lưới, võng, cây trồng thành hàng với bảy báu trang sức, lại có muôn chim cùng nhau kêu hót, cảnh sắc rất xinh đẹp.

Tăng Trưởng Thiên Vương thống lãnh Quỷ Thần của nhóm Cưu Bàn Trà (Kumbhanda), Tiết Lộ Đa (Preta)... Thủ hộ ở phương Nam, hay chiết phục Tà Ác, tăng trưởng căn lành, ở phương nam đảm nhận việc hộ trì Chính Pháp với sứ mệnh là vị Thiện Thần Hộ Pháp, cho nên lại xưng là Nam Phương Thiên. Bởi vì Ngài hay khiến cho chúng sinh tăng trưởng căn lành, cho nên có tên gọi là Tăng Trưởng Thiên. Lại vì trong các phương Đông, Tây, Nam Bắc thì phương Nam tượng trưng cho đặc tính Tăng Ích, hay tăng trưởng vạn báu, cho nên cũng xưng là Tăng Trưởng Thiên Vương.

Tăng Trưởng Thiên Vương không những thủ hộ người dân xa lìa tai chướng, phiền não, lại hay giúp đỡ chúng sinh Tài Bảo dư thừa, hưởng mãi không hết, tăng trưởng Trí Tuệ, sống lâu.

Y theo quyển 52 **Kinh Đại Tập** ghi chép, Đức Phật Đà từng căn dặn Tăng Trưởng Thiên là: “Cõi Diêm Phù Đề này là nơi Chư Phật hưng thịnh, do đó ông phải nhất định (tối thượng) hộ trì. Chư Phật của thời quá khứ đã từng dạy ông bảo trì dưỡng nuôi, Chư Phật ở vị lai cũng như vậy. Cho đến con cái của ông, tất cả Quyển Thuộc, Đại Thần Tướng Quân, Dạ Xoa, La Sát đều phải khiến cho họ bảo trì thế gian này. Ông cũng phải khiến cho họ đối với Phật Pháp sinh khởi niềm tin cung kính, cùng nhau hộ trì cõi Diêm Phù Đề ở phương Nam”.

HÌNH TƯỢNG CỦA TĂNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Liên quan đến hình tượng của Tăng Trưởng Thiên, có rất nhiều thuyết nói khác nhau. Có một số sách kể lại là màu thịt đỏ hình giận dữ, bên trên có Giáp Trụ mặc Thiên Y (giáp trụ thượng trước thiên y), tay phải cầm cây Kiếm, tay

trái nắm thành quyền để ở hông, bắt chéo chân mà ngồi. Bên trái có Sứ Giả hình con Quỷ, toàn thân màu thít đen, hình rất giận dữ dùng hai tay nâng cây Kiếm ở phía trước Thiên Vương.

Có một số sách thì nói về Ngài, tay trái cầm cây Dao, tay phải cầm cây Giáo dài, loại hình tượng này có ý nghĩa là tượng trưng cho sự chiết phục Tà Ác, tăng trưởng căn lành.



Căn cứ quyển 11 **Kinh Đà La Ni Tập** ghi chép rằng: “Tỳ Lỗ Đà Ca thân dài một khuỷu tay, mặc các loại Thiên Y, trang sức rất là tinh vi màu nhiệm tương xứng với thân hình, tay trái cánh tay duỗi rũ xuống dưới cầm cây Dao, tay phải cầm cây Giáo dài, cán cây Giáo cắm xuống đất”.

Nhưng căn cứ **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyên Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp** ghi chép rằng: “Thân ấy màu xanh, cầm cây Kiếm báu, thủ hộ ở cửa phía Nam của tám Đức Phật”.

Nhưng trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo** thì Tôn này có vị trí ở phía Đông của cửa Nam thuộc **Ngoại Kim Cang Bộ Viện**.

Sự tín ngưỡng của Tứ Đại Thiên Vương từ xưa đến nay rất là thịnh hành, ở Trung Quốc và Nhật Bản đều có gìn giữ rất nhiều di phẩm, mỗi Hình Tượng đó cũng đều có điểm khác nhau. Trong việc tạo Tượng ở các Chùa, vật cầm trong tay của Tăng Trưởng Thiên Vương cũng có điểm khác nhau như:

Ở Vật Môn Chùa Vạn Niên núi Thiên Thai Tỉnh Chiết Giang, thì tay Thiên Vương cầm cây Đàn Tỳ Bà; tượng Tăng Trưởng Thiên ở Điện Thiên Vương Chùa Thiên Đồng núi Thái Bạch thì tay cầm cây Kiếm; tượng ở Điện Thiên Vương Chùa Phổ Tế núi phổ Đà thì tay cầm con Rắn; tượng ở Điện Thiên Vương Chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà thì tay cầm cây Dù; tượng ở Điện Thiên Vương Chùa Vũ Xương Bảo Thông Tỉnh Hồ Nam thì tay cầm cây Dù và cái Tháp; Tượng ở Điện Thiên Vương Chùa Hán Khẩu Quy Nguyên thì tay cầm cây Đàn Tỳ Bà.

Chữ Chung Tử là: (𑖀(Vi)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kịch, cây Dao hoặc cây Kiếm.

Ấn Tượng là: Tăng Trưởng Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖀(1) 𑖀𑖀𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀(3) 𑖀𑖀𑖀𑖀(4) 𑖀𑖀(5)

(1) Ấn (2) tỳ lô đà ca (3) dược xoa (4) địa ba di duệ (5) toa ha.

(1) OM (2) VIRUḌHAKA (3) YAKṢA (4) DHIPATÀYE
(?ADHIPATAYE) (5) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Tăng Trưởng (3) dũng kiện (dũng cảm khỏe mạnh)
(4) lãnh chủ (lãnh chúa) (5) thành tựu.

QUẢNG MỤC THIÊN VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Quảng Mục Thiên hay thủ hộ chúng sinh xa lìa việc Ác, Tài Bảo dư thừa, tăng trưởng Thọ Mạng, tất cả tự tại.

Quảng Mục Thiên (Tên Phạn là: Virùpākṣa) tên Tây Tạng là Mig-mi-bzan, Spyan-mi-bzan, Quảng Mục lại tên là Tây Phương Thiên, dịch âm là Tỳ Lưu Bác Xoa, Tỳ Lô La Xoa, dịch ý là Quảng Mục Thiên, Sứ Mục, Ác Nhãn, Tạp Ngữ Chủ, Tạp Ngữ, Phi Hảo Báo. Là một trong Tứ Đại Thiên Vương, một trong mười hai vị Thiên Vương và một trong mười sáu vị Thiện Thần.

Cư trú ở Bạch Ngân Đóa của núi Tu Di, là vị Thiện Thần Hộ Pháp thủ hộ ở phương Tây.

Quảng Mục Thiên Vương thường dùng con mắt Trời thanh tịnh quán sát hộ trì chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề, thủ hộ tất cả chúng sinh xa lìa các loại việc Ác, Tài Bảo dư thừa, tăng trưởng Thọ Mạng, tất cả tự tại, thành tựu việc đã làm.

Quảng Mục Thiên Vương cư trú ở Thành Châu La Thiện Kiến ở phía Tây núi Tu Di. Thành này nghiêm tịnh rất đẹp, cảnh sắc thù thắng cũng giống như nơi ở của ba vị Thiên Vương kia.

Vị Thiên Vương này thống lãnh vô lượng Quyển Thuộc gồm hàng Trời (Deva), Rồng (Nàga), Phú Đơn Na (Putana), Chư Thần (Devatà)... thủ hộ Phật Pháp.

Vị Thiên Vương này cũng là chủ của các hàng Rồng, căn cứ vào quyển thượng **Kinh Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** nói rằng: “Ở phương Tây này có vị Đại Thiên Vương, tên là Quảng Mục, là Đại Long Vương dùng vô lượng trăm ngàn các hàng Rồng làm Quyển Thuộc, thủ hộ ở phương Tây”.

Ngài chủ quản trông coi việc đối trị người Ác, khiến cho họ nhận khổ và sinh khởi Tâm cầu đạo.

Y theo **Kinh Đại Tập** ghi chép rằng: Đức Phật Đà từng căn dặn Quảng Mục Thiên Vương hộ trì thế giới phương Tây của cõi Diêm Phù Đề, *căn dặn ta* (Chúc Bửi) thống lãnh con cái với Sư Tử, Sư Tử Phát, nhóm tám vị Chư Long Tướng Quân, 16 vị Thiên Thần ở Phương Tây, Tam Diệu Thất Tú, nhóm Quyển Thuộc Chư Thiên Long Quý, cùng nhau gánh vác trách nhiệm Hộ Pháp nặng nề. Phật Giáo Đồ đối với vị Thiên Vương này rất sùng bái và tín ngưỡng cùng với Trì quốc, Tăng Trưởng Thiên giống nhau, rất ít cung phụng đơn độc, thông thường đều dùng thân phận của một trong bốn vị Thiên Vương cùng với ba Tôn khác cùng nhau nhận sự cung phụng, cúng tế của mọi người.

HÌNH TƯỢNG CỦA QUẢNG MỤC THIÊN VƯƠNG

Tượng truyền Quảng Mục Thiên Vương là hóa thân của Đại Tự Tại Thiên, bởi vì trước trán có một con mắt, nhân đây xưng là Quảng Mục Thiên. Chẳng qua là do đời sau lưu truyền hình tượng Tôn này, (đời trước) thì hoàn toàn không thấy hình tượng này. Hình tượng ấy thông thường tác màu đỏ hình giận dữ. Bên trên có Giáp Trụ mặc Thiên Y, tay phải cầm cây Kịch Tam Cổ, tay trái nắm thành quyền để ở hông, mặt hướng về bên trái, hai chân bắt chéo nhau mà ngồi.



Ở Trung Quốc, việc tạo hình của Quảng Mục Thiên Vương có rất nhiều loại, như ở Tây Nam cửa ải Cư Dung Tỉnh Hà Bắc đã thấy khắc trên tường, tác phẩm hình vẽ này rất là hùng tráng, thuộc nguyên đại trung kỳ chế tác. Tay bên phải cầm con Rắn, tay bên trái co lại để ở trước ngực, chân trái đạp trên lưng con Quỷ Ác; bên trái có vị cỡi trần đứng hầu, cầm cái Chày Kim Cang.



Nhưng Động Ngàn Phật ở Đôn Hoàng phát hiện được bức tranh bằng lụa có màu sắc, hình tượng là thân khoác Giáp Trụ tạo theo kiểu cách của Trung Quốc, dùng Thiên Y, khí cụ bằng vàng để trang sức toàn thân, tay phải cầm cây Kiếm, tay trái nắm chắc chính giữa cây Kiếm, hai chân đạp lên trên con Dạ Xoa, giữa hai chân mày nhô lên cục thịt mập mạp hiển thị cho nhuệ khí.

Phương diện ở Nhật Bản thì lại hướng đến thịnh hành việc tạo tượng của Quảng Mục Thiên, hiện nay ở chùa Đại Hòa Pháp Long, chùa Đông Đại, chùa Hưng Phước.... Các chùa lớn đều cất giữ Tượng cổ rất trang nghiêm, được liệt vào Quốc Bảo đạt tới hơn 47 loại.

Liên quan đến hình tượng của Tôn này các thuyết nói đều khác nhau. Y theo quyển 11 **Kinh Đà La Ni Tập** ghi chép rằng: “Tượng Tỳ Lô Bác Xoa, thân dài một khuỷu tay, mặc các loại Thiên Y, trang sức rất là tinh vi màu nhiệm tương xứng với thân hình, tay trái cánh tay duỗi cầm cây Giáo dài, tay phải cầm sợi dây đỏ”.

Căn cứ **Được Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bản Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ Cúng Dường Pháp** ghi chép rằng: “Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương, thân ấy màu hồng, cầm Sợi Dây, thủ hộ ở cửa phía Tây của tám Đức Phật”.

Nhưng trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo** thì Tôn này có vị trí được bày ở phía cửa Tây thuộc **Ngoại Kim Cang Bộ Viện**.

Chữ Chủng Tử là: (𑖀) (Vi)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kịch Tam Cổ.

Ấn Tượng là: Quảng Mục Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖀(1) 𑖀𑖃𑖅𑖆(2) 𑖀𑖃𑖅𑖆 (3) 𑖀𑖃𑖅𑖆(4) 𑖀𑖃𑖅𑖆(5)

(1) **Án** (2) **tỳ lô bác xoa** (3) **na già** (4) **địa ba đóa duệ** (5) **toa ha.**

(1) OM (2) VIRÙPÀKṢA (3) NÀGA (4) DHIPATÀYE
(?ADHIPATAYE) (5) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Quảng Mục (3) Rồng (4) lãnh chủ (lãnh chúa)
(5) thành tựu.

CẤP TÁT TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Cấp Tát Tài Thần không những hay giúp đỡ chúng sinh khu trừ chướng ngại trên bước đường tu hành, lại hay giúp đỡ chúng sinh tiền của giàu có lương thực chẳng lo thiếu thốn, là Bản Tôn của cả hai Tài Thần và Trường Thọ.

Cấp Tát Tài Thần là một trong những Bản Tôn Tài Bảo của Tạng Địa, **Cấp Tát** là Bản Tôn Tối Thắng, dịch ý tên Tây Tạng là: Đại Sư Tử Như Ý Bảo, là thủ hộ Chính Pháp, có uy lực lớn tối phá tất cả Tà Ma, thống lãnh Vương Tướng.

Cấp Tát Tài Thần ở trong Hành Pháp của Tạng Mật, bởi vì nguyên nhân truyền thừa Nghi Quỹ khác nhau, đều thị hiện làm Bản Tôn, hoặc Pháp tu của Hộ Pháp.

Liên Sư Cấp Tát Tài Thần, là Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vì muốn cứu độ chúng sinh nghèo khổ túng thiếu ở thời Mật Pháp nên đặc biệt hóa hiện ra; thành kính cung phụng, tu trì thì tại đời này có thể nhanh chóng được quyền thế tiền của, tăng trưởng thọ mạng, làm ăn phát tài (tài nguyên quảng tiến), bình an mà không có chướng ngại tai nạn nguy hiểm, hay được Công Đức Phước Báo rộng lớn, là Bản Tôn Tối Thắng chủ quản vận khí, quyền thế, tiền của giàu có của Chúng Sinh.

Liên quan đến nguồn gốc của Cấp Tát Vương có rất nhiều truyền thuyết khác nhau, trong đó có một thuyết nói là: Lúc đầu khi Phật Giáo truyền vào Tây Tạng là do vua Tây Tạng **Xích Tùng Đức Tán** quy mạng Phật Pháp, đón vợ là **Văn Thành** Công Chúa vào Tây Tạng và phụng thỉnh **Liên Hoa Sinh** Đại Sĩ, **Tịch Hộ** Đại Sư vào Tây Tạng, khiến cho Phật Pháp ở vùng Núi Tuyết được truyền bá rộng lớn. Sau khi vua Tây Tạng là **Lãng Đạt Mã** lên đời, Đại Tứ bức bách hại Phật Giáo, sát hại vô số Tỳ Kheo và người tu hành, chúng sinh cũng bị vùi vào trong sự hỗn loạn đau khổ. Lúc này Tây Tạng dần dần phân chia thành rất nhiều nước nhỏ, tương truyền mỗi một vùng đất đều có một vị Ma Vương chuyển thế thống trị, nơi nơi đều thấy sự phá hoại với quy mô lớn.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ nhận lời cầu thỉnh của chúng sinh, liền mệnh lệnh cho con của Phạm Thiên là vua Tây Tạng **Xích Tùng Đức Tán** đã chuyển thế là Thỏa Ba Cát Ngõa ___ Văn Hỷ (Thopagawa). Lại một lần nữa đầu thai sinh vào Tây Tạng, trở thành **Cấp Tát Quốc Vương**.

Do Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ban cho **Thân Quán Đỉnh**, Quán Thế Âm Bồ Tát ban cho **Ngũ Quán Đỉnh**, Kim Cang Thủ Bồ Tát ban cho **Ý Quán Đỉnh**, và do Liên Hoa Sinh Đại Sĩ gia trì, khiến cho Cấp Tát Vương trở thành Liên Sư

hóa hiện Công Đức và Sự Nghiệp. Do đó, Cấp Tát Vương liền trở thành Tam Hộ Chủ của Đại Bi, Trí Tuệ, Đại Lực cùng với Liên Sư tập hợp hóa hiện.

Cấp Tát Tài Thần đồng thời cũng gọi là **Hạnh Vận Bản Tôn** rất thù thắng của Tạng Mật, dùng cái Bình báu làm Bản Tôn để tu trì thì gọi là **Cấp Tát Bảo Bình**, hay nhanh chóng thay đổi vận thế, tích lũy tiền của giàu sang, khiến cho tất cả suy bại được khôi phục vượng thịnh, cho nên lại gọi là **Chuyển Vận Bảo Bình** bất cứ Tâm Ý nào đều được mãn nguyện.

Cấp Tát Tài Thần Tâm Chú

**Ông a hồng ban sạ nhật mã cấp cổ lỗ mã ni nhạ sạ sa nhĩ
oa tất địa mặt lạp hồng.**

[?OM Æ HÙM _ VAJRA MAHÀ-GURU MAÑI-VAJRA SARVA
SIDDHI PHALA HÙM].

ĐẠI HẮC THIÊN

Đức Đặc Biệt

Đại Hắc Thiên kính yêu Tam Bảo, hộ trì người tu hành, hay mãn túc tiền của cho chúng sinh ở Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Đại Hắc Thiên (Tên Phạn là: Mahākāla), là một trong những vị Thần Thủ Hộ của Mật Giáo. Dịch âm tiếng Phạn là **Ma Ha Ca La, Mạc Ha Ca La**, dịch ý là **Đại Hắc** hoặc **Đại Thời**, lại gọi là **Ma Ha Ca Thần**, hoặc **Ma Ha Ca La Thần, Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, Ma Cáp Ca Lạp**.



Đại Hắc Thiên

Ấn Độ Giáo xem vị Thần này là tên riêng của **Thấp Bà Thần** ('Siva), hoặc là hóa thân (hoặc Thị Giả) của **Đột Ca** (Durga), vợ của Thấp Bà, chủ sự phá hoại, chiến đấu. Phật Giáo thì coi là hóa thân của **Đại Tự Tại Thiên**, hoặc là hóa thân của **Tỳ Lô Giá Na Phật**.... Các thuyết đều nói khác nhau, trong đó có khi dùng Đại Hắc Thiên làm Phước Thần để cung phụng, ước chừng có mấy loại cách nói như sau:

Trong **Đại Nhật Kinh Sớ** nói là Phần Nộ Thần giáng phục Trà Cát Ni (Dàkinì).

Có thuyết nói Thiên Thần này là hóa thân của **Ma Hê Thủ La** (Mahe'svara: Đại Tự Tại Thiên), cũng tức là **Tủng Gian Thần, Chiến Đấu Thần**. Trong đây cho rằng Đại Hắc Thiên Thần là do sự hóa hiện của Ma Hê Thủ La cùng với vô lượng Quyển Thuộc các Quỷ Thần thường du hành lúc nửa đêm trong rừng, ăn thịt uống máu người sống, đủ đại lực, nên rất dũng mãnh trong các pháp chiến đấu đều hay được thắng lợi, cho nên Đại Hắc Thiên Thần tức là Chiến Đấu Thần.

Căn cứ **Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, Phẩm Phân Bố Diêm Phù Đề** ghi chép, Đại Hắc Thiên Nữ cùng với Thiện Phát Càn Thát Bà.... Điều hộ trì dưỡng nuôi nước Ba La Nại.

Đại Hắc Thiên lại xưng là **Mã Cáp Ca Lạp** (Mahākāla), là vị Chủ Tôn Hộ Pháp trọng yếu của Mật Giáo Tây Tạng. Các Phái lưu truyền hình tượng đều khác nhau, tác dụng tính chất cũng khác nhau, bởi vì truyền thừa của các Phái khác nhau, đối với hình tượng và tính đặc biệt của Đại Hắc Thiên cũng có các loại cách nói khác nhau như: **Nhị Tỷ Đại Hắc Thiên**, chủ yếu hộ trì Hỷ Kim Cang Hành Giả. **Tứ Tỷ Đại Hắc Thiên**, chủ yếu hộ trì Đại Thủ Ấn Hành Giả. **Lục Tỷ Đại Hắc Thiên**, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cách Lỗ và Hương Ba Cát Cử. **Bạch Sắc Lục Tỷ Đại Hắc Thiên**, là vị Hộ Pháp chủ yếu của phái Cát Cử và Tát Ca. Trong đó **Bạch Mã Cáp Ca Lạp** là tên nổi tiếng của Bản Tôn Tài Bảo.

Ngoài ra có khi dùng vị Trời này làm Tài Phước Thần, chủ quản việc ăn uống.

Trong “**Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, Thọ Trai Quỹ Tác**” đề cập rằng: “Tại phương Tây ở các chùa lớn, bên cạnh cây cột nhà bếp, hoặc ở trước cửa kho lớn, có khắc hình trên gỗ, là hình màu đen, tên gọi là **Mạc Ha Ca La**, đó là **Đại Hắc Thần**”.

Tương truyền Đại Hắc Thiên xưa kia là thuộc hạ của Hỏa Thiên, kính yêu Tam Bảo, hộ trì năm Chúng, khiến không có nơi nào tổn hao, phạm có người nào mong cầu, đều hay toại nguyện. Mỗi khi đến bữa ăn, đầu bếp thường dâng cúng Hương Hỏa cho Đại Hắc Thiên, hết thảy thức ăn uống đều bày ra trước Ngài. Trong Văn cũng đề cập đến chùa ở Hoài Bắc tuy nhiên không có cúng dường phong khí của Đại Hắc Thiên, nhưng ở Giang Nam phần nhiều có cúng dường, phạm có người nào mong cầu đều rất hiệu nghiệm.

Ngoài ra, các chùa ở Nhật Bản căn cứ vào **Nam Hải Ký Quy Truyện** nói là, thịnh hành ở kho bếp an trí Tượng **Nhị Tỷ Đại Hắc Thiên**.

Nam Hải Truyện ghi chép về sự tích ứng hóa của Đại Hắc Thiên

Có một ngôi chùa Đại Niết Bàn Thiên Na, ngày bình thường Tăng Nhân thường trú ước chừng có khoảng 100 người. Nhưng đến mùa lễ bái của hai quý Xuân, Thu thường có khách đến viếng thăm, khiến cho Tăng Nhân nấu ăn trong Bếp rất khó chuẩn bị thức ăn uống.

Có một lần, giữa giờ Ngọ đột nhiên có 500 vị Tăng Nhân đến lễ bái, đã vậy lại không kịp nấu nướng, nhưng tóm lại không thể để bụng đói mà lễ bái, đương lúc mọi người không biết phải làm như thế nào thì có một bà lão nói rằng: “Việc này là lẽ thường tình, Đại Chúng chẳng nên lo lắng”.

Chỉ thấy bà lão đốt rất nhiều hương, cung kính hướng về Đại Hắc Thiên khẩn vái: “Đại Thánh! Tăng Nhân bốn phương đến đây lễ bái Thánh Tích, kỳ vọng khiến cho Đại Chúng đừng thiếu thức ăn uống”. Như vậy việc khẩn vái hoàn tất, liền khiến Đại Chúng đem thức ăn uống chuẩn bị lúc trước cung cấp cho Đại Chúng.

Quả thật lạ thay, mặc dù số người dùng cơm so với lúc bình thường nhiều hơn đến vài trăm người, nhưng cơm và thức ăn ở nhà bếp lại dùng mãi không hết, một chút cũng chẳng thiếu thốn, khiến Đại Chúng chẳng thể chẳng cảm thấy kinh ngạc.

Ở Nhật Bản lại dùng Đại Hắc Thiên là một trong 7 vị Phước Thần, cho rằng **Đại Hắc Thiên** chính là **Phước Thần** ban cho thế gian sự Phú Quý, Quan Vị, trong dân gian nhận được sự sùng bái tín ngưỡng rất lớn.

Trong **Đông Mật** tương truyền Tôn này là **Đại Nhật Như Lai** vì giáng phục Ma ác mà thị hiện **Thiên Thần** có hình Dực Xoa phần nộ.

Trong **Tạng Mật** thì tương truyền Ngài là **Đại Hộ Pháp** do sự hóa hiện của **Quán Thế Âm Bồ Tát**. Tôn này đồng với Bản Tôn của pháp tu ở 2 hệ Mật Giáo tại Tây Tạng, Trung Quốc và Nhật Bản đều coi trọng như nhau.

Bởi vì Tôn này thống lãnh vô lượng Quyển Thuộc Quỷ Thần, mà sở trường là thuật dùng thuốc (Dược Thuật) ẩn hình bay đi. Do đó có thể lúc chiến đấu, chúng sinh nên hướng về Ngài khẩn cầu sự gia trì. Lại hay khiến thức ăn uống thường đầy đủ, vì thế chùa chiền ở Ấn Độ và trong dân gian ở Tỉnh Giang Nam của Trung Quốc, thường có người cúng bái ở nhà bếp.

Đồng thời vị Thần cũng là một trong những Địa Thần (Thần Kỳ) thường được Phật Giáo Đồ cúng bái ở nghĩa địa. Lại tương truyền vị thần này cùng với Quyển Thuộc của Ngài, **Thất Mẫu Thiên Nữ** hay ban cho kẻ nghèo túng được Phước Đức lớn. Do đó Đại Hắc Thiên có cả bốn tính cách là Chiến Đấu Thần, Trù Phòng Thần (vị Thần ở nhà bếp), Túng Gian Thần và Phước Đức Thần đều nhận được sự tín ngưỡng ngang nhau.

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

Liên quan đến Tôn Hình của Tôn này trong quyển 10 **Tuệ Lâm Âm Nghĩa** kể lại là có 8 cánh tay, thân màu mây đen xanh, 2 tay để ngang ngực cầm Tam Kích Xoa, tay thứ 2 bên phải cầm con Dê đực xanh, tay thứ 2 bên trái nắm búi tóc của 1 con Quỷ dói, tay thứ 3 bên phải cầm cây Kiếm, tay thứ 3 bên trái cầm Khiết Tra Vông Ca (Katabha **h** ga_ ?Khatvà **h** ga), tức là Độc Lôu Chung, là tiêu chí của sự phá hoại tai họa, 2 tay ở sau mỗi tay ở trên vai cùng giương 1 tấm da voi trắng tư thế như khoác áo, dùng Rắn độc xuyên qua đầu lâu

làm Anh Lạc, ló nanh cọp lên trên, tác hình Đại Phần Nộ, dưới chân có Địa Thần Nữ Thiên đưa 2 tay nâng đỡ bàn chân.

Ngoài ra y theo “**Đại Hắc Thiên Thần Pháp**” ghi chép, là màu xanh có 3 mặt 6 cánh tay, tay bên phải bên trái của mặt ở phía trước cầm cây Kiếm để ngang, lần lượt tay trái nắm lấy búi tóc của người, tiếp theo tay phải cầm con Dê cái, 2 tay sau cùng ở sau lưng giương tấm da Voi, dùng đầu lâu làm anh lạc. Tôn hình trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La** được ghi chép tương đồng, chỉ trừ con Dê và đầu người ở bên trái bên phải thì ngược nhau.

Nhưng **Tối Thắng Tâm Minh Vương Kinh** nói là Đại Hắc Thiên khoác tấm da Voi, cầm một cây Thương nằm ngang với một đầu xuyên qua đầu người, một đầu xuyên qua con Dê.

Trong **Nam Hải Ký Quy Truyện** thì nói là hình **Thần Vương**, cầm túi vàng, ngồi trên cái giường nhỏ mà thông một chân xuống.

Nói tóm lại, liên quan đến Tôn Hình của Tôn này, thông thường có hai loại, một loại hiện hình Phần Nộ như: Thân ấy hiện màu đen, ngồi trên cái Tòa tròn, tóc dựng thẳng như lửa cháy, có ba mặt sáu cánh tay. Bên Phải: tay thứ nhất cầm cây đao nằm ngang có hình nửa mặt trăng (Yến Nguyệt Đao), tay thứ hai cầm xương chuỗi làm bằng xương (Cốt Niệm Châu), tay thứ ba cầm cái Trống nhỏ. Bên trái: Tay thứ nhất cầm cái đầu lâu (Thiên Linh Cái), tay thứ hai cầm cây Kích Tam Xoa, tay thứ ba cầm sợi dây Kim Cang (Kim Cang Thằng), hai tay ở trên bên phải bên trái cầm tấm da Voi giương rộng ra.



Ngoài ra một loại là tạo hình Phước Thần có hình mạo người bình thường, đầu đội mũ tròn, lưng vác túi, cầm cái chùy nhỏ, đập lên túi gạo. Ở Pháp Tu thì Hình Phần Nộ phần nhiều dùng ở Giáng Ma, Điều Phục Pháp; chủ về cầu Phước Đức thì nên cúng bái Phước Thần.



Người tu theo **Đông Mật và Tạng Mật** đối với Pháp Đại Hắc Thiên rất là coi trọng, hành giả tu Pháp này thường dùng để khẩn vái trừ Ma, tu hành thành tựu sự thắng lợi và cầu Phước.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA ĐẠI HẮC THIÊN

Chữ Chửng Tử là: 𑖣 (Ma)

Tam Muội Gia Hình là: cái Túi.

Ấn Tượng là: Đại Hắc Thiên Ấn.

Chân Ngôn là:

𑖣 (1) 𑖣𑖣𑖣𑖣𑖣 (2) 𑖣𑖣 (3)

(1) **Án** (2) **ma ha ca la gia** (3) **sa phộc hạ.**

(1) OM (2) MAHÀ-KÀLAYA (3) SVÀHÀ.

(1) Quy mạng (2) Đại Hắc (3) Thành Tựu.



(1) **Án** (2) **mật chỉ mật chỉ** (3) **xá bà lệ** (4) **đa la hạt đế** (5) **sa phộc hạ** (Đại Hắc Thiên Thần Pháp).

(1) OM (2) MICCH-MICCH (3) 'SVARE (4) TARAGATE (5) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Giáng Phục (3) Tự Tại (4) Cứu Độ (5) Thành Tự.

BẠCH MÃ CÁP CA LẠP

Đức Đặc Biệt

Bạch Mã Cáp Ca Lạp có thể tăng trưởng Thọ Mạng, tiền của (phong tài) và uy thế của chúng sinh.

Bạch Mã Cáp Ca Lạp, dịch âm Tây Tạng là **Cống Cát Ý Tân Nặc Bố**, dịch ý là **Bạch Như Nguyệt Trân Bảo Y Hộ Chủ**. Là do sự hóa hiện của Quán Thế Âm, bởi vì thương xót Chúng Sinh ở đời Mạt Thế kém Phước Đức, phiền não nặng nề, do đó hóa hiện ra Tôn này.

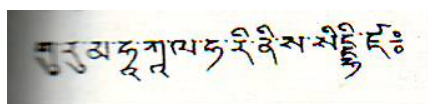
Bạch Mã Cáp Ca Lạp hay ban cho Chúng Sinh tất cả Phước Đức và khiến cho được quả báo của Trường Thọ, tiền của, uy thế. Vả lại Tôn này không giống với một dạng Tài Thần Hộ Pháp ở Thế Gian sẽ sản sinh chướng ngại, là Thanh Tịnh Tài Thần có đầy đủ Trí Tuệ, Tâm Bi.

Bạch Mã Cáp Ca Lạp lại có tên là **Bạch Sắc Mãn Nguyệt Như Ý Trí Tuệ Hộ Chủ**, là Tài Thần và Trí Tuệ Hộ Pháp đặc biệt của phái Tát Ca và Hương Ba Cát Cử ở Tây Tạng, tương truyền Ngài trú ở Ấn Độ trong rừng Thanh Lương Thi Đà ngồi trên tòa Kim Cang.

Tôn này thân màu trắng, có một mặt 6 cánh tay 3 con mắt, râu lông chân mày lông tóc đều màu vàng rực dựng thẳng lên, đầu đội mào làm bằng xương. Tay phải ở trên cầm Việt Dao giơ lên múa, hai cánh tay phải cầm bấu Như Ý để ngang trước ngực; Tay phải ở dưới lặc cái Trống Tay làm bằng gỗ Đàn Hương hồng. Cánh tay trái rũ xuống để ở cạnh đùi và nâng cái Lô Khí (Cái Bát đầu lâu) chứa đầy cam lộ, bên trong có 1 cái bình Tài Bảo; Cánh tay trái thứ 2 cầm Tam Xoa Kịch; Tay trái ở dưới cầm cây Búa hoặc sợi dây. Hai chân trạng thái như đang bước đi, đứng trên tòa bấu có nhiều lớp đạp lên vị Tài Thần đầu Voi trong vành mặt trời trên hoa sen. Thân mặc Thiên Y làm bằng tơ ngũ sắc, thân dưới mặc quần da cạp, thân trên khoác tấm da Voi, cổ đeo 50 cái đầu người dính đầy máu tươi, biểu thị cho thanh tịnh phiền não của 50 tập khí. Khắp thân có châu bấu và chuông nhỏ.

Chân Ngôn là:

Cô lỗ mã cáp ca lạp cáp lí ni tát tất địa tạc.



GURU MAHÀ-KÀLA HARINISA SIDDHI JAH.

ĐẠI THÁNH HOAN HỖ THIÊN (TƯỢNG ĐẦU TÀI THẦN)

Đức Đặc Biệt

Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên hay giúp đỡ cho hành giả được tiền của giàu sang, thành công ở Thế Gian, vợ chồng hòa thuận là vị Tài Thần của Mật Giáo.

Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên (Tên Phạn là: Mahàrya-nandike'svara) gọi đầy đủ là Đại Thánh Hoan Hỷ Đại Tự Tại Thiên Thần, gọi đơn giản là Hoan Hỷ Thiên, Thánh Thiên. Lại xưng là **Nga Na Bát Đế** (Tên Phạn là: Gaṇa-pati), có ý nghĩa là người dạy dỗ, hoặc dịch là **Thường Tùy Ma**. Tên khác là Tỳ Na Dạ Ca (Vinàyaka). Là vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo, lại xưng là Tượng Đầu Tài Thần (Tài Thần Đầu Voi).



Vị Trời này trong Mật Giáo cũng được xem là Tài Thần của Tăng Ích Pháp, nếu trì tụng Chú Ngữ của vị Trời này chẳng luận là cầu Thăng Quan Phát Tài, cầu Tài Bảo quý báu khác thường của Thế Gian, cầu bạn bè đều được mãn nguyện hoặc là khẩn cầu vợ chồng hòa thuận, nguyện có con cái đều rất linh nghiệm.

NGUỒN GỐC CỦA TƯỢNG ĐẦU TÀI THẦN

Vị Trời này nguyên là Thần Kỳ (Địa Thần) trong thần thoại Ấn Độ, xưng là **Cam Ni Sa** (Tên Phạn là: Gaṇe'sa, Ganesh), dịch âm là **Thành Ni Sa** (dịch

âm hoặc tác Thành Ni Sa). Tương truyền là con của **Thấp Bà Thần** (‘Siva: tức là Đại Tự Tại Thiên) và Phi **Ô Ma** (Umà), anh em của Ngài cùng nhau cai quản Quyển Thuộc của cha ngài là Đại Tự Tại Thiên. Hình tượng ấy là đầu voi bụng lớn, thiếu một cái Ngà, có bốn cánh tay, cỡi con Chuột.

Liên quan đến nguồn gốc Tôn Hình này là đầu Voi, tương truyền lúc **Cam Ni Sa** sinh ra thời Thấp Bà Thần ra ngoài, cha con hai người chẳng biết nhau. Có một ngày khi Ô Ma đi tắm thời Thấp Bà Thần từ bên ngoài trở về, Cam Ni Sa lại giữ ở cửa, ngăn cản không cho Thấp Bà Thần bước vào và lại cùng với Thấp Bà Thần đánh nhau, Thấp Bà Thần trong lúc giận dữ chém rơi đầu của Cam Ni Sa, đợi cơn giận dữ nguôi đi thời mới biết Cam Ni Sa chính là con của mình, liền đồng ý đem cái đầu bị chém của một động vật nhìn thấy cho Cam Ni Sa thế làm đầu, động vật ấy là con Voi có cái đầu nhìn thấy ấy rất vừa vặn, do đó Cam Ni Sa liền trở thành dạng khuôn mẫu thân người đầu voi.

Còn như nguyên nhân Cam Ni Sa thiếu mất một cái Ngà, tương truyền là có một lần Thấp Bà Thần ngủ ở núi **Khai Lạp Sa** thời **Ba Lạp Tu Lạp Mã** đến thăm Thấp Bà Thần lại gặp Cam Ni Sa cản trở. Thế là hai người liền phát sinh tranh chấp, do đó trong lúc tranh chấp Cam Ni Sa bị mất đi một cái Ngà.



Thông thường ở một số quyển đầu của tác phẩm văn học Ấn Độ, thường kèm có dâng văn kính lễ của Cam Ni Sa và cầu Ngài trừ khử chướng hại.

NHÂN DUYÊN ĐẠI THÁNH HOAN HỖ THIÊN BỊ ĐIỀU PHỤC

Căn cứ theo thuyết nói thì Tỳ Na Dạ Ca Thiên trước khi bị giáng phục, thường đi theo Chúng Sinh, rình rập gây chướng ngại, Phạm Vương, Chư Đại Long Vương đều không biết phải làm như thế nào, chỉ có Thập Nhất Diện Quán Âm và Quân Trà Lợi Minh Vương có thể giáng phục.

A Sa Phộc Sao, Tỳ Na Dạ Ca Mật Truyện ghi chép nói về nguyên nhân Quán Tự Tại Bồ Tát giáng phục Tỳ Na Dạ Ca:

Đất này có núi, tên núi là Tỳ Na Dạ Ca, có ý nghĩa là núi **Đầu Voi**, lại tên là núi **Chướng Ngại**, bởi vì trong đó phần nhiều có Tỳ Na Dạ Ca ở. Thiên Vương của họ tên là Hoan Hỷ cùng với vô lượng đại chúng Quyển Thuộc của Ngài đều nhận được sắc mệnh của Đại Tự Tại Thiên, muốn đi về Thế Giới cướp đoạt khí của Chúng Sinh, mà gây chướng ngại.

Lúc này, Quán Tự Tại Bồ Tát vì Tâm xông ướp Đại Bi cho nên dùng sức gốc rễ Từ Bi (Từ Bi Căn), hóa hiện làm thân phụ nữ của Tỳ Na Dạ Ca, đi đến chỗ ở của Hoan Hỷ Vương. Bấy giờ Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên Vương nhìn thấy phụ nữ này, dục tâm nổi dậy, muốn chạm đến Tỳ Na Dạ Ca Nữ ấy và ôm lấy thân thể nàng. Lúc này cô gái đó chẳng chịu, ông vua nọ liền mở lời kính yêu, thế là cô gái nọ nói: “Tôi tuy giống **Chướng Nữ**, tôi từ ngày xưa cho đến nay, hay thọ nhận sự dạy bảo của Đức Phật, được quần áo cà sa, nếu ông quả thực muốn chạm đến thân tôi, có thể theo sự dạy dỗ của tôi, thì cũng giống như tôi, cho đến hết đời vị lai có thể vì (tôi) Hộ Pháp được không? Lại theo tôi cùng giúp tất cả Hành Nhân, đừng gây chướng ngại được không? Y theo tôi về sau, đừng làm việc độc hại chúng sinh? Nếu ông hay nhận lời dạy bảo như vậy, tôi với ông sẽ kết làm bạn thân”

Lúc này Tỳ Na Dạ Ca nói: “Tôi y theo Duyên, hôm nay may mắn gặp bạn, từ nay về sau, nghe theo lời bạn nói, tu trì thủ hộ Phật Pháp”.

Bấy giờ, Tỳ Na Dạ Ca Nữ vui mừng mỉm cười và ôm choàng lấy Ngài.

Đó là nhân duyên ôm nhau của Quán Tự Tại Bồ Tát biến đổi, độ hóa Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên.



HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI THÁNH HOAN HỶ THIÊN

Vị trí được bày ở phương Bắc của Ngoại Kim Cang Bộ Viện thuộc Thai Tạng của Mật Giáo và là một trong 21 vị Trời của Kim Cang Giới.

Liên quan đến hình tượng của Tôn này, tranh Tượng Hoan Hỷ Thiên ở phương Bắc của ngoại viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La, có hai loại tranh được truyền lại là song thân và đơn thân, tượng đơn thân là thân người đầu Voi, mặt hơi hướng về bên trái, mũi xoay hướng ra ngoài, cái Ngà Voi bên phải bị gãy mất. Trong đây, lại phân biệt có bốn cánh tay, sáu cánh tay và tám cánh tay. Tượng bốn cánh tay, bên phải: Tay cầm cây Búa và viên Hoan Hỷ (Hoan Hỷ Đoàn), bên trái: Tay cầm cây Gậy và cái Ngà. Tượng sáu cánh tay thì bên phải: tay cầm cây Gậy, Sợi Dây và cái Ngà, bên trái: Tay cầm cây Kiếm, viên Hoan Hỷ và Bánh Xe.

Ngoài ra, cũng có tay cầm cái Chày Kim Cang, lá Sen và rễ củ cải. Tượng song thân có hình trạng vợ chồng đứng ôm nhau, mặt của Nam Thiên dựa trên vai phải của Nữ Thiên, mặt của Nữ Thiên dựa trên vai phải của Nam Thiên, chăm chú nhìn vùng lưng lẫn nhau, tay chân của hai vị Trời đều mềm mại đoan chính. Nam Thiên mặc áo Cà Sa màu đỏ; Nữ Thiên đầu buộc vòng Hoa, tay chân có Anh Lạc quấn quanh. Hai vị Trời đều màu thịt trắng, mặc quần màu đỏ, đặc biệt dùng hai tay ôm trên eo lẫn nhau.

Ở Thành Thân Hội thuộc Kim Cang Giới...được bày ở Ngoại Kim Cang Bộ Viện là toàn thân màu thịt trắng, một tay cầm rễ củ cải, một tay cầm viên Hoan Hỷ (Hoan Hỷ Hoàn), ngồi trên tòa lá Sen.

Chữ Chủng Tử là: (ॐ(Vi) hoặc ॐ(Gaḥ)

Tam Muội Gia Hình là: Rễ củ cải.

Ấn Tượng là: Tỳ Na Dạ Ca Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ(1) ॐ(2) ॐ(3) ॐ(4)

(1) Ấn (2) nghĩ lí (3) ngược (4) sa phộc hạ (Tâm Chú).

(1) OM (2) HRĪḤ (3) GAḤ (4) SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) Nghĩ lý (Chủng Tử của Quán Âm) (3) Ngược (Chủng Tử của Hoan Hỷ Thiên) (4) Thành Tựu.

ĐỊA THIÊN

Đức Đặc Biệt

Địa Thiên là vị Thần có năng lực vững chắc, từ Đại Địa sinh ra, hay khiến cho Chúng Sinh tăng ích sống lâu, được tiền tài trân bảo không tận và kho báu.

Địa Thiên (Tên Phạn là: Pṛthivī), dịch âm là **Tỉ Lí Để Tì, Tát Lí Thế Vĩ**. Là vị Trời thứ 10 trong 12 vị Trời Sắc Giới, chính là vị Thần chủ quản Đại Địa. Lại gọi là **Địa Thần, Địa Thần Thiên, Kiên Lao Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Kiên Lao Địa Thần**.

Địa Thần có nguồn gốc là vị Thần Kì (Thần Đất) của Ấn Độ Cổ Đại rất được sùng bái và tín ngưỡng. Là vị Nữ Thần có đầy đủ phẩm Đức cao thượng (Mỹ Đức) của vĩ đại, vững chắc, tính không diệt, dưỡng nuôi quần sinh, đất đai màu mỡ (phồn sinh thổ địa)... Đặc biệt trong **Lê Câu Phệ Đà** lại là Mẫu của Chư Thần, được Tôn Xưng là **Địa Mẫu** (Bhùmì).

Nếu như có chúng sinh nào lễ bái cung kính cúng dường và niệm tụng Địa Thiên Chân Ngôn, Địa Thiên sẽ thường xuyên ban cho người đó địa vị và giàu có, khiến trong thân thể tăng ích sống lâu và nơi ở được tràn đầy tinh khí của đất, thân thể hành giả được khỏe mạnh, được Trí Tuệ lớn, được Biện Tài Vô Ngại, được hàng Trời Người yêu kính, được Phước Đức lớn vô tận không gì sánh được, nhân đây cũng là **Hộ Pháp Tài Thần** của Tăng Ích. Vì muốn cầu Phước, đất nước được mùa hoặc trấn giữ đất đai mà tu pháp cúng dường, xưng là Địa Thiên Cung hoặc Thổ Cung.

Trong Phật Giáo, Tôn này được coi là Bồ Tát hoặc Hộ Pháp Thần, trong Kinh Điển thường có thể thấy tên Tôn này với thế lực công đức.

Như **Phẩm Kiên Lao Địa Thần, Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh** gọi là **Kiên Lao Địa Thần**, tức là lấy cái Đức của sự vững chắc. Trong Kinh kể lại vị Thần này hộ trì tuyên nói thọ trì **Kim Quang Minh Kinh**, và nói nếu như có người nào thuyết Pháp hay phát triển rộng lớn Kinh này, thời Ngài thường theo bảo vệ lâu dài, ẩn nấp thân mình dưới Pháp Tòa, đầu đội bàn chân của vị đó.

Nhưng **Phẩm Địa Thần Hộ Pháp, Địa Tạng Bồ Nguyễn Kinh**, Đức Phật cũng từng nói với Kiên Lao Địa Thần rằng: “ Thần lực rộng lớn của ông, các Thần khác ít ai bằng, vì cớ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù đều nhờ ông hộ trợ, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, của báu từ đất mà có đều nhờ nơi sức thần của ông cả “.

Ngoài ra **Phẩm Giáng Ma, Phương Quảng Đại Trang Nghiêm Kinh** ghi chép, lúc Đức Phật Đà vừa mới Thành Đạo, **Địa Thần** này đã hiện ra để chứng minh, từ dưới đất nhảy vọt lên, cúi người cung kính, nâng bình 7 báu chứa đầy hoa thơm cúng dường Đức Thế Tôn.



Địa Thiên

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA THIÊN

Tôn Hình của Tôn này, trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La thuộc Mật Giáo** để 2 vị Nam Thiên Nữ Thiên. Nam Thiên thân toàn màu thịt đỏ, đội Mão báu, tay trái nâng cái Bát, trong Bát có hoa tươi, tay phải lòng bàn tay ngửa hướng ra ngoài, để ở trước ngực, ngồi trên tòa hình tròn. Nữ Thiên thì ở bên trái Nam Thiên (Hoặc ở đằng sau), thân màu thịt trắng hoặc màu thịt đỏ, đầu đội Mão báu, tay trái để trên đùi, tay phải để trước ngực, cũng chéo chân ngồi trên tòa hình tròn. Nhưng trong **Thành Thân Hội thuộc Kim Cang Giới Mạn Trà La**, thì là hình thân nữ toàn màu trắng, 2 cánh tay mở ra ôm giữ Viên Luân (Bánh xe tròn), trong Mão báu có nửa mặt trăng.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐỊA THIÊN

Chữ Chủng Tử là: पृ (Pr) hoặc वृ (Vi)

Chân Ngôn là:

(1) Nam ma (2) tam mạn đa bột đà nam (3) bát lật thể tì duệ (4) toa ha.

ॐ (1) नमो वृषभ (2) पृथ्वीय (3) मृत (4)

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHÀNĀM (3) PṚTHIVIYE (4) SVĀHĀ.

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Địa Thiên (4) Thành Tự.

BIỆN TÀI THIÊN

Đức Đặc Biệt

Biện Tài Thiên là vị Nữ Thần Văn Nghệ của Ấn Độ cổ đại, hay gia trì cho Chúng Sinh được Biện Tài lớn, ban cho tất cả Chúng Sinh tiền của giàu có, con cái nối dõi (từ tức miên diên).

Biện Tài Thiên (Tên Phạn là: Sarasvatì), là vị **Nữ Thần Văn Nghệ** của Ấn Độ Giáo, Bà La Môn Giáo thời Ấn Độ cổ đại. Dịch âm là Tát La Tát Phạt Để, Sa La Thất Phạt Để. Lại gọi là **Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Công Đức Thiên, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Diệu Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên**, gọi đơn giản là **Biện Tài**.

Trong **Lê Câu Phệ Đà** nguyên là tên gọi của một con sông và là vị thần sông rạch, hay trừ sự ô uế của con người, ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu, sự dũng cảm.



Quyển 7 **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh** nói, y theo Kinh này ghi chép, phàm là người nào tuyên giảng, thọ trì **Kim Quang Minh Kinh** đều hay được sự hộ trì của bà được tăng trưởng Trí Tuệ, có đầy đủ ngôn thuyết biện tài, thậm chí khéo hiểu các loại luận thuyết và các kỹ thuật; hay ra khỏi sinh tử, nhanh chóng đến Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề; mà trong đời này, còn hay ban cho người thọ trì **Kim Quang Minh Kinh**, tăng ích sống lâu, thân thể thấy đều đầy đủ viên mãn.

Trong Phẩm này cũng có ghi chép về Pháp Chú Dược tắm rửa. Nếu như Pháp tắm rửa, đọc tụng Kinh này, và như Chú Sư đã dạy phát khởi thế nguyện,

do đó nhân duyên sẽ được Vô Lượng Phước Báo Tùy Tâm. Và có thể giải thoát sự nghèo túng, có đủ Tài Bảo, được uy thần ủng hộ của các vì sao (tinh thần) ở bốn phương với mặt trời mặt Trăng, được khỏe mạnh sống lâu, an ổn cát tường tăng trưởng Phước Đức.

Nhưng **Bạch Bảo Khẩu Sao** thì nói rằng: “Công năng của Biện Tài Thiên này.... Thấy rõ ở quyển 7 **Tối Thắng Vương Kinh**, Pháp này đặc biệt là tu để tăng ích Phước Đức “.

HÌNH TƯỢNG CỦA BIỆN TÀI THIÊN NỮ

Là Hình có bốn cánh tay phần nhiều giống nhau, Bên phải: Tay thứ nhất cầm Hoa, tiếp theo tay cầm cái Phạn Giáp (cái Rương chứa Kinh Phạn), Bên trái: tay thứ nhất cầm vòng Hoa của Đại Tự Tại Thiên, tiếp theo tay cầm cái Trống, cỡi con Chim Nhạn.

Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La của Mật Giáo**, vị Trời này có vị trí ở **Ngoại Kim Cang Bộ Viện**, hai tay cầm cây đàn Tỳ Bà làm trạng thái như búng gảy.

Nhưng y theo **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, Phẩm Biện Tài Thiên Nữ** kể lại là, vị Thiên Nữ này thường dùng tám cánh tay tự trang nghiêm, mỗi tay cầm: cây Cung, mũi Tên, cây Dao, cây giáo dài, cây Búa, cái Chày dài, bánh Xe sắt và sợi dây.

Chữ Chủng Tử là: 𑖦 (Sa) hoặc 𑖧 (Su)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Đàn Tỳ Bà.

Ấn Tướng là: Diệu Âm Thiên Ấn, tay trái lòng bàn tay ngửa để ngang rốn, trạng thái như đang cầm cây Đàn Tỳ Bà, tay phải ngón trỏ và ngón cái vịn nhau, các ngón còn lại duỗi buông lỏng, trạng thái như đánh dây đàn. Hoặc nói là trên lòng bàn tay trái tác tướng tuôn ra Tài Bảo.

Chân ngôn là:

(1) 𑖦𑖧(1) 𑖦𑖧𑖦𑖧𑖧𑖧𑖦(2) 𑖦𑖧𑖧𑖧(3) 𑖦𑖧(4)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bôṭṭa nam (3) tát la tát phạt để duệ (4) toa ha.

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) SARASVATYAI (4) SVĀHĀ.

(1) Quy mạng (2) phổ biến Chư Phật (3) Biện Tài (4) thành tựu.

(1) ॐ(1) म॑रुसुगि(2) ॑रुसु(॑रुसु (?॑रुसु(॑रुसु(3) सुसु(4)

(1) Nãng mô (2) tát la toan đế (3) mạc ha đề ty duệ (4) toa ha (Tối Thắng Vương Kinh).

(1) NAMAḤ (2) SARAVATI (?SARASVÀTÌ) (3) MAHÀ-DEVIYE (4) SVÀHÀ.

ॐ(1) ॑रुसु व पुव(2) ॑रु व सु(3) ॑रु सु(4) सुसु(5)

(1) Án (2) ma ha đề bà bố đát la (3) khước tra bàng già (4) hạ tất đóa duệ (5) toa ha.

(1) OM (2) MAHÀ-DEVAPUTRA (3) KATAVÀŃGA (? KHATVÀŃGA) (4) HASTAYE (5) SVÀHÀ.

(1) Quy mạng (2) Đại Thiên Tử (3) cây Gậy (4) tay cầm (5) thành tựu.

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

Đức Đặc Biệt

Cát Tường Thiên Nữ là Hộ Pháp Thân của Phật Giáo, chủ ban cho Phước Đức, hay mãn túc tất cả nhu cầu tiền của, giàu có của Chúng Sinh, hưởng thụ tất cả sự khoái lạc.

Cát Tường Thiên nữ (Tên Phạn là: ‘Sri-mahà-devi), **Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Danh Hiệu** nêu rõ 12 loại Danh Xưng là Cát Khánh, Cát Tường Liên Hoa **Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ Thập Nhị Khế Nhất Bá Bát Danh Vô Cấu Đại Thừa** thì nêu rõ 108 loại Danh Xưng. Ngoài ra, vị Trời này còn có tên là **Bảo Tạng Thiên Nữ** hoặc **Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên**....

Dùng vị Trời này làm Bản Tôn của Pháp Tu để khẩn cầu Phước Đức, xưng là **Cát Tường Thiên Nữ Pháp** hoặc **Cát Tường Hối Quá Pháp**.

Căn cứ quyển 2 **Kinh Kim Quang Minh** ghi chép là: Nếu có người nào muốn được tăng trưởng Tài Bảo thì người này ở nơi cư trú của mình nên quét dọn sạch sẽ, tắm gội thân mình, mặc áo mới trắng sạch, dùng hương thơm màu nhiệm xoa khắp thân thể; vì Ta (Cát Tường Thiên Nữ) chí tâm, 3 lần xưng niệm danh hiệu **Bảo Hoa Lưu Ly Thế Tôn** của Đức Phật đó, lễ bái cúng dường cùng đốt hương rải Hoa, tiếp theo nên xưng 3 lần **Kinh Kim Quang Minh** và chí thành phát nguyện, ngoài ra dùng hương hoa, mọi loại mỹ vị dâng cúng cho Ta, vẩy nước các phương.... Như vậy y theo Pháp Tu Trì xong.

Người cầu đảo ở nơi cư trú chẳng quản là ở Thôn Ấp, Tăng Phường (nơi ở của Tăng Ni), Lộ Địa (đường đi), đều không có chỗ thiếu sót chẳng quản là tiền tài, vàng bạc, Trân Bảo, Trâu, Dê, Lúa gạo (cốc mễ), tất cả nhu cầu về lương thực đều viên mãn đầy đủ đều hưởng thụ tất cả sự khoái lạc.

Tương truyền vị Trời này là vợ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, cha của bà là **Đức Xoa Ca** và mẹ là **Quý Tử Mẫu Thần**. Ở phương Bắc của Tỳ Sa Môn Thiên Vương có cái Thành tên là **A Ni Mạn Đà**. Trong Thành có vườn **công Đức Hoa Quang** dùng phương vàng bảy báu rất màu nhiệm trang sức khu vườn rất là thù thắng, khu vườn này tức là nơi mà Đại Cát Tường Thiên Nữ thường cư ngụ.

Y theo **Phẩm Công Đức Thiên, Kinh Kim Quang Minh** ghi chép: “*Cát Tường Thiên Nữ ở đời quá khứ, vào thời có Đức **Bảo Hoa Công Đức Hải Lưu Ly Kim Sơn Bảo Chiếu Minh Như Lai**, đã gieo trồng các loại căn lành*”. Cho nên hiện tại bà có thể tùy theo nơi nghĩ đến, nhìn vào chỗ nào, đi đến nơi nào, đều khiến vô lượng trăm ngàn chúng sinh thọ nhận các sự vui vẻ, cho đến đồ dùng

cần thiết cho cuộc sống và các loại trân bảo.... đều khiến cho đầy đủ. Và nói: “*Nếu Hành Giả có thể trì tụng **Kinh Kim Quang Minh**, cúng dường Chư Phật, dùng hương hoa, hương tốt, vị ngon ngọt để cúng dường Cát Tường Thiên, lại trì niệm danh hiệu của bà, như Pháp cúng dường xong, thì Tín Đồ này sẽ hay nhận được Phước báu là tiền của, giàu có, vật quý báu*”

Trong **Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ** nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhìn thấy ở hư không trên đỉnh đầu của Cát Tường Thiên Nữ có vô lượng trăm ngàn Phước trang nghiêm của câu chi Như Lai vây quanh, tất cả Thích Tôn ngợi khen rằng: “*Nếu thọ trì 12 loại Ấn Kế và 108 loại danh hiệu của Đại Cát Tường Thiên Nữ, như vậy tất cả phiền não của sợ hãi bức bách đều hay tiêu trừ ngưng dứt, tất cả oán giận, tất cả sợ hãi của Người, Phi Nhân cũng chẳng thể làm hại, tất cả Tài Bảo, Ngũ Cốc thảy đều đầy đủ*” .

Quán Tự Tại Bồ Tát thỉnh hỏi Đức Phật Đà rằng: “*Cát Tường Thiên Nữ vì sao mà gieo trồng được căn lành này?*”.

Đức Phật bảo: “*Vị Trời này đã gieo trồng căn lành nơi hằng hà sa Như Lai. Ở đời quá khứ có Đức Bảo Sinh Thế Bảo Công Đức Hải Phệ Lưu Ly Kim Sơn Quang Minh Cát Tường Như Lai xuất hiện ở Thế Gian, Đại Cát Tường Thiên Nữ đã gieo trồng căn lành nơi Đức Phật ấy, lại ở nơi có rất nhiều Như Lai đó xưng danh hiệu Như Lai như vậy. Đây là nguồn gốc vị Đại Cát Tường Thiên Nữ này thành tựu căn lành như vậy.*

Những Như Lai này thường theo bên cạnh giúp đỡ Đại Cát Tường Thiên Nữ, hay vì tất cả Chúng Sinh nói về tất cả tội, hay diệt trừ tất cả phiền não, hay trừ khử hết thảy tai họa của sự nghèo túng, hay ngưng dứt tất cả khổ não bức bách, kiện tụng, hay thành biện sáu loại Hạnh Ba La Mật của Bồ Tát để độ hóa Chúng Sinh”.

Cát Tường Thiên Nữ, đại biểu cho Nữ Thần xinh đẹp và hạnh phúc, là Nữ Thần của sự bố thí Phước Đức, có khi được coi là đồng Tôn với **Công Đức Thiên**, nhưng cũng có người cho rằng hai Tôn này khác nhau.

Trong Bà La Môn Giáo của Ấn Độ, Cát Tường Thiên Nữ lại được coi là **Bảo Hộ Thần Tỳ Sát Nô**, tức là **Biến Nhập Thiên** hoặc là vợ của **Na La Diên Thiên**. Nhưng trong Phật Giáo thì thường coi là vợ của Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ CỦA TẠNG TRUYỀN PHẬT GIÁO

Cát Tường Thiên Nữ của Tây Tạng tên là **Ban Đơn Lạp Mẫu** (Dpal-ldan-lha-mo), có thể nói là Nữ Hộ Pháp rất trọng yếu trong Phật Giáo của Tây Tạng.

Tên Phạn của Cát Tường Thiên Nữ và Cát Tường Thiên Mẫu đều là ‘Sri-mahà-devi, tựa hồ là cùng một Tôn, cũng có rất nhiều người chủ trương như

vậy, nhưng dung mạo của hai Tôn ở trên truyền thừa thì khác nhau rất lớn, **Cát Tường Thiên Mẫu** của Tạng Truyền là Hộ Pháp Tôn của sự giận dữ, dung mạo rất là bạo ác còn **Cát Tường Thiên Nữ** là Thiên Nữ xinh đẹp dung mạo yên tịnh.



Nhưng Cát Tường Thiên Nữ của Tạng Truyền thì có người cho rằng phải là **Mã Cáp Ca Lợi Thần** (Mahà-Kàli). Mà Mã Cáp Ca Lợi Thần lại xưng là **Thời Mẫu**, là một trong 12 vị Trời hoặc 7 vị Thiên Mẫu, ý là vị Nữ Thần màu đen, là một trong 10 loại hóa thân của Tuyết Sơn Thần, là **Thấp Bà** (tên Phạn là 'Siva) hoặc xưng là vợ của Đại Tự Tại Thiên.

Xưa kia Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo dưới cây Bồ Đề thời bà và nhóm Quỷ cùng nhau nhiễu loạn Đức Thế Tôn, ý đồ gây chướng ngại, cuối cùng bị Đức Thế Tôn giáng phục trở thành Hộ Pháp của Phật Giáo. Trong Tạng Truyền Phật Giáo lại là Nữ Tính Xuất Thế Gian Hộ Pháp rất trọng yếu.

Cách **Lạp Tát** (ND: Thủ đô Tây Tạng) chẳng xa lắm, bờ hồ Thánh Mẫu tức cũng có dâng cúng tượng Cát Tường Thiên Mẫu, trải qua các triều đại **Đạt Lai** trong cuộc đời ít nhất cũng một lần đến vùng đất này để cùng nhau đối thoại.

Thân Tượng của Cát Tường Thiên Mẫu ở Tây Tạng có hai loại: Hai cánh tay và bốn cánh tay. Hai cánh tay tên Tây Tạng là **Mạc Thổ Mã**, bốn cánh tay tên Tây Tạng là **Đỗ Tô Mã** (tứ tứ chi tạng vật Đỗ Tô Mã), thân ấy màu xanh

lam, có 3 con mắt tròn trợn lên, ngồi một bên cỡi con La màu vàng, bay lên trời cao, bay khắp bốn vòng của Phong Hỏa Huyết Hải. Đầu đội mào 5 đầu lâu, tóc đỏ dựng thẳng, dùng đầu người làm dây chuyền đeo ở cổ, 5 con rắn để trang sức, mặc Thiên Y, dùng da hổ quấn quanh làm quần, eo buộc cây Gậy ngấn màu hồng. Cánh tay chính bên phải cầm Quyền Trượng, tay trái nâng cái đầu lâu (lô khí) chứa đầy máu tươi, hai tay còn lại cầm cây Kích Tam Xoa và Kim Cang Quyết (ND: cái cọc Kim Cang). Cỡi con La dùng da người làm yên, dùng con Rắn xanh làm dây cương, hông có con mắt, vác cái túi vải chứa chất độc, bên cạnh rũ xuống một đầu người, thị hiện Tướng rất thịnh nộ.

HÌNH TƯỢNG CỦA CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

Liên quan đến hình tượng của Tôn này, có các loại cách nói khác nhau. Y theo quyển hạ **Chư Thiên Truyện** đã ghi chép, thân ấy đoan chính, hai cánh tay có màu đỏ màu trắng, tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, ngồi ở trên Đài báu. Bên trái là Phạm Thiên, tay cầm cái Gương báu; Bên phải là Đế Thích Thiên, rải Hoa cúng dường. Sau lưng của Thiên Nữ có núi bảy báu, bên trên có mây năm màu, trên mây lại có con Voi trắng có 6 ngà, mũi Voi giữ cái Bình Mã Nảo, từ trong Bình tuôn ra các loại vật, rưới trên đỉnh Công Đức Thiên. Sau lưng Thiên Thần có rừng Hoa trăm báu, trên đầu có Lọng báu ngàn lá, Chư Thiên ở trên Lọng tấu kỹ nhạc, rải hoa cúng dường.

Bảo Tạng Thiên Nữ Đà La Ni Pháp thì ghi chép rằng: “Thân của Thiên Nữ dài 2 thước 5 tấc (Thước Tàu), đầu đội Mào Hoa, Hoa được tô điểm rất màu nhiệm đoan chính; mặc áo dài tím, dây thắt lưng bằng vàng, giày ủng đen, tay phải cầm Hoa Sen, tay trái cầm viên ngọc báu Như Ý”.



Đà La Ni Kinh thì kể lại là tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải tác Thí Vô Úy Ấn, ngồi trên cái Đài to lớn (tuyên đài).

PHƯƠNG PHÁP KHẤN CẦU CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ GIÚP ĐỠ

Trong quyển 17 **Phẩm Cát Tường Thiên Nữ Tăng Trưởng Tài Vật, Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương** ghi chép Cát Tường Thiên Nữ vì Chúng Sinh khẩn cầu Pháp tăng trưởng tài vật:

“Bạch Đức Thế Tôn! Phía bắc của Thành **Tiết Thất La Mạt Nã Thiên Vương** tên là Hữu Tài, đi đến thành đó không xa có cái Vườn tên là **Diệu Hoa Phước Quang**, trong đó có cái Điện thù thắng do bảy báu tạo thành.

Bạch Đức Thế Tôn! Con (Cát Tường Thiên Nữ) thường trú ở nơi đó. Nếu lại có người muốn cầu Ngũ Cốc ngày ngày tăng nhiều, kho lẫm đầy tràn, thì phải nên phát khởi Tâm cung kính tin tưởng, trong một cái phòng sạch sẽ dùng **Cù Ma** xoa bôi đất, nên vẽ Tượng của con, dùng mọi thứ Anh Lạc trang nghiêm xung quanh, nên tắm rửa mặc quần áo sạch, xoa mọi thứ danh hương rồi vào trong Tịnh Thất, phát Tâm vì con mỗi ngày ba thời, xưng tên Đức Phật đó cùng với danh hiệu Kinh này mà bày tỏ lễ kính: **Nam Mô Lưu Ly Kim Sơn Bảo Hoa Quang Chiếu Cát Tường Công Đức Hải Như Lai!**

Dem các Hương Hoa và dùng các loại thức ăn uống ngọt đẹp chí tâm phụng hiến, cũng dùng Hương Hoa và các thức ăn uống cúng dường tượng của con, lại đem thức ăn uống rải ném các phương khác, bố thí cho Chư Thần.... Nói lời chân thật mời thỉnh Đại Cát Tường Thiên, phát mọi cầu nguyện. Nếu như nói và làm đúng không sai, cầu thỉnh nơi con khiến chẳng uổng phí vậy.

Lúc này Cát Tường Thiên Nữ biết là việc đã xong liền sinh lòng thương xót, khiến Tài Cốc (tiền của, ngũ cốc) trong nhà người đó tăng trưởng, liền nên tụng Chú triệu thỉnh ta, trước tiên xưng tên Đức Phật và tên họ của Bồ Tát, một lòng kính lễ.

Nam Mô tất cả mười phương Chư Phật ba đời
 Nam Mô Bảo Kế Phật
 Nam Mô Vô Cấu Quang Minh Bảo Tràng Phật
 Nam Mô Kim Tràng Quang Phật
 Nam Mô Bá Kim Quang Tạng Phật
 Nam Mô Kim Cái Bảo Tích Phật
 Nam Mô Kim Hoa Quang Tràng Phật
 Nam Mô Đại Bảo Tràng Phật
 Nam Mô Đông Phương Bất Động Phật
 Nam Mô Nam Phương Bảo Tràng Phật
 Nam Mô Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật
 Nam Mô Bắc Phương Thiên Cổ Âm Vương Phật
 Nam Mô Diệu Tràng Bồ Tát
 Nam Mô Kim Quang Bồ Tát
 Nam Mô Kim Tạng Bồ Tát

Nam Mô Thường Đề Bồ Tát
 Nam Mô Pháp Thượng Bồ Tát
 Nam Mô Thiện An Bồ Tát

“Kính lễ Đức Phật, Bồ Tát như vậy xong, tiếp theo nên tụng chú triệu thỉnh con, Cát Tường Thiên Nữ. Do sức Chú này, mọi việc mong cầu đều được thành tựu”.

Sau đó, Cát Tường Thiên Nữ liền nói Chú rằng:

Nam mô thất lợi mạc ha thiên nữ, đát diệt tha, bát lợi bồ triết lệ, tam mạn đa, liên thích thiết nê mạc ha tỳ la yết đế, tam mạn đa tỳ đàm mật nê, mạc ha ca lí dã, bát thích để sắt trạch bát nê, tát bà át, tha sa đàn nê, tô bát thích để bồ lệ, a gia na đạt ma đa mạc ha tỳ câu tỳ đế, mạc ha mê xuất lỗ, ỏ ba tăng tứ đê, mạc ha hiệt chế sử tô tăng cận lí tứ đê, tam mạn đa át tha, a nô ba thích nê, toa ha.

{ NAMO ‘SRÌ MAHÀ DEVÌYA

TADYATHÀ: PARIPURNA CALE, SAMANTA DAR’SANI, MAHÀ VIHARA GATE, SAMANTA VIDHANA GATE, MAHÀ KÀRYA PATI, SUPARIPURE_ SARVATHÀ SAMANTA SUPRATI PURNA , AYANA DHARMATE , MAHÀ VIBHAŞITE , MAHÀ MAITRE , UPASAMHITE _ HE ! TITHU , SAMGRHITE , SAMANTA ARTHA ANUPALANI_ SVÀHÀ].

Và nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người nào tụng trì Thần Chú triệu thỉnh con như vậy, thời con nghe thỉnh xong liền đến nơi người đó khiến được toại nguyện”.

Trong Kinh lại nói, được Thiên Nữ giúp đỡ xong, ắt nên dùng Hạnh Phước Đức này để bố thí, cúng dường, giúp đỡ kẻ nghèo túng.

Liên quan đến sự thù thắng của Pháp này, trong Kinh ghi chép rằng: “Từ đây về sau, sẽ khiến người đó vào trong giấc mộng được thấy con (Cát Tường Thiên Nữ), tùy theo việc mong cầu đều báo cho biết. Nếu ở thôn xóm, làng mạc nhà trống và nơi Tăng ở, tùy theo mong cầu đều khiến viên mãn, Vàng, Bạc, Tài Bảo, Trâu, Dê, lúa gạo (cốc mạch), thức ăn uống, quần áo, đều tùy theo Tâm nhận được các khoái lạc. Tức được Quả Báo Thù Thắng như vậy, nên đem phần trên cúng dường Tam Bảo và Thí cho con, rộng Tu Pháp Hội, bày các thức ăn uống, xếp đặt Hương Hoa. Khi đã cúng dường xong thì đem hết thảy các vật cúng dường bán đi, lấy tiền để làm cúng dường thì con sẽ suốt đời thường trú nơi chỗ này, ủng hộ người đó khiến không thiếu thốn, tùy theo mong cầu đều được vừa ý. Cũng nên luôn luôn giúp đỡ cho kẻ thiếu thốn, chẳng nên keo kiệt chỉ vì chính mình, thường đọc Kinh và cúng dường chẳng dứt, nên dùng Phước

này cho khắp tất cả, hồi hướng Bồ Đề, nguyện ra khỏi sinh tử, nhanh chóng được giải thoát”.

Từ Phẩm này vừa kể trên có thể biết, nếu có người nào hay chí tâm cầu niệm, như Pháp khẩn cầu Thiên Nữ giúp đỡ, gọi là Phước Đức chẳng thể nghĩ bàn.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (‘Sri)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu.

Tướng tay là: Thí Vô Úy Ấn.

Chân Ngôn là: Như đoạn văn vừa kể trên.

NGŨ TÍNH TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Ngũ Tính Tài Thần là tên gọi chung của Tài Thần trong Tạng Truyền Phật Giáo các Giáo Phái lớn thường cúng dường(Ngũ Tính Tài Thần thị Tạng Truyền Phật Giáo các đại Giáo Phái sở cúng dường đích Tài Thần đích cộng xưng), hay khiến chúng sinh khử trừ tất cả sự nghèo túng, tai nạn, tăng trưởng tất cả pháp lành, giàu có tự tại.

Ngũ Tính Tài Thần, tên Phạn là **Chiêm Ba Lạp, Diêm Bà La, Vụ Thân**, ngày trước dịch là **Bố Lộc Kim Cang**. Thân sắc của năm Tài Thần này phân biệt là Tài Thần màu Xanh, Trắng, Hồng, Vàng và Đen.



*Ngũ Tính Tài Thần rất là thường thấy (nhất ban thường kiến đích Ngũ Tính Tài Thần), Chủ Tôn ở chính giữa là Lục Tài Thần (Tài Thần màu Xanh) là hóa thân của **Đức Phật Đông Phương Bất Động**. Có một đầu hai cánh tay ba con mắt, đầu đội mào báu, thân mặc Thiên Y. Tay phải cầm báu Như Ý, tay trái ôm con Thổ Bảo Thử (con Chuột nhả ra vật báu) , chân trái co vào bên trong, *chân phải đạp lên Hải Loa Bảo* (con Ốc biển quý báu), cùng với Phật Mẫu vận hành (dữ Phật Mẫu song vận), dùng tư thế Như Ý ngồi trong vành trăng trên Hoa Sen. Công Đức đó là: Khiến cho tất cả sự nghiệp thành công viên mãn, Tịnh Hóa chướng ngại của vận ác, thành tựu tất cả nguyện vọng, đối với các chúng sinh hưởng thụ sự tăng trưởng giàu có.*

Phía trước bên phải là Bạch Tài Thần (Tài Thần màu Trắng), công đức đó là: Khử bệnh tật, miễn trừ sự nghèo túng, tăng trưởng nghiệp lành, tăng thêm các sự hưởng thụ giàu có.

Phía sau bên trái là Hồng Tài Thần (Tài Thần màu Hồng), công đức đó là: Hay chiêu tụ Người, tiền của, thức ăn....các sự hưởng thụ tự tại, giàu có

Phía sau bên phải là Hoàng Tài Thần (Tài Thần màu vàng), công đức đó là: Hay tăng trưởng Phước Đức, Thọ Mạng, Trí Tuệ, hưởng thụ vật chất và tinh thần.

Phía trước bên trái là Hắc Tài Thần (Tài Thần màu đen), công đức đó là: Tiêu trừ oán địch, trộm cắp, bệnh ma.... chướng ngại, hay khiến tăng trưởng sự hưởng thụ. Vật cầm tay của Ngũ Tinh Tài Thần và công đức được nêu rõ như sau:

Tài Thần	Vật Cầm Tay	Lợi Ích Công Đức
Bạch Tài Thần	Thổ Bảo Thú (con Chuột nhả ra vật báu), viên ngọc báu Ma Ni.	Khử trừ bệnh tật, trừ khử tất cả sự nghèo túng, tai nạn chướng ngại, tăng trưởng tất cả nghiệp lành, đối với đời sống hưởng thụ tất cả sự tăng trưởng giàu có.
Hồng Tài Thần	Thổ Bảo Thú, viên ngọc báu Ma Ni.	Hay chiêu tụ người tài, Tài Bảo và trong cuộc sống hưởng thụ tất cả sự giàu có tự tại.
Hoàng Tài Thần	Thổ Bảo Thú, viên ngọc báu Ma Ni.	Hay tăng trưởng Phước Đức, Thọ Mạng, Trí Tuệ, Vật Chất, giàu có (phong phú) về tinh thần và Tâm Linh.
Hắc Tài Thần	Thổ Bảo Thú, Ca Ba Lạp.	Hay tiêu trừ oán hận hỗn loạn với trộm cắp, bệnh ma.... Chướng ngại, khiến cho tăng trưởng sự hưởng thụ.
Lục Tài Thần	Thổ Bảo Thú, viên ngọc báu Ma Ni.	Khiến cho tất cả mọi việc đều thành công, viên mãn, tịnh hóa chướng ngại của vận ác, thành tựu tất cả nguyện vọng, khiến cho tất cả được hưởng thụ tăng trưởng giàu có.

Chú ngữ Đà La Ni của Ngũ Tính Tài Thần giống nhau, là chân ngôn cầu được Tài Thần, Thân, Ngũ, Ý dùng công đức gia trì làm chủ. Chú Ngữ của Ngũ Tính Tài Thần là : **Ông, tạp mẫu ba lạp, sạ liên trát gia, thoa cáp**. Ý nghĩa của chữ **Ông** là chiêu dẫn Trì Minh, xưng là Trì Minh. Ý nghĩa của chữ **Tạp Mẫu** là đào bới khoáng vật bị chôn vùi dưới đất (đả khai khoáng tàng). Ý nghĩa của chữ **Ba** là cứu độ sự sợ hãi. Ý nghĩa của chữ **Lạp** là đề phòng trộm cắp, Ý nghĩa của chữ **Sạ** là ban cho đứa con (huệ tử sinh tử). Ý nghĩa của chữ **Liên** là ban cho Thọ Mạng. Ý nghĩa của chữ **Trát** là cứu độ sự nghèo túng. Ý nghĩa của chữ **Gia** là chiêu dẫn Phước Thọ. Ý nghĩa của chữ **Thoa Cáp** là Cát Tường Như Ý.

Chân Ngôn là: Ông, tạp mẫu ba lạp, sạ liên trát gia, thoa cáp.

[OM _ JAMBHALA JALENDRAYE _ SVÀHÀ].

HOÀNG TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Hoàng Tài Thần là một trong Ngũ Tính Tài Thần. Chủ về nắm giữ sự giàu có tiền của, hay khiến tất cả chúng sinh thoát khỏi sự nghèo túng, làm ăn phát tài (Tài Nguyên quảng Tiến).

Hoàng Tài Thần có tên tiếng Tạng là: **Tạng Ba Lạp, Ta Pha**. Lúc bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu tuyên nói Kinh Đại Bát Nhã thời các hàng Ma, Quỷ, Thần.... Đều đi đến gây chướng ngại, khiến núi cao sạt lở, đại chúng kinh hoàng, lúc này Hoàng Thần Tài liền hiện thân che chở bảo hộ, về sau Đức Thế Tôn căn dặn Hoàng Thần Tài, ở đời vị lai nên giúp ích cho tất cả chúng sinh nghèo túng, làm Đại Hộ Pháp.

Hình Tượng Tôn này là bụng to thân nhỏ, hai tay có sức mạnh, da màu vàng ròng. Tay phải cầm viên ngọc báu Ma Ni, tay trái ôm con Thổ Bảo Thủ miệng nhả ra viên ngọc báu. Đầu đội Mão báu Ngũ Phật, thân mặc Thiên Y màu xanh lam Hoa Sen với viên ngọc báu, anh lạc để trang sức. Trước ngực đeo xâu chuỗi Ô Ba Lạp, dùng thế ngồi Như Ý chân trái co lại, chân phải đạp nhẹ lên con Ốc Biển quý báu (Hải Loa Bảo), ngồi trong vành trăng trên Hoa Sen.



Thành tâm trì tụng Hoàng Thần Tài Tâm Chú , có thể nhận được sự giúp đỡ che chở của Ngài hay làm ăn phát tài, miễn trừ sự nghèo túng, cho đến tất cả khó khăn về kinh tế. Nếu như hay phát khởi Tâm Bồ Đề Vô Thượng, phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi sự nghèo túng thì Phước Đức lại chẳng thể giới hạn đo tính được.

Chân Ngôn là: Án, tạng bạt lạp, trát niệm trát gia, thoa cáp.



OM _ JAMBHALA JALENDRAYE _ SVÀHÀ.

HỒNG TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Hồng Tài Thần là một trong Ngũ Tánh Tài Thần. Có công đức hay chiêu tụ Người, tiền của, thức ăn.... Hưởng thụ sự giàu có tự tại.

Hồng Tài Thần là một vị Tài Thần có công đức chẳng thể sánh kịp của phái Tát Ca trong Mật Pháp. Phái Tát Ca trong Tạng Mật rất coi trọng phương pháp Mật Tu và lời giáo điều (giáo ngôn) của Hồng Tài Thần.

Hồng Tài Thần có một mặt hai cánh tay, hai con mắt, mặt hay giận dữ, dùng các loại vật báu để trang sức, đầu đội Mão Ngũ Phật. Ôm Minh Phi trong lòng là **Tài Nguyên Thiên Mẫu**, chủ quản về tiền của giàu có của nẻo Người. Thời xưa bậc Vương Giả hoặc hàng Quý Tộc thường tu Pháp này rất dễ thích ứng, là Pháp Môn của sự yêu thương.

Hình tượng của Hồng Tài Thần là ôm Phật Mẫu hai Tôn Tượng cùng nhau vận hành. Đầu đội Mão báu, tay phải cầm báu Ma Ni, tay trái ôm con Chuột nhả ra vật báu (Thổ Bảo Thủ), chân phải duỗi chân trái co, ôm Tài Nguyên Thiên Mẫu dùng tư thế đứng múa, đứng trong vành trăng trên Hoa Sen.



Tu tập Pháp Hồng Tài Thần, trì tụng niệm chú, có thể nhận được sự giúp đỡ của Hồng Tài Thần, tiền của dồi dào, hay miễn trừ sự nghèo túng và tất cả khó khăn về kinh tế. Nhưng Pháp tu này cũng tùy theo sự phát tâm tu của hành giả mà có thể nhận được quả báo chẳng giống nhau, nếu như phát khởi Tâm Bồ Đề vô thượng thì có thể chứng được Phước Đức viên mãn ở Thế Gian và Xuất Thế Gian, nếu cầu tiền của giàu có ở Thế Gian thì cũng có thể mãn túc, nếu là người nghèo túng thì cũng có thể nhận được lợi ích là thức ăn vật chất đầy đủ.

[Chân Ngôn là:

OM JAMBHALA JALENDRA YA DHANAM MEDHI HRİH
DÀKINÌ JAMBHALA SAMBHARA SVÀHÀ].

BẠCH TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Bạch Tài Thần là một trong Ngũ Tính Tài Thần. Chủ quản về Trí Tuệ, công đức và tiền của giàu có.

Tương truyền Bạch Tài Thần là nơi hóa hiện Tâm Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nguồn gốc của Bạch Tài Thần, tương truyền là lúc bấy giờ **A ĐỂ GIÁP** Tôn Giả đi đến bãi kiến Thánh Địa của Quán Thế Âm Bồ Tát, trên đường đi gặp một người bệnh nghèo túng đói rét sắp chết, A ĐỂ GIÁP nghĩ rằng phải giúp đỡ ông ấy, mình bỏ thân này không phân vân tiếc rẻ, thế là Ngài liền nghĩ đến cắt thịt của mình để bố thí. Nhưng người đói rét từ chối thà mình bị chết đói cũng chẳng nhận ăn thịt của A ĐỂ GIÁP. A ĐỂ GIÁP cảm thấy chính mình không có sức cứu trợ chúng sinh bị khốn khổ, cảm nhận được sự tức giận trong lòng với thương xót, chẳng cầm được sự thương cảm con mắt rơi lệ.

Lúc này, Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Tâm Đại Bi hóa hiện làm người đi đường, đi đến hỏi rõ mọi việc, A ĐỂ GIÁP thành thật bẩm cáo, người đi đường nghe xong, chẳng cầm được sự phát tâm của A ĐỂ GIÁP cảm động con mắt rơi lệ. Lúc đó, sự việc phát sinh thật là kỳ diệu, người đi đường bỗng nhiên hiện ra tướng báu trang nghiêm của Quán Thế Âm Bồ Tát, giọt nước mắt bên con mắt trái hóa hiện làm Độ Mẫu, giọt nước mắt bên con mắt phải hóa hiện làm Bạch Tài Thần, Bồ Tát còn căn dặn **BẠCH TÀI THẦN** tự mình Quán Đỉnh cho A ĐỂ GIÁP, truyền dạy pháp tu, dùng sự viên mãn giúp đỡ chúng sinh xa lìa nghèo túng, đầy đủ tâm nguyện của Phước Đức.

Bạch Tài Thần hay khử trừ bệnh tật, trừ bỏ tất cả sự nghèo túng và tội ác chướng ngại, tăng trưởng tất cả nghiệp lành, khiến cho hưởng thụ tất cả vật dụng hàng ngày, tài vật, giàu có tăng mãi.

HÌNH TƯỢNG CỦA BẠCH TÀI THẦN

Bạch Tài Thần có một mặt hai cánh tay, diện mạo nửa giận nửa cười, ba con mắt to trợn lên trên, tóc dựng đứng, dùng Mão Ngũ Phạt trang sức trên đầu, thân trên khoác tơ lụa, dùng lụa Ba Sạ Lạc Ca làm quần, các loại vật báu làm trang sức. Tay phải cầm cây Gậy báu, tay trái cầm cây Kịch Tam Xoa, chân phải co chân trái duỗi phân nửa. Cỡi con Rồng, dùng Hoa Sen vành trắng làm tòa, thân trắng như ánh sáng mặt trăng.



Bạch Tài Thần dùng thân màu trắng, biểu thị hay khiến cho tất cả chúng sinh có đủ Tài Bảo của sự trắng sạch tốt đẹp, tay phải cầm cây Gậy báu biểu thị quy tụ (hối tụ) tất cả công đức của Tài Thần, hay cứu độ sự khổ của chúng sinh trong lúc đói rét.

[Chân Ngôn là:

OM PADMA-KRODHA ÀRYA JAMBHALA HRDAYA HÙM PHAT]

HẮC TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Hắc Tài Thần là một trong Ngũ Tính Tài Thần. Bởi vì toàn thân màu đen xanh cho nên có tên là Hắc Tài Thần, chủ quản về tài năng và quyền thế.

Hắc Tài Thần là một trong Ngũ Tính Tài Thần, có rất nhiều người cho rằng Hắc Tài Thần là vị Tài Thần trong Ngũ Tính Tài Thần bố thí tiền của lập tức hiệu nghiệm, thậm chí xưng Ngài là **Tài Thần Vương**.

Tương truyền ngày xưa ở Ấn Độ có một vị Quốc Vương, vì quốc khố trống rỗng, tài chính khó khăn, đi đến bước đường cùng, suy nghĩ lao mình xuống sông tự tử. Lúc này trong nước xuất hiện một vị Đồng Tử 6 tuổi màu đen, ngăn cản không cho Quốc Vương tự sát.

Vị Đồng Tử hỏi rõ nguyên nhân mọi việc xong, liền đem Pháp làm giàu truyền hết cho Quốc Vương. Lúc đó, bên cạnh hàng cây hiện rõ một gian phòng bằng thủy tinh, Quốc Vương liền bước vào làm nơi để tu hành, nhưng Quốc Vương chẳng theo lời căn dặn tu cho hết sáu tháng, chỉ tu trì được 2 tháng chẳng thấy công hiệu, lấy làm thất vọng, lại suy nghĩ tìm cách nào ngắn hơn, vị Đồng Tử màu đen lại hóa hiện ở trước mặt ông, khuyên bảo ông phải kiên trì chớ có nản lòng, nhất định công đức sẽ viên mãn. Ngay lúc vị Quốc Vương trở lại trong phòng thời nhìn thấy bên trong chất đầy châu báu, vị Đồng Tử màu đen này tức là Hắc Tài Thần vậy.

HÌNH TƯỢNG CỦA HẮC TÀI THẦN

Bởi vì việc truyền thừa của Hắc Tài Thần có rất nhiều loại, cho nên hình tượng cũng có khác nhau. Hắc Tài Thần thường thấy có một mặt hai cánh tay, mặt giận dữ có ba con mắt, dùng Mão Đức Phật Bất Động trang sức trên đầu, thân thể thấp bé mập mạp, tóc màu hồng da màu đen lỏa thể, bụng to lớn Tướng Phước. *Tay phải cầm cây gậy đầu lâu Ca Ba Lạp*, tay trái ôm con Chuột nhả ra vật báu, chân phải co chân trái duỗi, đạp lên Tòa có xác chết trong vành trăng trên Hoa Sen.



Hắc Tài Thần toàn thân màu đen xanh, *tượng trưng cho dùng **Thắng Nghĩa Trung** xa lìa tất cả **Biến Kế Sở Chấp**, tức là **Tự Tính** của **Ý Kim Cương** là “**Tự Tính trong sạch không nhiễm bẩn**”.* Dùng Mão Đức Phật Bất Động trang sức trên đầu, ý nghĩa là biểu thị đủ chỗ mà Đại Bi đã huyền hóa của Đức Phật Bất Động, lỗ thủng không che chắn biểu thị cho Đại Bi, một hạt bụi cũng không nhiễm; tất cả không chỗ nào chướng ngại; cầm khí cụ đầu lâu biểu thị cho Tâm Bi; ôm con Chuột nhả ra vật báu biểu thị mãn túc mọi nguyện cầu về tiền của của chúng sinh.

Tu trì pháp môn Hắc Tài Thần, có thể nhận được sự giúp đỡ che chở của Ngài, tiêu trừ oán địch, trộm cắp, bệnh Ma.... chướng ngại, khiến hưởng thụ sự tăng trưởng tiền của giàu có.

Chân ngôn là: Ông tạp bát nã tạp liên trát nhã đồ đồ ma ma cổ ni mộc ni thoa cấp

[?OM JAMBHALA MUKHAM BHRAMARI SVÀHÀ].

LỤC TÀI THẦN

Đức Đặc Biệt

Lục Tài Thần là một trong Ngũ Tính Tài Thần, Ngài thọ nhận lời căn dặn của Đức Phật Thích Ca, vì tất cả sự nghèo túng của mọi người chuyển Đại Pháp Luân, ban cho Thế Tài (tiền của ở Thế Gian) và Pháp Tài (tiền tài của Pháp).

Lục Tài Thần ở chính giữa của Ngũ Tính Tài Thần, là do **Bất Nhị Tục** “**Thời Luân Kim Cang Bản Tục**” của Vô Thượng Du Già Bộ truyền ra, là **thân ứng hóa** mà Đức Phật Bất Động ở phương Đông đã hiện ra.

Lục Tài Thần có một đầu hai cánh tay ba con mắt, đầu đội Mão Báu, thân mặc Thiên Y, quần lụa, tay phải cầm báu Như Ý, tay trái ôm con Chuột nhả ra viên ngọc báu, dùng tư thế ngồi Như Ý chân trái co vào bên trong, chân phải đạp nhẹ lên con Ốc Biển quý báu, cùng với Phật Mẫu cùng vận hành, ngồi trong vành trăng trên Hoa Sen.



[Chân Ngôn là: OM JAMBHALA JALENDRAÏYE SVÀHÀ].

TAM DIỆN LỤC TÝ HỒNG TÀI THẦN (Hồng Tài Thần có ba mặt sáu cánh tay)

Đức Đặc Biệt

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần, đại biểu cho Đại Bi câu nhiếp tất cả Tài Bảo của ba cõi, mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh ở Thế Gian và Xuất Thế Gian.

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần là một vị Tài Thần đặc biệt có ở phái Ninh Mã Ba của Mật Giáo Tây Tạng, ở chùa chiền và các giáo phái khác của Tạng Mật rất là ít thấy, chỉ có ở chùa chiền cổ kính việc cúng dường rất coi trọng.

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần, có rất sớm là do Liên Hoa Sinh Đại Sư Tạng Mật ở chùa **Tang Gia**, sau đó do đệ tử là Thông Tuệ bắt đầu khai mở Mật Giáo của Liên Sư đã cất giữ mà truyền thừa tiếp tục cho đến nay.

Hình tượng của Ngài có nhiều đầu nhiều tay, đại biểu cho việc tập hợp công đức của các Tài Thần vào một thân, do sự hóa hiện “Ngũ Mật” của các Tài Thần.

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần thân màu hồng, dùng tám vị Long Vương trang sức trên thân, các loại vật báu làm vật trang sức. Có ba mặt, mặt chính giữa màu hồng, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lam. Trong sáu cánh tay, bên phải: tay thứ nhất cầm báu Như Ý, tay thứ hai cầm Kim Cang Câu (cái móc câu Kim Cang), bên trái: tay thứ nhất cầm cái đầu lâu chứa đầy vật báu, tay thứ hai cầm sợi dây; bên phải bên trái tay thứ ba ôm con chuột nhả ra vật báu. Hai chân đạp lên hai con Dạ Xoa, đứng thẳng trên tòa trong vành trăng trên Hoa Sen, hiện rõ tướng dũng mãnh.

Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần thân màu hồng biểu thị cho ý nghĩa Đại Bi câu nhiếp, hay câu nhiếp tất cả Công Đức Tài Bảo của ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Tay cầm báu Như Ý biểu thị cho mãn túc tất cả tâm nguyện của chúng sinh, tay cầm cái móc câu Kim Cang biểu thị câu triệu Hữu Tình ở ba cõi, con Chuột nhả ra vật báu biểu thị ban cho Phước Tài Bảo mãn túc ở ba cõi, mặt bên phải màu trắng biểu thị độ hóa hàng Thiên Thần, mặt bên trái màu xanh lam biểu thị độ hóa hàng Trời Rồng, mặt chính giữa màu hồng biểu thị độ hóa ở Nhân Gian.



Tu tập Pháp Tam Diện Lục Tý Hồng Tài Thần, trì tụng Mật Chú của Ngài, hay khiến tất cả việc làm thành công viên mãn, chuyển hóa vận xấu (ách vận), hay chiêu tụ người tài, tiền của, lương thực.... Hưởng thụ sự giàu có tự tại, tăng trưởng tất cả nghiệp lành, Phước Đức, Thọ Mạng, Trí Tuệ.

QUỶ TỬ MẪU THẦN (HA LỢI ĐẾ MẪU)

Đức Đặc Biệt

Quý Tử Mẫu là người thủ hộ của tất cả trẻ con, tu pháp này hay khẩn cầu sinh sản được bình an, tăng trưởng tiền của giàu có.

Quý Tử Mẫu Thần (Tên Phạn là: Hārīti), là một trong những Dạ Xoa Nữ. Dịch âm là **Ha Lợi Đế**, dịch ý là **Hoan Hỷ Mẫu, Quý Tử Mẫu, Ái Tử Mẫu**.



Quyển 31 **Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Tọa Sự** ghi chép câu chuyện về bản sinh (đời trước) của Quý Tử Mẫu. Trong Kinh nói Quý Tử Mẫu ở đời quá khứ vốn là vợ của một người chăn Trâu trong thành Vương Xá, do một nhân duyên nào đó, bà bị mất đi đứa con trong bụng, trong lòng oán hận vô cùng (oán hận nan bình) liền dùng việc bố thí công đức cho Độc Giác Thánh Giả, hồi hướng thành tựu nguyện ác đã phát nguyện. Bà phát nguyện đời sau muốn sinh vào thành Vương Xá, ăn con của mọi người trong thành. Sau đó quả thật như lời nguyện được sinh vào thành Vương Xá làm Dục Xoa Nữ.

Dược Xoa Nữ này tên là **Hoan Hỷ**, cha là Thần Dược Xoa **Sa Đa** của thành Vương Xá. Sau khi Nữ Dược Xoa lớn lên, gả cho **Bán Chi Ca** con của Dược Xoa **Bán Già La** của nước **Kiên Đà La** ở phương bắc, sinh được 500 đứa con, đứa con út tên là **Ái Nhi**. Vì nhân duyên đời trước Dược Xoa Nữ phát ra Tà Nghiệp cho nên thường hay vào trong thành Vương Xá ăn thịt trẻ con, khiến cho mọi người trong thành Vương Xá kinh hoàng, chẳng biết phải làm như thế nào. Sau đó Thiên Thần thủ hộ trẻ con trong thành Vương Xá mách bảo, mới biết là Ha Lợi Đế Dược Xoa Nữ đã làm, liền y theo Thiên Thần mách bảo, đi đến khẩn cầu Đức Phật Đà từ bi điều phục Dược Xoa Nữ này.

Đức Phật Đà nhận lời xong, liền đi đến nơi ở của Ha Lợi Đế Dược Xoa Nữ, nhân lúc Dược Xoa Nữ không có ở nhà, liền đem đứa con bà yêu thương nhất dấu trong cái Bát.

Sau khi Dược Xoa Nữ về đến nơi ở của mình, tìm kiếm khắp nơi cũng không thấy đứa con đó, lập tức kinh hoàng chạy đi tìm kiếm mọi nơi, cũng không thấy tung tích hình ảnh đứa con yêu thương, liền đập ngực than khóc bi thảm, cất lớn tiếng gọi con tựa hồ như muốn phát điên. Thế là bà lại chạy đến chân trời góc bể, cho đến Địa Ngục, các tầng lớp ở cõi Trời, đau đớn hỗn loạn, tìm kiếm gào thét than khóc thê thảm. Tìm thẳng đến Bắc Phương Đa Văn Thiên cũng chính là nơi ở của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Thiên Vương mới chỉ điểm cho bà đi đến xứ sở của Đức Thế Tôn, mới có thể tìm thấy được đứa con yêu thương của bà.

Ha Lợi Đế Dược Xoa Nữ đi đến nơi của Đức Thế Tôn an trú, khẩn cầu Đức Thế Tôn nương lại đứa con thương yêu của bà. Đức Phật Đà liền răn bảo bà: *“Ngươi chỉ mất đi một đứa con trong 500 đứa mà đau đớn thê thảm muốn phát điên, há chi những bậc cha mẹ có con bị Ngươi ăn thịt, lại còn đau khổ biết chừng nào?”*

Ha Lợi Đế Nữ nghe sự dạy bảo của Đức Phật Đà xong đột nhiên tỉnh ngộ, từ đây liền y theo sự dạy bảo của Đức Phật Đà, không những không tái phạm nguy hại người đời, ngược lại trở thành người thủ hộ của trẻ con.



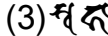
Nhưng Đức Phật Đà cũng từ bi răn bảo đệ tử, lúc thọ nhận cúng dường của thí chủ, ở cuối đường bày trên một mâm thức ăn, gọi tên Quỷ Tử Mẩu và những đứa con của bà cùng nhau thọ nhận cúng dường, khiến cho họ ăn no vĩnh viễn không có đói khổ.

Trong **Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện** ghi chép, các Chùa ở phương Tây, thường ở nơi cửa phòng hoặc bên cạnh bếp ăn, đắp tượng hình Quỷ Tử Mẩu ôm một đứa con ở dưới đầu gối của bà có năm hoặc ba đứa, dùng biểu thị cho tượng đó, đồng thời mỗi ngày trước Tượng ấy đều cúng dường đầy những thức ăn.

Dùng **Quỷ Tử Mẫu Thân** làm Bản Tôn của Pháp Tu xưng là Ha Lợi Đế Mẫu Pháp, Pháp tu này chủ yếu để khẩn cầu sinh sản được bình an, tăng thêm tiền của giàu có.

Ở Nhật Bản thường dùng để khẩn cầu sản phụ được bình an mà phụng thờ Tượng Ha Lợi Đế Mẫu, nhân đây Pháp Ha Lợi Đế Mẫu lưu hành có phần hơi lệch, hình tượng phụng thờ của bà phần nhiều là tượng Thiên Nữ, tay trái ôm một đứa con, tay phải cầm Quả Cát Tường, tư thế đoan chính yêu kiều xinh đẹp.

Chân ngôn là:

(1)  (2)  (3) 

(1) OM (2) DUNDUMÀLIKÀHITE (4) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) Nỗ Nỗ Ma Lí Ca Tứ Đế (trên cổ của Quỷ Tử Mẫu Thân trang sức vòng hoa xanh) (3) Thành Tự.

LONG VƯƠNG

Đức Đặc Biệt

Long Vương có đầy đủ uy lực và thế nguyện rộng lớn, hay hộ trì chúng sinh tăng trưởng tài bảo, sống lâu, đất nước an ổn.

Long (Tên Phạn là: Nàga), dịch âm là **Na Già, Nãng Nga**. Loài Rồng cư trú ở trong nước, hay gọi mây kêu mưa, là loại Quỷ hình Rắn, cũng là một trong tám Bộ Chúng thủ hộ Phật Pháp. Lãnh tụ của loài Rồng xưng là Long Vương (Nàgaràja), họ có đầy đủ uy lực mạnh lớn, là bậc Thủ Hộ của Đức Phật.

Long Vương có đủ sức uy thần rộng lớn, trong thời kỳ pháp hạnh của Phật Giáo, Long Vương đã từng ở trước Đức Phật phát khởi thế nguyện rất sâu, muốn hộ trì Phật Pháp và người tu hành của Phật Giáo. Cho nên, nếu như hay cúng dường Long Vương, khiến cho họ nhớ đến phát khởi bản thế của chính mình và sinh khởi tâm vui mừng lớn, thì hay hộ trì đất nước, tiêu trừ việc chẳng lành, tai nạn cùng tăng trưởng Tài Bảo, sống lâu, khiến cho Cam Lộ nhuận khắp, ngũ cốc chín đầy, đất nước an ổn, nhân dân an vui.

Long Vương cũng thuộc một trong những Tài Thần, cũng tức là hết thảy tất cả Tài Thần. Đặc biệt là đất, nước đều thuộc Long Vương chủ quản, nếu như Long Vương vui mừng, thì sẽ ban cho người cầu nguyện hết thảy tất cả tiền của giàu có, Phước Đức, Công Đức....

Cúng dường Long Vương có rất nhiều công đức lợi ích như:

1. Chẳng dễ có tai hại tự nhiên như động đất, hồng thủy, hạn hán....
2. Thường ban cho trái đất sự tươi nhuận, khiến cho ngũ cốc, rau quả được mùa.
3. Được Phước Đức, sống lâu, tăng trưởng tiền của giàu có.
4. Cầu có con thì dễ nhận được con nối dõi.
5. Tất cả khẩn cầu đều mãn nguyện.

Trong các Tôn Long Vương, thì năm vị Đại Long Vương và tám vị Đại Long Vương rất là nổi tiếng.

Năm vị Đại Long Vương lại xưng là năm loại Long Vương, phân biệt là: **Thiện Trụ Long Vương** (Tên Phạn là: Susamsthita-nàgà-ràjà), **Nan Đà Ba Nan Đà Long Vương** (Tên Phạn là: Nandopananda-nàgà-ràjà), **A Nậu Đạt Long Vương** (Tên Phạn là: Anavatapta-nàgà-ràjà), **Bà Lô Na Long Vương** (Tên Phạn là: (Varuṇa-nàgà-ràjà), **Ma Na Tô Bà Đế Long Vương** (Tên Phạn là: Manasvi-nàgà-ràjà).

Năm vị Đại Long Vương này y theo thứ tự là chủ của tất cả Tượng Long (Voi Rồng), Xà Long (Rắn Rồng), Mã Long (Ngựa Rồng), Ngư Long (Cá Rồng)

và Hà Tầm Long (Tôm Rồng). Do sức uy thần quy y nơi Đức Phật Đà hay phụng hành Pháp của Đại Thừa, tinh tiến tu hành, ràng buộc quyền thuộc, không được đối với chúng sinh gây ra các loại việc quấy rối làm hại.

Bát Đại Long Vương là chỉ tám vị Long Vương, chính là liệt vào Hộ Pháp Thiện Thần trên tòa Pháp Hội trong **Kinh Pháp Hoa**. Tám vị Long Vương này tức là:

1. **Nan Đà Long Vương** (Tên Phạn là: Nanda), dịch ý là Hoan Hỷ Long Vương, chính là vị đứng đầu (Thượng Thủ) của Hộ Pháp Long Thần.

2. **Ô Ba Nan Đà Long Vương** (Tên Phạn là: Upananda), dịch ý là Hiền Hỷ Long Vương, lại xưng là Ưu Ba Nan Đà Long Vương, cùng với Nan Đà Long Vương là anh em.

3. **Bà Già La Long Vương** (Tên Phạn là: Sàgara), dịch ý là Hải Long Vương, lại xưng là Sa Kiệt La Long Vương, là Bản Tôn của Pháp cầu mưa từ xưa đến nay cũng là một trong 28 Bộ Chúng của Quán Âm.

4. **Hòa Tu Cát Long Vương** (Tên Phạn là: Vasuki), dịch ý là Bảo Hữu Long Vương, Bảo Xứng Long Vương, Đa Đầu Long Vương, Cửu Đầu Long Vương, lại xưng là Bà Tu Thụ Long Vương, Phiệt Tô Chỉ Long Vương. Hay quấn quanh núi cao màu nhiệm (diệu cao sơn) và dùng con Rồng nhỏ làm thức ăn.

5. **Đức Xoa Già Long Vương** (Tên Phạn là: Takṣaka), dịch ý là Đa Thiệt Long Vương, Lưỡng Thiệt Long Vương, Thị Độc Long Vương, Hiện Độc Long Vương, hay làm tổn hại Long Vương. Dùng sự nhìn giận dữ tức có thể khiến cho Người, Súc Vật lập tức chết đi.

6. **A Na Bà Đạt Đa Long Vương** (Tên Phạn là: Anavatapta), dịch ý là Vô Nhiệt Nảo Long Vương, lại xưng là A Nậu Đạt Long Vương, trú ở ao A Nậu Đạt trên đỉnh núi Tuyết.

7. **Ma Na Tư Long Vương** (Tên Phạn là: Manasvin), dịch ý là Đại Ý Long Vương, Cao Ý Long Vương, Từ Tâm Long Vương, Đại Lực Long Vương, Đại Thân Long Vương, lại xưng là Ma Na Tô Bà Đế Long Vương.

8. **Ưu Bà La Long Vương** (Tên Phạn là: Utpalaka), dịch ý là Thanh Liên Long Vương. Bởi vì ở ao Hoa Sen xanh mà được tên này.

Quyển trung **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh** lại nêu rõ Đức Phật Thế Tôn Long Vương dưới đây, cho đến tên gọi của 160 loại Long Vương khác thuộc nhóm Long Vương nhỏ. Và lại nói những Long Vương này đều có đầy đủ Phước Đức, nếu như hay xưng niệm tên của Ngài, thì hay nhận được lợi ích rộng lớn. Những Long Vương này ở trên trái đất, có khi phát ra chấn động, có lúc phóng ra ánh sáng hoặc tuôn mưa dầm, khiến cho ruộng lúa chín đầy.

Trong **Đại Vân Luân Thỉnh Vũ Kinh** cũng đề cập đến Nạn Na Long Vương, chính là Long Vương của nhóm **Vĩ Yết Tra** và nói những Long Vương này mỗi Ngài đều có Đà La Ni, hay ban cho tất cả chúng sinh sự an vui, ở Thiệm Bộ Châu y theo thời tiết giáng xuống mưa dầm, khiến cho tất cả cây trồng, rừng cây, thảo dược, ruộng lúa đều tăng trưởng.

Chân Ngôn là:

ॐ(1) मम नृ बृ हं न(2) श्री(3) श्री(4) हूं(5)

(1) OM (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) ASANIYE (?SANIYE)
(4) SVĀHĀ.

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) mê già (4) thiết nính
duệ (5) sa phộc hạ.

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Mây (4) Ăn (5) Thành
Tự.

CA LÂU LA

Đức Đặc Biệt

Tu Pháp này có thể được lợi ích ở thời Mật Pháp, bệnh tật nhanh chóng linh nghiệm, được Công Đức của tất cả Bảo Diểu Vương Tâm Thành Bảo Châu, hành nhân được báu ở Cung Rồng, được Cam Lộ ở trên Trời, được Tài Bảo, giáng mưa tuyết, Long Vương đến....

Ca Lô La (Tên Phạn là: Garuḍa), lại xưng là **Kim Xí Điểu** (Suparna, Tô Bát Thích Ni), **Diệu Xí Điểu, Thực Thổ Bi Khổ Thanh....** Ca Lô La vốn là một loài chim to lớn có tính cách mãnh liệt trong thần thoại Ấn Độ, tương truyền là con vật ngời cõi của Tỳ Thập Nô Thiên Thần ở Ấn Độ. Là một trong tám Bộ Chúng Trời, Rồng của Phật Giáo.



Trong Pháp Tu của Mật Giáo, dùng Ca Lô La Vương (Kim Xí Điểu) làm Bản Tôn, là Bí Pháp Tu để trừ bệnh hoạn, ngừng mưa gió, tránh sét dữ. Y theo **Ca Lô La** và **Chư Thiên Mật Ngôn Kinh** ghi chép, phạm trì Pháp Môn này, trên Trời dưới Trời đều hay vượt qua, không chỉ mọi người oán địch và Quỷ Thần chẳng dám gần, lại là bậc Tối Thắng trong các Pháp thành tựu Tất Địa.

Căn cứ trong **Giác Thiên Sao CA Lô La Pháp Chư Quỹ** ghi chép, Tu Pháp này có thể được lợi ích ở thời Mật Pháp, bệnh tật nhanh chóng linh nghiệm, được Công Đức của tất cả **Bảo Diểu Vương Tâm Thành Bảo Châu**, hành nhân được báu ở cung Rồng, được Cam Lộ ở trên Trời, được Tài Bảo, giáng mưa tuyết, Long Vương đến, trừ nạn rắn cắn, dẹp tan quân trận, điều phục oan gia, Pháp kính yêu (kính ái pháp), trừ bệnh, kêu gọi người ở xa, triệu các loài Cá....

Các Kinh Điển trong Phật Giáo đều có ghi chép tên của loài Chim này, **Trường A Hàm Kinh**, quyển 19 nêu rõ : “*Có bốn loại Kim Xí Điểu có từ trứng sinh, từ thai sinh, từ ẩm ướt sinh, từ hóa sinh. Kim Xí Điểu từ trứng sinh có thể ăn Rồng từ trứng sinh. Kim Xí Điểu từ thai sinh có thể ăn Rồng từ thai sinh, từ*

trùng sinh. Kim Xí Diệu từ ẩm ướt sinh có thể ăn Rồng từ ẩm ướt sinh, từ trùng sinh, từ thai sinh. Kim Xí Diệu từ hóa sinh có thể ăn Rồng từ hóa sinh và các loại khác”.

Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, quyển một ghi chép, loài Chim này dùng nghiệp báu cho nên được các gió, nếu vào mắt người thì người ấy mất ánh sáng

Trong các Kinh Điển Đại Thừa, loài Chim này thuộc một trong tám Đại Bộ Chúng, cùng với Trời, Rồng, A Tu La.... cùng ngồi với nhau dưới Tòa nghe Đức Phật nói Pháp.

Quyển 150 **Bạch Bảo Khẩu Sao**, Pháp Kim Xí Diệu nói, nếu muốn tu Pháp Tăng Ích của Ca Lô La, nên như Pháp sau đây đã nói: “A Vĩ Xa Pháp nói rằng: xoa lên một cái đàn nhỏ, đặt Hương Hoa, thức ăn uống, tụng Chân Ngôn 108 biến, thì hiện thân, ắt nói lấy thuốc sống lâu, viên ngọc báu Như Ý trong cung Rồng.

Phẩm Diệu Vương nói rằng: “Cánh chim công làm Hộ Ma thì đầy đủ Tài Bảo. Lại nói, nếu cầu vàng nên đốt lông cánh của con chim”.

Y theo sự ghi chép của Phật Điển thì đôi cánh của Ca Lô La là do mọi báu đan kết nhau mà thành cho nên lại xưng là Kim Xí Diệu hoặc Diệu Xí Diệu. Loài chim này có thân hình rất lớn, khi giương mở hai cánh rộng đến ngàn dặm, thậm chí đến vài trăm vạn dặm.

Trong **Kinh Luật Dị Tướng**, quyển 49 nói: “Gió được quạt ra từ cánh chim này, nếu vào mắt người thì người đó bị mất ánh sáng (bị mù)”.

Bồ Tát tòng Đâu Thuật Thiên Giáng Thần Mẫu Thai Thuyết Quảng Phổ Kinh, quyển 7 lại ghi chép rằng: “ Kim Xí Diệu Vương có thân dài tám ngàn do tuần, cánh bên trái bên phải mỗi bên dài bốn ngàn do tuần. Nhưng vẽ Tượng của loài chim này, phần nhiều là mô phỏng bắt các loài Rồng để làm thức ăn”.

Chữ Chủng Tử là: 𑖀 (Ga)

Tam Muội Gia Hình là: Nhạc khí.

Tay Ấn là: Ca Lô La Ấn.

Chân Ngôn là:

{ Tâm Chân Ngôn }

(1) Ấn (2) chỉ tất ba (3) sa phộc hạ.

𑖀(1) 𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀𑖀(3)

(1) OM (2) KṢIPA (3) SVÀHÀ.

(1) Quy Mạng (2) đánh nhau (3) Thành TỰ.

03/08/2010

MỤC LỤC

1_ Lời nói đầu	Tr.01
2_ Thiên thứ nhất: Tài Bảo Trong Phật Pháp	Tr.03
_ Chương thứ nhất: Thân Phật tượng trưng cho Phước Đức viên mãn ..	Tr.03
_ Chương thứ hai: Tài Bảo tự tại của Hành Giả Bồ Tát	Tr.05
_ Chương thứ ba: Bản Tôn Tài Bảo của phước đức vô biên	Tr.08
.) Các Tôn Bảo Bộ của Kim Cương Giới	Tr.10
.) Nhanh chóng viên mãn Pháp Hộ Ma của Mật Giáo	Tr.11
_ Chương thứ tư: Vật báu thường thấy trong Kinh Phật	Tr.13
3_ Thiên thứ hai: Bản Tôn Tài Bảo của Phật Giáo	Tr.27
_ Đức Phật Bảo Sinh	Tr.27
_ Đức Phật Bất Không Thành Tựu	Tr.48
_ Đức Phật Đa Bảo	Tr.52
_ Đức Phật Bảo Tích	Tr.55
_ Đức Phật Bảo Tràng	Tr.56
_ Tôn Thắng Phật Mẫu	Tr.58
_ Phật Nhân Phật Mẫu	Tr.62
_ Hư Không Tạng Bồ Tát	Tr.67
_ Địa Tạng Bồ Tát	Tr.75
_ Di Lặc Bồ Tát	Tr.83
_ Như Ý Luân Quán Âm	Tr.89
_ Thiên Thủ Quán Âm	Tr.92
_ Trì Cái Chưởng Bồ Tát	Tr.97
_ Chuẩn Đề Quán Âm	Tr.99
_ Phong Tài Bồ Tát	Tr.102
_ Bảo Thủ Bồ Tát	Tr.104
_ Bảo Quan Bồ Tát	Tr.105
_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát	Tr.107
_ Trì Thế Bồ Tát	Tr.111
_ Liên Sư Tài Thần	Tr.116
_ Lục Độ Mẫu	Tr.119
_ Như Ý Độ Mẫu	Tr.122
_ Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu	Tr.123
_ Bảo Nguyên Độ Mẫu	Tr.124
_ Tài Bảo Thiên Mẫu	Tr.125
_ Tài Nguyên Thiên Mẫu	Tr.126

_ Hoàng Sắc Tài Tục Mẫu	Tr.128
_ Trinh Huệ Thiên Mẫu	Tr.129
_ Ái Nhiễm Minh Vương	Tr.132
_ Quân Trà Lợi Minh Vương	Tr.135
4_ Thiên thứ ba: Chư Thiên Hộ Pháp Tài Thần	Tr.139
_ Tứ Đại Thiên Vương	Tr.139
.) Tỳ Sa Môn Thiên Vương	Tr.142
.) Trì Quốc Thiên Vương	Tr.150
.) Tăng Trưởng Thiên Vương	Tr.154
.) Quảng Mục Thiên Vương	Tr.156
_ Cấp Tát Tài Thần	Tr.160
_ Đại Hắc Thiên	Tr.161
_ Bạch Mã Cấp Ca Lạp	Tr.166
_ Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên	Tr.167
_ Địa Thiên	Tr.172
_ Biện Tài Thiên	Tr.174
_ Cát Tường Thiên Nữ	Tr.176
_ Ngũ Tính Tài Thần	Tr.182
.) Hoàng Tài Thần	Tr.185
.) Hồng Tài Thần	Tr.186
.) Bạch Tài Thần	Tr.187
.) Hắc Tài Thần	Tr.188
.) Lục Tài Thần	Tr.190
_ Tam Diện Lục Tỷ Hồng Tài Thần	Tr.191
_ Quỷ Tử Mẫu Thần	Tr.192
_ Long Vương	Tr.195
_ Ca Lô La	Tr.197
5_ Mục lục	Tr.200

PHẬT LỊCH 2554

BẢN TÔN

TÀI THÂN VÀ TÀI BẢO



Biên Dịch : VÕ THANH TÂM